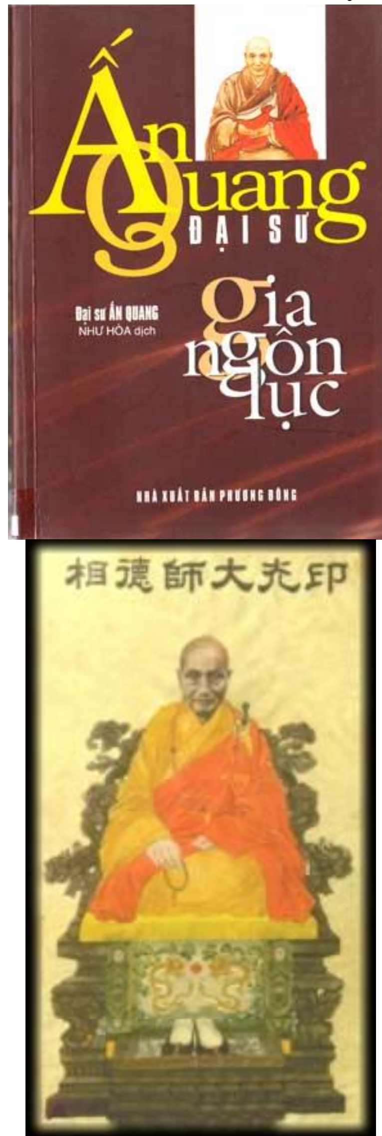
ẤN QUANG ĐẠI SƯ
GIA NGÔN LỤC



(Theo bản in của Phật Quang Viện, thành phố Bản Kiều, Đài Loan, tháng 2 năm 1982)

Cư sĩ Lý Viên Tịnh kết tập, Ấn Quang Đại Sư giám định.

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự - Đệ Tử Như Hòa

---o0o---

Nguồn

http://www.thuvienhoasen.org

Chuyển sang ebook 21-5--2009

Người thực hiện : Nam Thiên – ***namthien@gmail.com***

Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

---o0o---

Mục Lục

---o0o---

LỜI TỰA

Pháp môn Tịnh Độ lý cực cao sâu, sự cực giản dị. Do vậy, người thiên tư thông mẫn, tri kiến cao siêu thường xem Tịnh Độ là pháp tu của bọn ngu phu, ngu phụ, chẳng chịu tu trì. Nào biết đây là pháp môn rốt ráo để mười phương tam thế hết thảy chư Phật, trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh, thành thỉ, thành chung. Họ thấy kẻ ngu phu, ngu phụ tu được pháp này bèn coi thường, sao chẳng xét trong hội Hoa Nghiêm, bậc đã chứng bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, vẫn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc ngõ hầu viên mãn Phật Quả? Miệt thị pháp môn Tịnh Độ chẳng chịu tu là coi những vị trong hội Hoa Nghiêm thuộc hạng người gì? Chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm có đáng nên tôn trọng hay nên coi thường đây?

[Có thái độ như vậy] không có gì khác hơn là do chưa xét kỹ nguyên do của từng pháp môn thông thường và đặc biệt, cũng như tự lực, Phật lực, đại, tiểu, khó, dễ, nên mới đến nỗi như thế. Nếu đã xét kỹ, há chẳng học đòi Hoa Nghiêm Hải Chúng, nhất trí tiến hành cùng cầu vãng sanh ư? Ấn Quang tôi từ lúc búi tóc đọc sách, nhiễm ngay phải cái độc bài Phật của Hàn, Âu,

Trình, Chu, may là không có được cái tài như Hàn, Âu, Trình, Chu. Nếu như có được chút tài như họ, ắt sẽ tự mình lầm, khiến người lầm, thân còn sống mà đã hãm trong địa ngục A Tỳ mất rồi. Từ năm mười bốn, mười lăm tuổi về sau, bệnh nặng nhiều năm. Từ đấy chiêm nghiệm khắp xưa nay, xem kỹ kinh sách, mới hay những thuyết do Hàn, Âu, Trình, Chu lập đó đều là những tri kiến quẩn quanh ngoài cửa ngõ, tuyệt chẳng đạt đến những sự huyền áo trong nhà.

Nhược quan[1] được một năm, tôi liền xuất gia làm Tăng, chuyên tu Tịnh nghiệp. Thề trọn một đời này làm một kẻ tự tu, chẳng lập môn đình, rộng thâu đồ chúng đến nỗi con cháu đời sau làm Phật pháp bại hoại, kéo cả Ấn Quang tôi vào trong địa ngục A Tỳ chịu khổ với chúng. Đến năm Quang Tự 19 (Quý Tỵ - 1893), hòa thượng Hóa Văn chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà Sơn lên kinh đô thỉnh Đại Tạng Kinh, nhờ tôi coi sóc việc ấn loát. Xong việc, Hòa Thượng mời tôi cùng về núi. Biết tôi chẳng thích tham gia Tăng sự, Ngài cho tôi ở riêng một liêu, tùy ý tu trì. Đến nay đã hơn ba mươi lăm năm rồi. Ở núi lâu ngày, có việc phải dùng đến bút mực viết lách, tuyệt chẳng dùng đến tên gọi Ấn Quang. Ngay cả những văn tự cần phải ký tên, cũng chỉ tùy tiện viết hai chữ là xong. Vì thế trong hai mươi năm qua, không có người khách nào đến thăm, cũng không có thư từ qua lại làm phiền.

Năm đầu Dân Quốc (1911), cư sĩ Cao Hạc Niên đem mấy thiên văn cảo đăng trên Phật Học Tùng Báo, chẳng dám dùng tên Ấn Quang, mà dùng tên Ấn Quang thường tự xưng là Thường Tàm Quý Tăng. Vì thế, ký tên là Thường Tàm. Cư sĩ Từ Uất Như và Châu Mạnh Do tưởng lầm là Kiến Thường, nghe nói [lầm như vậy] cả ba bốn năm chẳng hề biết. Sau Mạnh Do lên núi bái yết, xin quy y, đem mấy thiên bản cảo tệ hại gởi cho Uất Như, đưa in ở kinh đô, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao khiến cho văn tôi gai mắt khắp mọi người cao nhã nên càng thêm hổ thẹn.

Năm Dân Quốc thứ bảy, thứ tám (1918-1919), họ lại lôi ra thêm mấy thiên nữa, soạn thành sách Tục Biên, in chung với cuốn Sơ Biên. Năm Dân Quốc thứ chín, giao cho Thượng Hải Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ thành hai cuốn để làm bản lưu. Mùa Xuân năm Dân Quốc thứ 10, sách in xong. Quang tôi lại qua Dương Châu, đem bản sắp chữ năm Dân Quốc thứ 9 khắc thành một bản, chia làm bốn cuốn. Năm Dân Quốc thứ 11, lại giao cho Thương Vụ Ấn Thư Quán in thành bốn cuốn. Khi ấy, các cư sĩ chỉ yêu cầu in hai vạn bộ, nhưng đến khi Thương Vụ Ấn Thư Quán in xong, gởi ra bán, số ấy vẫn chẳng đủ!

Mùa Đông năm Dân Quốc thứ 14 (1925), lại giao cho Trung Hoa Thư Cục in bản tăng quảng (bản mở rộng – do thêm vào những bài mới), cũng chia thành bốn cuốn, dày hơn lần in trước một trăm tờ. Mùa Hạ năm nay in sách, do phong trào công nhân đấu tranh, giá in rất cao, chỉ in được hai ngàn bản.

Bản gốc đã đem đánh máy ra thành bốn bản sao thì nhà in giữ lại hai bản, trả về cho Quang hai bản. Tôi bèn giao cho Hàng Châu Chiết Giang Ấn Loát Công Ty in trước một vạn bản, sau đó sẽ in tiếp.

Một nhân duyên tình cờ nữa là cư sĩ Viên Tịnh Lý Vinh Tường trong mấy năm qua, chuyên tâm học Phật, đối với luận Khởi Tín, kinh Lăng Nghiêm, kinh Viên Giác đều viết sớ giải. Quang bảo: "Người thanh niên nên thiết thực dụng công niệm Phật trước đã, đến khi nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước dày rồi sẽ lại phát huy, tự có thể xiển minh Phật ý truyền khắp vũ trụ". Khi ấy, ông Lý chẳng chịu là đúng. Sau vì dụng tâm quá độ, tinh thần, thân thể mỗi ngày một suy, mới hay lời tôi nói chẳng sai.

Ông bèn đọc kỹ Văn Sao, hoan hỷ khôn xiết nên trích lục những nghĩa trọng yếu, chia thành từng môn, từng loại, soạn thành một cuốn, tính dùng giấy in báo in một ngàn cuốn để đáp ứng nhu cầu cần đọc ngay của độc giả. Tháng Năm, ông đến thưa chuyện cùng Quang, rồi cùng vợ thọ quy y. Tháng Tám sách in ra, chẳng lâu sau sách được thỉnh hết. Thư yêu cầu nườm nượp gởi tới, tôi bèn bảo giám ngục Tào Hà Kinh sắp đặt việc in sách. Cư sĩ Trần Địch Châu xin đảm nhiệm việc trình bày, cũng như chịu phí tổn đánh máy bốn bản sao. Ông lại chịu tiền in hai ngàn bản, một lúc bỏ ra gần hai vạn.

Với xuất xứ của mỗi câu trong bản này, thuộc quyển nào, trang nào, ông Lý đều ghi kỹ để người đọc có thể đối chiếu với quyển Văn Sao. Do chỉ chép lấy những nghĩa trọng yếu trong các bài văn, xếp vào một loại nên trong mỗi thể loại, ý nghĩa [từng đoạn trích] khá giống nhau, nhưng tôi chẳng lược bớt đi, ngõ hầu người đọc được khuyên đi, khuyên lại nhiều lần sẽ đoạn ngay được lòng nghi, phát sanh lòng tin. Xuất xứ từ quyển nào, trang số mấy đều dựa theo cách đánh số trong bản Tăng Quảng Văn Sao để làm bản lưu thông vĩnh viễn, sau này không phải in lại nữa.

Lại vì Văn Sao ý nhiều, nghĩa lắm, có lẽ kẻ sơ cơ khó lòng phân biệt, hiểu rõ dễ dàng được, nên tôi thuận theo cơ nghi, muốn cho họ trước hết thấy được những điều trọng yếu của pháp môn, từ đấy sẽ thiết thực tấn tu, tự đạt đến chỗ cùng cực, khỏi phải đến nỗi nhìn biển than dài hoặc đến nỗi lui sụt. Nhân đây, chép cả mục lục cuốn Văn Sao Tuyển Độc Biên vào sau mục lục cuốn Gia Ngôn Lục để người chưa từng nghiên cứu Phật học dễ theo dõi. Tôi trình bày duyên do như thế để mong người đọc đều biết rõ.

Nguyện người thấy, người nghe đừng cho lời tôi nói là tầm thường, quê mùa rồi bỏ qua, chỉ toan cầu lấy điều cao thâm, huyền diệu. Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu để mà thôi. Đạo của Như Lai chỉ là Giới - Định - Huệ. Thực hành được việc tầm thường, quê mùa, hành đến cùng cực thì lý cao thâm huyền diệu há còn phải cầu nơi nào khác nữa ư? Nếu không thì chỉ cao thâm huyền diệu nơi đầu môi chót lưỡi, khi sanh tử xảy đến chẳng dùng được mảy may! Xin độc giả hãy lưu tâm!

Mồng Tám tháng Chạp năm Đinh Mão, Dân Quốc 16 (1927), Cổ Tân Thường Tàm Quý Tăng Thích Ấn Quang cẩn soạn.

---o0o---

DUYÊN KHỞI TÁI BẢN CUỐN ẤN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC

Cổ đức nói: *"Pháp chẳng thể phát khởi một mình mà cần phải có nhân duyên"*. Rõ ràng là người có thể hoằng đạo, chứ đạo chẳng thể hoằng người, pháp chẳng tự hoằng, đao chẳng thể tự sát thương, toàn là phải nhờ vào con người hoằng dương, vận dụng. Nay muốn in hơn ngàn cuốn ắt cũng phải có nhân duyên. Vì thế, tôi nay chia ra ba điều duyên khởi để thuật rõ gốc ngọn, ngõ hầu độc giả biết được một đôi điều, sanh ý tưởng khó gặp gỡ, sanh tâm khánh hạnh[2] . Do Văn - Tư - Tu, khởi Tín - Nguyện - Hạnh, nhập Niệm Phật tam muội, ai nấy cùng thấy Di Đà, người người chứng địa vị Bất Thoái. Đấy chính là điều tôi thắp hương cầu khẩn vậy.

Thứ nhất là thực hiện nguyện cũ: nhớ lúc năm Dân Quốc 57 (1968), tôi đến học tại Trung Quốc Phật Giáo Nghiên Cứu Viện, có dịp đọc được trong thư viện cuốn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục, chẳng ngăn nổi vỗ tay, giậm chân, hớn hở vô lượng, nhận thấy đây là một tác phẩm ngàn đời khó thấy, ngàn kiếp khó gặp, chẳng gieo trồng cội đức dễ đâu được gặp mà nay được gặp gỡ. Tôi bèn hạ quyết tâm đọc một mạch, không dưới mấy mươi lần, ngộ được chẳng ít Phật lý. Trong tác phẩm này có rất nhiều đạo lý tôi chưa từng bao giờ biết đến, và có cảm giác phải nghiền ngẫm phi thường. Tôi nhận ra hết thảy những Phật pháp được nhắc đến trong Văn Sao đều là những của báu có sẵn trong nhà mình, chẳng đến từ bên ngoài, khác nào đếm của gia bảo, với tay liền được.

Nhân đó, tôi đọc đi đọc lại những kinh điển, luận tạng được nhắc đến trong Văn Sao như ba kinh Tịnh Độ, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Long Thư Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trực Chỉ, Liên Tông Bảo Giám, Niệm Phật Luận, Tịnh Nghiệp Chỉ Nam v.v... Trong mỗi một cuốn ấy, câu câu đều là lời vàng, chữ chữ đều quy tông. Tu theo đó thì đều do hữu niệm chứng nhập vô niệm, chuyển nhiễm niệm thành tịnh niệm, tự chứng tối thượng thừa *"tâm này làm Phật, tâm này là Phật"*.

Trong cuốn Gia Ngôn Lục, đại sư Ấn Quang đã giãi bày trọn vẹn lẽ sai biệt giữa Tự Lực và Phật Lực, giới hạn của Thiền tông và Tịnh tông, phân tích rõ ràng, khiến kẻ sơ học đoạn nghi sanh tín, biết nên lấy bỏ những gì, càng vào

càng sâu. Tu theo đó, ngàn người tu, ngàn người được vãng sanh, vạn người tu vạn người vãng sanh.

Nhất là chữ "Tử" (chết) do đích thân đại sư Ấn Quang viết chính là diệu dược vô thượng để tiêu phiền não, trừ khử vọng niệm. Mọi loài chúng sanh dựa vào chữ Tử ấy, nghĩ đến địa ngục, phát tâm Bồ Đề, dùng tín nguyện sâu xa trì danh hiệu Phật, lâm chung gặp Phật, vãng sanh Tây Phương chẳng biết là bao nhiêu. Bởi thế, ngay khi ấy, tôi liền phát nguyện rằng: "Trong tương lai, ngày nào đó, khi có nhân duyên diễn giảng Phật pháp cho đại chúng, tôi nguyện sẽ đề xướng ấn loát và giảng giải cuốn Gia Ngôn Lục hòng đại chúng hiểu rõ yếu nghĩa tâm này làm Phật, tâm này là Phật, tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ mới thôi!" Đây chính là nhân duyên thứ nhất vậy.

Thứ hai là kinh nghiệm niệm Phật: kể từ khi đọc được Văn Sao Gia Ngôn Lục rồi tôi thường đọc đi, đọc lại, cơ hồ gần chán, nhưng vẫn chưa hiểu hết ý nghĩa. Tiếp đó, đọc hai cuốn Văn Sao thượng hạ, những chỗ chưa hiểu lại đem thỉnh vấn lão sư. Tư duy, thọ trì đôi ba lượt như thế, đem những chữ Tử do Đại Sư viết dán đầy cả phòng, giờ giờ tự kinh hãi, khắc khắc tự răn nhắc mình. Lúc ấy tôi mới mười bảy tuổi, suốt ngày chấp trì danh hiệu, có thể nói là Phật chẳng lìa tâm, tâm chẳng rời Phật. Suốt ngày hiếm mở miệng nói năng một đôi câu. Nếu ai hỏi đến cũng chỉ dùng tay ra hiệu mà thôi. Có lúc thậm chí cả hai ba ngày tôi chẳng mở miệng nói câu nào; bởi thế, những người thường gặp mặt tôi bèn hủy báng: "Đồ bệnh thần kinh, đồ ma dựa". Tôi nghe riết thành quen, chẳng lưu tâm đến nữa, cho rằng đấy là một đại nhân duyên để tiêu diệt tội nghiệp đời trước của mình, khiến cho mình càng thêm dũng mãnh, tinh tấn, chẳng lười nhác.

Dụng công như thế mãi đến khi tôi tốt nghiệp ở Nghiên Cứu Viện vào năm Dân Quốc 59 (1970). Lúc ấy tôi vừa 19 tuổi, thân thể yếu đuối, lắm bệnh, nhưng luôn nhớ kỹ lời Đại Sư khai thị cho hành giả trong Văn Sao: *"Người niệm Phật chẳng sợ sanh bệnh, chỉ sợ chẳng thể thấy Phật, niệm Phật. Khi thân thể trở bệnh thường nghĩ đến cái chết, vạn duyên buông xuống, nhất tâm niệm Phật. Như thế thì nếu tuổi thọ chưa hết sẽ chóng lành bệnh, nếu hết tuổi thọ sẽ mau được vãng sanh. Là do tâm hợp với Phật, tâm hợp với đạo vậy!"* Do đấy, tôi lập công khóa nhất định, trong vòng một ngày, Phật sự phải làm là lễ bái bốn mươi tám nguyện, trì tụng một trăm lẻ tám biến thần chú Đại Bi, niệm Phật hiệu vô số. Dụng công như thế suốt một năm, chẳng những thân thể không khỏe hơn, lại càng thêm hư nhược. Lúc ấy, tôi đang ở chùa Thập Phổ đường Nam Xương tại Đài Bắc.

Khéo sao, có một vị pháp sư tên là Tánh Quán bị ung thư gan đến thời kỳ thứ ba, phải đưa vào bệnh viện. Ít lâu sau, bác sĩ bảo không còn cách nào chữa được, đưa sang thiền đường chùa Lâm Tế chờ chết. Mấy ngày sau, sư thượng thổ hạ tả[3], ói ra toàn là máu, được ít lâu thì chết. Khi đó, tôi mới chỉ

20 tuổi, thân thể hư nhược đến cùng cực, thân như cây khô, tinh thần yếu đuối. Người trong chùa thấy tình cảnh ấy, không ít người bảo tôi: "Tôi xem thầy chẳng mấy chốc cũng giống như pháp sư Tánh Quán, nhất định phải chết thôi!" Hoặc bảo: "Tôi xem thầy chẳng sống được bao lâu nữa!" Lúc ấy đúng là đạo cao một thước, ma cao một trượng. Vừa phát tâm dụng công thì ma chướng càng nhiều. Nghe toàn những lời nói như vậy, vạn phần hoảng sợ, chẳng sao diễn tả nổi.
Sau cùng bất đắc dĩ chẳng biết làm sao, suốt ngày chỉ nghe băng xướng niệm thánh hiệu A Di Đà Phật của pháp sư Sám Vân mà niệm theo, nhất tâm đợi Phật tiếp dẫn vãng sanh. Suốt một năm như thế, chẳng những chưa vãng sanh mà tình cờ sao, trong một lần đang niệm Phật, niệm đến mức tâm không cảnh vắng, tâm tịnh Phật hiện, đích thân thể hội mùi vị "niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm".
Từ đó, thân thể của tôi ngày càng khang kiện, máy cassette tặng cho người khác, đem hết thảy tiền bạc mình dành dụm hoặc đồ cúng dường của tín đồ, mỗi mỗi đều dùng làm phương tiện khuyên người khác niệm Phật, phỏng theo cách của Liên Tông Tứ Tổ Pháp Chiếu Đại Sư và Ngũ Tổ Thiếu Khang Đại Sư, xin tiền đem cho trẻ, dụ chúng niệm Phật, hoặc mua tự điển, bút chì tặng cho trường tiểu học, hoặc mua bút máy, sổ nhật ký tặng cho học trò bậc cao trung trở lên. Trước hết, dạy chúng lễ Phật, niệm Phật, rồi mới tặng cho chúng thứ này, thứ nọ. Trong vòng khoảng một cây số, không có trẻ nhỏ nào chưa từng nhận lãnh sự giáo hóa, bố thí của tôi. Ai nấy thấy tôi đều kêu lên: "Tiểu sư phụ! A Di Đà Phật!" Sau hơn một năm như thế, lớn nhỏ đều biết niệm Phật.
Một hôm, tôi nhận được công văn kêu đi nhập ngũ[4] , ngày trình diện là mồng Một tháng Năm năm Dân Quốc sáu mươi ba (1974), trong lòng thầm nghĩ: "Lần này đi quân dịch, chuyện sanh tử khó lòng đảm bảo, vạn nhất chết trận thì biết làm sao, chẳng bằng lúc còn sống phải dự bị ổn thỏa mới nên!" Nhân đó, bèn đem bộ Tịnh Độ Tùng Thư 20 quyển mới mua chưa lâu (lúc ấy, còn đang trong thời kỳ ấn hành, chưa in xong toàn bộ) tặng cho Truyền Đạo học trưởng, đem các tự điển Từ Hải và Khang Hy tặng cho pháp sư Minh Quảng. Cố lão sư có tặng cho tôi một bản Thánh Giáo Tự của Vương Hy Chi, mang từ Đại Lục qua, thật là của báu vô giá, tôi cũng tặng luôn cho bạn đồng học là Ngộ Khiết. Áo hải thanh và y ca sa tặng luôn cho bạn đồng học là Ngộ Quán. Còn thì đồ đạc trong ngoài, dù lớn hay nhỏ đều tặng hết cho đại chúng, chỉ còn mỗi một cái túi da xấu xí là chưa tặng ai cả. Lòng nghĩ nếu như trong quân đội, vạn nhất mình may mắn bỏ xác cũng là nguyện vọng của mình đã thành đạt. Vì sao vậy? Vì tôi đã sớm chuẩn bị, nhớ kinh Địa Tạng có dạy: "Hết thảy công đức đã làm khi còn sống, đều thọ được hết cả. Nhưng chết đi, làm hết thảy công đức thì bảy phần chỉ được

hưởng một phần”. Cho nên những điều mình có thể làm được trong khả năng của mình thì đều làm hết.

Vì thế, một hai ngày trước khi nhập ngũ, tôi đem số tiền tín đồ cúng dường là bảy ngàn đồng, chia thành ba phần: Một phần là năm ngàn đồng tặng cho công trình xây dựng Tịnh Giác Dục Ấu Viện (viện nuôi trẻ Tịnh Giác). Một phần là sáu trăm đồng cúng dường cho huynh đệ đồng tu. Còn tự mình chỉ mang 1.400 đồng đi nhập ngũ mà thôi.

Sau đấy, suốt ba tháng tại trung tâm huấn luyện, chịu cam khổ như mọi người. Có tháng, tiền chỉ còn ba trăm năm mươi đồng, lại cần phải mua thức ăn chay. Lúc ấy mới hay tiền chẳng đủ dùng, tiền là trọng yếu. Xong hai năm quân dịch, chẳng những không chết, thân thể còn càng thêm cường tráng, khang kiện. Thế mới biết công đức Niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn. Hiện tại tôi đã giải ngũ hơn năm năm rồi, phải làm lại hết thảy từ đầu. Muốn mua kinh sách gì, hoặc là thành lập đạo tràng và những thứ cần dùng hằng ngày đều hoàn toàn cậy vào sự nỗ lực của chính mình. Do đó, đến nay đã ba mươi tuổi đầu rồi mới bắt đầu xây dựng đạo tràng, ngoài việc giảng kinh, thuyết pháp, chẳng quên đề xướng ấn loát bộ Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục. Đấy là nhân duyên thứ hai.

Thứ ba chính là để kết duyên lành. Kinh dạy: *“Lúc chưa thành Phật nên rộng kết nhân duyên”*. Kinh còn dạy: *“Phật đạo kiến lập trên thân chúng sanh. Nếu không có chúng sanh nào để độ thì chư Phật chẳng thể thành Chánh Giác”*. Bởi thế, sau khi giải ngũ, tôi liền đối trước Phật phát nguyện: “Phàm là ai có lòng muốn học Phật pháp thì nghĩa vụ của con là phải dạy dỗ họ cho đến khi họ học hiểu mới thôi!”

Tiếp đó, duyên khởi in cuốn Gia Ngôn Lục là do cư sĩ Kim Bích Hoa và cư sĩ Ngô Cẩm Hoàng giới thiệu nên tôi được quen biết cư sĩ Khưu Bính Lân và vợ là cư sĩ Khưu Ngô Sắc. Họ nói trước đây đã từng học hiểu cuốn Tứ Kinh Hợp Đính Bổn, hiện tại muốn học Tam Muội Thủy Sám, xin tôi phát tâm giảng dạy cho họ. Tôi liền đáp: “Được”. Lúc đó Ngô cư sĩ và tín đồ của họ đang có mặt đều phát tâm muốn học, muốn đến chùa tôi, xin tôi mỗi một tuần chọn một ngày nhất định đến chỗ họ giảng dạy. Tôi nói: “Trước mắt, Phật Quang Viện chưa lạc thành, dự định ngày 19 tháng Sáu năm nay, đúng ngày thành đạo của Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ làm lễ khai quang thánh tượng (khéo sao, ngày ấy lại đúng vào Chủ Nhật). Hiện tại trong Phật Tổ Hội đang tích cực quyên góp. Hội này do hai vị cư sĩ Kim Bích Hoa và Ngô Bảo Ngọc cùng phát khởi. Một hội chọn ra tên hai người, lần lượt chia phiên nhau xuất ra năm trăm đồng trong một tháng nào đó, định hạn là hai mươi tháng, cho đủ một vạn đồng. Trong ấy có người thanh toán trong một lần, có người chia ra hai lần đóng góp tùy sức mỗi người (mục đích là đại chúng

hóa, phổ biến hóa, để người hữu duyên có cơ hội tham dự công đức đúc kim thân Phật)".

Khưu cư sĩ nghe xong liền phát nguyện đúc tượng Tây Phương Tam Thánh, ngoài ra thì tham gia một hội hoặc hai hội khác nhau. Kinh nói: *"Lục độ vạn hạnh, bố thí làm đầu, trong các nhiệm vụ cấp bách của việc phát tâm thì hỷ xả là bậc nhất"*. Chúa trời Đao Lợi xưa làm cư sĩ, trông thấy tượng Phật bị hư nát không chịu nổi, bèn phát tâm rủ rê bè bạn ba mươi hai người, tạo kim thân Phật. Do nhân duyên ấy, sau khi mạng chung, sanh làm Đế Thích Thiên Chúa, tục gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế. Ba mươi hai người kia mỗi người làm chúa một cõi trời, thống trị nhân dân trong nước mình, phước đức, trí huệ vô lượng, được người đời lễ bái.

Bởi vậy, kính mong chư vị đại đức đều sanh lòng hoan hỷ hớn hở, phát lòng tùy hỷ, xuất tiền, xuất lực, tam luân không tịch[5] , vô trụ sanh tâm, công đức vô lượng. Hiện tại muốn ấn loát hơn một ngàn cuốn Gia Ngôn Lục, riêng Khưu cư sĩ đã phát tâm xin in một ngàn cuốn. Đem công đức này hồi hướng pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ. Đấy là nhân duyên thứ ba.

Ba điều duyên khởi vừa lược thuật trên đây đều nói đúng theo sự thực, chứ chẳng phải là lời thêu dệt, cốt để bày tỏ những điều ấp ủ trong lòng tôi, nhằm nói lên nguyện lực Phật Di Đà rộng sâu, công đức niệm Phật thù thắng, đọc Văn Sao lợi ích vô tận. Chỉ nguyện bậc trưởng bối xem đến, phát lòng từ bi chỉ dạy, người ngang hàng nghe đến, sanh ý niệm tham khảo, tùy hỷ. Kẻ vãn bối biết đến sẽ sanh lòng hỗ trợ, tăng trưởng pháp. Từ một truyền mười, mười truyền trăm, trăm truyền ngàn, ngàn truyền vạn, cha mẹ dạy bảo con cái, thầy dạy trò, quan trên dạy bảo cấp dưới, từ gần lan ra xa, phổ độ hữu tình, chỉ mong mình lẫn người cùng dự trong Liên Trì Hải Hội, chúng u minh cùng nhập Di Đà Nguyện Hải, đều thành Chánh Giác, cùng hóa độ chúng sanh.

Con chỉ mong mười phương Tam Bảo, hộ pháp long thiên cùng xét soi tấm lòng thành khẩn của con đỏ, cùng rủ lòng từ mẫn gia bị. Phổ nguyện thập phương thiện tín, chư vị đại đức, đều sanh tâm từ bi hỷ xả, cùng khởi ý niệm ủng hộ Tam Bảo. Chỉ mong những ai thấy nghe đều phát Bồ Đề tâm, hết một báo thân này, cùng sanh về Cực Lạc. Nếu được như thế thì pháp môn may mắn lắm, chúng sanh may mắn lắm!

Trung Hoa Dân Quốc năm thứ 71 (1982), tháng Giêng âm lịch, tiết Nguyên Tiêu, Bản Kiều Thường Tàm Quý Tăng Thích Ngộ Tông kính soạn

---o0o---

ẤN QUANG PHÁP SƯ GIA NGÔN LỤC

Phần 1

I. TỊNH ĐỘ THÙ THẮNG

* Lớn lao thay! Điều được pháp môn Tịnh Độ chỉ dạy là *“tâm này làm Phật, tâm này là Phật”,* chỉ thẳng tâm người. Nếu vẫn cho là kém kỳ lạ, đặc biệt thì mỗi niệm niệm Phật chính là thành Phật ngay trong niệm ấy. Độ khắp ba căn, thống nhiếp Thiền, Luật, Giáo. Như mưa đúng thời nhuần thấm vạn vật; giống như biển cả dung nạp trăm sông.

Hết thảy pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, không pháp nào chẳng phát xuất từ pháp giới này. Hết thảy hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thiệt, không hạnh nào chẳng quy về nơi pháp giới này. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp, liền được dự vào hàng Bổ Xứ, viên mãn Bồ Đề ngay trong một đời này. Chúng sanh trong cửu giới lìa môn này thì trên là chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới là chẳng thể lợi khắp quần manh. Bởi đó, trọn Hoa Nghiêm hải chúng cùng tuân theo mười đại nguyện vương; Pháp Hoa vừa xưng một tiếng liền chứng Thật Tướng các pháp.

[Tịnh Độ là] hạnh phương tiện tối thắng nên trong luận Khởi Tín, ngài Mã Minh bảo là dễ hành mau đến; ngài Long Thọ xiển dương pháp này trong luận Tỳ Bà Sa. Hậu thân của đức Thích Ca là ngài Trí Giả nói ra Thập Nghi Luận chuyên chí Tây Phương. Sư Vĩnh Minh là Phật Di Đà thị hiện, soạn Tứ Liệu Giản, chung thân niệm Phật dẫn tam thừa ngũ tánh cùng chứng Chân Thường, đưa thượng thánh hạ phàm cùng lên bờ kia.

Vì thế pháp môn này cả cửu giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi. Ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết. Thật có thể nói là pháp cực đàm của một đời giáo hóa [của Đức Phật], là đại giáo Nhất Thừa vô thượng. Chẳng trồng cội đức thì trải bao kiếp khó gặp được. Đã được thấy nghe phải siêng tu tập.

* Giáo - Lý - Hạnh - Quả là cương tông của Phật pháp. Nhớ Phật, niệm Phật thực là đường tắt để đắc đạo. Thời xưa, cứ tu một pháp thì cả bốn (Giáo - Lý - Hạnh - Quả) đều đủ. Còn đời này nếu bỏ Tịnh Độ thì hoàn toàn chẳng chứng được đạo quả. Ấy là vì cách biệt thánh đã xa, căn tánh con người hèn kém, nếu chẳng cậy vào Phật lực, quyết khó được giải thoát.

Như đã nói: *“Pháp môn Tịnh Độ nhiếp khắp căn cơ thượng, trung, hạ; cao trỗi hơn Luật, Giáo, Thiền Tông, thực là lòng từ bi triệt để của chư Phật, chỉ bày thể tánh sẵn có của chúng sanh, dẫn tam thừa ngũ tánh đồng quy cõi tịnh, đưa thượng thánh hạ phàm cùng chứng Chân Thường. Cửu giới chúng sanh lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần manh”*.

Thế nên, vãng thánh tiền hiền (thánh hiền đời trước) ai nấy đều hướng về. Ngàn kinh vạn luận đâu đâu cũng chỉ quy. Từ sau hội Hoa Nghiêm dẫn khởi quy hướng, các đại Bồ Tát tận khắp mười phương thế giới không vị nào chẳng cầu sanh Tịnh Độ; kể từ khi diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, cuối hết thảy các trước thuật của Tây Thiên, Đông Độ đều quy kết Liên Bang.

* Cổ nhân nói: *"Thân người khó được, trung quốc[6] khó sanh, Phật pháp khó nghe, sanh tử khó xong"*. Chúng ta may mắn được thân người, sanh ở trung quốc, được nghe Phật pháp. Điều bất hạnh là tự thẹn nghiệp chướng sâu nặng, không sức đoạn Hoặc để mau thoát khỏi Tam Giới, liễu sanh thoát tử; nhưng lại may mắn được nghe đức Như Lai ta tâm bi triệt để nói ra pháp môn Tịnh Độ là pháp đại quyền xảo, phương tiện lạ lùng, khiến hàng phàm phu lè tè sát đất được đới nghiệp vãng sanh, thật không còn gì may mắn hơn nữa! Nếu chẳng phải là từ vô lượng kiếp đến nay đã trồng thiện căn sâu dày, làm sao nghe được pháp chẳng thể nghĩ bàn này? Chẳng nên gấp sanh lòng tin chân thành, phát nguyện cầu sanh ư?

* Trộm nghe Tịnh Độ chính là pháp tỏ bày rốt ráo bổn hoài của Phật, cao vượt hết thảy Thiền - Giáo - Luật, thống nhiếp hết thảy Thiền - Giáo - Luật. Nói gọn thì một lời, một câu, một kệ, một sách đều có thể gồm trọn không còn sót. Nói rộng ra, dù huyền ngôn của Tam Tạng mười hai bộ kinh, diệu nghĩa của chư Tổ năm tông cũng chẳng thể diễn giảng trọn [pháp môn Tịnh Độ này].

Giả sử khắp cả đại địa chúng sanh đều thành Chánh Giác, hiện tướng lưỡi rộng dài, dùng sức thần thông, sức trí huệ, vi trần nói, cõi nước nói, nói hăm hở, nói không gián đoạn, vẫn còn chưa thể tận nổi! Bởi lẽ Tịnh Độ vốn là chẳng thể nghĩ bàn.

Hãy thử nghĩ xem: Hoa Nghiêm đại kinh là vua trong Tam Tạng, trong phẩm cuối cùng quy trọng nơi nguyện vương. Áo điển Pháp Hoa mầu nhiệm đứng đầu các kinh, nghe kinh liền vãng sanh, địa vị ngang với Đẳng Giác. Vậy thì ngàn kinh muôn luận đâu đâu đều chỉ quy Tịnh Độ là có nguyên do vậy.

Văn Thù phát nguyện, Phổ Hiền khuyến khích. Trong hội Đại Tập, đức Như Lai thọ ký rằng: Trong đời Mạt Pháp, không do pháp này chẳng thể đắc độ. Trong luận Tỳ Bà Sa, ngài Long Thọ phán định là pháp dễ hành, mau thoát sanh tử. Thế nên, vãng thánh tiền hiền người người hướng đến, nào phải phí công toi! Thật có thể nói là cả một đời giáo hóa đều chỉ là để đặt cơ sở cho pháp môn Niệm Phật!

Chẳng phải chỉ có thế! Phàm hết thảy cảnh giới đối ứng sáu căn, tức là: núi, sông, đại địa, sáng, tối, sắc, không, thấy, nghe, hay, biết, thanh, hương, vị v.v... không gì chẳng phải là văn tự để phô diễn, xiển dương Tịnh Độ đó sao? Lạnh - nóng đắp đổi, già - bệnh chen nhau, lụt, hạn, chiến tranh, tật

dịch, bạn ma, tà kiến, không gì chẳng phải là để răn nhắc cảnh tỉnh con người mau cầu sanh Tịnh Độ đó ư? Nói rộng ra, há có thể trọn hết được sao? Còn như bảo "một lời đã gộp hết cả" thì lời đó là "Tịnh". Tịnh đến cùng cực thì sáng tỏ, thông suốt. Nếu chưa đạt Diệu Giác, há dễ đảm đương nổi một lời này ư? Nghiên cứu bài tụng Lục Tức Thành Phật[7] thì sẽ biết.

"Một câu" là "Tín, Nguyện, Hạnh". Với Tín - Nguyện - Hạnh thì không Tín chẳng đủ để khởi Nguyện. Không Nguyện thì chẳng đủ để dẫn dắt Hạnh. Không có diệu hạnh Trì Danh thì chẳng đủ để viên mãn điều mình Nguyện, chứng điều mình tin. Hết thảy kinh luận Tịnh Độ đều phát minh ý chỉ này.

"Một kệ" là kệ tán Phật[8]: Nêu chánh báo để gồm thâu y báo, thuật Hóa Chủ để bao gồm đồ chúng; tuy chỉ gồm tám câu nhưng đã nêu trọn đại cương của cả ba kinh Tịnh Độ.

Một cuốn sách là cuốn Tịnh Độ Thập Yếu. Chữ chữ đều là bến cầu[9] cho đời Mạt Pháp. Lời lời đều là gương báu của Liên Tông. Buốt lòng trào lệ, phanh tim vẩy máu, xứng tánh phát huy, chỉ bày cốt tủy. Dù dùng những thí dụ như cứu người chết đuối, cứu người bị lửa cháy vẫn chẳng thể diễn tả lòng thống thiết [của chư Tổ] được. Bỏ qua [sách này] thì chánh tín không do đâu mà sanh được, tà kiến không do đâu mà diệt được!

* Nên biết rằng chúng ta từ vô thỉ đến nay đã tạo ác nghiệp vô lượng, vô biên. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi"*. Lẽ đâu tu trì lơ mơ, hời hợt, lại tiêu nổi được nghiệp ư? Bởi vậy, Thích Ca, Di Đà, giáo chủ hai cõi, đau đáu nghĩ đến chúng sanh không sức đoạn Hoặc, riêng mở ra một pháp môn nương vào từ lực của Phật để đới nghiệp vãng sanh. Lòng hoằng từ đại bi ấy dù trời đất, cha mẹ cũng chẳng thể bằng được một phần Hằng hà sa. Chỉ nên phát lòng thẹn hổ, phát tâm sám hối mới tự có thể được Phật gia bị, nghiệp tiêu, thân an thôi!

* Hòa Thượng Thiện Đạo nói: *"Nếu muốn học về Giải thì hết thảy các pháp từ địa vị phàm phu cho đến địa vị Phật, không pháp nào chẳng nên học. Nếu muốn học về Hạnh, nên chọn lấy một pháp khế lý, khế cơ, chuyên tinh tận sức mới mau chứng được lợi ích chân thật. Nếu không thì từ kiếp này qua kiếp nọ vẫn khó xuất ly!"* Pháp khế lý, khế cơ Ngài nói đó không gì hơn là Tín Nguyện Trì Danh Cầu Sanh Tây Phương!

* Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ gọi là "Tịnh Độ Tam Kinh", chuyên luận về sự lý duyên khởi của Tịnh Độ. Các kinh Đại Thừa khác đều nói kèm về Tịnh Độ. Nhưng kinh Hoa Nghiêm chính là khi đức Như Lai mới thành Chánh Giác, vì bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân Đại Sĩ mà xứng tánh giảng thẳng diệu pháp Nhất Thừa. Cuối kinh, Thiện Tài đi tham học khắp các thiện tri thức. Sau khi chứng ngộ như chư Phật, Thiện Tài đồng tử được Phổ Hiền Bồ Tát giảng cho nghe mười đại

nguyện vương. Ngài dạy Thiện Tài và khắp Hoa Nghiêm hải chúng hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới ngõ hầu được viên mãn Phật Quả.

Trong Quán kinh, phần nói về hạ phẩm hạ sanh, kẻ ngũ nghịch -thập ác đủ các điều bất thiện, lúc lâm chung tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy cho niệm Phật. Kẻ ấy liền vâng lời dạy, xưng niệm Phật danh, chưa đầy mười tiếng liền thấy Hóa Thân Phật đưa tay tiếp dẫn vãng sanh.

Kinh Đại Tập dạy: *"Đời Mạt Pháp ức ức người tu hành, hiếm có một người đắc đạo. Chỉ có nương vào Niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử"*. Do đấy, ta biết rằng pháp niệm Phật là đạo để thượng thánh hạ phàm cùng tu, là pháp dù trí hay ngu đều hành được. Hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít nhưng được hiệu quả nhanh. Do chuyên cậy vào Phật lực nên lợi ích thù thắng, vượt trội những giáo pháp thông thường. Người xưa nói: *"Các môn khác học đạo như kiến bò lên núi cao. Niệm Phật vãng sanh như căng buồm thuận gió, nước xuôi"*, thật rất khéo hình dung vậy!

* Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê trái tự tâm, luân hồi lục đạo, trải bao kiếp dài lâu chưa thể thoát ra. Do vậy, Ngài hưng khởi Vô Duyên Từ, vận lòng bi đồng thể, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi nói rộng các pháp. Nói đại cương, gồm có năm tông. Năm tông gì? Là Luật, là Giáo, là Thiền, là Mật, là Tịnh.

Luật là thân Phật, Giáo là lời Phật, Thiền là tâm Phật. Sở dĩ Phật được gọi là Phật chỉ là do ba pháp này mà thôi. Sở dĩ đức Phật độ sanh cũng chỉ là do ba pháp này. Nếu chúng sanh thật sự có thể nương theo Luật, Giáo, Thiền tu trì thì ba nghiệp của chúng sanh sẽ chuyển thành ba nghiệp của chư Phật. Ba nghiệp đã chuyển thì phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn.

Lại sợ túc nghiệp sâu nặng chẳng thể dễ chuyển nên dùng sức đà-ra-ni tam mật gia trì để un đúc. Hoặc lại sợ rằng căn khí kém cỏi, chưa được giải thoát, phải thọ sanh lần nữa sẽ khó tránh khỏi mê lầm; vì thế đặc biệt mở ra một môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, ngõ hầu dù thánh hay phàm đều cùng vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Bậc thánh thì mau chứng Vô Thượng Bồ Đề, kẻ phàm thì vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử trói buộc. Do dựa vào từ lực của Phật nên công đức, lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Nên biết rằng: Luật là nền tảng của Giáo, Thiền, Tịnh, Mật. Nếu chẳng nghiêm trì giới cấm sẽ chẳng thể đạt được lợi ích chân thật nơi Giáo, Thiền, Tịnh, Mật. Như lầu cao vạn trượng, nếu nền móng chẳng vững thì chưa cất xong đã sụp. Tịnh là chỗ quy túc của Giáo, Thiền, Tịnh, Mật, như trăm sông, vạn dòng đều đổ vào biển cả.

Bởi lẽ, pháp môn Tịnh Độ là pháp môn để mười phương chư Phật trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh, thành thỉ, thành chung. Vì thế trong phẩm

Nhập Pháp Giới kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài được ngài Phổ Hiền gia bị, khai thị, chứng được Đẳng Giác. Đức Phổ Hiền lại khuyên Thiện Tài nên phát mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới ngõ hầu mau viên mãn Phật Quả. Ngài lại dùng pháp này phổ khuyến toàn bộ Hoa Tạng đại chúng [nên tu tập như thế].

Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, phần nói về Hạ Phẩm Hạ Sanh, hạng người ngũ nghịch thập ác, sắp đọa địa ngục A Tỳ, được thiện tri thức dạy cho niệm Phật, niệm mười tiếng hoặc chỉ niệm mấy tiếng là mạng chung, cũng vẫn được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

Xem đó thì trên từ bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể ra khỏi pháp này, dưới đến kẻ tội ngũ nghịch, thập ác cũng có thể chứng nhập pháp này. Công đức, lợi ích của pháp môn đây vượt trỗi hơn [các giáo pháp khác trong] cả một đời giáo hóa của Đức Phật. Bởi lẽ, các giáo pháp khác toàn dạy dùng tự lực để thoát ly sanh tử. Kẻ chưa đoạn Hoặc, nương vào từ lực của Phật liền có thể đới nghiệp vãng sanh. Kẻ đã đoạn Hoặc nếu nương theo từ lực của Phật sẽ chóng chứng được phẩm vị cao.

Vì thế, đây là một pháp môn đặc biệt nhất trong cả một đời giáo hóa của Đức Phật, chẳng thể dùng những giáo pháp thông thường để bàn luận pháp này được! Do đó, các kinh Đại Thừa như kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v..., các đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền...; các đại tổ sư như Long Thọ, Mã Minh... đều hiển thị, xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy, phổ khuyến vãng sanh.

* Đức Di Đà, đức Thích Ca trong những kiếp xưa, phát đại thệ nguyện độ thoát chúng sanh. Vị này thì thị hiện sanh trong uế độ, dùng nhơ, dùng khổ chiết phục, hòng đưa chúng sanh đi. Vị kia thì an cư Tịnh Độ, dùng tịnh, dùng vui nhiếp thọ để lôi kéo, uốn nắn.

Ông chỉ thấy ngu phu, ngu phụ cũng niệm Phật được bèn coi thường Tịnh Độ; sao chẳng thấy trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, sau khi Thiện Tài đã chứng ngộ ngang với chư Phật thì Phổ Hiền Bồ Tát bèn chỉ dạy phát khởi mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hòng viên mãn Phật Quả? Huống hồ Bồ Tát còn đem pháp này khuyên khắp cả Hoa Tạng hải chúng nữa? Hoa Tạng Hải Chúng không một ai là phàm phu, nhị thừa, toàn là Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi mốt địa vị, cùng phá vô minh, cùng chứng pháp tánh, đều có thể do bổn nguyện hiện làm Phật trong thế giới không có Phật.

Hơn nữa, trong biển Hoa Tạng, tịnh độ vô lượng, nhưng ai nấy đều hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đủ biết là vãng sanh Cực Lạc chính là huyền môn để thoát khổ, là đường tắt để thành Phật. Vì thế, từ xưa tới nay, trong tất cả tùng lâm Thiền, Giáo, Luật, không đâu chẳng sớm chiều trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương vậy.

* Hết thảy chúng sanh vốn sẵn có trí huệ, đức tướng Như Lai. Chỉ do mê chân theo vọng, quay lưng với Giác, xuôi theo trần lao, nên toàn thể chuyển thành phiền não, ác nghiệp. Vì thế phải trải bao kiếp dài lâu, luân hồi sanh tử. Như Lai thương xót giảng ra các pháp khiến họ bỏ vọng quy chân, ngoảnh mặt với trần lao, xuôi theo giác ngộ, khiến cho toàn thể phiền não ác nghiệp lại trở thành trí huệ, đức tướng. Từ đây cho đến cùng tột đời vị lai, an trụ trong cõi Thường Tịch Quang. Khác nào nước đóng thành băng, băng lại tan thành nước, thể vốn chẳng khác, nhưng công dụng thực khác nhau một trời một vực.
Nhưng căn cơ chúng sanh có Tiểu, có Đại, mê có cạn, có sâu; Phật tùy thuận cơ nghi của mỗi người khiến ai nấy đều được lợi ích. Pháp môn Ngài nói ra mênh mông như Hằng sa, nhưng cầu lấy pháp chí viên, chí đốn, tối diệu, tối huyền, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh, độ khắp ba căn, thống nhiếp các pháp, thượng thánh hạ phàm cùng chung tu, đại cơ cùng tiểu căn cùng lãnh thọ được thì không gì thù thắng, siêu tuyệt bằng pháp môn Tịnh Độ. Vì sao nói thế?
Hết thảy pháp môn tuy đốn - tiệm khác nhau, quyền - thật đều khác, nhưng đều phải dụng công tu tập sâu xa mới hòng đoạn Hoặc, chứng chân, xuất ly sanh tử, siêu phàm nhập thánh. Đó gọi là cậy vào tự lực, không nương dựa vào điều gì khác cả. Nếu như còn chút Hoặc chưa tận thì vẫn bị luân hồi như cũ. Đấy đều là các pháp phải thấu đạt lý rất sâu, chẳng dễ tu tập. Nếu chẳng phải hạng sẵn có linh căn từ trước, đời này thật khó lòng chứng nhập.
Chỉ có mình pháp môn Tịnh Độ, chẳng luận là phú quý hay bần tiện, già, trẻ, gái, trai, trí, ngu, tăng, tục, sĩ, nông, công, thương, hết thảy hạng người đều tu tập được là do đại bi nguyện lực của đức A Di Đà Phật nhiếp thủ chúng sanh khổ não cõi Sa Bà. Vì thế, so với các pháp môn khác, tu Tịnh Độ đắc quả dễ dàng hơn.
* Một niệm tâm tánh của chúng sanh và một niệm tâm tánh của Phật chẳng hai. Tuy còn mê chưa giác, khởi Hoặc tạo nghiệp, gây đủ các tội, Phật tánh sẵn có vẫn không bị tổn thất. Ví như ma-ni bảo châu vứt nhà xí, sánh cùng phẩn uế trọn chẳng khác gì. Kẻ ngu chẳng biết là báu, coi hệt như phẩn uế. Người trí biết là diệu bảo vô giá, chẳng hiềm ô uế, vào trong nhà xí nhặt lên, dùng đủ mọi cách gột rửa cho sạch. Sau đó, treo lên tràng cao, liền phóng đại quang minh, tùy lòng người muốn gì đều tuôn khắp các thứ báu. Bởi đó kẻ ngu mới biết là quý báu.
Đại Giác Thế Tôn thấy các chúng sanh cũng giống như vậy: do hôn mê, đảo, Hoặc, gây đủ ngũ nghịch, thập ác, vĩnh viễn đọa trong đường ác tam đồ; Phật không hề có tâm niệm vứt bỏ, luôn tìm kiếm cơ duyên, hiển nhiên hoặc ngầm gia bị cho, vì họ thuyết pháp, mong họ giũ sạch Hoặc nghiệp huyễn vọng, ngộ Phật tánh chân thường, mãi cho đến khi viên chứng Vô Thượng

Bồ Đề mới thôi. Đối với kẻ tội tày đình, ác cùng cực cũng vẫn như vậy. Với kẻ tội nghiệp ít, dạy cho tu Giới và Thiện. Với người có sức thiền định sâu, không một ai là chẳng [được Phật hóa độ] như vậy.
Phàm là trong tam giới, người nhiếp được tâm, chế ngự được các phiền hoặc, nhưng còn chấp thân, tình chủng vẫn còn; một khi phước báo hết, sanh xuống cõi dưới, gặp cảnh, đụng duyên, lại khởi Hoặc tạo nghiệp. Do nghiệp cảm khổ, luân hồi lục đạo không lúc nào xong. Vì thế kinh Pháp Hoa bảo: *"Ba cõi không an giống như nhà cháy. Các khổ đầy dẫy, thật đáng sợ hãi"*. Nếu chẳng phải là kẻ nghiệp tận, tình không, đoạn Hoặc chứng chân thì chẳng có hy vọng thoát khỏi tam giới.
Nay chỉ có mỗi pháp môn Tịnh Độ, cốt sao lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, liền có thể nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh liền nhập Phật cảnh giới, thọ dụng như Phật, phàm tình, thánh kiến thứ gì cũng chẳng sanh. Thật là ngàn phần ổn thỏa, vạn phần thích đáng, là pháp môn vạn phần chẳng thể bỏ sót vậy. Nay đang lúc Mạt Pháp, bỏ pháp môn này thì không còn có cách nào khác cả.
* Phật quang chính là trí huệ có sẵn ngay trong tâm của phàm, thánh, chúng sanh và Phật trong mười pháp giới. Tâm ấy thể lộ quang minh chiếu suốt, trạm tịch, thường hằng, bất sanh, bất diệt, vô thỉ, vô chung, theo chiều dọc tột cùng ba đời nhưng ba đời bởi đó mà mất hết, theo chiều ngang trọn khắp mười phương nhưng mười phương bởi đó tiêu sạch. Nếu bảo là Không thì vạn đức cùng hiển bày trọn vẹn. Nếu bảo là Có thì một trần chẳng lập. Chính là hết thảy pháp nhưng lìa hết thảy tướng. Tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng. Dù có ngũ nhãn cũng chẳng thấy được, có tứ biện tài cũng chẳng diễn tả được; nhưng pháp nào cũng phải nương vào sức nó, chỗ nào cũng gặp nó cả.
Nhưng do chúng sanh chưa triệt ngộ nên chẳng những không thọ dụng được, trái lại còn dùng sức chẳng thể nghĩ bàn ấy để khởi Hoặc tạo nghiệp. Do nghiệp cảm khổ đến nỗi sanh tử, luân hồi không lúc nào xong, dùng chân tâm thường trụ để lãnh huyễn báo sanh diệt. Ví như đang say thấy nhà cửa quay cuồng, nhà thật sự chẳng quay; mê bảo là phương vị di chuyển, phương vị thật sự chẳng dời động! Toàn là do vọng nghiệp hóa hiện, trọn không có pháp nào để được cả.
Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn thị hiện thành Phật đạo, lúc Ngài chứng ngộ triệt để Phật quang bèn than: *"Lạ thay! Lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều có đủ Như Lai trí huệ, đức tướng, chỉ do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa được vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí sẽ được hiện tiền"*.
Kinh Lăng Nghiêm chép: *"Diệu tánh viên minh lìa các danh tướng, vốn chẳng có thế giới, chúng sanh. Do vọng mà có sanh, do sanh nên có diệt.*

Sanh diệt gọi là Vọng. Diệt vọng gọi là Chân. Đấy gọi là Như Lai Vô Thượng Bồ Đề hay Đại Niết Bàn, hai danh hiệu sử dụng lẫn nhau".
Ngài Bàn Sơn nói: *"Một mảnh trăng tâm lưỡi liềm, nuốt mất ánh sáng muôn vật. Tâm chẳng chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn. Tâm, cảnh cùng mất, còn là vật gì?"*
Ngài Quy Sơn nói: *"Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi căn - trần. Thể lộ chân thường, chẳng phiền văn tự. Tâm tánh chẳng nhiễm, vốn tự viên thành. Chỉ lìa vọng niệm tức Như Như Phật".*
Do đấy, biết rằng mọi ngôn giáo của Phật, Tổ, không lời nào chẳng phải là nhằm chỉ bày tâm tánh sẵn có của chúng sanh, khiến họ bỏ mê quy ngộ, phản bổn hoàn nguyên (trở về nguồn gốc) đó thôi! Nhưng chúng sanh căn cơ có sâu cạn, mê có dày, mỏng, nếu chẳng nhọc nhằn dùng mọi thứ ngôn giáo để khai thị, chỉ dẫn, dùng các thứ pháp môn để đối trị thì mỗi người nhờ đâu mới nhìn xuyên được mây mê che lấp tánh không, thấy được vầng tâm nguyệt?
Bởi thế, lúc Như Lai mới thành đạo, trước hết ngài diễn giảng Đại Hoa Nghiêm, luận thẳng vào đại pháp vượt ngoài cửu giới, chẳng xen lẫn với pháp Quyền - Tiểu, hòng những hàng đại cơ túc căn thành thục đều chứng Chân Thường, vượt lên bến Giác. Lại do độn căn chúng sanh chưa được hưởng lợi ích, Phật liền khéo dẫn dụ dần dần, tùy cơ diễn thuyết: hoặc dùng Ngũ Giới, Thập Thiện để nhiếp phục hai thừa nhân - thiên khiến họ gieo nhân Phật đạo thù thắng; hoặc là dùng Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ Vạn Hạnh nhiếp phục ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát khiến họ chứng được cận duyên của Phật đạo.
Bắt đầu từ thời A Hàm cho đến thời Bát Nhã, không kinh nào là chẳng tuyên thuyết thuận theo căn tánh của chúng sanh, khiến họ lần lượt tiến dần trên đường về nhà. Bổn hoài của Phật vẫn giữ kín chưa nói. Mãi đến thời Pháp Hoa, Phật mới khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bổn[10] , nhân - thiên - quyền - tiểu đều là Nhất Thừa, khách làm thuê thật là con ông trưởng giả! Ba căn đều được thọ ký, diễn bày trọn vẹn bổn hoài xuất thế, cùng hội Hoa Nghiêm ban sơ, đầu cuối chiếu rọi lẫn nhau. Có thể nói là một đại sự nhân duyên đem giao phó trọn vẹn, không còn giấu diếm chút gì.
Lại vì chúng sanh đời Mạt căn cơ hèn kém, thật chẳng ai có thể đoạn Hoặc chứng chân. Vì thế, Phật đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ hòng thượng, trung, hạ căn, dù phàm hay thánh cùng lìa khỏi Sa Bà, sanh về Cực Lạc ngay trong đời này, chứng dần dần vô lượng quang - thọ. Lòng thâm từ đại bi ấy thật là chí cực không còn gì hơn được nữa!
* Phật pháp rộng sâu như biển cả. Kẻ phàm phu sát đất nào lại có thể một hơi hút sạch tận nguồn, cạn đáy được? Tuy nhiên, nếu có thể sanh tâm chánh tín sẽ tự có thể tùy theo sức mình được hưởng lợi ích. Ví như Tu La, hương

tượng và các loài muỗi mòng uống nước biển cả; loài nào, loài nấy uống no mới thôi. Đức Như Lai xuất thế tùy thuận chúng sanh thuyết pháp khiến mỗi loài được lợi ích cũng giống như thế. Chúng sanh đời mạt nghiệp chướng sâu dày, thiện căn cạn mỏng, tâm trí hẹp kém, thọ mạng ngắn ngủi. Đã thế, tri thức ít ỏi, ma tà, ngoại đạo tung hoành. Tu các pháp môn khác muốn ngay trong hiện đời đoạn Hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử thật là một việc hy hữu cực khó.

Chỉ mỗi mình pháp Tịnh Độ chuyên cậy vào Phật lực. Thế nên chẳng cần biết đến Đoạn, Chứng, chỉ trọng Tín - Nguyện. Nếu có đủ tín - nguyện, dẫu là hạng tội ác cực đại sắp đọa A Tỳ địa ngục vẫn có thể nương vào sức thập niệm, mau chóng được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh. Ôi! Như Lai đại từ phổ độ chẳng bỏ sót một ai. Chỉ mình pháp này thật là tóm thâu trọn khắp.

* Pháp môn Niệm Phật nguyên lai ra sao? Do một niệm tâm tánh của chúng ta giống như hư không thường hằng, bất biến. Tuy thường chẳng biến, nhưng lại niệm niệm tùy duyên. Nếu chẳng duyên theo Phật giới sẽ duyên theo cửu giới. Chẳng duyên theo tam thừa sẽ duyên theo lục đạo. Chẳng duyên theo nhân thiên, ắt sẽ duyên theo tam đồ. Do duyên theo nhiễm - tịnh sai khác thành ra quả báo sướng - khổ khác xa.

Dù bản thể trọn chẳng biến đổi, nhưng Tướng và Dụng dĩ nhiên khác biệt một trời, một vực! Ví như hư không, mặt trời chiếu thì sáng, mây đùn thì tối. Tuy bản thể của hư không chẳng vì mặt trời hay mây mà tăng, giảm, nhưng tướng trạng hiện rõ hay ngăn che cố nhiên chẳng thể nói là cá mè một lứa. Do nghĩa này, Như Lai dạy mọi chúng sanh duyên niệm nơi Phật.

Vì thế mới nói: *"Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tại, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa"*.

Lại nói: *"Chư Phật Như Lai là pháp giới thân vào trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh. Vì thế, lúc tâm các ngươi tưởng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biển Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tưởng sanh"*.

Hễ duyên theo Phật giới thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Nếu duyên theo các giới chúng sanh thì tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh. Đã hiểu vậy rồi mà vẫn chẳng niệm Phật, thật là chuyện chưa từng có!

Một pháp Niệm Phật lấy vạn đức hồng danh của Như Lai làm duyên, mà vạn đức hồng danh ấy chính là Vô Thượng Giác Đạo do đức Như Lai đã chứng khi Ngài đắc quả. Do lấy Quả Địa Giác (sự giác ngộ khi đã chứng quả) làm Nhân Địa Tâm (cái tâm dùng để tu nhân), cho nên Nhân trùm biển Quả, Quả thấu tột nguồn Nhân. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm; như tò vò nuôi nhện, lâu ngày hóa tò vò con[11] . Thành Phật ngay trong đời này, chuyển phàm thành thánh; công năng, lực dụng của pháp này vượt xa hết thảy các pháp môn khác trong cả một đời giáo hóa của Đức Phật. Bởi lẽ, các pháp

môn khác đều cậy vào Tự Lực, phải đoạn Hoặc chứng chân mới hòng liễu sanh thoát tử.
Pháp môn Niệm Phật: Tự Lực và Phật Lực cả hai cùng đủ. Bởi thế, người đã đoạn Hoặc Nghiệp sẽ mau chứng Pháp Thân. Người đầy dẫy Hoặc Nghiệp thì đới nghiệp vãng sanh. Pháp này cực kỳ bình thường, dù là kẻ ngu phu, ngu phụ cũng được hưởng lợi ích; nhưng lại cực kỳ huyền diệu, dẫu là Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng thoát khỏi phạm vi của pháp này. Vì thế, không một ai là chẳng tu được. Hạ thủ dễ, thành công cao. Dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng. Thật là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của Như Lai. Vì thế, chẳng thể dùng những giáo lý thông thường để bình luận, phán đoán được! Mạt Pháp chúng sanh phước mỏng, huệ cạn, chướng dày, nghiệp sâu, chẳng tu pháp này, toan cậy Tự Lực để đoạn Hoặc chứng chân hòng liễu sanh tử thật là vạn nan, vạn nan!
* Kể từ Đại Giáo truyền sang Đông (ý nói: Phật giáo truyền sang Trung Hoa), Lô Sơn hưng khởi Liên Xã, một xướng trăm hòa, không đâu chẳng thuận theo. Nhưng những vị có đại công làm rạng rỡ Tịnh tông thì đời Bắc Ngụy có ngài Đàm Loan. Ngài Đàm Loan là bậc chẳng thể suy lường nổi. Do có việc, ngài phải xuống Nam gặp Lương Vũ Đế; sau trở về Bắc, Vũ Đế thường hướng về Bắc cúi lạy, nói: "Loan Pháp Sư là bậc nhục thân Bồ Tát!". Đời Trần - Tùy có ngài Trí Giả. Đời Đường có ngài Đạo Xước, noi theo giáo pháp của ngài Đàm Loan, chuyên tu Tịnh nghiệp, cả đời giảng ba kinh Tịnh Độ hơn hai trăm lượt. Từ cửa ngài Đạo Xước, có ngài Thiện Đạo. Cho đến các vị Thừa Viễn, Pháp Chiếu, Thiếu Khang, Đại Hạnh thì liên phong đã thổi khắp cả trung ngoại (trong và ngoài Trung Hoa). Do vậy, tri thức các tông không ai là chẳng dùng đạo này để mật tu hoặc hiển hóa, tự lợi, lợi tha.
Với nhà Thiền, nếu chỉ đề cao hướng thượng thì một pháp chẳng lập, Phật còn chẳng thèm bận tâm tới, huống là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Đấy là Chân Đế: một pháp đã mất thì hết thảy đều mất. Nói: *"Thật Tế Lý Địa chẳng nhận một mảy trần"* là nói về Tánh thể. Nếu luận đích xác về mặt tu trì thì lại chẳng bỏ một pháp nào, chẳng làm việc thì chẳng ăn, huống hồ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Đấy là Tục Đế: một pháp đã lập thì hết thảy đều lập.
Nói: *"Trong cửa Phật sự chẳng bỏ một pháp"* là nói về Tánh sẵn đủ vậy. Nếu toan bỏ Tục Đế để luận Chân Đế thì chẳng phải là Chân Đế, khác nào bỏ tứ đại, ngũ uẩn đi tìm tâm tánh. Thân đã chẳng còn, tâm gởi vào đâu? Nếu dùng Tục Đế để hiển Chân Đế thì đích thực là Chân Đế. Như ở nơi mắt thì bảo là thấy, ở tai gọi là nghe; tức là dùng tứ đại, ngũ uẩn để hiển tâm tánh.
Những điều vừa nói trên đây chính là ý chỉ lớn lao của việc chư Tổ ngầm tu Tịnh Độ; nhưng các ngài chẳng giảng rộng, thuật rõ, nên nếu chẳng hiểu sâu xa ý Tổ sẽ chẳng biết được. Cứ như quy chế kỳ đảo cho những vị Tăng mắc

bệnh và quy cách thiêu hóa, tống táng những vị đã mất do ngài Bách Trượng xác lập, ta thấy đều quy về Tịnh Độ.
Có vị nói: *"Tu hành dùng niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng"*. Ngài Chân Hiệt Liễu bảo: *"Pháp môn Tịnh Độ chính là để tiếp dẫn căn khí thượng thượng, chỉ kiêm tiếp dẫn căn khí trung hạ"*. Ngài còn bảo: *"Trong cả tông Tào Động hết thảy đều ngầm tu.Do vì tu Tịnh Độ thấy Phật giản dị hơn Tông môn rất nhiều"*. Ngài cũng bảo: *"Dù Phật hay Tổ, dù Giáo hay Thiền đều tu Tịnh Độ, đồng quy một nguồn"*. [Những lời ấy] đủ cho ta thấy được đại khái [quan điểm của các thiền sư thời ấy].
Kịp đến ngài Vĩnh Minh đại sư, bản thân là Cổ Phật, do nguyện xuất thế mới lưu lại ngôn giáo rõ ràng, soạn sách lưu truyền, hoằng dương. Ngài lại sợ người học chẳng rõ đường nẻo, lẫn lộn lợi hại, nên cực lực xướng ra bài kệ Tứ Liệu Giản, có thể nói là cương tông của cả Đại Tạng. Ngài làm bậc hướng đạo nơi đường rẽ, khiến cho người học chỉ trong tám mươi chữ đốn ngộ yếu đạo xuất sanh tử, chứng Niết Bàn. Tấm lòng đau đáu cứu thế của ngài thật là thiên cổ chưa từng có.
Sau đấy, các tông sư đều lưu lại ngôn giáo rõ ràng, chuyên khen ngợi pháp này như các đại tổ sư: Trường Lô Trách, Thiên Y Hoài, Viên Chiếu Bổn, Đại Thông Bổn, Trung Phong Bổn, Thiên Như Tắc, Sở Thạch Kỳ, Không Cốc Long v.v... tuy hoằng dương Thiền Tông, vẫn chú trọng khen ngợi Tịnh Độ.
Đến khi Liên Trì đại sư tham học với Tiếu Nham Đại Ngộ xong, cân nhắc mọi bề, đề xướng: *"Nếu Tịnh nghiệp đã thành, Thiền Tông sẽ tự chứng. Giống như tắm nơi biển cả là đã dùng nước của cả trăm sông. Thân đã đến điện Hàm Nguyên, cần gì hỏi Trường An đâu nữa!"* Sau đấy, các đại tổ sư: Ngẫu Ích, Triệt Lưu, Tỉnh Am, Mộng Đông v.v... không vị nào chẳng xướng như vậy. Bởi lẽ, lập cách hóa độ theo thời, pháp phải phù hợp căn cơ. Nếu không như thế, chúng sanh chẳng thể đắc độ!
Từ đấy về sau, Phật pháp suy dần, lại thêm quốc gia lắm biến cố, pháp luân cơ hồ ngừng chuyển. Dù có bậc trí thức ra sức chống chọi, nhưng chẳng đủ sức, đến nỗi chẳng ai hỏi đến đạo này. Nếu có ai bàn đến pháp này, người nghe cứ như đang bị làm phiền. May còn có một hai vị Tăng, Tục đại tâm, in khắc lưu truyền, khiến cho những lời giáo huấn của chư Tổ chẳng bị diệt, khiến cho người ta được tạm nghe đến thì thật không còn gì may mắn hơn!
* Cho đến khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn công đại sư (tổ Huệ Viễn) bèn dùng pháp này lập tông. Lúc đầu, ngài muốn cùng đồng học là Huệ Vĩnh qua La Phù, nhưng bị pháp sư Đạo An lưu lại. Ngài Huệ Vĩnh bèn một mình đi trước qua Tầm Dương. Thứ sử Đào Phạm ngưỡng mộ đạo phong của Sư, bèn lập chùa Tây Lâm cho Ngài ở. Đấy là năm Đinh Sửu niên hiệu Thái

Nguyên thứ hai (377) đời Hiếu Vũ Đế nhà Đông Tấn. Đến năm Thái Nguyên thứ 9 (Giáp Thân - 384), Viễn công mới đến Lô Sơn.
Thoạt đầu, Ngài trụ tại Tây Lâm, nhưng bạn tu tìm đến quá đông, chùa Tây Lâm chật hẹp không chứa nổi. Thứ sử Hoàn Y bèn bắt đầu dựng chùa tại phía Đông núi, đặt tên là Đông Lâm. Đến ngày 28 tháng Bảy năm Canh Dần (390 - Thái Nguyên thứ 15), Viễn công bèn cùng tăng, tục 123 người, kết Liên Xã niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, sai ông Lưu Di Dân soạn bài văn khắc vào đá để minh thệ.
Pháp Sư Huệ Vĩnh cũng dự vào Liên Xã. Vĩnh công sống tại Tây Lâm, trong gian nhà tranh biệt lập trên đảnh núi. Khi ấy có người đi Thiền hành, đến bên thất ngài, liền ngửi thấy mùi hương lạ, nhân đó đặt tên là Hương Cốc (hang thơm) để người khác suy ra thì biết.
Lúc Viễn công mới kết xã, có một trăm hai mươi ba người đều là bậc long tượng trong pháp môn, Thái Sơn - Bắc Đẩu trong làng Nho. Do đạo phong của Viễn công lan tỏa nên đều rủ nhau tìm tới. Nếu tính suốt cả hơn ba mươi năm trong đời Ngài thì số người dự vào Liên Xã tu Tịnh nghiệp, được tiếp dẫn vãng sanh rất nhiều không thể tính nổi.
Sau này, các vị Đàm Loan, Trí Giả, Đạo Xước, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh... không vị nào chẳng như thế cả: tự hành, dạy người. Ngài Đàm Loan soạn Vãng Sanh Luận Chú diệu tuyệt cổ kim. Ngài Trí Giả viết Thập Nghi Luận diễn giải đến tột cùng lẽ được mất. Ngài soạn Quán Kinh Sớ giảng sâu xa cách quán tưởng đúng đắn. Ngài Đạo Xước giảng ba kinh Tịnh Độ gần hai trăm lượt. Ngài Thiện Đạo sớ giải ba kinh Tịnh Độ, cực lực khuyên chuyên tu. Ngài Thanh Lương sớ giải Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm phát huy đạo rốt ráo thành Phật. Ngài Vĩnh Minh nói Tứ Liệu Giản chỉ thẳng pháp liễu thoát ngay trong đời này.
Từ xưa, các bậc cao nhân trong các tông, không vị nào lại chẳng hướng lòng về Tịnh Độ, chỉ có các tông sư nhà Thiền lại chuyên ngầm tu nên không xiển dương rõ rệt. Từ sau khi ngài Vĩnh Minh xướng xuất, các vị mới lưu lại ngôn giáo rõ rệt, thiết tha khuyên tu trì. Vì thế, bài Khuyến Tu Tịnh Độ Văn của Tử Tâm Tân Thiền Sư có câu: *"Di Đà rất dễ niệm, Tịnh Độ thật dễ sanh"*.Còn viết: *"Người tham thiền rất nên niệm Phật. Nếu căn cơ độn, chỉ e đời này chưa thể đại ngộ, phải nhờ Di Đà nguyện lực tiếp dẫn vãng sanh"*. Ngài còn viết: *"Nếu ông niệm Phật mà chẳng sanh Tịnh Độ thì lão tăng sẽ đọa trong địa ngục kéo lưỡi"*.
Tác phẩm Tịnh Độ Thuyết của Chân Hiết Liễu thiền sư có câu: *"Cả một tông Tào Động thảy đều chú trọng ngầm tu. Là vì sao vậy? Là vì pháp môn Niệm Phật là đường tắt tu hành, thật dựa vào Đại Tạng, tiếp dẫn căn khí thượng thượng kiêm tiếp dẫn căn cơ trung, hạ"*.

Ngài còn viết: *"Bậc đại tượng trong Tông môn đã ngộ pháp bất hữu bất không bèn quyết chí khăng khăng nơi Tịnh nghiệp. Do Tịnh nghiệp thấy được Phật giản dị hơn Tông môn rất nhiều"*.

Ngài còn nói: *"Dù Phật hay Tổ, dù Giáo hay Thiền đồng quy một nguồn. Nhập được pháp môn này thì vô lượng pháp môn thảy đều chứng nhập"*.

Trường Lô Trách thiền sư kết Liên Hoa Thắng Hội phổ khuyến đạo, tục niệm Phật cầu vãng sanh, cảm hai vị Bồ Tát Phổ Hiền, Phổ Huệ trong mộng đến xin dự hội. Sư liền để tên hai vị Bồ Tát đứng đầu hội. Đủ thấy pháp này khế lý, khế cơ, chư thánh ngầm khen ngợi.

Trong hai triều Tống Thái Tông và Tống Chân Tông, pháp sư Tỉnh Thường trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Chiết Giang, hâm mộ đạo phong của tổ Lô Sơn Huệ Viễn, lập Tịnh Hạnh Xã. Ông Vương Văn Chánh Công Đán quy y đầu tiên, làm người chủ xướng. Những bậc tể quan, châu mục, học sĩ, đại phu đều xưng là đệ tử, tham dự Tịnh Hạnh Xã đến hơn một trăm hai mươi người. Hàng sa môn tham dự đến hơn ngàn người, còn hàng sĩ thứ chẳng thể tính nổi số.

Sau lại có Lộ Công Văn Ngạn Bác làm quan suốt bốn triều Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông, xuất tướng nhập tướng hơn năm mươi năm, quan phẩm đến chức Thái Sư, được phong là Lộ Quốc Công. Ông bình sinh dốc lòng tin Phật pháp, tuổi già càng tận lực hỗ trợ đạo pháp, chuyên niệm A Di Đà Phật. Sáng, chiều, đi, đứng, chưa từng thiếu lười. Ông cùng với pháp sư Tịnh Nghiêm kết xã 10 vạn người ở kinh đô để cầu sanh Tịnh Độ. Phần lớn các sĩ đại phu thời ấy đều được ông giáo hóa. Ông có bài tụng như sau:

Tri quân khí đảm đại như thiên,
Nguyện kết Tây Phương thập vạn duyên,
Bất vị tự thân cầu kế hoạt,
Đại gia tề thượng độ đầu thuyền.

(Tạm dịch:
Biết ngài lớn mật bằng trời,
Xin cùng Tịnh Độ kết mười vạn duyên
Cứu thân nào tính kế riêng,
Ai ai đều đã bước lên thuyền rồi!)

Ông thọ đến chín mươi hai tuổi, niệm Phật qua đời.

Đời Nguyên - Minh thì có các ngài Trung Phong, Thiên Như, Sở Thạch, Diệu Hiệp. Mỗi vị để lại thi ca, hoặc tạo luận giải thích, không vị nào là chẳng cực lực xiển dương pháp khế lý, khế cơ, suốt trên, tột dưới này. Nhưng các vị Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích là những người thành khẩn, thiết tha tột bực nhất.

Đời Thanh có ngài Phạm Thiên Tư Tề, Hồng Loa Triệt Ngộ đều tận lực hoằng dương đạo này. Các tác phẩm Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn của ngài

Phạm Thiên, Thị Chúng Pháp Ngữ của ngài Hồng Loa có thể nói là những tác phẩm tiếp nối chí nguyện cổ thánh, khai phát kẻ học hậu lai, kinh thiên địa, động quỷ thần. Nếu người học thật có thể hành theo đó thì không ai là chẳng giã biệt Sa Bà, cao đăng Cực Lạc, làm đệ tử của Phật Di Đà, làm bạn hiền trong Hải Hội.

* Cho đến khi nào căn cơ của chúng sanh hết sạch, đức Như Lai mới nghỉ ngơi, nhưng lòng đại bi lợi sanh của Phật chẳng bao giờ cùng tận. Do đó, các vị đại đệ tử phân phát xá lợi, kết tập Kinh Tạng mong được lưu thông khắp mọi cõi, ngõ hầu tất cả đều được Phật pháp thấm nhuần. Mãi đến đời Đông Hán, đại giáo mới bắt đầu truyền đến [Trung Quốc]. Nhưng do phong khí chưa mở nên chỉ lưu thông ở phương Bắc. Đến đời Tôn Ngô, vào năm Xích Ô thứ tư (241), tôn giả Khang Tăng Khải sang giáo hóa tại Kiến Nghiệp, cảm được xá lợi của Như Lai giáng lâm khiến cho Tôn Quyền sanh lòng tin tưởng tột bậc. Họ Tôn bèn sửa chùa, dựng tháp để hoằng dương pháp hóa. Nam phương bắt đầu được thọ hưởng giáo pháp từ đấy.

Đến đời Tấn, giáo pháp lan khắp các nước Cao Ly, Nhật Bản, Miến Điện, An Nam, Tây Tạng, Mông Cổ. Từ đấy về sau, ngày càng hưng thịnh. Đến đời Đường, các tông đã thành lập đầy đủ, có thể nói là cực thịnh. Các tông Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân hoằng Giáo. Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn hoằng Tông. Nam Sơn thì nghiêm tịnh Tỳ Ni (Luật). Liên Tông thì chuyên tu Tịnh Độ. Giống như các bộ chia nhau coi sóc công việc, hệt như sáu căn hỗ trợ nhau. Ấy là vì Giáo là lời Phật, Tông là tâm Phật, Luật là hạnh Phật. Tâm, ngữ, hạnh ba thứ khó thể tách rời, chỉ là ước trên phương diện chú trọng vào mặt nào mà lập danh.

Chỉ mỗi mình pháp Tịnh Độ mới nhìn thì là phương tiện để phàm phu nhập đạo, nhưng thực ra nó là chỗ quy túc rốt ráo của các tông. Bởi thế, kẻ sắp đọa A Tỳ được dự vào phẩm chót, bậc đã chứng ngộ ngang với chư Phật vẫn cầu vãng sanh. Lúc đức Như Lai còn tại thế, ngàn căn cơ cùng được nuôi dưỡng, vạn mạch đều quy hướng. Phật diệt độ rồi, bậc đại sĩ hoằng pháp ai nấy chỉ hoằng dương một pháp để mong thâm nhập được một môn.

Chư pháp dung thông, ví như ngàn hạt châu nơi cái lưới của Đế Thích, mỗi hạt châu chẳng lẫn vào nhau, nhưng ánh sáng mỗi châu lại chiếu vào hàng ngàn hạt châu khác, ánh sáng của ngàn hạt châu chiếu vào một hạt châu. Soi rọi lẫn nhau nhưng chẳng tạp, riêng biệt nhưng chẳng thể phân khai. Kẻ câu nệ vào Tích thì bảo: "Hết thảy pháp, mỗi pháp đều sai khác". Kẻ khéo hiểu sẽ nói: "Hết thảy pháp, các pháp viên thông". Như bốn cửa thành, gần cửa nào theo cửa đó mà vào. Cửa tuy khác nhau, nhưng vào thành chẳng khác. Nếu biết ý này thì chẳng phải chỉ có những giáo lý rất sâu do chư Phật, chư Tổ đã nói mới là pháp để "quy chân đạt bổn" (thấu hiểu một cách chân thật, thông đạt tận nguồn cội), minh tâm kiến tánh, mà hết thảy Ấm, Nhập, Xứ,

Giới, Đại v.v... trong khắp thế gian cũng đều là pháp để quy chân đạt bổn, minh tâm kiến tánh! Mà mỗi một pháp cũng chính là chân, là bổn, là tâm, là tánh!
Bởi vậy, kinh Lăng Nghiêm coi Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại đều là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh. Vì thế bảo rằng: Hết thảy pháp không một pháp nào chẳng phải là Phật pháp, cũng như không một ai chẳng phải là Phật. Tiếc thay chúng sanh châu đeo trong vạt áo trọn chẳng biết hay, ôm của báu đi ăn xin, chịu khốn cùng oan uổng. Dùng tâm Như Lai tạo nghiệp chúng sanh, dùng pháp giải thoát chịu khổ luân hồi, đáng thương lắm thay! Vì thế, bậc đại sĩ hoằng pháp chẳng nề gian nan, cay đắng, dùng đủ mọi phương tiện để khai ngộ, dẫn dắt khiến chúng sanh hiểu đúng sự lý, nhân quả của mười pháp giới, triệt ngộ tự tánh của tâm, ngõ hầu viên chứng rốt ráo.
Từ Đường, sang Tống, sang Nguyên, sang Minh, đến Thanh, cả một ngàn năm, thanh giáo chẳng khuất lấp. Dẫu chẳng hưng thịnh bằng thời Đường, nhưng cũng có thể nói là suýt soát. Từ đời Hàm Phong, Đồng Trị trở đi, binh hỏa liên miên, đói kém liên tiếp, cao nhân ngày một hiếm hoi, kẻ dung tục ngày càng nhiều, quốc gia chẳng bận tâm đề xướng, tăng lữ không sức chấn hưng. Do đó, hàng cao nhân tại gia vì chưa từng nghiên cứu Phật pháp, chuộng lầm khuôn sáo cũ của Âu - Hàn (Âu Dương Tu, Hàn Dũ), đến nỗi đạo pháp suy sụp sát đất. Mãi đến cuối đời Thanh, học vấn phát triển, những người thiên tư cao tìm đọc kinh Phật mới hay gốc đạo chính là đây, mới bèn quyết chí nghiên cứu.

---o0o---

II. KHUYÊN TÍN HẠNH NGUYỆN NÊN CHÂN THÀNH , THA THIẾT

1. Giảng Về Lòng Tin Chân Thành, Tâm Nguyện Tha Thiết

* Nói đến Tín là nói phải tin Sa Bà thật là khổ, Cực Lạc thật là vui. Sa Bà khổ vô lượng, vô biên. Nói chung, chẳng ngoài tám nỗi khổ, tức là: sanh, già, bệnh, chết, ân ái biệt ly, oán ghét nhưng vẫn phải gặp mặt, cầu chẳng được thỏa ý, năm ấm lừng lẫy. Tám nỗi khổ này dù người cả đời giàu sang tột bực hay kẻ nghèo đến nỗi phải ăn mày, ai nấy đều có. Bảy thứ đầu là quả báo do đời quá khứ cảm thành, cứ suy nghĩ kỹ ắt tự biết, chẳng cần phải nói rõ. Nói rõ sẽ phải tốn nhiều giấy mực.
Nỗi khổ thứ tám (năm ấm lẫy lừng) là do hiện tại khởi tâm động niệm cũng như những hành động, nói năng. Đây chính là nhân thọ khổ trong đời sau.

Nhân quả vấn vít lôi kéo liên tục từ kiếp này sang kiếp khác chẳng thể giải thoát.
Ngũ Ấm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc chính là cái thân do nghiệp báo cảm thành. Thọ, Tưởng, Hành, Thức là những thứ do tâm huyễn vọng khởi lên khi tiếp xúc với cảnh. Do các pháp thân tâm huyễn vọng này bèn đối với sáu trần cảnh khởi Hoặc tạo nghiệp như lửa cháy hừng hực chẳng thể dập tắt, nên bảo là "xí thạnh" (lừng lẫy).
Thêm nữa, Ấm có nghĩa là ngăn che. Do năm pháp này ngăn che nên chân tánh chẳng thể hiển hiện, như mây dầy che khuất mặt trời. Tuy vầng thái dương rực rỡ trọn chẳng bị tổn giảm, nhưng vì mây che lấp nên chẳng soi thấu được. Cũng giống như thế, phàm phu chưa đoạn Hoặc nghiệp bị năm pháp này che phủ, bầu trời chân tánh và vầng mặt trời trí huệ chẳng thể hiển hiện được. Đấy là nỗi khổ thứ tám, chính là cội gốc của hết thảy các khổ.
Người tu đạo sức Thiền Định sâu, đối với cảnh giới sáu trần trọn không chấp trước, chẳng khởi oán ghét. Từ đây lại gia công dụng hạnh, tiến lên chứng đắc Vô Sanh thì Hoặc nghiệp hết sạch, cắt đứt căn bản sanh tử. Nhưng công phu này thật chẳng dễ dàng gì, trong đời mạt thật khó có ai đạt được. Vì thế phải chuyên tu Tịnh nghiệp cầu sanh Cực Lạc, nương Phật từ lực vãng sanh Tây phương.
Đã được vãng sanh thì liên hoa hóa sanh, chẳng còn các nỗi khổ, thuần mang hình dáng bé trai, thọ ngang hư không, thân không tai biến. Những danh từ lão, khổ, bệnh v.v... còn chẳng nghe đến, huống là thật có! Kề cận thánh chúng, chầu hầu Di Đà. Chim, nước, rừng cây đều diễn pháp âm. Tùy theo căn tánh nghe xong liền chứng, người thân còn chẳng thấy, huống là oán thù? Mong áo được áo, tưởng ăn liền ăn. Lầu các, đền đài đều do bảy báu tạo thành, chẳng nhọc sức người, chỉ là hóa hiện. Vậy thì bảy nỗi khổ cõi Sa Bà biến thành bảy điều vui.
Nơi thân có đại thần thông, có đại oai lực, chẳng rời chỗ mình đang ở mà ngay trong một niệm ở khắp các thế giới của chư Phật trong mười phương, làm các Phật sự, thượng cầu, hạ hóa. Tâm có đại trí huệ, đại biện tài; nơi một pháp biết Thật Tướng của hết thảy pháp. Tùy cơ thuyết pháp chẳng hề lầm lạc. Tuy nói những lời thuộc về Thế Đế nhưng đều khế hợp diệu lý Thật Tướng. Không có nỗi khổ Ngũ Ấm Xí Thạnh, hưởng niềm vui thân tâm tịch diệt. Bởi thế kinh dạy: *"Không có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên gọi là Cực Lạc"*.
Sa Bà khổ, khổ chẳng thể nói. Cực Lạc vui, vui chẳng gì ví nổi. Tin sâu lời Phật, trọn chẳng nghi hoặc mới gọi là Chân Tín. Đừng nên dùng tri kiến ngoại đạo, phàm phu để so lường lầm lạc, cho rằng mọi thứ trang nghiêm thắng diệu chẳng thể nghĩ bàn của Tịnh Độ đều là chuyện ngụ ngôn, là thí dụ, là tâm pháp, chẳng phải cảnh thật. Nếu có các thứ tà kiến, hiểu biết sai

lạc như vậy sẽ đánh mất điều lợi ích thực sự là được vãng sanh Tịnh Độ. Cái hại ấy rất lớn, chẳng thể chẳng biết.
* Đã biết Sa Bà là khổ, Cực Lạc là vui thì hãy nên phát thệ nguyện thiết thực, nguyện lìa khổ Sa Bà, nguyện hưởng vui Cực Lạc. Nguyện ấy phải tha thiết như bị rớt xuống hầm xí, cầu được thoát ra gấp. Lại như bị giam cầm trong ngục, đau đáu nghĩ đến quê nhà. Sức mình chẳng thể tự thoát, ắt phải cầu người có đại thế lực cứu cho thoát khỏi.
Hết thảy chúng sanh trong thế giới Sa Bà đối với cảnh thuận - nghịch, khởi tham, sân, si, tạo giết, trộm, dâm, ô uế diệu giác minh tâm sẵn có. Đấy chính là hầm xí không đáy. Đã tạo nghiệp ác, ắt phải chịu ác báo, qua nhiều kiếp dài lâu luân hồi sáu nẻo. Đấy chính là chốn lao ngục chẳng hề phóng thích tội nhân. A Di Đà Phật trong nhiều kiếp quá khứ, phát bốn mươi tám nguyện độ thoát chúng sanh. Có một nguyện là: *"Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta, cầu sanh về nước ta, dẫu chỉ mười niệm mà nếu chẳng sanh, chẳng lấy Chánh Giác"*. A Di Đà Phật thệ nguyện độ sanh; nhưng nếu chúng sanh chẳng cầu tiếp dẫn, Phật cũng chẳng biết làm cách nào! Nếu như chí tâm xưng danh, thề cầu xuất ly Sa Bà thì không một ai chẳng được Phật rủ lòng từ nhiếp thọ. A Di Đà Phật có đại thế lực, cứu được người đang ở trong hầm phân không đáy, trong lao ngục chẳng hề phóng thích, khiến họ thoát ngay những chốn ấy, đặt yên họ nơi quê nhà sẵn có là cõi Cực Lạc, khiến họ nhập cảnh giới Phật, được thọ dụng giống như Phật.
* Phật Di Đà vì chúng ta phát nguyện, lập hạnh để mong chúng ta thành Phật. Chúng ta bội nghịch hạnh nguyện của đức Di Đà nên bao kiếp dài lâu ngụp lặn mãi trong lục đạo, vĩnh viễn làm chúng sanh. Hiểu rõ Di Đà chính là đức Phật ở ngay trong tâm chúng ta, ta chính là chúng sanh trong tâm Phật Di Đà. Tâm đã là một, nhưng phàm và thánh cách nhau một trời một vực là do ta cứ một bề mê muội, trái nghịch nên mới đến nỗi thế. Tín tâm như vậy mới đáng là Chân Tín. Dùng tín tâm này phát nguyện quyết định vãng sanh, hành hạnh quyết định niệm Phật mới hòng thâm nhập Tịnh tông pháp giới, thành tựu ngay trong một đời, một phen siêu thăng liền vào thẳng ngay địa vị Như Lai như mẹ con gặp gỡ, vui sướng vĩnh viễn thường hằng vậy!
* Trong sự niệm Phật, điều trọng yếu nhất là để liễu sanh thoát tử. Đã vì liễu sanh tử thì với nỗi khổ sanh tử, tự sanh tâm chán nhàm; với sự vui Tây phương, tự sanh tâm ưa thích. Như thế thì hai pháp Tín - Nguyện sẽ được đầy đủ, trọn vẹn ngay trong khoảnh khắc ấy. Rồi lại thêm chí thành, khẩn thiết như con nhớ mẹ mà niệm thì Phật lực, tự lực, tự tâm tín nguyện công đức lực, cả ba pháp cùng hiển hiện trọn vẹn, khác nào mặt trời rực rỡ trên không. Dù cho mây đùn, băng đóng tầng tầng, không lâu cũng sẽ tan hết cả.

* Hãy thử hỏi: Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm. Chẳng khẩn thiết thì có đạt được như thế chăng? Không Tín - Nguyện có đạt được như thế chăng?
* Phàm là bọn hữu tình chúng ta hễ nghe nói đến pháp môn Tịnh Độ thì phải tin Sa Bà cực khổ, Tây Phương cực vui, phải tin rằng từ nhiều đời đến nay, nghiệp chướng sâu nặng, chẳng cậy vào Phật lực, khó thể xuất ly. Phải nên tin rằng cầu được vãng sanh thì ngay trong đời này sẽ được vãng sanh. Phải tin niệm Phật nhất định được Ngài từ bi nhiếp thọ. Dùng một lòng kiên định này, nguyện lìa Sa Bà như kẻ tù muốn thoát khỏi lao ngục, trọn chẳng có tâm lưu luyến. Nguyện sanh Tây Phương như lữ khách mong quay về cố hương, chẳng hề có ý niệm do dự. Từ đó, tùy phận, tùy lực, chí tâm trì niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, chẳng luận là nói năng, im lặng, động, tịnh, đi, đứng, nằm, ngồi, đón tiếp khách khứa, mặc áo, ăn cơm, giữ sao Phật hiệu chẳng lìa tâm, tâm chẳng lìa Phật.

* Kinh A Di Đà nói: *"Từ đây đi qua Tây Phương khỏi mười vạn ức cõi có thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật hiệu A Di Đà, nay hiện đang thuyết pháp"*. Kinh còn dạy: *"Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh cõi ấy không có các điều khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên gọi là Cực Lạc"*. Không có các điều khổ, chỉ hưởng những điều vui là do được trang nghiêm bởi phước đức, trí huệ, thần thông đạo lực của A Di Đà Phật.
Thế giới chúng ta đang sống có đủ cả ba khổ, tám khổ, vô biên các nỗi khổ, hoàn toàn chẳng vui. Vì thế gọi là Sa Bà. Tiếng Phạn Sa Bà, Hán dịch là Kham Nhẫn, ý nói: chúng sanh trong thế giới này có thể kham chịu được các thứ khổ. Trong thế giới này chẳng phải là không có điều vui, nhưng những điều được coi là vui ấy lại đều là khổ. Chúng sanh mê muội lại coi đấy là vui, như mê rượu đắm sắc, săn bắn, bẫy rập, có gì là vui? Một lũ ngu phu đắm đuối chẳng bỏ được, thích đến quên mệt, thật đáng xót thương!
Những điều dù thật sự là vui cũng khó lâu bền. Chẳng hạn như cha mẹ cùng còn sống, anh em không xảy ra chuyện gì; chuyện như vậy làm sao thường hằng được mãi? Vì thế cảnh vui vừa thoáng qua, tâm buồn liền tiếp theo ngay, nên bảo là "trọn chẳng có gì vui", chẳng cần phải bàn nữa! Sự khổ trong thế giới chẳng thể nói hết, nhưng có thể dùng tam khổ, bát khổ để bao quát không sót.
Ba khổ là:
- Khổ Khổ.
- Vui (lạc) là Hoại Khổ.
- Chẳng khổ chẳng vui là Hành Khổ.

1) Khổ Khổ là nói thân tâm ngũ ấm này thể tánh bức bách nên gọi là Khổ. Lại còn phải luôn chịu đựng các nỗi khổ: sanh, già, bệnh, chết v.v... nên gọi là Khổ Khổ.
2) Hoại Khổ là bất cứ sự gì trong thế gian cũng chẳng được bền lâu. Mặt trời giữa Ngọ phải chếch về Tây. Trăng đầy rồi khuyết, đạo trời còn phải như thế, huống là việc người? Cảnh vui vừa chớm, cảnh khổ đã đến ngay. Nỗi khổ ấy chẳng diễn tả được nổi! Vì thế gọi Lạc là Hoại Khổ.
3) Hành Khổ là tuy chẳng khổ, chẳng vui, tựa hồ phải chăng, nhưng tánh nó dời đổi, có gì là thường trụ? Vì thế gọi là Hành Khổ.
Nêu lên ba thứ khổ ấy (Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ) thì không có nỗi khổ nào chẳng gộp trong ấy. Ý nghĩa tám khổ trong các sách đã thuật rõ. Nếu biết cõi này là là khổ thì tâm chán nhàm Sa Bà sẽ bừng bừng phát sanh. Nếu biết cõi kia là vui thì ý niệm ưa thích, mong cầu Cực Lạc sẽ hừng hực phát khởi. Do vậy, chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành để bồi đắp nền tảng. Lại dùng tâm chí thành, khẩn thiết trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương thì thoát được cõi Sa Bà này, sanh về cõi Cực Lạc kia, làm con đích thực của đấng Di Đà, làm bạn hiền trong Hải Hội vậy!

* Xem cõi Sa Bà này nhơ xấu còn hơn nhà xí. Tin cõi Cực Lạc kia chính là quê nhà mình vốn sẵn có. Chẳng cầu phước lạc cõi trời, cõi người trong đời này hay đời sau, chỉ nguyện khi báo chung mạng tận, được Phật tiếp dẫn vãng sanh. Sáng tối như thế, niệm đâu chú trọng đấy, niệm cực công thuần, cảm ứng đạo giao, lúc lâm chung, ắt được thỏa nguyện. Đã sanh về Tịnh Độ sẽ đốn ngộ Vô Sanh, nhìn lại phú quý thế gian khác nào ánh dương diệm[12] , hoa đốm trên không, thật đúng là nhà ngục, biển độc mà thôi!

---o0o---

2. Khuyên Trừ Nghi Sanh Tín

* Pháp môn Tịnh Độ nếu tin cho tới, còn gì tốt lành hơn! Nếu trí mình chưa quyết thì phải nên tin tưởng lời chân thành của chư Phật, chư Tổ, trọn chẳng được một niệm nghi tâm. Nghi sẽ chẳng tương ứng chư Phật, lâm chung nhất định khó thể cảm thông. Cổ nhân bảo: *"Pháp môn Tịnh Độ chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu trọn vẹn. Hàng Đăng Địa Bồ Tát[13] chẳng biết được ít phần"*. Hàng Đăng Địa Đại Sĩ còn chẳng thể biết hết, huống hồ là hạng phàm phu lè tè sát đất lại vọng sanh ức đoán ư?

* Nếu tâm sanh tử thật sự thiết tha, tin tới nơi, tâm chẳng sanh một niệm ngờ vực thì dù chưa ra khỏi Sa Bà, đã chẳng còn là khách trọ lâu ngày trong chốn Sa Bà; chưa sanh Cực Lạc, nhưng đã là khách quý cõi Cực Lạc. Thấy người hiền mong mình được bằng, gặp điều nhân đừng để lỡ. Há có nên do

dự, lười nhác, sao nhãng, để đến nỗi một phen lầm lỡ khiến mình bị lỡ làng mãi mãi ư? Là trang nam nhi có huyết tánh, dứt khoát chẳng chịu sống làm thây đi, thịt chạy, chết mục nát như cỏ cây. Hãy gắng lên, cố lên!

* Trong các pháp môn khác, tiểu pháp thì đại căn chẳng cần tu, đại pháp thì tiểu căn chẳng tu nổi. Chỉ có một pháp Tịnh Độ này thích ứng khắp ba căn, gồm thâu lợi độn. Trên thì Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, không vị nào vượt ra ngoài pháp này; dưới thì ngũ nghịch, thập ác, chủng tánh A Tỳ cũng được dự vào. Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này thì chúng sanh đời mạt muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này tuyệt chẳng có chút hy vọng gì!

Tuy pháp môn này rộng lớn như thế, nhưng cách tu lại cực giản dị. Bởi lẽ đó, chẳng phải là người kiếp trước có thiện căn Tịnh Độ sẽ khó thể tin chắc chẳng nghi. Chẳng riêng phàm phu không tin, phần nhiều hàng Nhị Thừa cũng nghi. Chẳng những Nhị Thừa chẳng tin, quyền vị Bồ Tát vẫn có người còn nghi. Chỉ có các vị Bồ Tát Đại Thừa địa vị cao sâu mới có thể triệt để tin tưởng không nghi.

Người sanh lòng tin sâu xa nơi pháp này, dù là phàm phu đầy dẫy triền phược nhưng chủng tánh đã vượt qua Nhị Thừa, khác nào Thái Tử ngã xuống đất vẫn quý hơn quần thần. Tuy tài đức chưa lập, nhưng cậy vào thế lực của cha, cảm được báo như thế. Người tu Tịnh Độ cũng giống như vậy. Do dùng tín nguyện trì danh hiệu Phật nên có thể đem tâm phàm phu gieo vào biển giác của Phật. Bởi thế, ngầm được Phật trí, ám hợp đạo mầu.

Muốn bàn về pháp tu trong Tịnh Độ mà chẳng nói lược qua sự khó khăn của các pháp cậy vào tự lực để liễu thoát và sự dễ dàng của pháp cậy vào Phật lực này thì [người nghe] nếu chẳng nghi pháp cũng sẽ nghi chính mình. Nếu tâm có chút mảy may nào nghi ngờ, sẽ do nghi thành chướng; đừng nói là không tu, dù tu cũng chẳng được lợi ích thật sự. Do vậy phải nói rằng Tín là một pháp chẳng thể không gấp gáp giảng giải để mong gây dựng sâu xa đến cùng cực vậy!

* Pháp môn Tịnh Độ do Phật Thích Ca và Di Đà kiến lập, do Văn Thù, Phổ Hiền chỉ quy, do Mã Minh, Long Thọ hoằng dương, do các vị Khuông Lư (Huệ Viễn), Thiên Thai (Trí Khải), Thanh Lương, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích phát huy, xướng suất để khuyên khắp dù phàm hay thánh, dù ngu hay trí. Các vị Bồ Tát đại sĩ ấy trăm ngàn năm trước, sớm đã vì ta nghiên cứu khắp các giáo pháp trong Đại Tạng, đặc biệt chọn ra pháp chẳng cần đoạn Hoặc mà được dự ngôi Bổ Xứ này, ngay trong một đời này quyết định xổ lồng, chí viên, chí đốn, cực kỳ giản dị, thống nhiếp Thiền - Giáo - Luật, lại vượt xa Thiền Giáo Luật cho dù căn cơ cạn hay sâu, dù Quyền hay Thật. Thật là một diệu pháp thật đặc biệt, siêu việt lẽ thường.

Chúng ta chẳng tin tưởng Phật, Tổ là những bực thầy từ xưa bằng những vị tri thức cận thời hay sao? Kinh Hoa Nghiêm là vua trong Tam Tạng, cuối kinh quy kết chú trọng nguyện vương. Hoa Tạng hải chúng đều đã chứng Pháp Thân, đều cầu vãng sanh hòng viên mãn Phật Quả. Bọn ta là hạng gì mà lại dám chẳng bắt chước theo? Hãy bỏ tâm cuồng ấy, tận lực thực hành đạo này. Công đức lợi ích sẽ tự chứng biết. Nào đợi phải tham học khắp cả rồi mới thành hạng biết pháp ư?

* Luận bàn xác thực thì pháp môn Đại Thừa, pháp nào cũng viên diệu. Nhưng căn cơ có sống, chín, duyên có cạn, sâu. Bởi thế, xét về mặt lợi ích thì có "khó được" và "dễ được". Tổ Thiện Đạo, hóa thân của Phật Di Đà, đã dạy chuyên tu. Ngài chỉ e hành nhân tâm chí bất định, bị các thầy trong những pháp môn khác lung lạc, nên bảo: Cho dù thánh nhân Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả, và Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Đẳng Giác Bồ Tát cho đến thập phương chư Phật tận hư không, trọn pháp giới hiện thân, phóng quang, khuyên ta bỏ pháp Tịnh Độ, giảng cho pháp thù thắng nhiệm mầu nào khác, ta cũng chẳng chịu nhận. Thưa là do lúc ban đầu đã phát tâm chuyên tu Tịnh Độ, chẳng dám trái nghịch nguyện ấy.

Hòa Thượng Thiện Đạo đã sớm thấy người đời sau đứng núi này trông núi nọ, chẳng có kiến giải nhất định. Vì thế Ngài nói như vậy để kiệt lực xoay chuyển cái tâm ngấm nghé cuồng vọng, ưa ham cầu. Ai đã biết ngài Thiện Đạo là thầy mà lại chẳng tuân theo? Thế mà người tuân theo lời Ngài thật chẳng được mấy! Có phải là do túc thế ác nghiệp sai khiến đến nỗi ngoảnh mặt bỏ lỡ pháp khế lý, khế cơ bậc nhất này, không Thiền, không Tịnh Độ, nghiệp thức mang mang, làm kẻ không cội rễ trong nẻo luân hồi đó chăng? Áo não thay!

* Tu hành Tịnh Độ có cái lẽ quyết định chẳng nghi. Chẳng cần phải hỏi han người khác hiệu nghiệm hay không! Dù khắp cả người đời không ai được hiệu nghiệm, cũng chẳng sanh nhất niệm nghi tâm, cứ lấy lời lẽ chân thành của Phật, Tổ làm căn cứ. Nếu hỏi người khác về sự hiệu nghiệm, chính là tin Phật chưa đến mức cùng cực, tâm vẫn còn so đo, chưa thể trọn vẹn mọi sự. Nam nhi anh liệt quyết chẳng đến nỗi bỏ lời Phật để tin lời người, trong tâm không chủ ý, chỉ muốn cậy vào lời người khác khoe hiệu nghiệm để hướng dẫn tiền đồ của chính mình. Thật chẳng đáng buồn ư?

* Do tập khí, mỗi chúng sanh có điểm riêng thiên trọng. Kẻ ngu thiên về cái tầm thường, hèn kém. Người trí thiên về điều cao thượng. Nếu kẻ ngu cam phận ngu, chẳng tạp dụng tâm, chuyên tu Tịnh nghiệp sẽ ngay trong đời này quyết định được vãng sanh. Như vậy dù ngu nhưng chẳng ai bằng được. Nếu là người trí, nhưng chẳng tự đắc, vẫn từ Sự hướng đến pháp môn cậy vào Phật từ lực, cầu sanh Tịnh Độ thì có thể nói là bậc đại trí. Còn như cậy vào kiến giải của mình, miệt thị Tịnh Độ; sẽ thấy kẻ đó từ kiếp này đến kiếp

khác, trầm luân ác đạo, muốn học đòi theo kiểu ngu phu ngày hôm nay cũng trọn chẳng thể được!

Những người thông hiểu Tánh Tướng Tông Giáo, tôi thực sự ái mộ, nhưng chẳng dám học theo. Vì sao? Là vì dây ngắn chẳng kéo được nước sâu, túi nhỏ chẳng thể chứa vật lớn. Tôi chẳng bảo là hết thảy mọi người đều nên phỏng theo việc tôi làm. Nhưng nếu cũng hèn kém như tôi mà lại toan học theo hành vi của bậc đại thông gia, toan thẳng vào diệu ngộ tự tâm, vẫy vùng biển giáo, tôi chỉ e chẳng thành bậc đại thông gia, trái lại còn bị hàng ngu phu, ngu phụ già giặn, chắc thật niệm vãng sanh Tây Phương thương xót! Há có phải là biến khéo thành vụng to, toan bay lên không nhưng lại bị rớt xuống vực sâu thăm thẳm đó chăng? Một lời đủ để bao quát hết: Hãy tự xét kỹ căn cơ của chính mình mà thôi!

* Ông La Đài Sơn chẳng được vãng sanh, lại bị đọa vào nơi phước báo là do tập khí văn chương quá nặng. Tập khí ấy đã nặng, dù nói là niệm Phật, nhưng thực ra niệm niệm đặt nơi công phu sáng tác văn chương. Công phu niệm Phật chỉ là chống đỡ mặt ngoài đó thôi. Đấy là bệnh chung của văn nhân, chẳng phải chỉ riêng Đài Sơn thôi đâu! Phật bảo thế trí biện thông là một trong tám nạn, chính là vì lẽ này.

* Người sống trong cõi đời, nhất nhất phải theo đúng bổn phận của mình, chẳng thể vọng tưởng tính toán ra ngoài bổn phận. Tức là như thường nói: *"Quân tử chẳng vượt ngoài phận vị của mình"*. Cũng như nói: *"Quân tử chỉ làm đúng theo phận vị của mình"*. Tuy đối với pháp môn Tịnh Độ đã sanh tín tâm, nhưng ý niệm ưa cao, chuộng trội vẫn còn chưa buông xuống được, chưa chịu đặt mình vào hàng ngu phu, ngu phụ. Phải biết rằng ngu phu, ngu phụ dễ liễu thoát sanh tử bởi tâm họ chẳng có dị kiến.

Nếu hiểu Tông, thông Giáo, toàn thân có thể buông xuống hết, thực hành công phu của hạng ngu phu, ngu phụ thì cũng dễ [liễu thoát sanh tử]. Nếu không thì bậc cao nhân thông Tông, thông Giáo lại chẳng bằng ngu phu, ngu phụ đới nghiệp vãng sanh! Pháp môn Tịnh Độ lấy vãng sanh làm chủ, tùy duyên tùy phận chuyên tinh chí mình, Phật quyết chẳng dối người. Nếu không, mong bay lên hóa ra lại rớt xuống; đấy là tự mình lầm lẫn, nào phải lỗi của Phật đâu!

* Một pháp Tịnh Độ chính là pháp môn tối huyền, tối diệu, chí viên, chí đốn trong giáo pháp của cả một đời Đức Phật (một pháp có đủ hết thảy pháp là Viên, ngay trong đời này tu sẽ chứng đắc ngay trong đời này nên bảo là Đốn). Hạng phàm phu lè tè sát đất cũng vào được pháp này, bậc Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng ra khỏi pháp này. Thực là một con đường tắt để thượng thánh hạ phàm chóng thành Phật đạo, là một chiếc thuyền từ phổ độ chúng sanh của chư Phật, chư Tổ.

Chẳng sanh tín tâm nơi pháp này, hoặc tin chẳng chân thành, thiết tha, chính là do nghiệp chướng sâu nặng, chẳng kham liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn thường luân hồi lục đạo trong thế giới này, chẳng có kỳ ra. Dẫu được làm thân trời, người, thời gian ấy rất ít, như khách chỉ ở trọ. Một phen đọa trong tam đồ, thời gian ấy dài lâu như ở yên nơi quê nhà. Mỗi lần nghĩ đến tâm kinh sợ, dựng đứng lông tóc, chẳng nề rát miệng khẩn cáo đồng nhân.

* Xem kỹ thơ ngài gởi đến, bàn luận nhiều điều, nhưng có thể nói gọn một lời là "chỉ dùng tri kiến phàm phu để suy lường xằng bậy Phật trí mà thôi"! Vả như chúng ta từ sống đến chết, trong là thân tâm, ngoài là cảnh giới, có một ai biết rõ được nguyên do mọi sự chăng? Từ khi mình có hiểu biết đến nay, thấy tiền nhân làm sao mình cũng bắt chước làm đúng như thế thì thân thể mới được thành lập, mọi sự mới thuận tiện, thích đáng, thân tâm an lạc, từ sống đến chết hưởng thọ tự tại. Đối với những lời khuyên dụ của đức Như Lai, các hạ cho rằng vì chẳng biết ngọn ngành Phật trí và ngọn ngành Tịnh Độ như thế nào, nên dù Phật, Tổ nói lời thành thực, cũng chẳng thể nhân đó sanh lòng tin.

Xin lấy chuyện này để xét: Các hạ suốt ngày ăn cơm, suốt ngày mặc áo, thì có biết hay là không biết nguồn gốc của việc chống đói, ngăn lạnh chăng? Nếu nói là biết thì ai là người biết, xin chỉ đích xác ra. Nếu chỉ không được, vẫn là theo quy củ của tiền nhân đã lập mà ăn cơm, mặc áo! Sao lại đối với diệu pháp liễu sanh thoát tử bậc nhất, cứ đòi phải biết trước cội nguồn rồi mới sanh lòng tin, trọn chẳng chịu do lời thành thực của chư Phật, chư Tổ mà sanh lòng tin vậy?

Hơn nữa, nếu các hạ có bệnh cần phải uống thuốc thì trước hết sẽ mở sách Bản Thảo, Mạch Quyết ra xem để biết dược tánh, nguồn gốc căn bệnh rồi căn cứ trên bệnh chứng mà kê toa, sau đấy mới uống thuốc; hay là lập tức mời thầy lang chẩn mạch, lập tức uống thuốc? Nếu lập tức uống thuốc thì việc trị bệnh và học Phật mâu thuẫn nhau quá!

Dù cho có mở sách Bản Thảo, Mạch Quyết ra xem để biết dược tánh, gốc bệnh, cũng vẫn mâu thuẫn với việc học Phật. Vì sao vậy? Bản Thảo, Mạch Quyết đều là lời để đời của tiền nhân. Ông chưa thể tận mắt thấy, làm sao tin được? Nếu bảo những câu trong Bản Thảo, Mạch Quyết chẳng thể không tin thì lời của Phật, Tổ, thiện tri thức sao lại đều chẳng tin, cứ phải chính mình thấy mới tin?

Với tri kiến của ông, nếu cứ thực tình mà luận thì trước hết phải thấy thuốc ấy chạy vào kinh lạc nào, trị được bệnh nào, rồi mới kê toa, uống thuốc; quyết chẳng chịu dựa theo những điều nói trong Bản Thảo, Mạch Quyết để lập toa, uống thuốc. Vì sao vậy? Vì chưa từng thấy.

Nay nguồn gốc của việc chống đói, ngăn lạnh, trị bệnh chưa từng thấy nhưng vẫn cứ ăn cơm, mặc áo, uống thuốc; thế thì ngọn nguồn của Phật và Tịnh Độ chưa từng thấy, dù có lời thành thực của Phật, của Tổ cũng chẳng tin là vì lẽ gì? Với điều này thì coi là chuyện liên quan đến tánh mạng, tuy không biết vẫn chẳng dám không làm đúng như thế. Còn với chuyện kia lại cậy mình cao minh, đòi phải thấy tột cùng mới chịu tu trì pháp ấy. Xưa nay được mấy kẻ hào kiệt phi thường như thế? Do tri kiến đó, rốt cục chẳng hưởng lợi ích thật sự của Phật pháp.

Những kẻ bị coi là ngu phu, ngu phụ kia, thoạt đầu cũng chẳng biết gì, nhưng y theo quy củ của tiền nhân, cắm đầu niệm Phật. Bởi đó, ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu, liền được đới nghiệp vãng sanh, cùng kẻ đoạn Hoặc vãng sanh đều chứng Phật Quả, có hơn kẻ chỉ biết xuông rồi thôi chăng? Loại người tự dán nhãn mình là hạng xuất cách, do nghi sanh báng, sẽ từ kiếp này sang kiếp khác, đọa mãi trong ác đạo, dù hàng ngu phu, ngu phụ niệm Phật vãng sanh thương xót muốn cứu vớt giùm cũng chẳng biết làm sao! Vì sao? Vì hạng này bị ác nghiệp bất tín đời trước chướng ngại.

Trí của các hạ như [bảo kiếm] Can Tương, Mạc Gia, chặt ngọc như chém bùn. Do chẳng khéo dùng trí ấy, khác nào dùng thanh Can Tương, Mạc Gia để chém bùn, bùn không việc gì, uổng phí kiếm sắc, chẳng đáng buồn sao?

* Phật pháp là tâm pháp. Hết thảy pháp thế gian chẳng sánh ví được. Có sánh ví chẳng qua là để khiến người ta lãnh hội được ý nghĩa. Chẳng được chấp chết vào sự để bàn ngang. Dùng cái quạt để ví cho mặt trăng, rung cây dạy gió. Nếu cứ do cái quạt tìm lấy quang minh, từ nơi cây tìm ra sự phất phơ thì có còn gọi được là trí hay chăng? Tuy mộng cảnh là giả, nhân quả là chân, cũng chẳng ngại dùng mộng cảnh để ví dụ nhân quả, cốt sao chúng phù hợp nhau.

Là sao? Vọng tâm là Nhân, mộng cảnh là Quả. Nếu không vọng tâm chắc chắn chẳng có mộng cảnh. Điều này nhất định chẳng dễ luận. Tâm thiện ác và việc tu trì là Nhân, được quả báo thiện ác và quả báo tu trì là Quả. Các hạ phải tin; nếu không, do vọng tâm là nhân của mộng sẽ được mộng cảnh. Tâm niệm Phật là nhân thành Phật, gần là được vãng sanh Tây Phương, xa là rốt ráo viên thành Phật đạo. Đấy chính là điều ngài đang nghi, ngăn trở ngài phát khởi lòng tin vậy!

* Hãy để chuyện Phật rốt ráo là có hay không lại đó. Các hạ cứ muốn cật vấn Phật là có hay là không thì hãy tự hỏi chính các hạ rốt ráo là có hay là không? Nếu bảo là không thì mối ràng buộc này đây, ai là người thuật nói? Nếu bảo là có, xin hãy chỉ đích xác! Lời lẽ của người nói chỉ là do yết hầu và thức tâm hợp lại mà có. Văn tự cũng do thức tâm, tay, bút vận động mà hiện. Mỗi mỗi đều chẳng ngoài Ngũ Uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đều

chẳng phải là các hạ! Rời ngoài năm pháp này có chỉ được ai là các hạ để hỏi Phật rốt ráo là có hay không, mà cho đó là câu hỏi đại trí huệ?
Nếu chẳng chỉ ra được chính mình là có hay không, nhưng lại muốn biết Phật là có hay không trước đã thì đấy chỉ là câu hỏi cuồng vọng, không đáng luận tới, chẳng phải câu hỏi thấu đạt lý đến cùng tận! Phật rốt ráo là có. Vì phàm tình của ông chưa sạch, nên Phật chẳng thể hiện. Chính các hạ cũng là có. Do Ngũ Uẩn của ông chưa là không nên cũng chẳng thể chỉ ra ngoài Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức được!
* Kinh Kim Cang dạy hàng Bồ Tát phát tâm Bồ Đề, phát tâm độ hết thảy chúng sanh khiến họ đều chứng Vô Dư Niết Bàn, nhưng chẳng thấy có một chúng sanh được diệt độ. Chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí. Bố thí đứng đầu trong lục độ vạn hạnh. Nêu lên bố thí thì trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, cho đến vạn hạnh cũng đều chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để tu. Văn kinh này giản lược, chỉ nêu bố thí để nói chung tất cả các pháp kia.
Hãy nên không trụ vào đâu để sanh tâm. Không có các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả mà tu hết thảy thiện pháp. Nói như vậy thì bảo là hữu tướng hay vô tướng?
Tướng quang minh rộng lớn như thế chật kín thái hư mà bảo là không thì khác gì mù lòa từ lúc mới sanh? Nói *"không có một chúng sanh được độ"* là chẳng trụ vào tướng, vô tướng. "Vô sở trụ" là muốn cho con người chẳng vướng mắc trong phàm tình, thánh kiến, rồi chấp trước tướng.
Nói *"độ tận chúng sanh, hành bố thí, sanh tâm, tu thiện pháp"* là muốn cho con người xứng tánh tu tập pháp tự lợi, lợi tha, ngõ hầu mình lẫn người cùng được viên mãn Bồ Đề mới thôi, đừng vướng vào đó, vọng chấp vô tướng là rốt ráo, chia xẻ cùng một tri kiến với kẻ nhai bã hèm, có đáng gọi là người có trí huệ chăng? Tín có gì là khó khởi, nghi có gì là khó trừ? Ông quyết định chẳng chịu khởi, quyết định chẳng chịu trừ. Dù Phật có đích thân thuyết pháp cho ông, cũng chẳng làm sao được! Huống hồ tôi đây chỉ là kẻ phàm phu đầy dẫy triền phược?
* Muốn biết Phật là thật hay giả, sao chẳng đối với những lý được bàn trong Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trực Chỉ và những chuyện được chép trong ấy mà phát khởi lòng tin, dứt lòng nghi, lại cho những ngôn luận, sự tích ấy chỉ là chuyện bịa đặt, lời đồn, chẳng đáng để vào mắt vậy? Nếu nghĩ như vậy thì nhất định linh hồn chẳng đọa trong năm đường nào khác, chỉ ở ngay trong địa ngục A Tỳ đến hết đời vị lai. Cứ mãi mãi hưởng thọ vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao do tâm hiển hiện, cứ coi chúng như các thứ lạc cảnh tự tại thọ dụng. Coi đó là vui thì chẳng thể khuyên dụ được nữa!
Ông cứ muốn biết Phật là thật hay giả, dù Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trực Chỉ nói gì đi nữa đều coi là chẳng thật; chỉ khi tự mình thấy, đích thân chứng,

mới nhận là thật; nay tôi lấy một sự tướng để hỏi, ông nên thẳng thắn đáp lời, chẳng được hàm hồ, thoái thác.
Bắc Thông Châu Vương là Tiền San, thời nhà Thanh từng giữ chức Phiên Đài ở Quảng Tây. Khi ấy, Quảng Tây thổ phỉ rất nhiều. Lúc ông Tiền coi việc binh bị bèn bày kế diệt hết phỉ đảng, bắt giết rất nhiều. Bốn năm trước đây, ông mắc bệnh rất nặng. Cứ chợp mắt liền thấy mình ở trong căn nhà tối. Nhà đó rất lớn, lại rất tối, bọn quỷ vô số đều đến bức bách ông, sợ quá tỉnh dậy. Một lát sau, chợp mắt lại thấy y như cảnh cũ, lại hoảng sợ tỉnh dậy. Suốt ba ngày đêm chẳng dám chợp mắt. Ông ta chỉ còn thở thoi thóp, vợ bèn khuyên dụ: "Ông cứ như thế chẳng tốt đâu! Ông niệm nam mô A Di Đà Phật đi, niệm Phật sẽ ổn ngay!" Tiền San nghe vậy liền gắng niệm. Được một chốc liền ngủ, ngủ đẫy một giấc không mộng mị gì, mà bệnh cũng dần dần thuyên giảm. Nhân đó, ông trường trai niệm Phật. Năm ngoái, Tiền San và Trần Tích Chu lên núi, có trò chuyện cùng Quang.
Nếu các hạ lâm vào cảnh ấy, thì cứ phải biết trước là Phật là thật hay giả rồi sau mới niệm chăng? Hay là nghe xong liền niệm? Nếu lúc ấy chẳng nhọc công xét thật, giả, cứ niệm ngay, thì hiện tại sao lại cùng người đời này bàn bạc ngôn luận, sự tích người đời trước là thật hay hư? Cứ nhất loạt cho là vọng, chỉ cầu lấy chỗ đúng; cứ vin vào đó khiến tâm cảnh mơ màng, mờ mịt, còn toan nhỏ lệ khóc cầu nữa ư? Đã có thể coi phú quý như chiếc dép rách, sao không thể coi chấp trước giống như chiếc dép rách để bỏ sạch cả đi? Ông tính dùng tri kiến ấy để làm cửa nhập đạo đấy ư? Chẳng biết nó chính là đường để đạt địa ngục A Tỳ đấy!
Lấy mộng để ví cho Phật thì vọng tâm là Nhân, mộng cảnh là Quả. Ví như niệm Phật là Nhân, vãng sanh gặp Phật là Quả. Vì sao có thể lấy sáu thí dụ trong kinh Kim Cang làm chứng? Ngôn ngữ, văn tự thế gian, một chữ, một sự, chẳng ngại gì diễn tả cả sang lẫn hèn, giảng giải cả tốt lẫn xấu. Chẳng hạn như chữ "Tử", dùng để chỉ mình đức Phu Tử cũng được, mà chỉ người bình thường cũng được, dùng để gọi con cái cũng tốt. Đều phải dựa vào văn mạch để xác định ý nghĩa, quyết chẳng thể đối với chữ Tử có nghĩa là Phu Tử, lại giảng là "nhi tử" (con cái) được. Cõi Phật là mộng cảnh, đâu cần chờ các hạ thành Phật rồi mới nói sau. Nói như vậy chỉ tự tổn hại, vô ích mà thôi!
* Sự, Lý, Tánh, Tướng, Không, Hữu, Nhân, Quả lẫn lộn chẳng phân, chi bằng học theo ngu phu, ngu phụ, cắm cúi niệm Phật, cứ chí cung, chí kính, một mực thành khẩn. Lâu ngày chầy tháng, nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước dày, mối nghi tâm ấy triệt để rơi rụng hết, thì những chuyện Phật có hay là không, chính mình là có hay là không, đường nẻo "vào cửa Phật, lên bờ kia" đã có xác cứ, nào phải đợi hỏi ai nữa!

Nếu chẳng chuyên tâm, dốc chí niệm Phật, cứ cùng người khác bàn xuông những hiểu biết chỉ mới được một phần thì cũng giống như xem kinh Kim Cang nhưng chẳng biết Thật Tướng. Xem Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trực Chỉ nhưng chẳng sanh tín tâm là do nghiệp ngăn chướng tâm, chẳng thể lãnh hội. Như kẻ mù nhìn mặt trời, mặt trời ở ngay trên không, mắt nhìn ngay vào mặt trời nhưng chẳng thấy được tướng sáng, nào khác lúc chẳng thấy. Nếu mắt được sáng lại, vừa nhìn liền thấy ngay tướng sáng.
Một pháp Niệm Phật chính là một pháp tối thiết yếu để mắt được sáng lại. Muốn thấy tướng trạng Thật Tướng, hãy nên dốc trọn lòng thành nơi pháp này, ắt mau có ngày được thỏa nguyện lắm. Muốn tự thấy Chân Ngã, nếu chẳng phải là bậc đại triệt đại ngộ sẽ chẳng thể làm được. Muốn chứng ngộ mà chẳng đoạn Hoặc chứng chân sẽ không thể được. Muốn viên chứng, nếu ba Hoặc chưa đoạn sạch, hai tử (phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử) chưa vĩnh viễn mất, sẽ chẳng thể được!
Luận trên thực tại, các hạ luân hồi bao kiếp dài lâu và nay đang cật vấn những điều trái với giáo lý đều là do sức tác dụng của Chân Ngã. Do các hạ quay lưng với giác, xuôi theo trần lao, nên chẳng thể thọ dụng chân thật. Khác nào cái đầu của gã Diễn Nhã[14] , hạt châu trong áo, từ đầu đến cuối chưa hề mất, lầm sanh sợ hãi, lầm chịu khốn cùng vậy!
* Tất cả thế gian dù là căn thân hay là thế giới đều là do đồng nghiệp, biệt nghiệp trong tâm của chúng sanh cảm thành, đều có thành hoại, đều chẳng trường cửu. Thân có sanh, già, bệnh, chết; thế giới có thành, trụ, hoại không. Câu nói: *"Vật cực tắc phản, cực lạc sanh bi"* (mọi sự đến chỗ cùng cực sẽ chuyển biến theo chiều ngược lại, vui quá hóa buồn) là nói về ý này. Do Nhân đã là sanh diệt, Quả cũng chẳng thể không sanh diệt.
Thế giới Cực Lạc là thế giới do Phật A Di Đà đã chứng ngộ triệt để Phật tánh sẵn có trong tự tâm, tùy tâm biến hiện, xứng tánh trang nghiêm. Vì thế, sự vui trong cõi ấy chẳng có lúc cùng tận. Ví như hư không rộng rãi to lớn, bao hàm hết thảy sâm la vạn tượng. Dù thế giới nhiều lần thành, nhiều lần hoại, hư không rốt ráo chẳng bị tăng giảm.
Ông đem sự vui thế gian để nạn sự vui Cực Lạc, nhưng sự vui Cực Lạc ông chưa thể thấy. Dẫu ông chưa thể thấy toàn bộ hư không, nhưng với khoảng hư không trong vòng trời đất đây, ông có bao giờ thấy nó bị biến cải hay chưa?
Phải biết rằng hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Vì thế Đức Phật dạy con người niệm Phật cầu sanh Tây Phương để nhờ vào nguyện lực đại từ bi của Phật Di Đà sẽ cũng được thọ dụng niềm vui bất sanh bất diệt ấy. Do căn thân là liên hoa hóa sanh nên không có nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết. Thế giới là do công đức xứng tánh hóa hiện nên không có biến chuyển Thành,

Trụ, Hoại, Diệt. Dù là thánh nhân vẫn có những điều không biết, há nên vì những pháp sanh diệt trong thế gian mà khởi nghi ư?
* Pháp môn Tịnh Độ là bi tâm triệt để của đức Như Lai, là pháp môn phổ độ chúng sanh khiến cho những kẻ phàm phu đầy dẫy triền phược, không có sức đoạn Hoặc, nhờ tín nguyện trì danh sẽ được liễu thoát ngay trong đời này, cùng làm bè bạn với Quán Âm, Thế Chí. Trên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, địa vị gần kề Phật Quả vẫn còn phải vãng sanh mới thành Chánh Giác. Chí viên, chí đốn, thông trên, suốt dưới, vượt trội hết thảy các pháp môn đã được giảng trong cả một đời giáo hóa. Vì thế, trong khi Đức Phật giảng kinh A Di Đà, sáu phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài đồng thanh tán thán, khen là kinh Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm.
Phật lại nói: Ta là Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn làm được chuyện rất khó, hiếm có. Đức Thế Tôn ta tự phô bày túc nhân, bảo: *"Ta trong đời ác ngũ trược, làm được chuyện khó làm sau đây: chứng đắc Bồ Đề, vì hết thảy thế gian nói pháp khó tin này. Thật là rất khó"* khiến cho người nghe tin nhận, phụng hành, chỉ nhằm bày trọn bổn hoài xuất thế mà thôi.
Nhưng pháp môn này rất sâu, khó lường, tuy đã được Bổn Sư và chư Phật Thế Tôn cùng khuyên nên tin tưởng, nhưng đời vẫn còn rất nhiều kẻ nghi. Chẳng những hạng thế trí phàm tình chẳng tin, ngay cả hạng tri thức thông hiểu Tông, Giáo sâu xa cũng còn ngờ vực. Chẳng những hạng tri thức chẳng tin, mà bậc Thanh Văn, Duyên Giác đã chứng Chân Đế, nghiệp tận tình không hãy còn nghi ngờ. Chẳng những bậc tiểu thánh chẳng tin, ngay cả Quyền Vị Bồ Tát cũng hãy còn ngờ. Ngay đến bậc Pháp Thân Đại Sĩ dù đã tin chắc, nhưng vẫn chẳng thể thấu hiểu tận cùng nguồn cội.
Ấy là vì pháp môn này lấy Quả Giác làm Nhân Tâm, toàn thể là cảnh giới Phật, chỉ mình Phật với Phật mới có thể hiểu trọn, chẳng phải trí con người thấu hiểu được nổi! Bọn phàm phu ta ngửa tin lời Phật, y giáo phụng hành sẽ tự được lợi ích thật sự. Nếu được nghe pháp môn chẳng thể nghĩ bàn này thì phải là trong nhiều kiếp đã gieo sâu căn lành, huống hồ là tin nhận, phụng hành ư?

* Kinh Hoa Nghiêm vua của Tam Tạng, là do đức Như Lai lúc tối sơ thành Chánh Giác, vì các bậc Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi địa vị đã vượt ngoài cửu giới, giảng ra pháp một đời thành Phật. Chỗ quy tông kết đảnh của Thật Nghĩa rốt ráo là "dùng mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả".
Cảnh sở chứng của Thiện Tài đã bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, được gọi là bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác chỉ kém Phật một chút vẫn còn phải hồi hướng vãng sanh. Toàn bộ các Bồ Tát trong Hoa Tạng thế giới hải đều bẩm thọ giáo pháp này, cùng tu pháp này. Huống nay kẻ thông

Tông, thông Giáo, mức căn tánh thông lợi, mức chứng nhập sâu xa có hơn nổi các vị Đẳng Giác Bồ Tát kia chăng? Ngàn kinh, vạn luận, đâu đâu cũng dạy quy hướng. Vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, những kinh luận ấy há chẳng đáng để tuân thủ, hành theo ư? Các vị thánh hiền ấy đều là hạng ngu phu, ngu phụ ư?

Nói gọn một lời: Nghiệp sâu chướng nặng, chưa được giải thoát nên đến nỗi đối với việc hằng ngày còn chẳng biết, cứ quen thói chẳng suy xét đó thôi.

* Nếu bảo: "A Di Đà Phật an cư Cực Lạc. Mười phương thế giới vô lượng, vô biên. Trong một thế giới, chúng sanh niệm Phật đã nhiều vô lượng, vô biên, A Di Đà Phật một thân làm sao tiếp dẫn khắp hết thảy những chúng sanh niệm Phật trong mười phương vô lượng vô biên thế giới được?"

Đáp: Sao ông lại dùng tri kiến phàm phu để suy lường Phật cảnh? Tôi mượn thí dụ nói rõ cho ông khỏi lầm. Một vầng trăng sáng rực trên không, hiện bóng trong vạn con sông, trăng có tâm chăng? Trên trời chỉ có một vầng trăng, nhưng biển cả, sông ngòi, sông to, suối nhỏ, đều hiện trọn vẹn khuôn trăng. Dù nhỏ như một chước[15] , một giọt nước, không nơi nào chẳng hiện toàn thể bóng trăng.

Vả nữa, vầng trăng hiện nơi sông, rạch, một người nhìn thì có một vầng trăng ở ngay trước người ấy. Trăm ngàn vạn ức người trong trăm ngàn vạn ức chỗ cùng nhìn, không một ai là chẳng có một vầng trăng ở ngay trước mặt. Nếu trăm ngàn vạn ức người ai nấy đi qua Đông, Tây, Nam, Bắc; mỗi người đi đến đâu, luôn thấy trăng cũng đi theo đấy, chẳng hề gần xa! Nếu trăm ngàn vạn ức người đứng yên chẳng động, trăng cũng đứng yên chẳng động, thường ở bên người. Chỉ là nước trong lặng, trăng sẽ hiện; nước đục chao động, trăng ẩn mất. Trăng vốn chẳng lấy bỏ, trăng chẳng hiện là do nước đục ngầu, lay động, chẳng phản chiếu được bóng trăng.

Tâm chúng sanh như nước, A Di Đà Phật như trăng. Chúng sanh đầy đủ tín nguyện hạnh, chí thành cảm Phật thì Phật sẽ ứng như nước trong trăng hiện. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, chẳng chí thành, ứng với tham, sân, si, trái nghịch Phật như nước vừa đục vừa xao động dù trăng vẫn chiếu xuống nhưng chẳng thể hiện bóng rõ ràng.

Trăng là sắc pháp thế gian, còn diệu dụng như thế, huống hồ Phật A Di Đà đã hết sạch phiền hoặc, phước huệ đầy đủ, tâm trùm thái hư, lượng trọn pháp giới ư? Vì thế kinh Hoa Nghiêm bảo: *"Phật thân đầy khắp pháp giới, hiện trước khắp hết thảy chúng sanh. Tùy duyên cảm ứng không đâu là chẳng trọn khắp, nhưng luôn ngồi nơi tòa Bồ Đề này"*.

Do đó, biết rằng Phật cảm khắp pháp giới, Phật ứng khắp pháp giới. Phật thật sự chưa từng khởi tâm động niệm, có ý tưởng đến đi, nhưng có thể khiến cho chúng sanh duyên đã thành thục thấy Ngài đến đây tiếp dẫn vãng

sanh Tây Phương. Cho nên Phật chẳng phải là một, chẳng phải là hai. Chỉ nêu đại ý để sanh chánh tín mà thôi.

* Phải biết rằng pháp môn Tịnh Độ chính là để nhiếp phục người thượng thượng căn. Vì thế, Thiện Tài đã chứng Đẳng Giác, Phổ Hiền Bồ Tát vẫn dạy dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh ngõ hầu viên mãn Phật Quả; nhân đó, khuyên khắp Hoa Tạng hải chúng. Do vậy, ta biết rằng một pháp hồi hướng vãng sanh Tịnh Độ chính là pháp tối hậu để viên mãn Phật Quả.

Đời có kẻ cuồng chẳng hiểu kỹ giáo lý, thấy ngu phu, ngu phụ đều tu được pháp này bèn khinh rẻ, cho là pháp Tiểu Thừa, chẳng biết rằng đây chính là pháp môn đệ nhất một đời thành Phật, thành thỉ, thành chung của Hoa Nghiêm.

Cũng có kẻ ngu tri kiến hẹp kém, nghĩ mình công phu cạn mỏng, nghiệp lực sâu dày, làm sao sanh ngay được; chẳng biết rằng tâm tánh chúng sanh và tâm tánh của Phật chẳng hai. Ngũ nghịch, thập ác sắp đọa địa ngục, gặp thiện tri thức dạy cho niệm Phật đủ cả mười tiếng hoặc chỉ mấy tiếng rồi liền chết đi, còn được vãng sanh. Lời Quán kinh dạy cớ sao chẳng tin?

Bọn họ còn vãng sanh, huống hồ chúng ta dù còn tội nghiệp, dù ít công phu, sánh với kẻ thập ác ngũ nghịch kia [chỉ niệm] mười tiếng hay là mấy tiếng, còn vượt trội hơn rất nhiều, lẽ nào tự vội vàng bỏ qua đến nỗi đánh mất lợi ích vô thượng này?

Như Lai gọi pháp môn Tịnh Độ này là pháp khó tin là vì hạ thủ dễ lại thành công cao, dùng công ít được hiệu quả nhanh. Chí viên, chí đốn, thẳng tắt, rộng lớn, giản dị, vượt trội hết thảy giáo lý thông thường. Chẳng phải xưa vốn đã có thiện căn, quyết sẽ khó tin nhận, phụng hành. Tôi thường nói: "Cửu giới chúng sanh lìa khỏi pháp môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần manh" là chuyện thực vậy.

* Pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, chính là để tiếp độ căn khí thượng thượng, kiêm tiếp dẫn hạng trung hạ căn. Kẻ ngu thường hay chê là pháp thiển cận, Tiểu Thừa; nói chung là vì chẳng xem kinh luận Đại Thừa, chưa phải là người thông suốt có đủ con mắt. Chỉ dùng cái tâm điên đảo, chấp trước của mình để suy lường đạo nguyên thủy trọng yếu, chung cục của Như Lai. Như kẻ mù ngó mặt trời, như người điếc nghe sấm, đương nhiên chẳng thấy, chẳng nghe, chỉ đành suy luận vọng tưởng!

Phải biết một pháp tín nguyện niệm Phật là do Như Lai vì bi tâm triệt để phổ độ chúng sanh mà tuyên thuyết. Chỉ có các vị Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền mới có thể rốt ráo đảm đương. Bọn họ thấy ngu phu, ngu phụ đều niệm Phật được bèn coi là pháp Tiểu Thừa thiển cận, khác

nào ngôi sao bé chỉ chiếm lãnh được khoảng trời nhỏ, con trùng bé chỉ bò được khoảng đất hẹp!
Nếu tin tưởng được pháp này thì là nhiều kiếp đã trồng sâu thiện căn. Nếu có thể dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối thì cái tâm phàm phu đó biến thành Như Lai Tạng, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Hiện tại đã tiếp xúc với khí phận của Phật thì lúc lâm chung lại chẳng cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn hay sao?

---o0o---

3. Khuyên Đầy Đủ Tín Nguyện

* Dù kính cẩn tu trì Ngũ Giới, Thập Thiện, được thân trời người, nhưng phước lạc nhân gian lại chính là cội rễ đọa lạc. Dù trên trời phiền hoặc chẳng mãnh liệt như trong nhân gian, nhưng một khi phước trời đã tận, nhất định sẽ đọa xuống. Do túc phước chưa tận, nên được hưởng phước. Do hưởng phước nên tạo nghiệp. Đã tạo nghiệp rồi thì đọa lạc ác đạo chỉ trong khoảng nháy mắt, một hơi thở thôi! Huống hồ có kẻ khi mạng trời đã hết, vì sức ác nghiệp đời trước đã chín, liền đọa ngay vào ác đạo!
Vì thế, cổ đức bảo người tu hành nhưng không có chánh niệm tu trì Tịnh nghiệp, chỉ được phước báo trời người thì gọi là oán thù đời thứ ba. Kinh Pháp Hoa nói: *"Tam giới không yên, giống như nhà lửa. Thật đáng sợ hãi"*. Người biết tốt xấu phải gấp cầu xuất ly để được yên ổn mới là kế sách bậc thượng vậy.

* Một pháp Niệm Phật là cậy vào Phật lực để thoát tam giới, sanh về Tịnh Độ. Nay đã chẳng phát nguyện thì có tín chăng? (Người tin thật sự ắt sẽ phát nguyện tha thiết). Tín nguyện đều không, chỉ niệm Phật danh thì thuộc về Tự Lực. Vì không tín nguyện nên chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng hoằng thệ của đức Di Đà. Nếu đã hết Kiến Tư Hoặc, có lẽ được vãng sanh. Còn nếu hoàn toàn chưa đoạn hay chưa đoạn hết sạch thì nghiệp căn vẫn còn, làm sao thoát ngay khỏi luân hồi cho được? Ngũ Tổ Giới Diễn, Thảo Đường Thanh v.v... chính là những chứng cớ xác thực.
Phải biết rằng không có tín nguyện mà niệm Phật sẽ chẳng khác gì tham cứu bên Tông, bên Giáo. Dù có được vãng sanh nhưng nhân quả chẳng phù hợp với nhau! Ngài Ngẫu Ích nói: *"Được vãng sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn"*. Đấy chính là phán định chắc như sắt vậy.
* Bình sinh tuyệt chẳng có tín nguyện thì khi lâm chung nhất định khó cậy vào Phật lực. Đã bảo là "thiện ác đồng thời cùng hiện ngay" thì chẳng luận là bốn chữ A Di Đà Phật chẳng hiện nên chẳng được vãng sanh, mà dù có hiện cũng chẳng được vãng sanh! Vì sao vậy? Do chẳng nguyện vãng sanh,

do chẳng cầu Phật, nên chẳng được Phật tiếp dẫn. Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi"*. Cổ đức nói: *"Như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ kéo đi trước"*. Tâm tình đa đoan, đặt nặng nơi nào sẽ rơi về đó. Nay thiện ác đều hiện, do không có tín nguyện, chẳng thể làm gì ác nghiệp được! Phải biết rằng: Cậy vào tự lực thì nếu còn một mảy ác nghiệp sẽ chẳng thể xuất ly sanh tử, huống là nhiều ác nghiệp?

Lại nếu không tín nguyện, dù niệm đến Nhất Tâm thì trong vô lượng vô biên người như thế, may ra có một hai người được vãng sanh. Quyết chẳng thể lấy đó làm gương để cắt đứt thiện căn của hết thảy người vãng sanh Tịnh Độ trong đời sau.

Vì cớ sao? Người có thể cậy vào tự lực, niệm đến mức nghiệp tận tình không, chứng Vô Sanh Nhẫn, trong cả cõi đời ít có được một, hai. Nếu ai nấy tu hành theo cách đó, bỏ Tín Nguyện chẳng theo, thì những chúng sanh bình thường sẽ ở mãi trong biển khổ, không cách nào xuất ly, đều là do bị một lời này chèn ép cả. Thế mà kẻ ấy vẫn dương dương đắc ý, cho mình là thật cao, chẳng biết mình bị đoạn Phật huệ mạng, là chúng sanh ngu si nói cuồng. Buồn thay!

Với pháp Tịnh Độ, phải tránh nhìn bằng một mắt, chẳng được đem những giáo nghĩa thông thường để so bì. Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này thì sự liễu sanh thoát tử của chúng sanh đời mạt sẽ chẳng thể thấy được.

* Hãy thường nên phát tâm quyết định, lâm chung quyết định muốn được sanh về Tây Phương. Đừng nói là chẳng muốn thọ lại thân người tầm thường, ngay cả thân vua trong cõi trời người và xuất gia làm Tăng, nghe một ngộ cả ngàn, đắc đại tổng trì, hoằng hóa đại pháp, làm thân cao tăng lợi khắp chúng sanh cũng coi như chỗ chất chứa tội lỗi, độc hại, tâm quyết định chẳng sanh một niệm muốn thọ. Quyết định như thế thì tín nguyện hạnh của mình mới cảm được thệ nguyện của Phật, mới được Phật nhiếp thọ. Cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn, thẳng lên cửu phẩm, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi.

* Phải biết rằng: Tây phương Cực Lạc thế giới, đừng nói là phàm phu chẳng đến được, ngay cả thánh nhân Tiểu Thừa cũng chẳng đến được vì nơi ấy thuộc về cảnh giới Đại Thừa chẳng thể nghĩ bàn. Tiểu thánh hồi tâm hướng đại thì liền đến được. Phàm phu nếu không có tín nguyện để cảm Phật, dù tu hết thảy các hạnh thù thắng khác lẫn hạnh trì danh thù thắng cũng chẳng thể vãng sanh. Vì thế, Tín - Nguyện là tối khẩn yếu. Ngài Ngẫu Ích nói: *"Được vãng sanh hay chăng toàn là do có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn"*. Dù ngàn đức Phật xuất thế

cũng chẳng thay đổi được lời phán định chắc như sắt này. Hễ tin cho tới, dám chắc Tây Phương ông phải có phần.
* Nếu luận về pháp môn Niệm Phật thì chỉ có ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh là tông yếu. Đầy đủ ba pháp, quyết định vãng sanh. Nếu không có tín thật, nguyện thiết, dù có chân hạnh cũng chẳng thể vãng sanh, huống là kẻ tu hành hời hợt, qua loa ư? Ngài Ngẫu Ích từng bảo: "*Được vãng sanh hay chăng toàn là do có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn*". Bởi lẽ, pháp này cả ba đời chẳng dễ thường bàn, là đạo mầu độ khắp ba căn. Hãy nên dốc trọn toàn thân nương về tu tập, mới hòng chứng được lợi ích thật sự.
Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh sách Thập Yếu đã giảng rõ từng thứ. Nhưng trọng yếu nhất là trong phần giảng về Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của sách Yếu Giải, phần thứ ba là Minh Tông (minh định tông thú của kinh) đã phát huy ba pháp này tinh tường bậc nhất. Tiếp đó, trong mỗi một đoạn văn, Tổ đều giảng giải về Tín - Nguyện - Hạnh. Hãy nên đọc thật kỹ cuốn sách chẳng thể thiếu này.
* Muốn sanh Tây Phương, trước hết phải có tín thật, nguyện thiết. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dù cho tu hành vẫn chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, chỉ được phước báo nhân thiên và tạo thành cái nhân đắc độ trong đời vị lai mà thôi. Nếu đầy đủ Tín - Nguyện thì [được vãng sanh] vạn người chẳng sót một ai. Tổ Vĩnh Minh bảo: *"Vạn người tu, vạn người đến"* là nói về Tín Nguyện Hạnh đấy!

* Phàm lễ bái, đọc tụng kinh điển Đại Thừa và làm hết những việc lợi ích người đời thảy đều đem hồi hướng Tây Phương, chẳng cứ gì niệm Phật mới hồi hướng Tây Phương được. Nếu đem các công đức khác hồi hướng về phước báo thế gian thì niệm chẳng quy một mối, càng khó vãng sanh. Phải biết rằng nếu thật sự niệm Phật sẽ chẳng cầu phước báo thế gian, nhưng tự được hưởng phước báo thế gian. Nếu cầu phước báo thế gian, chẳng chịu hồi hướng vãng sanh thì phước báo thế gian đạt được đó sẽ trở thành tệ kém. Tâm chẳng chuyên nhất nên càng khó quyết định vãng sanh!

* Người niệm Phật chỉ nên chân thành, thiết tha niệm Phật, tự có thể nương vào Phật tự lực tránh khỏi nạn đao binh, lửa, nước. Chỉ khi nào vì túc nghiệp lôi kéo hoặc do trọng báo địa ngục chuyển thành báo nhẹ trong hiện đời thì mới mắc phải những nạn ấy. Nhưng do thường ngày lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, nên ngay khi ấy được Phật tiếp dẫn. Dù hiện tại chưa chứng tam muội nhưng đã dự vào dòng thánh. Tự thân như hình bóng, đao binh thủy hỏa chẳng trở ngại chi. Dù hiện tại gặp phải tai ương, thật chẳng bị khổ. Cả thế giới mênh mông, mấy ai được như vậy chăng?

* Nguyện lìa Sa Bà như tù nhân mong thoát lao ngục. Nguyện sanh Cực Lạc như cùng tử mong về lại cố hương. Nếu trước khi chưa sanh về Tịnh Độ

mà phải nhận lấy ngôi vua trong cõi trời người thì cũng phải coi đó là nhân duyên đọa lạc, trọn không có một niệm mong cầu, hâm mộ. Dẫu đời sau chuyển nữ thành nam, xuất gia từ thơ ấu, nghe một ngộ cả ngàn, đắc đại tổng trì, cũng phải coi đó là đường quanh nẻo rẽ, trọn không có tâm niệm nào mong mỏi cả. Chỉ mong lúc lâm chung, được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương.

Đã được vãng sanh sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, ở vào địa vị Bổ Xứ, chứng Vô Sanh Nhẫn, nhìn lại những sự như làm vua trong cõi trời người, xuất gia làm Tăng v.v... nào bằng Tịnh Độ. Tu các pháp môn khác trải bao kiếp khó nhọc, chuyên cần, nào được giải thoát! Như lửa đóm sánh với vầng mặt trời rạng rỡ, như gò mối sánh cùng Thái Sơn, khó ngăn buồn thương, khó kìm run rẩy! Bởi vậy, người tu Tịnh Độ trọn chẳng thể cầu những sự như hưởng phước lạc nhân thiên trong đời sau và đời sau xuất gia làm Tăng!

Nếu có chút mảy may mong cầu đời sau thì là chẳng có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, đối với thệ nguyện của đức Di Đà sẽ bị cách trở, chẳng thể cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn! Như vậy là đã dùng diệu hạnh thù thắng chẳng thể nghĩ bàn tạo thành phước nhân hữu lậu trong cõi nhân thiên. Vả nữa, lúc hưởng phước ắt sẽ tạo nghiệp. Đã tạo ác nghiệp ắt khó tránh ác báo. Như bỏ chất độc vào đề hồ khiến người uống vào phải chết. Kẻ chẳng khéo dụng tâm, mắc họa như thế. Phải nên triệt để cắt đứt ý niệm ấy mới hòng được lợi ích hoàn toàn nơi Tịnh Độ, toàn thân thọ dụng vậy!

* Dù thọ cả trăm năm, chỉ trong khoảng khảy ngón tay, thở hắt ra một hơi là chẳng còn nữa! Hãy tìm đường thoát; chớ để đến lúc lâm chung, hối cũng chẳng kịp! Thường nhớ kinh dạy: *"Thân người khó được, trung quốc khó sanh, Phật pháp khó nghe, tín tâm khó khởi"*. Nay may đủ cả bốn điều, càng phải nên nỗ lực như đã lên được núi báu, phải tìm cho được ngọc Ma Ni.

Chúng sanh vì còn trong địa vị phàm phu, chưa đoạn Hoặc Nghiệp, sanh tử giải quyết chưa xong, khó tránh đọa lạc; cho nên, đức Như Lai cực lực khuyên chúng sanh phát tâm chân tín và nguyện tâm thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đem hết thảy công đức đã tạo: cúng dường Tam Bảo, giữ giới cả đời... chẳng cầu phước báo đời sau trong cõi nhân thiên, chẳng cầu đời này trường thọ, khỏe mạnh, yên vui, chỉ cầu lâm chung vãng sanh Tịnh Độ thì phù hợp với thệ nguyện của Phật, cảm ứng đạo giao, chắc chắn được mãn nguyện. Như người rớt xuống biển, có thuyền đến cứu, nếu chịu lên thuyền sẽ lên được bờ kia.

Cầu phước nhân thiên, chẳng cầu vãng sanh như chẳng lên thuyền, khó khỏi chết chìm. Phật muốn ông siêu phàm nhập thánh, ông lại chỉ nguyện được phước hữu lậu. Một khi phước báo đã hết, vĩnh viễn đọa trong đồ. Khác nào

dùng ngọc Ma Ni để ném chim sẻ, được thì ít, mất quá nhiều. Chẳng tiếc lắm ư? Hãy nên tự cảnh tỉnh!

* Nếu muốn trong đời này được hưởng lợi ích chân thật, hãy nên nương vào pháp môn Tịnh Độ, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì quyết định được liễu sanh thoát tử. Nếu chẳng y vào pháp môn Niệm Phật, đừng kể chi kẻ chưa được chân truyền Phật giáo, ngay cả kẻ đã được chân truyền cũng chẳng thể liễu sanh thoát tử. Vì sao thế? Dù được chân truyền, đại triệt, đại ngộ, nhưng vẫn chưa thật chứng. Có chứng mới liễu sanh thoát tử được, chứ chỉ ngộ thì chẳng thể liễu!

Tu các pháp môn khác đều phải đoạn Hoặc chứng chân mới có thể liễu sanh thoát tử. Tu pháp môn Tịnh Độ chỉ cần đủ tín thật, nguyện thiết, trì danh hiệu Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, Chánh -Trợ cùng hành, chẳng những được vãng sanh mà phẩm vị còn ưu thắng nữa. Chẳng riêng kẻ tin tưởng thuần thành, siêng tu được vãng sanh, mà hạng ngũ nghịch thập ác sanh lòng hổ thẹn lớn lao, chí tâm niệm Phật mấy tiếng thì ngay lúc mạng chung nhất định được vãng sanh. Do lòng từ rộng lớn của Phật, chuyên vì sự nghiệp độ sanh, nhất niệm hồi quang liền được nhiếp thọ. Như thế gọi là "nương Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh".

Chúng sanh đời mạt chẳng nương theo Tịnh Độ, tu các pháp môn khác chỉ được phước báo nhân thiên và tạo nhân duyên đắc độ cho đời vị lai mà thôi. Do không sức đoạn Hoặc, gốc sanh tử vẫn còn, dễ hồ chẳng nảy mầm mộng sanh tử nữa ư?

* Pháp Niệm Phật trọng tại tín - nguyện. Tín nguyện chân thiết, dù trong tâm chưa thanh tịnh cũng được vãng sanh. Vì sao vậy? Do chí tâm niệm Phật là năng cảm, nên A Di Đà Phật liền năng ứng. Như nước trong sông, biển, chưa thể dứt sạch tướng động; nhưng nếu không gió cuồng, sóng to thì vầng trăng rạng ngời trên không sẽ hiện bóng lồ lộ. Cảm ứng đạo giao như mẹ con nhớ nhau. Pháp khác chuyên trọng tự lực, chẳng nhờ vào Phật lực. Cứ do đấy mà hiểu được nghĩa này vậy.

* Ước theo những cách giảng dạy thông thường thì còn trong địa vị phàm phu muốn liễu sanh thoát tử thật chẳng phải chuyện dễ. Nếu ước theo pháp môn đặc biệt tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì ngay trong hiện đời ắt được liễu thoát. Nếu như đầy đủ tín thật, nguyện thiết thì trong vạn người nhất định chẳng sót một ai. Chúng sanh đời mạt chỉ có mỗi một pháp này đáng để nương cậy. Bởi thế, khi vận mạng đạo pháp ngày càng suy giảm thì pháp này càng thích đáng căn cơ, thiện tri thức càng đề xướng thiết tha. Chân thật tu trì liền được vãng sanh, là điều chứng nghiệm từng thấy.

* Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông. Có tín nguyện thì chẳng luận tu hành nhiều - ít, cạn - sâu đều được vãng sanh.

Không tín nguyện dẫu đạt đến địa vị cả Năng lẫn Sở cùng mất, hồi thoát căn trần thì cũng khó được vãng sanh.
Nếu như thật sự đạt được Thật Lý Năng lẫn Sở cùng mất, hồi thoát căn trần, có thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử thì chẳng phải bàn đến nữa. Nhưng nếu công phu chưa thấy được lý này, vẫn còn chưa thật chứng, nếu không có tín nguyện, cũng khó vãng sanh.
Thiền gia giảng Tịnh Độ quy về Thiền tông, bỏ qua tín nguyện. Nếu thật sự y theo đó mà tu, họa may được khai ngộ, nhưng chưa đoạn Hoặc nghiệp, muốn liễu sanh tử thì có mơ cũng mơ chẳng được. Bởi phàm phu vãng sanh là do tín nguyện cảm Phật, nên có thể nương vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Nay đã chẳng sanh tín nguyện, lại toan đem Phật lẫn cõi nước quy hết vào tự tâm, làm sao cảm Phật được? Cảm ứng chẳng phù hợp thì chúng sanh là chúng sanh, Phật là Phật, biến pháp Hoành Siêu (siêu việt tam giới theo chiều ngang) thành pháp Thụ Xuất (thoát tam giới theo chiều dọc), được lợi thì ít nhưng lại bị tổn hại rất sâu! Chẳng thể không biết điều này!
Được lợi là do tuân theo thuyết ấy, họa chăng được khai ngộ. Còn bị tổn hại là do bỏ đi tín nguyện sẽ không cách chi nhờ vào Phật từ lực được. Bởi vậy, tôi bảo: *"Người thực sự tu Tịnh Độ chẳng được dùng đến lời khai thị của nhà Thiền, vì tông chỉ của pháp môn bất đồng vậy"*.

ẤN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC, HẾT PHẦN I
(dịch xong ngày 13 tháng 12 năm 2003)

---o0o---

PHẦN 2

III. CHỈ DẠY PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ

1. Giảng Về Phương Pháp Niệm Phật

* Đã có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì hãy nên tu chánh hạnh Niệm Phật. Lấy Tín - Nguyện để dẫn đường, lấy niệm Phật làm chánh hạnh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh chính là tông yếu của pháp môn Niệm Phật. Có Hạnh nhưng không có Tín - Nguyện sẽ chẳng thể vãng sanh. Có Tín - Nguyện nhưng thiếu Hạnh cũng chẳng thể vãng sanh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh đầy đủ không thiếu sẽ quyết định được vãng sanh. Được vãng sanh hay không toàn là do có Tín - Nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp toàn là do công trì danh sâu hay cạn.
Về chánh hạnh niệm Phật nên tùy sức mỗi người mà lập, chẳng thể chấp chặt một bề. Nếu thân mình không bận việc, cố nhiên nên từ sáng đến tối, từ

đêm đến sáng, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, ăn cơm, mặc áo, đại tiện, tiểu tiện, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, giữ sao cho một câu hồng danh thánh hiệu chẳng rời tâm, miệng! Nếu rửa ráy, súc miệng thanh tịnh, áo mũ chỉnh tề và nơi chốn thanh tịnh thì niệm Phật ra tiếng hoặc niệm thầm đều được cả.

Còn lúc ngủ nghỉ, lúc thân hình hở hang, tắm gội, đại tiểu tiện, cũng như khi đến chỗ dơ bẩn chẳng sạch, chỉ nên thầm niệm, đừng niệm ra tiếng. Thầm niệm cũng có cùng một công đức [với niệm ra tiếng]. Niệm ra tiếng chẳng cung kính. Chớ bảo ở những chỗ ấy chẳng thể niệm Phật. Phải biết là ở những nơi ấy, chẳng được niệm ra tiếng mà thôi. Hơn nữa, lúc nằm ngủ nếu niệm ra tiếng chẳng những không cung kính lại còn bị tổn khí. Chẳng thể không biết điều này!

* Dù là niệm Phật lâu ngày chẳng hề gián đoạn, nhưng mỗi sáng chiều nên hướng về Phật lễ bái. Lễ xong, trước hết, niệm một biến kinh A Di Đà, ba biến chú Vãng Sanh; đoạn niệm tám câu kệ tán Phật: *"A Di Đà Phật thân kim sắc..."* Niệm kệ xong, niệm *"nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật"*. Tiếp đó, niệm sáu chữ *"nam mô A Di Đà Phật"* một ngàn lần hoặc năm trăm lần, nên vừa nhiễu Phật vừa niệm. Nếu chẳng tiện nhiễu Phật thì quỳ, hoặc ngồi, hoặc đứng niệm đều được cả.

Lúc niệm gần xong, bèn trở về chỗ, quỳ niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát, mỗi danh hiệu ba lượt. Sau đấy mới niệm Tịnh Độ Văn phát nguyện hồi hướng vãng sanh. Khi niệm Tịnh Độ Văn phải nương theo văn nghĩa mà phát tâm. Nếu tâm chẳng nương theo văn sẽ thành ra uổng công đọc xuông, chẳng được lợi ích thật sự! Đọc Tịnh Độ Văn xong niệm Tam Quy Y, lễ bái lui ra. Đây là công khóa sáng, buổi tối cũng như vậy.

Nếu muốn lễ bái nhiều hơn thì khi trở về chỗ, sẽ lễ Phật bao nhiêu lạy đó, xưng danh Bồ Tát chín lượt, lễ chín lạy. Lễ xong, phát nguyện hồi hướng. Hoặc lễ bái lúc niệm xong công khóa, miễn sao tiện cho mình là được. Nhưng phải khẩn thiết, chí thành, đừng làm lếu láo, qua loa. Bồ đoàn chẳng được cao quá, cao là chẳng cung kính!

Nếu như công việc bộn bề, không lúc rảnh rỗi, thì sáng tối sau khi rửa ráy, súc miệng xong, nếu có tượng Phật thì nên lễ Phật ba lạy, đứng ngay, niệm nam mô A Di Đà Phật. Hết một hơi là một niệm. Niệm đến mười hơi liền niệm Tiểu Tịnh Độ Văn, hoặc chỉ niệm bốn câu kệ *"nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung..."*. Niệm xong, lễ Phật ba lạy, lui ra.

Nếu không có tượng Phật thì hướng về Tây xá lạy, chiếu theo cách trên mà niệm. Đây là phép Thập Niệm do ngài Từ Vân Sám Chủ đời Tống vì hàng vương giả, đại thần quá bận rộn việc triều chánh, không rảnh để tu trì mà lập ra. Vì sao dạy niệm hết một hơi? Là vì chúng sanh tâm tán loạn, lại không

rảnh để chuyên niệm. Lúc niệm như vậy, họ sẽ mượn khí để nhiếp tâm, tự tâm chẳng tán. Phải tùy theo hơi dài hay ngắn, chẳng được cưỡng niệm cho nhiều đến nỗi tổn khí.
Lại chỉ nên niệm mười hơi, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi hơi. Niệm nhiều hơi cũng tổn khí. Vì tán tâm niệm Phật khó được vãng sanh nên pháp này khiến cho tâm quy một chỗ, nhất tâm niệm Phật, quyết định vãng sanh. Số câu niệm tuy ít, công đức rất sâu. Người cực nhàn, kẻ cực bận đều có pháp tắc. Còn kẻ nửa nhàn, nửa bận hãy tự nên châm chước để lập thành pháp tắc tu trì.
* Một pháp Niệm Phật chính là diệu pháp bậc nhất để bỏ trần lao, quay về giác, phản bổn quy nguyên. Đối với người tại gia, pháp này lại càng thân thiết. Vì người tại gia, thân trong lưới trần, công việc đa đoan, đối với những việc như nhiếp tâm tham thiền, tụng kinh trong tịnh thất... do hoàn cảnh sẽ chẳng làm được nổi hoặc chẳng đủ sức. Chỉ có mình pháp Niệm Phật là thuận tiện nhất.
Sáng tối đối trước Phật, tùy phận, tùy sức lễ bái, trì niệm, hồi hướng, phát nguyện. Ngoài ra thì đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, hết thảy thời, hết thảy chỗ đều niệm được cả. Nhưng ở nơi sạch sẽ, lúc cung kính thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Còn như ở những nơi chẳng sạch sẽ (như vào nhà tiêu chẳng hạn) hoặc nhằm lúc chẳng cung kính (chẳng hạn như đang nằm ngủ, tắm gội...) chỉ nên niệm thầm, chẳng nên niệm ra tiếng, chứ chẳng phải là ở những chỗ ấy, nhằm lúc ấy, không được niệm!
Nằm ngủ niệm ra tiếng thì chẳng những không cung kính, lại còn bị tổn khí, lâu ngày thành bệnh. Công đức niệm thầm giống hệt công đức niệm bình thường. Ấy là: *"Niệm ở đâu sẽ ở đó. Ngay thẳng cũng do đấy, mà điên đảo cũng bởi đấy"*.
* Đối với những điều như: Muốn tâm chẳng tham sự vật bên ngoài, chuyên niệm Phật nhưng chẳng thể chuyên, cứ toan chuyên chuyện khác; chẳng thể niệm, cứ muốn niệm những sự khác; chẳng thể nhất tâm, cứ muốn nhất tâm nơi chuyện khác v.v... thì chẳng có pháp tắc kỳ đặc, áo diệu nào khác cả; cứ lấy một chữ Tử dán ngay trên trán, rủ xuống tận lông mày, tâm luôn nghĩ:
"Ta là người nào mà từ vô thỉ mãi cho đến đời này đã tạo ác nghiệp vô lượng, vô biên. Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì tận mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi. Đời trước do may mắn nào, nay được thân người, lại được nghe Phật pháp. Nếu chẳng nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khi một hơi thở ra chẳng trở lại, quyết sẽ phải thọ khổ trong vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao nơi địa ngục, chẳng biết phải trải qua mấy kiếp.
Dù thoát địa ngục, lại đọa vào ngạ quỷ, bụng to như biển cả, họng bé như chiếc kim, đói khát bao kiếp dài lâu. Trong họng lửa cháy, chẳng được nghe

đến tên chất tương hay nước, khó được no lòng chốc lát. Từ ngạ quỷ ra, lại làm súc sanh: bị người cưỡi cổ, hoặc gieo thân vào bếp núc nhà người. Dù được làm người, cũng ngu si, vô trí, coi tạo nghiệp là đức năng, coi tu thiện là gông cùm. Chẳng qua mấy mươi năm lại bị đọa lạc; trải qua kiếp số nhiều như cát bụi luân hồi lục đạo. Dù có muốn xuất ly, cũng chẳng biết làm sao!". Nghĩ được như thế thì những việc mong muốn nói trên sẽ thành tựu được ngay. Bởi thế, ông Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quỳ, lâm chung tướng địa ngục hiện, niệm Phật mấy tiếng liền tận mắt thấy Phật đến tiếp dẫn vãng sanh. Lợi ích như thế, trăm ngàn vạn ức pháp môn khác trong cả một đời giáo hóa của Đức Phật đều không có. Tôi thường nói: *"Cửu giới chúng ta rời pháp này thì trên là chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới là chẳng thể lợi khắp quần sanh"* chính là vì lẽ này.

* Nếu niệm Phật tâm khó quy nhất thì nên nhiếp tâm niệm khẩn thiết, tâm sẽ tự có thể quy nhất. Tâm chẳng chí thành, muốn nhiếp tâm cũng chẳng được. Nếu đã chí thành, nhưng vẫn chưa thuần nhất thì hãy nên lắng tai nghe kỹ; chẳng luận là niệm ra tiếng hay niệm thầm, mỗi niệm đều phải từ tâm khởi, tiếng từ miệng thoát ra, âm thanh lọt vào tai (khi niệm thầm, miệng chẳng động, nhưng trong ấy vẫn có thanh tướng). Tâm và miệng niệm được rõ ràng, tách bạch; tai nghe cho rõ ràng, phân minh. Nhiếp tâm như thế vọng niệm sẽ tự dứt.

Nếu sóng vọng tưởng vẫn còn trào dâng thì dùng ngay pháp Thập Niệm Ký Số, dốc toàn bộ sức lực của tự tâm đặt vào mỗi câu Phật hiệu thì vọng muốn khởi cũng chẳng đủ sức. Diệu pháp nhiếp tâm niệm Phật rốt ráo này các vị hoằng dương Tịnh Độ trước kia chưa nhắc đến vì căn tánh người thời ấy còn lanh lợi, chẳng cần phải làm vậy vẫn có thể quy nhất. Ấn Quang vì tâm khó chế phục, mới biết cách này mầu nhiệm, càng thực hành càng thấy hiệu nghiệm, chứ chẳng phải là tự tiện nói mò. Xin chia sẻ cùng những người độn căn trong khắp thiên hạ đời sau ngõ hầu vạn người tu, vạn người về.

Pháp Thập Niệm Ký Số vừa nhắc đến đó như sau: Trong khi niệm Phật, từ một câu đến mười câu phải niệm cho phân minh, nhớ số phân minh. Niệm hết mười câu lại niệm từ một câu đến mười câu, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi câu. Niệm câu nào nhớ câu nấy, chẳng được lần chuỗi, chỉ dựa vào tâm để nhớ. Nếu thấy khó nhớ cả mười câu thì chia ra làm hai hơi: từ câu thứ nhất đến câu thứ năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười. Nếu vẫn chưa được, hãy niệm thành ba hơi: từ câu thứ nhất đến câu thứ ba, từ câu thứ tư đến câu thứ sáu, và từ câu thứ bảy đến câu thứ mười. Niệm cho rõ ràng, nhớ cho phân minh, nghe cho rành rẽ, vọng niệm không chỗ chen chân, lâu ngày sẽ tự được Nhất Tâm Bất Loạn.

Phải biết là pháp Thập Niệm này nhiếp vọng giống như pháp Thập Niệm sáng chiều, chỉ có cách dụng công là khác nhau. Pháp Thập Niệm Sáng Chiều coi hết một hơi là một niệm, chẳng luận là số câu niệm Phật nhiều hay ít; còn cách này cứ một câu là một niệm. Cách kia chỉ có thể niệm mười hơi vào mỗi sáng, chiều; nếu niệm đến hai mươi, ba mươi hơi sẽ bị tổn khí thành bệnh. Cách này niệm một câu Phật hiệu, tâm biết là một câu; niệm mười câu Phật hiệu, tâm biết là mười câu. Từ một đến mười, rồi lại từ một đến mười. Suốt ngày niệm mấy vạn câu đều giống như thế. Chẳng những trừ được vọng, lại còn dưỡng thần rất hay. Dù niệm chậm hay nhanh, trọn chẳng trệ ngại. Từ sáng đến tối, không lúc nào chẳng thích hợp.
So với cách lần chuỗi để nhớ số, lợi ích cách xa một trời một vực. Cách nhớ số bằng chuỗi khiến thân mệt, tinh thần động. Cách Thập Niệm Ký Số này khiến thân thong thả, tâm an nhàn. Chỉ những lúc làm việc khó nhớ nổi số thì cứ khẩn thiết niệm. Làm việc xong, lại nhiếp tâm nhớ số thì những ý tưởng lông bông qua lại sẽ theo nhau gom về chuyên chú nơi một cảnh Phật hiệu. Đức Đại Thế Chí nói: *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất"*. Kẻ lợi căn chẳng cần bàn đến, còn như bọn độn căn ta bỏ cách Thập Niệm Ký Số này lại mong "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" thật khó khăn lắm thay!
Lại phải nên biết rằng cách nhiếp tâm niệm Phật này chính là pháp vừa cạn vừa sâu, vừa Tiểu vừa Đại, chẳng thể nghĩ bàn! Chỉ nên ngửa tin lời Phật, chớ vì mình chưa hiểu đến nơi đến chốn bèn sanh ngờ vực, đến nỗi thiện căn nhiều kiếp do đây phải mất, chẳng thể tự rốt ráo đạt được lợi ích, thật là đáng buồn!
Chỉ nên lần chuỗi niệm Phật trong hai lúc: đi hoặc đứng. Nếu tịnh tọa dưỡng thần, do tay động tinh thần chẳng thể an, lâu ngày thành bệnh. Pháp Thập Niệm Ký Số này, đi, đứng, nằm, ngồi đều thực hành được cả, nhưng lúc nằm chỉ nên niệm thầm, chẳng được niệm ra tiếng. Nếu niệm ra tiếng thì một là chẳng cung kính, hai là bị tổn khí. Hãy nhớ kỹ, nhớ chắc!
* Đã có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, phải nên chí tâm chấp trì sáu chữ thánh hiệu "nam mô A Di Đà Phật". Bất luận đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, mặc áo, ăn cơm, và đại tiểu tiện v.v... đều chẳng lìa sáu chữ hồng danh (hoặc trì bốn chữ cũng được). Cần phải niệm sao cho toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm Phật chẳng hai, tâm Phật nhất như. Nếu có thể niệm tại đâu chú tâm tại đó, niệm đến cùng cực, tình mất sạch, tâm không, Phật hiện, sẽ chứng được tam muội ngay trong đời này. Đến lúc lâm chung, sanh trong Thượng Thượng Phẩm, có thể nói là đã hoàn tất sự tu trì đến cùng cực vậy.
* Lúc niệm Phật nên tùy nghi. Nay trong Niệm Phật đường của các tùng lâm đều niệm kinh A Di Đà xong thì niệm chú Vãng Sanh ba biến hoặc một biến,

rồi mới xướng kệ niệm Phật. Tán kệ xong, niệm tiếp "nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật" rồi nhiễu niệm. Phải đi nhiễu từ Đông sang Nam, từ Tây sang Bắc. Đấy là thuận tùng, là tùy hỷ. Thuận tùng mới có công đức. Tây Vực trọng nhất là đi nhiễu. Ở phương này, cùng thực hành cả hai cách lễ bái và đi nhiễu. Nếu đi từ Đông sang Bắc, từ Tây sang Nam thì là "phản nhiễu" (đi nhiễu ngược chiều) sẽ mắc tội, chẳng thể không biết điều này! Nhiễu niệm một khắc rưỡi rồi ngồi thầm niệm. Ước chừng một khắc lại niệm Phật ra tiếng.
Niệm xong, quỳ niệm Phật mười lần. Quan Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, mỗi danh hiệu niệm ba lượt. Sau đấy mới niệm Phát Nguyện Văn. Người tại gia ngại thất nhỏ khó nhiễu niệm thì đứng, quỳ hay ngồi niệm đều được. Chỉ nên án theo tinh thần mình mà định, bất tất phải nhờ người khác lập pháp tắc cho mình.
* Niệm Phật tuy quý ở tâm niệm, nhưng chẳng thể bỏ miệng tụng. Vì ba thứ thân - khẩu - ý hỗ trợ nhau. Nếu tâm ức niệm, nhưng thân chẳng lễ kính, miệng chẳng trì tụng thì cũng khó được lợi ích. Thế gian nhấc vật nặng còn phải dùng tiếng [hò reo] để trợ lực, huống là muốn nhiếp tâm để chứng tam muội ư?
Vì thế, kinh Đại Tập nói: *"Niệm lớn thấy Phật lớn. Niệm nhỏ thấy Phật nhỏ"*. Cổ đức bảo: *"Niệm lớn tiếng sẽ hiện thân Phật lớn. Niệm nhỏ tiếng sẽ hiện thân Phật nhỏ"*. Hàng phàm phu đầy dẫy triền phược, tâm nhiều hôn trầm, nếu chẳng nhờ vào sức thân khẩu lễ niệm mà mong được nhất tâm thật chẳng thể được!
* Hòa Thượng Thiện Đạo là hóa thân của đức Di Đà, có đại thần thông, có đại trí huệ, nhưng khi hoằng khai, xiển dương Tịnh Độ, Ngài chẳng luận đến chỗ huyền diệu, chỉ chú trọng vào những điểm chân thật, thiết thực, bình thường để dạy người tu trì. Thuyết Chuyên Tạp Nhị Tu (hai đường lối chuyên tu và tạp tu) của Ngài dạy lợi ích vô cùng.
Chuyên Tu nghĩa là thân nghiệp chuyên lễ (đi nhiễu và trong hết thảy chỗ đều chẳng phóng dật thì là thân nghiệp chuyên lễ), khẩu nghiệp chuyên xưng (hễ trì tụng kinh chú đều chí tâm hồi hướng, cũng có thể gọi là chuyên xưng), ý nghiệp chuyên niệm. Như thế thì vãng sanh Tây Phương vạn người chẳng sót một.
Tạp Tu là kiêm tu các thứ pháp môn, hồi hướng vãng sanh. Do tâm chẳng thuần nhất nên khó được lợi ích; trong trăm người họa may được một hai, trong ngàn người may ra được ba bốn người vãng sanh! Đấy là lời chân thành phát xuất từ miệng vàng, là lời phán định chắc như sắt ngàn đời chẳng đổi được.
* Phát Nguyện Văn, văn tuy rộng lớn, nhưng phải chân thật phát nguyện từ nơi tâm mới gọi là Nguyện. Nếu không, tâm - miệng trái nhau, gọi là

Nguyện sao được? Muốn nguyện [được phước báo] trong hiện đời cũng chẳng ngại gì. Muốn được phước huệ, đông con lắm cháu thì cứ cầu bằng cách chất chứa thật nhiều âm đức, rộng hành các phương tiện.
* Niệm Phật chẳng thể bỏ qua hồi hướng. Hồi hướng chính là dùng miệng để phát khởi tín nguyện. Nhưng chỉ nên hồi hướng sau khi hoàn tất khóa tụng sáng tối và sau khi niệm Phật, tụng kinh giữa ngày xong. Niệm Phật thì nên niệm từ sáng đến tối chẳng gián đoạn, chỉ cần trong tâm có ý niệm nguyện được vãng sanh là đã luôn hồi hướng. Nếu cứ theo nghi thức tụng văn hồi hướng sẽ chẳng luôn luôn được như vậy. Các kinh Đại Thừa, kinh nào cũng đều dạy chúng sanh thẳng đến Phật đạo; chỉ hận người tụng chẳng thành tâm niệm tụng, đến nỗi chẳng được lợi ích hoàn toàn.
* Trong sinh hoạt hằng ngày, với tất cả những việc thiện nhỏ nhoi và các thiện căn tụng kinh, lễ bái đều đem những công đức ấy hồi hướng vãng sanh. Như thế thì hết thảy hạnh môn đều là Trợ Hạnh của Tịnh Độ. Giống như các hạt bụi tụ thành đất, các dòng chảy dồn lại thành biển rộng lớn sâu thẳm, ai có thể cùng tận được nổi!
Nhưng phải phát Bồ Đề tâm, thệ nguyện độ sanh, tất cả công đức tu trì hồi hướng cho khắp bốn ân, ba cõi pháp giới chúng sanh, như lửa thêm dầu, như mạ gặp mưa. Đã kết sâu pháp duyên cùng hết thảy chúng sanh thì sẽ mau thành tựu hạnh Đại Thừa thù thắng của chính mình. Nếu chẳng biết nghĩa này thì chỉ là sự hiểu biết của phàm phu, Nhị Thừa, dù tu diệu hạnh chỉ cảm được quả báo thấp kém!

* Nên phát nguyện vào lúc niệm Phật sáng chiều xong (với pháp Thập Niệm sáng chiều cũng phải niệm Phật trước rồi mới phát nguyện). Hoặc là dùng bài Tiểu Tịnh Độ Văn [để phát nguyện]. Nếu thân tâm rảnh rỗi thì nên đọc bài Tịnh Độ Văn do Liên Trì đại sư soạn. Bài này văn từ, nghĩa lý châu đáo, hay nhất xưa nay. Phải biết rằng phát nguyện đọc văn là nương theo văn để phát nguyện, chứ chẳng phải chỉ đọc qua một lượt là đã phát nguyện đâu!

* Với công khóa mỗi ngày, công khóa nào cũng đều nên hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Nếu đem công khóa này hồi hướng cho việc này, công khóa kia hồi hướng cho việc kia thì chẳng phải là không được, nhưng phải có lời phổ đồng hồi hướng thì mới tương hợp với ba thứ hồi hướng.

Ba thứ hồi hướng là:

- Một là hồi hướng về Chân Như Thật Tế, tâm tâm khế hợp.
- Hai là hồi hướng Phật Quả Bồ Đề, niệm niệm viên mãn.
- Ba là hết thảy pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ.

Ai nấy có chí riêng, người người có nghiệp riêng (nghiệp ở đây là thức nghiệp), nhưng tùy duyên tùy phận đều được vãng sanh cả, bất tất mọi người phải giống hệt nhau.

---o0o---

2. Đối Trị Tập Khí

* Niệm Phật muốn được nhất tâm thì trước hết phải phát tâm chân thật, thật sự vì liễu sanh tử, chẳng phải vì mong người đời gọi mình là người tu hành chân thật. Lúc niệm, từng câu, từng chữ phải từ tâm phát khởi, từ miệng thốt ra, lọt vào tai. Mỗi câu đều như thế, trăm ngàn vạn câu cũng đều như thế. Làm được như thế thì vọng niệm không do đâu khởi được, tâm và Phật tự có thể khế hợp nhau. Lại phải khéo dụng tâm, đừng đến nỗi quá chấp trước để rồi thân tâm bất an, đến nỗi ma sự có thể phát khởi. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, hành đúng theo đây, nhất định sẽ chẳng lầm lạc.

* Lúc niệm Phật chẳng thể khẩn thiết là vì chưa biết Sa Bà là khổ, Cực Lạc là vui! Nếu nghĩ rằng thân người khó được, trung quốc khó sanh, Phật pháp khó nghe, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó gặp. Nếu chẳng nhất tâm niệm Phật, một hơi thở ra chẳng trở lại, chắc chắn sẽ tùy theo nghiệp nặng nhất trong đời trước hay đời này đọa trong tam đồ ác đạo, chịu khổ bao kiếp dài lâu trọn chẳng có kỳ ra.

Như thế là "do nghĩ khổ địa ngục, phát Bồ Đề tâm". Bồ Đề tâm chính là tâm tự lợi, lợi tha. Tâm này vừa phát sẽ như bình được sét đánh xuống, như thuốc thêm lưu huỳnh, sức nó rất lớn lại rất nhanh chóng. [Do phát tâm Bồ Đề] tiêu được nghiệp chướng, tăng phước huệ, chẳng thể lấy những thiện căn, phước đức bình thường sánh ví nổi.

* Niệm Phật nên thường tưởng như mình sắp chết, sắp đọa địa ngục, thì chẳng khẩn thiết cũng sẽ tự khẩn thiết, chẳng tương ứng cũng tự tương ứng. Dùng tâm sợ khổ niệm Phật chính là diệu pháp thoát khổ bậc nhất, cũng là diệu pháp tùy duyên tiêu nghiệp bậc nhất.

* Trị tập khí trong tâm thì chỉ có siêng năng, chỉ có thiết tha, nhưng vẫn chưa đạt, chưa thấy được tập khí tiêu trừ là vì cớ gì? Ấy là tâm sanh tử chưa thiết tha, chỉ đem pháp siêu phàm nhập thánh, tiêu trừ Hoặc nghiệp, thành tựu tịnh niệm này bàn suông nơi cửa miệng nên chẳng đạt hiệu quả thật sự.

Nếu như biết thân người khó được, Phật pháp khó nghe, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó gặp. Nay mình may được thân đại trượng phu, lại được nghe pháp môn Tịnh Độ khó tin nhất, dám đâu để quang âm hữu hạn bị tiêu hao hết sạch bởi sắc, thanh, của cải, lợi lộc, để rồi vẫn sống thừa, chết uổng như cũ, vẫn lại trầm luân lục đạo, không ngày thoát ra ư?

Hãy đem ngay một chữ Tử dán vào trán. Hễ những cảnh chẳng nên tham luyến hiện ra liền biết đấy chính là vạc sôi, lò than của chính mình, quyết sẽ chẳng đến nỗi như con thiêu thân đâm đầu vào lửa, cam chịu đốt mình! Với những sự mình phải nên làm sẽ biết đấy là thuyền từ để thoát khổ, quyết sẽ

chẳng đến nỗi gặp việc nhân bèn thoái thác, thấy việc nghĩa chẳng làm! Như thế thì trần cảnh sẽ là duyên để nhập đạo, há cần phải dứt sạch trần duyên mới kham tu đạo chăng? Bởi đã làm chủ được tâm, chẳng bị cảnh chuyển thì trần lao chính là giải thoát.
Vì thế, kinh Kim Cang mấy lượt dạy người tâm chẳng trụ tướng, phát tâm độ tận hết thảy chúng sanh, nhưng chẳng thấy ta là người độ, chúng sanh là người được độ và tướng thọ giả của vô dư Niết Bàn để đắc thì mới là thật sự hành Bồ Tát đạo. Nếu thấy có ta là người độ, chúng sanh được độ và vô dư Niết Bàn là pháp để độ thì tuy là độ sanh, nhưng chưa thể khế hợp đạo Nhất Thừa Thật Tướng. Vì chẳng thấu rõ bản thể của chúng sanh là Phật, Phật tánh bình đẳng, vọng khởi phàm tình, thánh giải đến nỗi lợi ích vô vi biến thành công đức hữu vi. Huống hồ là tham luyến, dính chặt vào thanh, sắc, của cải, lợi lộc ư?
* Niệm Phật chẳng thể thuần nhất thì phải chế tâm, chẳng để nó chạy theo bên ngoài. Lâu ngày sẽ tự được thuần nhất. Nói "thành phiến" (tâm biến thành một phiến, một khối) nghĩa là thuần nhất, không tạp vậy.

* Sơ tâm niệm Phật, lúc còn chưa tự chứng tam muội, ai lại chẳng có vọng niệm? Cốt sao tâm thường giác chiếu, chẳng chuyển theo vọng. Ví như quân hai bên đối đầu nơi chiến lũy, ắt phải giữ vững thành quách bên mình chẳng để quân giặc xâm phạm chút nào, chờ lúc giặc vừa phát tác, mình liền nghênh địch, đánh trả, ắt phải dùng quân Chánh Giác bao vây bốn mặt khiến địch không lối lên trời, không nẻo chui xuống đất. Chúng nó sợ bị tận diệt bèn khuất phục, quy hàng.
Điều tối yếu là chủ soái chẳng hôn trầm, chẳng lười nhác, luôn luôn tỉnh táo mà thôi. Nếu một phen hôn trầm, lười nhác thì chẳng những không diệt được giặc, trái lại còn bị giặc diệt. Vì thế người niệm Phật chẳng biết nhiếp tâm thì càng niệm, càng sanh vọng tưởng. Nếu nhiếp được tâm thì vọng niệm sẽ dần dần mỏng nhẹ, cho đến hết sạch. Vì thế bảo:
Học đạo do như thủ cấm thành,
Trú phòng lục tặc, dạ tỉnh tỉnh,
Tướng quân chủ soái năng hành lịnh,
Bất động can qua định thái bình
(Tạm dịch:
Học đạo hệt như giữ cấm thành,
Ngày phòng sáu giặc, đêm luôn tỉnh,
Tướng quân chủ soái luôn đôn đốc,
Chẳng dấy binh đao, vững thái bình)
* Niệm Phật tâm chẳng quy nhất là do tâm sanh tử chẳng thiết tha. Nếu luôn nghĩ như đang bị nước dâng, lửa đốt, không được cứu viện, luôn tưởng sắp bị chết, sắp đọa địa ngục, tự tâm sẽ quy nhất, chẳng cần phải tìm diệu pháp

nào khác. Vì thế trong kinh thường nói: *“Nghĩ khổ địa ngục, phát Bồ Đề tâm”*. Đấy chính là lời khai thị tối thiết yếu của đấng Đại Giác Thế Tôn, tiếc người đời chẳng chịu chân thật suy tưởng.
Nỗi khổ địa ngục so với thảm trạng nước, lửa sâu đậm hơn vô lượng, vô biên lần. Nghĩ đến nước cuốn, lửa cháy liền run rẩy, tưởng đến địa ngục lại hờ hững thì:
- Một là vì tâm lực nhỏ chẳng thể hiểu rõ sự khổ đó.
- Hai là khi chính mắt thấy sẽ bất giác hoảng sợ, lông tóc dựng cả lên.
* Niệm Phật cũng là cách để dưỡng khí, điều thần, mà cũng là pháp để tham cứu bổn lai diện mục. Vì sao nói thế? Tâm chúng ta thường luôn rối loạn, nếu chí thành niệm Phật thì sẽ thấy hết thảy tạp niệm, vọng tưởng dần dần bị tiêu diệt nên tâm quy nhất. Quy nhất thì tự nhiên thần khí sung mãn, thông suốt.
Ông chẳng biết niệm Phật diệt được vọng ư? Hãy thử niệm, sẽ thấy các thứ vọng niệm trong tâm đều hiện. Nếu niệm lâu ngày sẽ tự thấy không có các thứ vọng niệm đó nữa. Lúc đầu biết có vọng niệm là nhờ niệm Phật mới thấy được các vọng niệm trong tâm mình. Chẳng niệm Phật sẽ chẳng thấy.
Ví như trong nhà, sạch sẽ không bụi, một ánh nắng lọt qua khe cửa sẽ thấy không biết bao nhiêu là bụi. Bụi trong nhà do ánh mặt trời hiện rõ, vọng niệm trong tâm do niệm Phật hiện rõ. Nếu thường niệm Phật, tự tâm sẽ thanh tịnh. Khổng Tử hâm mộ đạo của Nghiêu, Thuấn, Châu Công, niệm niệm chẳng quên, nên thấy Nghiêu trong canh, thấy Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng. Đấy là do luôn luôn nghĩ nhớ.
Niệm Phật có khác chi? Do vì Hoặc nghiệp, tâm và miệng của chúng sanh biến thành nhiễm ô, nên Phật dạy dùng tâm và miệng xưng niệm hồng danh thánh hiệu A Di Đà Phật, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Niệm lâu ngày, nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao, Phật tánh sẵn có nơi tự tâm sẽ tự hiển hiện.
* Nếu như vọng niệm đầy dạ, qua lại loang loáng, quẩn quanh nơi ý, đó là do chưa thật sự đề khởi chánh niệm. Nếu chánh niệm chân thật, thiết tha thì sẽ khăng khăng chuyên chú vào một cảnh chánh niệm. Như thường nói: *“Chế ngự, thuần phục đúng pháp thì giặc cướp cũng như con đỏ. Chế ngự, thuần phục thất cách thì kẻ tay chân cũng thành oan gia”*.
Còn thuộc địa vị phàm phu, ai là không phiền não? Phải luôn luôn đề phòng sẵn thì tự nhiên khi gặp cảnh, đụng duyên, chẳng đến nỗi phiền não bạo phát. Ví dù phiền não có phát, vẫn có thể nhanh chóng đề khởi giác chiếu khiến phiền não tiêu diệt. Những cảnh làm phiền não khởi nào phải chỉ có một, chỉ nêu những cảnh dễ khởi phiền não nhất thì chẳng ngoài tài, sắc và những chuyện ngang trái mà thôi.

Nếu biết tiền tài vô nghĩa, hại hơn rắn độc thì thấy tiền tài sẽ chẳng khởi phiền não, chỉ phương tiện cùng người [sử dụng tiền tài], chứ rốt ráo luôn quay về tiền trình [giải thoát] của chính mình, sẽ không có phiền não "hoạn nạn cùng quẫn, cấp bách cầu cứu, tham tiếc tiền tài chẳng bỏ được"!
Về sắc thì đối trước dung mạo như hoa, như ngọc, tâm luôn nghĩ như chị, như em. Dù gặp gái ăn sương, vẫn nghĩ như thế, sanh lòng thương xót, sanh tâm độ thoát, sẽ không có phiền não "thấy sắc động lòng". Vợ chồng kính trọng nhau như khách, coi thê thiếp như ân nhân giúp mình nối dõi tổ tông, chẳng dám xem nhẹ họ như vật để hành lạc thỏa dục thì sẽ không có phiền não "đắm dục diệt thân, vợ chẳng thể sanh nở, con chẳng thành người".
Giáo huấn con cái từ nhỏ sẽ không có phiền não "con cái ngỗ nghịch với cha mẹ, bại hoại môn phong". Ngay cả khi gặp cảnh trái ngang, phải sanh lòng thương xót, thương kẻ đó vô tri, chẳng nên so đo. Lại nghĩ do mình đời trước từng não hại kẻ đó; do vậy phải đền nợ cũ, sanh lòng hoan hỷ, sẽ không có phiền não "trả thù kẻ trái nghịch".
Những điều vừa nói trên chỉ dành cho người sơ cơ. Còn nếu là bậc đại sĩ tu lâu do đã thấu rõ Ngã Không nên vô tận phiền não đều hóa thành đại quang minh tạng, giống như đao đã mài bén, vàng đã luyện thuần. Sen nhờ bùn vun bón mới được thanh tịnh, tươi sạch.
* Cái học của người quân tử là vì mình, niệm niệm nhắc nhở mình tự tỉnh. Giác và mộng hệt như nhau, chỉ có công phu đến nơi mới hiểu được. Chỉ là hễ giác liền tu trì ngay, lâu ngày, ngay trong mộng cũng chẳng làm gì lầm lỡ!
* Người học đạo nặng đạo niệm một phần, sẽ nhẹ phàm tình một phần, đó là lẽ tất nhiên! Người chưa đoạn Hoặc phải thường nỗ lực. Nếu một phen phóng túng, bệnh cũ nhất định sẽ tái phát. Người đã đoạn sạch Kiến Tư Hoặc mới nên tùy ý hành động, chẳng cần phải kiềm chế, gìn giữ!
* Tâm tham - sân - si ai nấy đều có. Nếu biết đó là bệnh, thế lực của chúng sẽ khó lừng lẫy được. Ví như giặc vào nhà người, nếu chủ nhân nhà ấy tưởng là người trong nhà thì đồ trân báu của cả nhà sẽ bị nó lén trộm mất sạch. Nếu biết nó là giặc, sẽ chẳng cho nó ở lại nhà mình dù chỉ một khắc, ắt phải đuổi nó đi thật xa khuất mắt, mới hòng tài bảo chẳng bị mất, chủ nhân yên vui.
Cổ đức bảo: *"Bất phạ niệm khởi, đản phạ giác trì"* (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ e biết chậm). Tham - sân - si vừa khởi lập tức biết ngay, nó sẽ lập tức tiêu diệt. Nếu coi tham - sân - si là ông chủ chánh trong nhà mình sẽ giống như nhận giặc làm con, của báu trong nhà ắt phải tiêu tán hết!
* Bị cảnh chuyển là sức "tháo trì" còn nông cạn. Vui - giận dấy động bên trong hiện thành vẻ tốt - xấu ngoài mặt. "Tháo trì" có nghĩa là hàm dưỡng. Nếu coi trọng chánh niệm thì mọi thứ khác đều xem nhẹ. Vì thế, người thật

sự tu hành phải mài luyện trong trần lao, khiến cho phiền não, tập khí dần dần bị tiêu diệt thì mới là công phu thực sự.
* Hãy để chuyện đối trị tập khí, phiền não trong tự tâm lại đó khoan bàn tới. Chỉ hành trì ngoài mặt, công phu bên trong trống rỗng; trái lại còn sanh ngã mạn, coi công - lợi là đức thì càng bị tổn hại nhiều! Ví như ăn cơm phải có rau dưa phụ trợ, lại cũng như thân thể phải dùng áo mão để trang hoàng. Nơi con đường đạo tu hành dài lâu để liễu sanh tử, sao lại muốn thâm nhập một môn, phế sạch các môn khác? Phế sạch các môn khác, chỉ lo đả thất[16] thì còn được. Còn trong lúc thường nhật, nếu chẳng phải là bậc Bồ Tát tái lai [17], chắc chắn chưa có một ai lại không trở thành hạng biếng nhác, ngạo mạn. Bởi lẽ tâm phàm phu thường hay sanh chán.
Trời sanh ra vật, ắt phải mưa nắng điều hòa, nóng lạnh đắp đổi mới có thể khiến cho mọi vật sanh thành, tạo hóa. Giả sử mưa hoài, nắng mãi, luôn lạnh, luôn nóng thì dưới khắp gầm trời sẽ trọn chẳng có một vật gì! Huống hồ bọn ta tâm như khỉ vượn, chẳng dùng các biện pháp đối trị, lại muốn nó an trụ một nơi, chẳng vọng rong ruổi thì thật là khó lắm, khó lắm! Ai nấy nên tự gắng sức, chớ nên thiên chấp một pháp, cũng đừng lan man không đầu mối gì hết!
* Cứ hướng ngoại rong ruổi, tìm cầu, chẳng biết phản chiếu hồi quang, học Phật như thế, thật khó được lợi ích thật sự! Mạnh Tử nói: *"Đạo học vấn không có gì khác cả, cầu sao buông được cái tâm mà thôi"*. Ông học Phật chẳng biết lắng lòng niệm Phật thì đối với Nho giáo còn chưa thật tuân hành, huống hồ là đối với pháp chân thật lắng tâm của Phật giáo ư?
Quán Thế Âm Bồ Tát phản văn tự tánh (xoay trở lại nghe nơi tự tánh). Đại Thế Chí Bồ Tát nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Kinh Kim Cang không trụ vào đâu mà sanh tâm, chẳng trụ Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp mà hành bố thí, cho đến vạn hạnh. Tâm Kinh soi thấy Ngũ Uẩn đều không. Những pháp này đều là diệu pháp dạy người đối cảnh hiểu biết được tâm. Nếu cứ nhất quyết muốn học rộng hết cả thì chẳng phải là không lợi ích, nhưng vì nghiệp chướng chưa tiêu nên chưa được lợi ích, lại bị mắc bệnh trước!
* Khi làm việc chưa thể niệm tại đâu, tâm tại đó là do chưa đạt đến cảnh giới Nhất Tâm Bất Loạn, tâm vô nhị dụng, nên khó tránh khỏi gián đoạn. Chỉ cần luôn giữ được tâm giác chiếu thì cũng chẳng ngại gì.
* Một sự sắc dục là bệnh chung của toàn bộ người đời. Chẳng những kẻ trung hạ bị sắc mê hoặc; ngay cả người thượng căn, nếu chẳng tự gìn giữ, run sợ, luôn nghĩ kiêng dè thì cũng khó tránh khỏi bị nó mê hoặc. Hãy thử nhìn xem: từ xưa đến nay, không ít bậc hào kiệt phi thường đáng coi là bậc thánh bậc hiền, chỉ do chẳng vượt được cái ải này lại thành ra kẻ hạ ngu, bất tiếu, còn vĩnh viễn đọa lạc trong ác đạo.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Nếu lục đạo chúng sanh trong các thế giới tâm chẳng dâm sẽ chẳng sanh tử tiếp nối. Các ông tu tam muội vốn là để thoát trần lao, nhưng chưa trừ dâm tâm, chưa thoát khỏi trần. Người học đạo vốn là để xuất ly sanh tử, nếu chẳng thể đau đáu trừ khử bệnh này nhất định sẽ khó thoát lìa sanh tử"*.

Như vậy, pháp môn Niệm Phật tuy đới nghiệp vãng sanh, nhưng nếu thói quen dâm dục cố kết sẽ xa cách Phật, khó thể cảm ứng đạo giao. Đối với họa sắc dục này thì không gì bằng đối với hết thảy nữ nhân luôn khởi lên thân tưởng, oán tưởng, bất tịnh tưởng.

Thân tưởng là thấy người già coi như mẹ, thấy người lớn hơn coi như chị, coi người nhỏ hơn như em, với trẻ nhỏ coi như con gái. Dù dục tâm mạnh mẽ, quyết chẳng thể khởi ý niệm bất chánh đối với mẹ, chị, em, con. Thấy hết thảy nữ nhân đều là mẹ, chị, em gái, con gái mình thì đương nhiên chế ngự được dục, dục không do đâu phát khởi được.

Oán tưởng là phàm thấy mỹ nữ, bèn khởi tâm yêu mến. Do tâm yêu mến đó sẽ đọa ác đạo, bao kiếp dài lâu thọ khổ, chẳng thể xuất ly. Như thế thì cái gọi là mỹ lệ, kiều mỵ còn kịch hại hơn giặc cướp, cọp, sói, rắn độc, rết dữ, tỳ sương, trầm độc (3) gấp trăm ngàn lần. Với kẻ oán gia cực lớn ấy, vẫn còn quyến luyến, mơ tưởng, chẳng phải là kẻ mê muội quá sức hay sao?

Bất tịnh tưởng là vẻ xinh đẹp rung động lòng người chỉ là một lớp da mỏng bên ngoài. Nếu bóc lớp da ấy đi, sẽ chẳng can đảm nhìn nữa. Xương, thịt, máu, mủ, phân, tiểu đầm đìa, lông, tóc loạn xị, trọn chẳng có vật nào đáng để người khác yêu thích được cả. Chỉ vì một lớp da mỏng che phủ bèn lầm sanh luyến ái. Bình đẹp đựng phân, không ai ưa mến. Nay lớp da mỏng của mỹ nhân khác gì bình đẹp, những thứ được gói trong da khác gì phẩn uế, sao lại yêu mến lớp da, quên đi các thứ vật dơ chứa trong lớp da đó, khởi lên vọng tưởng miên man?

Nếu chẳng run rẩy, kinh sợ, quyết liệt trừ khử thói quen này, sẽ chỉ thấy người nữ kia tư chất mỹ lệ, đến nỗi mũi tên ái dục đâm thấu xương mà chẳng chịu nhổ ra. Nếu cứ luôn như vậy mà lại muốn sau khi mất chẳng vào trong bụng người nữ, quyết chẳng thể được! Vào bụng người nữ còn khá, vào bụng súc sanh cái thì chẳng biết làm sao! Thử nghĩ đến đấy, tâm thần kinh hãi.

Nhưng muốn đối với những cảnh trông thấy chẳng khởi nhiễm tâm thì lúc chưa thấy cảnh phải thường tập ba thứ tưởng nói trên, khi thấy cảnh sẽ tự có thể chẳng bị cảnh chuyển. Nếu không dù chẳng thấy cảnh nhưng tâm ý vẫn cứ triền miên, rốt cục vẫn bị tập khí dâm dục trói buộc. Bởi thế, phải nhận chân, gột trừ ác nghiệp tập khí thì tự do mới được có phần.

* Bàn đến những ai bị việc đời trói buộc, không cách nào thoát được; nếu trong lúc bị buộc ràng mà có thể chẳng bị chúng xoay chuyển sẽ thoát ngay

được những buộc ràng ấy. Như gương chiếu vật, vật đến chẳng cự tuyệt, vật đi chẳng giữ lại. Nếu chẳng hiểu nghĩa này, dù có bỏ sạch việc đời không còn một việc gì thì tâm vẫn cứ tán vọng, ràng buộc kiên cố, chẳng thể gột sạch.

Người học đạo phải làm đúng với bổn phận của mình, tận hết bổn phận. Như vậy, dù suốt ngày việc đời bận bịu, vẫn suốt ngày tiêu dao ngoại vật. Câu nói *"nhất tâm vô trụ, vạn cảnh câu khai, lục trần bất ố, hoàn đồng Chánh Giác"* (nhất tâm vô trụ, vạn cảnh đều khai, chẳng ghét sáu trần, đều coi chúng là Chánh Giác) là nói về điều này vậy.

* Muốn cho Chân Trí hiển hiện thì hãy nên thường khởi giác chiếu đối với mọi ngôn từ, cử chỉ hằng ngày, chẳng để hết thảy những tình cảm, ý tưởng trái lẽ tạm thời nảy mầm trong tâm. Thường giữ cho tâm này hư minh đỗng triệt (trống không, sáng suốt, thấu suốt)như gương đặt trên đài, gặp cảnh nào hiện bóng cảnh nấy, chỉ chiếu cảnh trước mắt, chẳng bị chuyển theo cảnh, tốt xấu kệ nó, can chi đến mình? Đến chẳng mong chờ, đi chẳng lưu luyến.

Những tình tưởng trái lẽ nếu vừa mới manh động liền phải nghiêm khắc đối trị, trừ khử cho sạch. Như cùng quân giặc đối địch, chẳng những không cho nó xâm phạm lãnh thổ của mình, mà còn phải chém tướng, đoạt cờ, diệt sạch dư đảng. Phải nghiêm khắc dùng cách chế ngự quân địch như vậy để tự trị mình, đừng lười nhác, đừng sao nhãng. Khắc kỷ, giữ lễ, chú trọng kính, giữ lòng thành. Những khí giới [để tự đối trị mình] thì nên dùng bốn điều không của Nhan Tử, ba điều cảnh tỉnh của Mạnh Tử, cách hạn chế lỗi lầm, tự biết mình sai của ông Cừ Bá Ngọc.

Lại phải nên nhiệt thành kinh sợ [những tình tưởng trái lẽ] như té xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng. Đối địch cùng chúng thì quân oai vang dậy khiến tặc đảng tấm lòng nguội lạnh, hoảng hốt, sợ vướng phải cơn tàn sát diệt chủng nặng nề, chỉ mong hưởng hồng ân vỗ về. Từ đấy, chúng sẽ khuất phục, đầu hàng, quy thuận sự giáo hóa, đổi sạch tâm trước, chăm tu đức sau. Tướng chẳng ra khỏi cửa, quân chẳng đổ máu. Toàn bộ giặc cướp, oán cừu đều thành con đỏ, bọn phản loạn cùng hóa thành dân lành. Trên cai trị, dưới tuân phục, cả nước phẳng lặng, chẳng dấy can qua, ngồi hưởng thái bình.

Những điều vừa nói trên đây là do cách vật nên trí tri, do trí tri nên tự khắc sẽ làm sáng tỏ đức sang[18] . Chân thành và minh đức nhất trí thì phàm sẽ thành thánh. Nếu là kẻ căn khí hèn kém, chưa thể tự thâu liễm mình, hãy nên bắt chước ông Triệu Duyệt Đạo: ngày làm điều gì, đêm đốt hương bẩm bạch cùng Thượng Đế. Điều gì mình chẳng dám bẩm bạch thì chẳng dám làm.

Ông Viên Liễu Phàm chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, mạng do chính mình lập, phước do chính mình cầu, chứ tạo vật [19] chẳng thể tự tiện chiếm quyền. Ông vâng giữ phép Công Quá Cách: hễ khởi tâm động niệm,

nói năng, làm gì dù việc thiện hay ác nhỏ nhặt đều ghi lại, ngõ hầu điều thiện ngày càng, điều ác mỗi ngày mỗi diệt.
Lúc đầu, thiện ác xen tạp, lâu dần chỉ còn thiện không còn ác. Vì thế có thể chuyển vô phước thành hữu phước, chuyển yểu thọ thành trường thọ, chuyển không con cháu thành lắm con cháu. Ngay trong đời này đã dự vào bậc thánh hiền, báo hết sẽ cao đăng cõi Cực Lạc. Việc làm trở thành khuôn mẫu cho đời, lời nói trở thành pháp thức cho đời. Họ là trượng phu, ta cũng như thế, sao lại tự khinh đến nỗi đành chịu thua kém vậy?
* Nếu như căn cơ hèn kém, chưa thể chứng nhập, nếu ước trên Sanh Diệt Môn để luận về nguyên do, hậu quả thì là do mê tâm đuổi theo cảnh, hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, khiến toàn thể trí huệ, đức tướng biến thành vọng tưởng, chấp trước. Vì thế, phải nên chú trọng chỗ tinh yếu, chú trọng chuyên nhất, chấp trì thánh hiệu Di Đà, tin thật, nguyện thiết, mong cầu vãng sanh Tây Phương.
Hành trì lâu ngày, tâm và Phật như một, chẳng lìa ý niệm hiện tại, triệt chứng Ngũ Uẩn là Không. Vọng tưởng, chấp trước đã diệt; trí huệ, đức tướng cũng không còn. Do tâm tịnh, cõi nước sẽ tịnh; chẳng lìa ngay nơi này, thầm nhập cõi Tịch Quang. Chỉ có mỗi cách này là cách để chúng ta rốt ráo an thân lập mạng mà thôi!
* Người sống trong thế gian huyễn trụ mấy mươi năm. Kể từ khi có hiểu biết đến nay, ngày đêm tính toán bộn bề, ngổn ngang, không điều gì chẳng phải là để nuôi thân mình cùng người nhà, giữ thể diện, sao cho con cháu quý hiển mà thôi! Xét cội nguồn căn bệnh ấy, chỉ là do chấp trước có Ngã, chẳng chịu buông xuống. Nỗi lo nghĩ ấy dính chắc, dù Đức Phật có vì mình thuyết pháp cũng chẳng hiểu nổi. Trái lại, còn chẳng thèm bận tâm đến diện mạo vị chủ nhân sẵn có của chính mình, mặc tình lưu chuyển theo nghiệp, trầm luân muôn kiếp, chẳng đáng buồn ư?
* Tu hành trọng yếu là đối trị tập khí phiền não. Tập khí giảm một phần, công phu tiến một phần. Có kẻ càng ra sức tu hành, tập khí càng phát động; ấy là do chỉ biết tu trì theo sự tướng, chẳng biết phản chiếu hồi quang, khắc trừ vọng tình trong tâm chính mình nên mới đến nỗi thế. Hãy nên thường sắp sẵn cách đề phòng thì gặp cảnh đụng duyên, tập khí sẽ chẳng phát.
Nếu bình thời biết được thân tâm mình đây toàn là huyễn vọng, trọn chẳng thể cầu được thật thể, thật tánh của cái Ngã. Đã không có Ngã sao còn có chuyện vì cảnh, vì người nảy sanh phiền não? Đấy chính là phương pháp giải quyết tối thượng thiết yếu vậy.
Nếu như chẳng thể hiểu chắc thật Ngã là Không thì hãy dùng pháp Ngũ Đình Tâm Quán đức Như Lai đã dạy để đối trị (Ngũ Đình Tâm Quán là dùng năm pháp để điều hòa, ngưng lắng cái tâm khiến tâm an trụ, chẳng bị cảnh chuyển). Tức là: Chúng sanh lắm tham dùng Bất Tịnh Quán, chúng sanh

nhiều sân dùng Từ Bi Quán, chúng sanh hay tán loạn dùng Sổ Tức Quán, chúng sanh ngu si dùng Nhân Duyên Quán, chúng sanh nhiều chướng dùng Niệm Phật Quán.

* Tham nghĩa là thấy cảnh bèn sanh lòng yêu thích. Chúng sanh trong Dục Giới đều do dâm dục mà sanh. Dâm dục do Ái mà sanh. Nếu có thể đối với thân mình, thân người, từ trong ra ngoài, quán sát kỹ mỗi thứ sẽ chỉ thấy cáu ghét, mồ hôi, đờm, rãi, tóc, lông, răng, móng, xương, thịt, máu, mủ, đại tiện, tiểu tiện, thối như xác chết, bẩn như nhà cầu! Ai còn sanh tâm tham ái đối với vật ấy? Tham ái đã dứt thì tâm địa thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh niệm danh hiệu Phật, như chất ngọt hòa lẫn, như lụa trắng ăn màu, dùng Nhân Địa Tâm khế hợp Quả Địa Giác, sự ít công nhiều, lợi ích khó nghĩ được.

* Sân là thấy cảnh tâm khởi giận dữ, chán ghét. Người phú quý thường hay nóng giận là do với các chuyện muốn được như ý thì cần phải có người làm, có chút việc gì trái ý liền sanh sân nộ. Nhẹ thì dùng lời ác chửi mắng, nặng thì roi, gậy đập thẳng cánh, chỉ cốt khoái ý mình, chẳng đoái hoài người khác đau lòng.

Lại khi sân tâm khởi lên, chẳng những vô ích cho người khác, chính mình cũng bị tổn. Nhẹ thì tâm ý nóng nảy, bực bội; nặng thì gan lẫn mắt bị tổn hại. Vì thế, thường giữ được một khối nguyên khí thuần hòa trong tâm thì tật bệnh tiêu diệt, phước thọ tăng truởng.

Xưa kia, vua A Xà Thế cả đời thờ Phật, giữ vững năm giới, lúc lâm chung vì người hầu cầm quạt đuổi ruồi đứng hầu lâu đâm ra mê mệt, để quạt rớt trúng mặt vua. Vua sanh tâm sân hận, ngay khi ấy mạng chung. Do một niệm ấy, liền thọ thân mãng xà. Do sức túc phước còn biết được nhân, bèn cầu sa-môn giảng cho Tam Quy Ngũ Giới, liền thoát thân mãng xà, sanh lên trời. Do đấy biết rằng thói quen sân hận tai hại rất lớn. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Một niệm sân tâm khởi, trăm vạn cửa chướng mở"*. Cổ đức bảo:

Sân thị tâm trung hỏa,
Năng thiêu công đức lâm.
Dục học Bồ Tát đạo,
Nhẫn nhục hộ sân tâm.
(Sân là lửa trong tâm,
Đốt sạch rừng công đức,
Muốn học đạo Bồ Tát.
Nhẫn nhục ngừa tâm sân)

Đức Như Lai dạy chúng sanh nhiều sân tu Từ Bi Quán như sau: coi hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, đều là chư Phật trong vị lai. Đã là cha mẹ trong quá khứ thì hãy nghĩ đến ân đức nuôi nấng trong những đời trước, thẹn chưa báo đáp được, lẽ đâu với chuyện chẳng vừa ý nhỏ nhặt lại

ôm lòng phẫn nộ? Họ đã là chư Phật trong vị lai, ắt sẽ rộng độ chúng sanh. Mình còn chưa giải quyết sanh tử trọn vẹn, phải mong họ đến độ thoát cho.
Chẳng những với chuyện chẳng vừa ý nhỏ nhặt không sanh sân nộ; dù là chuyện táng thân mất mạng cũng chỉ sanh hoan hỷ, chẳng sanh sân hận. Vì thế, lúc Bồ Tát bỏ đầu, mắt, tủy, não đều tưởng [người cầu xin những thứ ấy] là thiện tri thức, tưởng là ân nhân, tưởng là người thành tựu Vô Thượng Bồ Đề Đạo cho mình. Cứ xem phẩm Thập Hồi Hướng của kinh Hoa Nghiêm sẽ tự biết.
Hơn nữa, một niệm tâm tánh của chúng ta cùng với một niệm tâm tánh của Phật không hai. Chỉ vì mê trái bổn tâm, chấp chặt Ngã Kiến, nên hết thảy các duyên đều thành đối đãi. Như cái bia để bắn đã lập thì các mũi tên sẽ đều ghim vào đó. Nếu biết được tâm ta chính là tâm Phật, tâm Phật trống không, vô sở hữu, hệt như hư không, sâm la vạn tượng không gì chẳng bao quát trong ấy.
Lại cũng như biển cả, trăm sông, các dòng, không dòng nước nào biển chẳng hứng nhận, như trời che khắp, như đất bình đẳng nâng đỡ, để tự lập đức. Nếu ta vì sự trái ý nhỏ nhặt bèn sanh nóng giận, chẳng phải là đã thu hẹp cái lượng, tự chôn vùi cái đức hay chăng? Dù có đủ Phật tâm lý thể, nhưng khởi tâm động niệm toàn dùng sự phàm tình, nhận vọng là chân, lấy tớ làm chủ. Nghĩ như thế thật đáng hổ thẹn.
Nếu bình thời luôn nghĩ như thế thì tâm lượng rộng lớn, không gì chẳng dung được, thấy người cũng hệt như mình, chẳng thấy đây kia, gặp nghịch cảnh còn nhận xuôi theo được, huống hồ là chuyện bất như ý nhỏ nhặt lại sanh nóng giận hay sao?
* Gọi là kẻ ngu si chẳng phải là nói về kẻ hoàn toàn vô tri thức, mà chính là nói đến những người trong đời đối với cảnh duyên thiện ác, chẳng biết đấy đều là do túc nghiệp chuốc lấy nên hiện tại cảm thọ, bảo lầm là không có nhân quả báo ứng và hết thảy chúng sanh đời trước, đời sau v.v..., chẳng có con mắt trí huệ. Chẳng phải là hạng chấp Đoạn, cũng là phường chấp Thường.
Họ bảo con người bẩm thọ khí huyết cha mẹ mà sanh ra. Trước lúc sanh ra, vốn chẳng có vật gì; cũng như chết đi, thân hình đã mục nát thì hồn cũng phiêu tán; làm sao có đời trước và đời sau được? Bọn nho sĩ câu nệ, hủ bại phương này (tức Trung Hoa) đa phần nói như vậy.
Chấp Thường là nói người luôn là người, vật luôn là vật, chẳng biết nghiệp do tâm tạo, hình tùy tâm chuyển. Thời cổ có kẻ cực độc đang còn sống biến ra thân rắn, người cực tàn bạo đang khi còn sống biến thành thân hổ. Đang khi còn sống, nghiệp lực mãnh liệt còn biến đổi được thân; huống hồ chết đi, trước khi tái sanh, thức bị chuyển biến theo sự lôi kéo của nghiệp ư? Bởi vậy, Phật nói mười hai nhân duyên chính thức là luận về ba đời. Nhân trước

ắt cảm quả sau, quả sau ắt phải có nhân trước. Thiện áo báo ứng, họa phước xảy đến đều do mình làm, mình chịu, chẳng phải trời giáng. Bất quá trời chỉ là người đứng ra thừa hành thôi. Sanh tử tuần hoàn chẳng có cùng cực. Muốn khôi phục bổn tâm để liễu sanh tử mà bỏ "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" sẽ chẳng thể được!

Ba thứ tham - sân - si là cội gốc sanh tử. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh là diệu pháp liễu sanh tử. Muốn bỏ ba pháp kia (tham - sân - si) để tu ba pháp này (tín - nguyện - hạnh) thì ba pháp này đắc lực, ba pháp kia tự diệt. Một pháp quán Sổ Tức bất tất phải dùng. Hãy nên trong lúc niệm Phật, lắng tai nghe kỹ, cách nhiếp tâm này tương tự phép Sổ Tức, nhưng lực dụng hơn phép Sổ Tức một trời, một vực. Phép quán Niệm Phật nên đọc trong Ấn Quang Văn Sao và các trước thuật Tịnh Độ sẽ biết.

* **Hỏi:** Nếu như nói dù táng thân mất mạng cũng chỉ sanh hoan hỷ, chẳng sanh sân hận thì giả sử có kẻ ác muốn đến hại mình, mình chẳng lo toan gì, cứ mặc cho nó sát hại mình ư?

Đáp: Phàm người tu hành, có kẻ là phàm phu, có người là bậc Bồ Tát đã chứng Pháp Thân. Lại có người lấy việc duy trì thế đạo làm chánh, có người chỉ lấy việc liễu giải tự tâm làm trọng. Nếu là hạng chỉ lo liễu giải tự tâm và hàng Bồ Tát đã chứng Pháp Thân thì sẽ hành động như đã nói. Bởi lẽ, họ thấy mình và vật hệt như nhau, sanh tử như một.

Nếu là hạng phàm phu, muốn duy trì thế đạo thì cứ an lòng học theo Bồ Tát thâm từ đại bi, không gì là chẳng dung. Xử sự vẫn thuận theo lẽ thường thế gian: hoặc là dùng cách khuất phục, chế ngự để nhiếp phục, hoặc dùng nhân từ để cảm hóa... nhiều cách khác nhau; nhưng trong tâm trọn chẳng được hung tợn, nóng giận, cố kết oán hận.

Những điều nói trong đoạn trước là nêu tình huống giả tưởng để [người tu nhờ đó] tiêu diệt tập khí nóng giận. Nếu phép quán này thành thục, tập khí sân hận tự diệt, dù gặp phải cảnh thật sự hại đến thân cũng vẫn giữ được tâm thản nhiên, thực hiện đại bố thí. Nhờ công đức ấy liền sanh Tịnh Độ. So với việc giết chóc lẫn nhau, bao kiếp dài lâu đền trả, chẳng phải là khác biệt một trời, một vực đấy ư?

* Sân tâm chính là thói quen từ đời trước. Nay cứ nghĩ mình đã chết, mặc cho dao chặt hay hương bôi cũng chẳng can dự gì đến mình. Với tất cả những cảnh chẳng thuận tâm, do nghĩ mình đã chết, sân làm sao còn khởi được nữa?

* Nói đến sân tâm là nói đến thói quen từ đời trước. Nay đã biết sân là có hại, vô ích, đối với hết thảy các sự hiện hữu hãy nên dùng lượng biển rộng trời cao để dung nạp. Như vậy thì tập tánh rộng rãi trong đời này sẽ chuyển biến được tập tánh hẹp hòi trong những đời trước. Nếu chẳng gia công đối trị, tập khí sân hận càng tăng, tai hại chẳng nhẹ.

Còn khi niệm Phật thì phải căn cứ trên tinh thần, khí lực của mình để làm chuẩn mà niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, niệm thầm và kim cang niệm (tức là niệm có tiếng se sẽ, người khác chẳng nghe thấy. Những người trì chú gọi cách này là kim cang niệm). Chẳng được quá mãnh liệt đến nỗi mắc bệnh. Cái tâm quá mãnh liệt ấy cũng là cái bệnh "dục tốc" (mong cho mau đạt kết quả).

Nếu nay đã chẳng thể niệm ra tiếng, há trong tâm chẳng niệm thầm được hay sao? Sao lại chỉ hạn chế trong mười niệm? Huống hồ lúc bệnh nằm trên giường, há nên để tâm trống rỗng như bị rửa sạch, trọn chẳng niệm gì hoặc niệm chuyện khác? Sao bằng càng niệm nhiều danh hiệu Phật?

Lúc ấy phải nên giao gấp mọi việc cho người nhà làm thay, luôn nghĩ mình sắp chết, tưởng sắp đọa địa ngục, trong tâm không còn dính mắc sự gì. Dùng tâm thanh tịnh ấy nhớ tưởng Phật tượng và thầm niệm Phật danh cũng như tượng Quán Thế Âm Bồ Tát và danh hiệu ngài. Nếu thật sự làm được như thế thì nghiệp chướng quyết định tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, bệnh tật thuyên giảm, thân tâm khang kiện.

Bệnh của các hạ thuộc về túc nghiệp, niệm Phật quá mạnh mẽ tạo duyên cho bệnh phát hiện, chẳng phải hoàn toàn do niệm Phật quá mãnh liệt nên mắc bệnh. Nếu ông chẳng niệm Phật thì cũng do nhân duyên khác mà bị bệnh. Trên đời, kẻ không niệm Phật rất nhiều, há không có một ai cũng mắc phải căn bệnh đó, cứ khoẻ mạnh mãi ư? Hiểu được điều này sẽ chẳng tự lầm lẫn mà bảo là niệm Phật đến bệnh, chỉ tổn hại, không ích lợi gì!

* Bệnh và ma đều do túc nghiệp mà thành. Ông chỉ nên chí thành, khẩn thiết niệm Phật thì bệnh tự thuyên giảm, ma tự rời xa. Còn như tâm ông chẳng chí thành, hoặc khởi các ý niệm bất chánh như tà dâm v.v... thì toàn thể cái tâm đọa trong hắc ám, khiến ma quấy nhiễu. Lúc niệm Phật xong, hồi hướng, ông nên hồi hướng cho hết thảy oán gia trong đời quá khứ, khiến họ đều thấm đẫm lợi ích niệm Phật của ông, siêu sanh thiện đạo.

Ngoài ra chẳng quản đến gì hết. Ma có phát ra tiếng thì cũng chẳng quan tâm đến rồi sợ hãi. Nó im hơi lặng tiếng, cũng chẳng quan tâm đến mà sanh hoan hỷ. Chỉ chí thành, khẩn thiết niệm, tự nhiên nghiệp chướng tiêu, mà phước huệ thảy đều tăng trưởng. Khi xem kinh điển, chẳng được làm như kẻ đời nay đọc sách, trọn chẳng có chút nào cung kính, phải [trân trọng] dường như Phật, Tổ, thánh hiền giáng lâm mới được lợi ích thật sự. Nếu ông làm được như vậy thì tâm địa chánh đại quang minh, bọn tà quỷ, tà thần kia không còn đất dung thân nữa!

Nếu tâm ông tà trước thì tà chiêu cảm tà, làm sao có thể khiến cho chúng xa lìa, không quấy nhiễu được? Quỷ thần dù có Tha Tâm Thông, nhưng thần thông của chúng nhỏ và gần. Nếu nghiệp tận, tình không sẽ hệt như gương báu đặt trên đài, có hình liền hiện bóng. Ông chẳng chí tâm niệm Phật, lại

toan nghiên cứu chân tướng này, chẳng biết tâm này liền thành "ma chủng" (dòng giống ma).
Ví như gương báu chẳng có mảy may trần cấu sẽ tự chiếu trời soi đất. Cái tâm ông bị trần cấu phủ kín dày chặt, lại muốn được [chiếu sáng] như vậy, khác nào tấm gương bị bụi phủ dày kín trọn chẳng thể tỏa ánh sáng. Nếu có phát sáng cũng chỉ là ánh sáng yêu quái, chẳng phải ánh sáng của gương! Hãy bỏ việc đó ra ngoài tâm tưởng, hãy nên như lâm nạn lửa, nước, như cứu đầu cháy mà niệm Phật thì không nghiệp hay ma nào chẳng tiêu cả.
* Người học đạo phàm gặp các thứ chẳng như ý chỉ nên dùng đạo để hiểu. Cảnh nghịch xảy đến bèn vui lòng chịu, dù có gặp phải những sự nguy hiểm gì, lúc ấy cũng chẳng đến nỗi kinh hoàng, thất chí, làm điều thất thố. Chuyện đã qua hãy để cho nó qua như giấc mộng đêm trước, sao còn ủ mãi trong lòng đến nỗi thành bệnh hoảng hốt? Ông đã muốn tu hành, phải biết hết thảy cảnh duyên đều do túc nghiệp cảm vời.
Lại phải nên biết: Chí thành niệm Phật sẽ chuyển được nghiệp. Chúng ta chẳng làm chuyện thương thiên tổn đức thì sợ cái gì chứ? Người niệm Phật thiện thần hộ hựu (bảo vệ, giáng phước), ác quỷ tránh xa, sợ cái gì cơ chứ? Nếu ông cứ sợ mãi sẽ bị vướng ma sợ, rồi oán gia trong vô lượng kiếp thừa dịp tâm ông hoảng sợ đến dọa nạt ông, khiến ông mất trí hóa cuồng để báo oán xưa.
Chớ có nói: "Nếu tôi còn niệm Phật, chỉ sợ thình lình sẽ bị như thế". Chẳng biết rằng toàn thể chánh niệm của ông đã quy vào nỗi sợ, nên khí phần xa cách Phật, tương thông với ma, chẳng phải Phật không thiêng! Do tâm ông đã mất chánh niệm nên đến nỗi niệm Phật chẳng được lợi ích toàn phần vậy!
Chỉ mong ông thấy chữ viết của Quang, bèn quyết liệt gột bỏ tâm trước. Ông chỉ một chồng, một vợ còn lo nỗi gì? Dẫu cho nghiệp chướng hiện tiền, sợ gì chẳng tiêu diệt được nó? Chỉ vì chẳng sợ nên giữ được chánh niệm, thành ra làm việc gì cũng đích đáng, chân thần ổn định nên tà chẳng thể xâm.
Nếu không, do tà chiêu tà, túc oán đổ tới, gặp sự không làm chủ được, hành động hoàn toàn thất thố, chẳng đáng buồn ư? Tôi nay vì ông tính kế: Hãy nên buông bỏ hoài bão, chẳng nên toan tính hết thảy mọi việc, chẳng nên đảm đương, lo lắng mọi việc, chỉ sợ hành vi có tỳ vết, chẳng sợ họa hoạn, quỷ thần.
* Nếu bệnh khổ đến hồi kịch liệt chẳng chịu đựng nổi thì ngoài việc sáng chiều niệm Phật, hồi hướng ra, hãy chuyên tâm dốc chí niệm nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân trong sát-na, tầm thanh cứu khổ. Người gặp cơn nguy cấp nếu có thể trì tụng, lễ bái Ngài thì không ai là chẳng được cảm ứng, rủ lòng từ gia hựu khiến thoát khổ não, hưởng yên vui vậy.

* Thầy thuốc dù giỏi cũng chỉ trị được bệnh, không trị được nghiệp. Như Tử Trọng ruột bị loét nặng, thầy thuốc bảo không giải phẫu không xong. Bà thím Tư của ông chẳng đành lòng nên chẳng chữa, cùng Đức Chương liều mạng niệm Phật, niệm kinh Kim Cang. Năm ngày khỏi bệnh. Bệnh này đáng kể là cực nặng, cực nguy hiểm, nhưng chẳng chữa, sau năm ngày liền lành. Bệnh điên của Tử Tường thuộc về túc nghiệp, bà thím Tư của ông do chí thành lễ tụng, nửa năm liền khỏi.
Cha ông đã quy y Phật pháp, lẽ ra nên tin lời Phật, chẳng nên tin theo thầy thuốc Tây, phải đến bệnh viện của họ để chữa. Nếu như hết thảy bệnh đều phải được thầy thuốc trị mới lành, không thầy thuốc chẳng xong thì từ thời cổ, hoàng đế và những kẻ phú quý lẽ ra vĩnh viễn không bệnh tật, cũng vĩnh viễn chẳng bị tử vong. Thế nhưng kẻ bần tiện vừa ít bệnh vừa sống lâu, người phú quý lắm bệnh lại thường đoản thọ. Đó là vì cớ gì? Một là do mình tự tạo thành bệnh, hai là thầy thuốc gây ra bệnh. Do hai công năng tạo tác này, muốn thoát bệnh khổ có được hay chăng?
Mong ông thưa cho cha hiểu, bất tất phải lên Thượng Hải tìm thầy thuốc Tây, cứ ở nhà cầu nơi đại y vương A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ tự có thể chẳng cần đến thuốc mà lành bệnh. Cầu thầy thuốc Tây chỉ hy vọng chừng một nửa, cầu đại y vương may ra thân thể sẽ được mạnh, mà dù thân thể chưa khoẻ lại, thần thức chắc chắn thấy thư thái. Nếu sai lầm muốn được mạnh liền, bỏ hết những giới đã trì khi trước, thật chẳng khác nào rạch thịt để tự bị thương, chỉ tổn hại không ích gì. Khi Tây Y chưa truyền vào Trung Quốc, Trung Quốc có bệnh gì cũng chẳng trị được ư? Bởi vậy nên buông vọng tưởng xuống, đề khởi chánh niệm sẽ cảm ứng đạo giao, tự có thể lành bệnh hoàn toàn.
* Nghiệp chướng nặng, tham sân mạnh mẽ, thân yếu đuối, tâm khiếp nhược thì chỉ nên nhất tâm niệm Phật, lâu ngày các bệnh sẽ tự lành. Phẩm Phổ Môn nói: *"Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ xa lìa được [những sự ấy]"*. Niệm Phật cũng thế, chỉ nên tận tâm kiệt lực, chẳng hề ngờ vực thì không cầu cũng được.
* Mỗi ngày ngoại trừ lúc phải làm mọi việc thuộc bổn phận mình ra, hãy chuyên tâm niệm danh hiệu Phật. Sáng tối đối trước Phật, kiệt thành tận kính, khẩn thiết sám hối túc nghiệp từ vô thỉ. Lâu ngày như thế sẽ có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn mà chẳng hay, chẳng biết. Kinh Pháp Hoa dạy: *"Nếu có chúng sanh nhiều lòng dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được ly dục"*. Với sân hận, ngu si cũng thế. Như vậy thì chí thành niệm thánh hiệu A Di Đà, Quán Âm, ba thứ Hoặc: tham, sân, si sẽ tự tiêu diệt.

Hơn nữa, nay đang lúc cõi đời hoạn nạn, ngoài việc niệm Phật ra, nên niệm thêm thánh hiệu Quán Âm, trong âm thầm sẽ có sự chuyển biến chẳng thể nghĩ bàn, kẻo đến lúc túc nghiệp bất chợt hiện đến, không cách chi tránh thoát.
* Quán Thế Âm Bồ Tát trong kiếp quá khứ đã thành Phật từ lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, chỉ vì lòng từ bi thiết tha, dù an trụ trong cõi Thường Tịch Quang, vẫn hiện thân trong ba cõi Thật Báo, Phương Tiện, Đồng Cư. Tuy là thường hiện thân Phật, Ngài cũng còn hiện đủ các thân Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác và thân trời - người, sáu nẻo. Tuy Ngài thường hầu Di Đà nhưng hiện thân khắp trong mười phương vô tận pháp giới. Đó là: Hễ chỉ có lợi ích thì không điều gì ngài chẳng vận dụng. Nên dùng thân nào để độ được, Ngài liền hiện thân đó để thuyết pháp cho người đáng độ.
Phổ Đà Sơn là chỗ Bồ Tát ứng tích. Muốn cho chúng sanh có nơi để gieo tấm lòng thành nên Bồ Tát thị hiện ứng tích nơi núi đó; nào phải Bồ Tát chỉ ngự trong núi Phổ Đà, chẳng ở nơi khác đâu? Một vầng trăng vằng vặc giữa trời, vạn con sông in bóng. Dù nhỏ như một chước, một giọt nước, nơi nơi đều hiện toàn bộ khuôn trăng. Nếu nước vừa đục vừa xao động, trăng chẳng thể hiện phân minh.
Tâm chúng sanh như nước, nếu nhất tâm chuyên niệm Bồ Tát, Bồ Tát liền ngay trong niệm ấy, sẽ ngầm hoặc hiển nhiên [gia hộ] khiến [người niệm] được lợi ích. Nếu tâm chẳng chí thành, chẳng chuyên nhất thì cũng khó cứu hộ. Nghĩa này rất sâu, hãy nên đọc bài Thạch Ấn Phổ Đà Sơn Chí Tự (bài tựa cho bản in thạch (lithography) cuốn Phổ Đà Sơn Chí) trong Ấn Quang Văn Sao sẽ biết.
Ngài có tên là Quán Thế Âm vì khi tu nhân, Ngài do quán và nghe nơi tánh mà chứng viên thông và lúc đã đắc quả, Ngài xem xét âm thanh xưng danh hiệu Ngài để ban cho sự cứu giúp. Vì thế Ngài tên là Quán Thế Âm.
Phổ Môn là đạo Bồ Tát rộng lớn không ngằn mé, tùy thuận khắp căn tánh của hết thảy chúng sanh, khiến cho họ biết đường về nhà, chẳng lập riêng một môn nào. Chẳng hạn, như trong đời có ngàn căn bệnh thì cũng phải có vạn loại thuốc, chẳng thể chấp chặt vào một pháp nào. Tùy theo họ mê nơi đâu và chỗ nào họ dễ ngộ mà Bồ Tát chỉ điểm cho. Như sáu căn, sáu trần, bảy đại, pháp nào cũng có thể dùng để chứng viên thông. Vì thế bất cứ pháp nào cũng là cửa để ra khỏi sanh tử, thành Chánh Giác. Vì thế gọi là Phổ Môn. Nếu Bồ Tát chỉ ở Nam Hải thì chẳng đáng gọi là Phổ được!

---o0o---

3. Luận Về Việc Gìn Lòng Lập Phẩm

* Nếu cảnh ngộ chẳng tốt lành thì hãy nên nghĩ đến việc lùi một bước. Hãy thử nghĩ, trong đời, người hơn ta cố nhiên là nhiều, người thua ta cũng chẳng phải là ít. Chỉ mong chẳng đói chẳng lạnh, mong chi đại phú, đại quý? Vui theo thiên mệnh, an vui với hoàn cảnh. Như vậy còn có thể chuyển phiền não thành Bồ Đề, huống hồ là chẳng chuyển nổi ưu khổ thành an lạc sao?

Nếu tật bệnh triền miên thì nên đau đáu nghĩ thân là gốc khổ, sanh cực chán lìa, tận lực tu Tịnh nghiệp, thề cầu vãng sanh. Chư Phật lấy khổ làm thầy đạt thành Phật đạo. Chúng ta nên lấy bệnh làm thuốc, mau cầu xuất ly. Phải biết rằng phàm phu đầy dẫy triền phược nếu không có các nỗi khổ: bần cùng, tật bệnh v.v... sẽ suốt ngày rong ruổi trong trường thanh sắc danh lợi chẳng hề thỏa. Trong lúc hiển hách, đắc ý, ai chịu quay đầu tưởng đến lúc chìm đắm mai sau?

Mạnh Tử nói: *"Trời muốn giao trách nhiệm lớn cho ai thì trước đó sẽ khiến kẻ đó tâm chí khổ sở, gân xương mỏi mệt, thân thể đói khát, thân thể trống trải, nhiễu loạn hành vi của họ ngõ hầu tâm họ khởi tánh Nhẫn, tăng trưởng [khả năng làm được] những điều mình chưa thể làm được"*. Do đó, ta biết rằng những người được trời thành tựu phần nhiều gặp nghịch cảnh, con người chỉ nên thuận theo mạng trời nhận lãnh [nghịch cảnh].

Cái "trách nhiệm lớn" Mạnh Tử đã nói đó chỉ là tước vị trong thế gian mà còn phải lo buồn, vất vả như thế mới khỏi phụ lòng trời. Huống chi bọn ta là phàm phu sát đất muốn trên thì tiếp nối đạo giác của đấng Pháp Vương, dưới thì giáo hóa pháp giới hữu tình, nếu chẳng bị nghèo đói thử thách đôi chút thì Phàm Hoặc ngày thêm lừng lẫy, Tịnh nghiệp khó thành, mê muội bổn tâm, vĩnh viễn chìm đắm trong ác đạo đến tận đời vị lai, không thời gian nào mong thoát khỏi được! Cổ đức nói:

Bất kinh nhất phiên hàn triệt cốt,
Tranh đắc mai hoa phác tỵ hương,
(Chẳng trải một phen lạnh thấu xương,
Dễ đâu hoa mai thơm ngát mũi!)

Chính là nói về ý này vậy.

Chỉ nên chí tâm niệm Phật để tiêu nghiệp cũ, trọn chẳng nên khởi tâm phiền bực, oán trời trách người, bảo là nhân quả hư huyễn, Phật pháp chẳng thiêng!

* Ông Cừ Bá Ngọc đến tuổi năm mươi biết bốn mươi chín năm trước là sai trái. Khổng Tử tuổi chừng bảy mươi, còn mong trời cho sống thêm vài năm nữa để học Dịch hầu khỏi mắc lỗi lớn. Thánh hiền học hỏi không vị nào là chẳng mong muốn hiểu đến chỗ rốt ráo. Các nho gia cận đại chỉ học từ chương, chẳng bận tâm đến chánh tâm thành ý. Tuy suốt ngày đọc sách, trọn chẳng biết ý lưu lại sách vở để răn đời của thánh hiền. Nếu lời nói, hành vi

của mình đem đọ với lời nói, hành vi của thánh hiền mà sáng - tối chẳng hợp nhau, tròn - vuông chẳng khớp nhau, chẳng nên gấp suy xét tới từng điểm sai biệt ẩn kín, nhỏ nhặt ư?

Kinh Phật dạy người ta thường hành sám hối ngõ hầu đoạn sạch vô minh, viên thành Phật đạo. Dù địa vị đến bậc Đẳng Giác như Di Lặc Bồ Tát vẫn trong mười hai thời lễ thập phương chư Phật để mong hết sạch vô minh, viên chứng Pháp Thân, huống những kẻ kém hơn Ngài [chẳng học theo vậy] ư? Kẻ phàm phu sát đất khắp thân là nghiệp lực, chẳng sanh hổ thẹn, chẳng tu sám hối, dù nhất niệm tâm tánh bình đẳng với Phật, nhưng do phiền não ác nghiệp ngăn lấp nguồn tâm chẳng thể hiển hiện được.

* Đối với việc dứt ác làm lành, dựa trên thực tế mà suy xét thì không gì hay bằng Công Quá Cách. Nhưng nếu tâm chẳng thành kính, dù suốt ngày ghi công, chép lỗi, cũng chỉ là hư văn!

Ở nơi đây chưa có sách Công Quá Cách, nhưng theo tôi thấy, chỉ nên chú trọng lòng thành, giữ lòng kính, trong suốt mười hai thời, chẳng có một niệm hời hợt, một tướng lười nhác, xao nhãng. Đối xử với thế nhân chỉ giữ lòng trung thứ (trung hậu và khoan dung)thì tự nhiên trong hết thảy lúc, hết thảy chỗ, ác niệm chẳng thể khởi từ đâu được. Giả như do túc tập sai khiến, ngẫu nhiên ác niệm phát sanh, vì luôn ôm ấp lòng thành kính, trung thứ, sẽ tự có thể hễ niệm khởi liền nhận biết ngay. Hễ đã giác thì ác niệm liền không, quyết chẳng đến nỗi để nó tăng trưởng khiến cả ba nghiệp phải xuôi theo.

Sở dĩ kẻ tiểu nhân dối làm lành chứ thật sự là làm ác, là do nghĩ rằng người khác chẳng biết tới. Họ chẳng hiểu rằng người chẳng biết họ chỉ là những phàm phu trong thế gian mà thôi! Nếu là bậc thánh nhân đắc đạo, cố nhiên sẽ biết họ tường tận. Thiên địa, quỷ thần dù chưa đắc đạo, nhưng do được báo Tha Tâm Thông nên cũng sẽ biết họ tường tận. Huống hồ là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật! Tha Tâm Đạo Nhãn của các vị ấy thấy trọn tam thế như nhìn vật đang đặt trong lòng bàn tay. Muốn không ai biết thì chỉ có mình không biết mới được mà thôi!

Nếu chính mình đã biết thì tất nhiên thiên địa, quỷ thần, Phật, Bồ Tát v.v... không vị nào là chẳng biết, chẳng thấy cả! Nếu biết nghĩa này, dù ở trong phòng tối, nhà kín cũng chẳng dám biếng trễ, xao nhãng; dù ở nơi người khác không biết đến vẫn chẳng dám manh nha làm ác bởi thiên địa, quỷ thần, chư Phật, Bồ Tát đều biết. Nếu chẳng biết hổ thẹn nhưng hiểu được nghĩa này rồi thì cũng sẽ hổ thẹn không cùng vậy; huống hồ là người chân thật tu hành ư?

Vì thế muốn ít phạm lỗi thì phải bắt đầu từ chỗ sợ thánh phàm cùng biết, cùng thấy. Xem gương tiên triết ăn canh, nhìn tường, dù ở một mình hành vi chẳng cẩu thả, chẳng thẹn với bóng áo[20] , vẫn còn là những cách nói thiển cận ước theo sự thấy biết của thế gian đó thôi! Thật ra, bản thể tâm ta cùng

bản thể mười phương pháp giới tương hợp khít khao. Do ta mê nên sự thấy biết bị hạn cuộc trong một thân. Mười phương pháp giới thánh nhân triệt chứng pháp giới tạng tâm sẵn có trong tự tâm nên hết thảy hữu tình trong pháp giới khởi tâm động niệm, các ngài đều hay biết cả. Vì sao thế? Do cùng bẩm thọ Chân Như, tự - tha chẳng hai vậy. Nếu biết nghĩa này thì sẽ tự sợ hãi, kiêng dè, giữ lòng thành kính, thoạt đầu phải gắng sức dứt vọng, lâu ngày vọng sẽ chẳng khởi được nữa.

* Việc giảm thiểu lầm lỗi thật sự là công phu thiết yếu của cả Nho lẫn Phật. Ông Cừ Bá Ngọc đến năm năm mươi tuổi, thấy cả bốn mươi chín năm trước mình đều sai trái. Nếu ai nói muốn bớt lỗi nhưng chưa làm được, [thì nên biết là] phải thật sự dụng công nơi ý, chứ chẳng phải hễ thân khẩu vừa phát động liền có lỗi đâu! Tại gia cư sĩ hằng ngày cùng người cư xử phải luôn đề phòng trong mỗi khắc. Nếu không, chẳng những ý nghiệp không tịnh mà thân khẩu cũng thành ra ô uế, bất tịnh. Muốn cả mình lẫn người cùng được lợi thì không gì bằng lấy những hành vi của vị danh nhân đã nói ở trên (tức Cừ Bá Ngọc) làm khuôn phép, gương mẫu vậy.

* Muốn học theo Phật, Tổ liễu sanh tử thì phải bắt đầu từ việc hổ thẹn, sám hối, dứt ác, tu thiện, ăn chay, tự răn nhắc, ý thật chân thành, thiết tha. Phải thực sự tu tập, tận lực thực hành. Nếu không chỉ trở thành vọng ngữ trong các thứ hư dối. Biết chẳng khó, làm được mới khó. Mấy kẻ thông minh trong thế gian đều chỉ nói được, nhưng không làm được. Trọn một đời này, uổng công vào núi báu, trở về tay không. Đáng xót, đáng tiếc thay! Đáng xót, đáng tiếc thay!

* Phàm phu còn mê, tín tâm bất định; vì thế có tật lắm phen tin rồi lại ngờ, lắm phen đã tu rồi lại tạo nghiệp, cũng là do người dạy ban đầu không hiểu đạo đến nơi đến chốn. Nếu lúc ban đầu, chỉ từ nhân quả thiển cận mà khởi sự sẽ chẳng đến nỗi bị điên đảo, mê hoặc như thế. Đối với những tội cũ, dù rất sâu nặng, hãy nên chí tâm sám hối, sửa đổi thói xưa, tu tập từ nay, dùng chánh tri kiến tu tập Tịnh nghiệp, dốc chí tự lợi, lợi tha thì tội chướng như sương tiêu tan, bầu trời chân tánh sáng rạng. Vì thế, kinh nói: *"Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ: một là người chẳng tạo tội; hai là đã tạo tội rồi lại có thể sám hối".*

Một chữ Hối phải từ tâm khởi. Tâm chẳng thật sám hối, có nói gì cũng vô ích. Ví như chỉ đọc toa thuốc, chứ chẳng uống thuốc, nhất định chẳng hy vọng gì lành bệnh được. Còn nếu theo toa uống thuốc, sẽ tự được lành bệnh, thân an. Điều đáng ngại là lập chí chẳng vững, một nóng mười lạnh thì chỉ uổng mang hư danh, không mảy may lợi ích thật sự.

* Cảnh không tự tánh, tổn hại hay lợi ích toàn do người. Ba nghiệp, bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) thường giữ như "tứ vật" (bốn điều đừng) của Nhan Uyên. Ngũ giới, thập thiện khác gì "tam tỉnh" (ba điều tự cảnh

tỉnh) của Tăng tử. Trong nhà tối tuy không ai thấy nhưng thiên địa, quỷ thần đều biết. Niệm mới manh nha nhưng tội phước ẩn nhiệm đã rạch ròi như trời với vực. Nếu thường tu tỉnh được như thế thì tất cả hành động đều là thiện, ác chẳng sanh từ đâu được. Đây chính là quy mô sâu rộng của chánh tâm thành ý, chớ nói là nhà Phật phiền toái, chẳng giản dị, nhanh tắt như Nho gia!

* Người niệm Phật đối với sự sự phải trung thứ, tâm tâm luôn đề phòng tội khiên. Biết lỗi liền sửa, thấy điều nghĩa mạnh mẽ làm ngay thì mới hợp với Phật. Người như thế quyết định vãng sanh. Nếu chẳng như thế là trái nghịch với Phật, quyết khó cảm thông!

* Kinh Pháp Hoa nói: *"Tam giới không yên, hệt như nhà cháy. Các khổ đầy dẫy, thật đáng kinh sợ"*. Vì thế, để thành tựu con người, trời phải có khổ, có vui, có nghịch, có thuận, có phước, có họa, vốn chẳng nhất định. Nhưng người trong hoàn cảnh ấy nếu có cái nhìn thấu suốt sẽ thấy không khổ, không vui, không nghịch, không thuận, không họa, không phước. Vì thế, quân tử vui biết mệnh trời, trên chẳng oán trời, dưới chẳng trách người, an vui theo hoàn cảnh, không lúc nào là chẳng tự tại tiêu dao!

Vì thế họ chẳng phú quý mà hành như đang hưởng phú quý (chữ Hành ở đây hàm ý ung dung, tự tại. Phú là cứu giúp khắp mọi người bần cùng. Quý là tận tụy với vua, giúp đỡ dân), chẳng bần tiện mà hành như bần tiện (nếu trong nhà không tiền của, thân chưa ra làm quan thì thanh bần giữ khí tiết, chẳng dám làm bậy), chẳng phải mọi rợ mà hành xử như mọi rợ (ý nói: Nếu vì lòng tận trung bị sàm tấu, bị vua biếm truất ra miền xa như các tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Lưỡng Quảng (Quảng Đông - Quảng Tây), Hắc Long Giang v.v... thì tâm bình, khí hòa, trên chẳng oán vua, dưới chẳng hận người sàm tấu, tự coi mình giống như người dân đang sống tại những vùng ấy), chẳng hoạn nạn mà hành như đang hoạn nạn (nếu như chẳng những bị đày, còn bị trừng phạt. Nhẹ thì bị đánh đập, giam cầm, nặng thì bị chém đầu, phanh thây, hoặc đến nỗi diệt tộc. Nhưng vẫn cứ chẳng oán vua, chẳng hận gian đảng. Nếu tự mình làm được như thế, khi gặp người gieo vạ còn giữ được như thế, huống hồ khi trời gieo vạ, há có nên oán hận chăng? Người như vậy người yêu mến, trời bảo vệ, ngay trong đời này hoặc trong đời sau, hoặc con cháu người đó nhất định sẽ hưởng phước báo vô cùng xứng với đức ấy).

* Phàm là người bỏ lỗi theo lành và tu Tịnh nghiệp, chỉ quý ở chỗ chân thành, tối kỵ giả dối. Chẳng được ngoài mặt phô trương cái danh làm lành tu hành, trong lòng bất trung, bất thứ. Ông Cừ Bá Ngọc năm năm mươi tuổi thấy bốn mươi chín năm trước mình toàn làm quấy. Có vậy mới mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ, là bậc danh giáo công thần, là con đích

thực của đức Như Lai. Vì thế, tôi chẳng quan tâm đến kẻ Tăng, người tục ấy là thành đạt hay cùng quẫn chi cả!
* Niệm Phật cầu sanh Tây Phương, phải biết nhân hiểu quả. Hành vi nơi thân, ý niệm nơi tâm phải hợp với Phật. Nếu trái nghịch Phật, dù có niệm Phật cũng khó vãng sanh vì chẳng cảm ứng đạo giao vậy! Nếu có thể sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sửa lỗi như trừ ghẻ độc, lập chí như giữ bạch ngọc thì vạn người chẳng sót một ai đều được vãng sanh cả!
* Nói về những quy luật phải giữ ngoài việc ăn chay trường niệm Phật là nói đến việc chăm chăm bền lòng hiếu thuận, thành kính giữ trọn vẹn luân thường, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Tâm nghĩ, niệm khởi chẳng hề tà vạy, khuất khúc và hư ngụy. Làm việc cho người phải tận hết trách nhiệm. Gặp người hữu duyên, khuyên họ nhập đạo. Các hành tướng như vậy chẳng cần phải thuật đủ. Chỉ siêng xem Ấn Quang Văn Sao và An Sĩ Toàn Thư sẽ tự biết.
Phải biết rằng: là đệ tử Phật, phàm làm gì phải vượt trội hơn hành vi thế tục thì chính mình mới đạt được lợi ích chân thật, khiến cho người khác trông thấy làm lành theo. Nếu miệng nói tu hành, trong tâm chẳng lành, đối với cha mẹ, anh em và hết thảy người đời chẳng trọn hết bổn phận thì người như thế gọi là "ngụy thiện nhân"! Nhân địa đã giả dối, làm sao đạt lợi ích thật sự? Cái học của thánh hiền đều bắt đầu từ "cách vật trí tri, thành ý chánh tâm"; huống muốn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh [lại chẳng như thế] ư? Về [ý nghĩa của] "cách vật trí tri" nên xem lời tựa bản in lại sách chú giải Tứ Thư của ngài Ngẫu Ích và lời tựa cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn.
* Các việc ác và các điều thiện đều là dựa trên tâm địa mà luận, chứ chẳng phải chỉ nói về sự tướng mà thôi. Trong tâm đã chẳng khởi ác thì toàn thể là thiện, niệm ấy là Phật, công đức hơn hẳn người thường trăm ngàn vạn lần. Muốn cho cõi lòng chỉ thiện không ác thì trong hết thảy lúc, hết thảy nơi, hãy nên giữ lòng thành kính như đối trước trời Phật mới hòng đạt được. Nếu tâm vừa mới phóng túng thì các ý niệm chẳng đúng pháp sẽ theo đó mà khởi!
* Niệm Phật phải khéo phát tâm. Tâm làm chủ việc tu trì. Tâm nếu phù hợp với bốn hoằng thệ nguyện thì niệm Phật một câu, làm một điều lành, công đức vô lượng vô biên; huống hồ là ba nghiệp thân - khẩu - ý luôn đặt nơi niệm Phật lợi sanh?
Nếu tâm chỉ cầu tự lợi, chẳng mong lợi người, dù làm nhiều việc vẫn đạt được công đức rất ít. Huống hồ lại còn có ý khuynh đảo người, hại người, và tâm tự khoe khoang, hợm hĩnh thì việc mình niệm Phật đó, việc mình làm đó dù chẳng phải hoàn toàn không công đức, nhưng trong trăm ngàn vạn ức phần, mình chỉ thật sự đạt được một phần rưỡi thôi! Thế nhưng tội lỗi của ác

niệm cũng lại chẳng ít. Bởi vậy, người tu hành ai nấy phải khéo phát tâm, chứ chẳng riêng gì người niệm Phật!
* Phải biết rằng Phật pháp vốn chẳng lìa thế gian. Tất cả những bạn trong liên xã ai nấy đều phải trọn vẹn bổn phận của mình. Như cha hiền con hiếu, anh rộng lượng, em cung kính, chồng xướng vợ theo, chủ nhân từ, tớ trung thành v.v... Lại phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, phóng sanh, chẳng ăn mặn, uống rượu, ngăn điều tà, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, tự lợi, lợi tha; [lấy những việc như vậy] làm trách nhiệm của mình. Như thế thì nền tảng vững vàng, ngay ngắn, đáng thọ pháp nhuận. Nếu có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, ắt sẽ vãng sanh thượng phẩm.
Kẻ ngu trong đời phần nhiều thường không tu hành thật sự, chỉ mong được cái hư danh là tu hành chân thật. Vì thế, bày ra đủ mọi cách tô son trát phấn thành ra những trò trông giống như thật nhưng chỉ là giả, chỉ mong người khác khen ngợi mình. Tâm hạnh họ đã dơ bẩn quá đỗi, dù có tu trì cũng bị tâm ấy làm bẩn, quyết khó được lợi ích chân thật. Đấy gọi là "háo danh ố thật" (thích danh ghét thật), là điều đại kỵ bậc nhất cho việc tu hành.
Nếu ai thực hiện những điều nên làm đã nói ở phần trước, không có những điều nên tránh như đã nói ở phần sau, người ấy là người hiền trong thế gian, là bậc Khai Sĩ trong Phật pháp. Dùng thân mình làm gương cho mọi người, từ trong nhà ra đến làng xóm, từ làng xóm đến thành ấp, cho đến toàn quốc và tứ thiên hạ thì lễ nghĩa hưng thịnh, can qua vĩnh viễn ngưng dứt, từ thiện nẩy nở, tai hại chẳng sanh, mới hòng thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc!
* Đã niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì phải phát tâm từ bi, hành phương tiện sự, dứt tham - sân - si, tránh giết - trộm - dâm, tự lợi, lợi người mới hợp ý Phật. Nếu không, tâm trái với Phật, cảm ứng đạo giao bị gián cách, chỉ gieo nhân đời sau, khó được quả hiện đời. Nếu chí thành niệm Phật, hạnh hợp tâm Phật, tâm khẩu tương ứng thì người như thế đến lúc lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng tất nhiên hiện đến tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.
Một phen sanh về Tây Phương liền siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các vui. Đấy là toàn cậy vào Phật lực, chẳng bàn đến công đức là cạn hay sâu, có Hoặc hay không Hoặc! Chỉ đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, quyết định vạn người chẳng sót một.
* Người học đạo an tâm lập hạnh ắt phải chất trực, trung chánh, chẳng được có mảy may thiên lệch, tư vị, cong vẹo nào. Nếu có chút thiên lệch, tư vị, cong vẹo nào sẽ giống như cái cân có mấu cân chẳng chuẩn, cân các vật nặng nhẹ đều sai! Như tấm gương thể chất chẳng sạch, chiếu các vật đẹp xấu

chẳng đúng. Sai chỉ hào ly, mất cả ngàn dặm. Sai lầm lan truyền, không sao dứt được.
Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: *"Thập phương Như Lai đồng một đạo nên xuất ly sanh tử đều dùng trực tâm"*. Do tâm lẫn lời nói đều ngay thẳng như thế cho đến địa vị Chung Thỉ, trong khoảng thời gian ấy vĩnh viễn không có các tướng ủy khúc. Kinh Thư nói: "*'Nhân tâm nguy ách, đạo tâm tế nhị, ròng chuyên một mối, đừng chấp hai bên"*.
* Quán kinh dùng hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp và thọ trì Tam Quy, các giới: Cụ Túc... chẳng phạm oai nghi, phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng [kinh điển] Đại Thừa để khuyến tấn hành giả dùng đó làm chánh nhân cho Tịnh nghiệp. Với mười một điều này, chỉ có một điều "dùng tín nguyện sâu xa, hồi hướng vãng sanh" thì đều được như nguyện.

---o0o---

4. Luận Định Các Pháp Tu Trì

* Trộm nghĩ pháp môn tu trì có hai thứ khác nhau. Nếu cậy vào sức mình để tu Giới - Định - Huệ hòng đoạn Hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử thì gọi là những pháp môn thông thường. Nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, mong nhờ vào Phật lực vãng sanh Tây Phương thì gọi là pháp môn đặc biệt.
Pháp môn thông thường toàn cậy vào tự lực, pháp môn đặc biệt gồm cả tự lực và Phật lực. Dù có công tu Định Huệ, đoạn Hoặc sâu, nhưng không có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu vãng sanh thì vẫn thuộc về Tự Lực. Nay dùng ví dụ để chỉ rõ. Đường lối tu thông thường giống như vẽ tranh sơn thủy, phải vẽ từng nét bút mới từ từ thành hình. Còn pháp môn đặc biệt như chụp cảnh sơn thủy, dù núi non, cây cỏ um tùm cách mấy, chụp một cái là đủ hết cả.
Đường lối tu thông thường lại như ra đi bằng đường bộ, người mạnh nhất mỗi ngày đi chẳng quá một trăm mười dặm. Pháp môn đặc biệt như ngồi trên luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương, một ngày bay đi khắp bốn đại bộ châu. Chúng ta đã chẳng có khả năng thành Phật ngay lập tức, lại chẳng thực sự chứng "đoạn Kiến Hoặc, tùy ý chẳng tạo nghiệp"; nếu chẳng chuyên tu Tịnh Nghiệp để nhờ vào Phật lực đới nghiệp vãng sanh, chỉ e đến tận đời vị lai, vẫn ở trong tam đồ, lục đạo, thọ sanh, thọ tử, không cách nào xuất ly, chẳng đáng buồn ư? Nguyện những đồng nhân của tôi gấp sanh chánh tín.
* Một pháp Niệm Phật ước có bốn loại, nghĩa là: Trì Danh, Quán Tượng, Quán Tưởng, Thật Tướng. Chỉ mỗi mình pháp Trì Danh thâu nhiếp căn cơ rất rộng, hạ thủ dễ dàng nhất, chẳng đến nỗi bị ma sự!

Nếu muốn tu Quán, phải đọc kỹ Quán Kinh, hiểu sâu xa "tâm này làm Phật, tâm này là Phật" và "tâm tịnh Phật hiện, cảnh chẳng phải đến từ bên ngoài", chỉ do tâm hiện, đừng sanh chấp trước. Đã không chấp trước thì cảnh càng thêm thâm diệu, tâm càng thêm tinh nhất. Làm được như vậy thì quán tưởng được lợi ích chẳng nhỏ.
Nếu cảnh quán chẳng thuần thục, chẳng hiểu rõ Lý, dùng tâm gấp rút vọng động muốn cảnh hiện gấp thì toàn thể đều là vọng, chẳng tương ứng với cả Phật lẫn tâm, đọa vào ma thai. Nhân đó, vọng động muốn thấy cảnh thì tâm càng thêm vọng động, ắt đến nỗi phát động oan gia trong nhiều đời hiện ra những cảnh giới. Cái nhân ban đầu đã chẳng chân, làm sao biết được cảnh ấy là do ma nghiệp hiện? Liền sanh đại hoan hỷ, tình thức chẳng tự yên nên ma sẽ dựa thân, mất trí thành cuồng. Dù cho Phật sống hiện thân cứu độ, cũng chẳng làm gì được! Nên tự lượng căn tánh, chớ toan tính chuyện cao xa để đến nỗi mong được lợi hóa ra thành tổn hại!
Hòa Thượng Thiện Đạo dạy: *"Mạt Pháp chúng sanh thần thức chao đảo, tâm thô cảnh tế, quán khó thành tựu. Cho nên đức Đại Thánh thương xót riêng khuyên nên trì danh vì xưng danh dễ, trì danh liên tục liền được sanh"*. Đúng là Ngài sợ có kẻ chẳng khéo dụng tâm đến nỗi lạc vào cảnh ma. Hãy tự xét kỹ! Hơn nữa, Trì Danh chí thành khẩn thiết cũng là một diệu pháp để tiêu trừ ma cảnh vọng động. Hãy nên dốc kiệt tâm lực thực hành mới nên!
* Chớ nói: Duyên tưởng một Đức Phật công đức chẳng lớn bằng duyên tưởng nhiều Đức Phật. Phải biết rằng A Di Đà Phật là Pháp Giới Tạng Thân, công đức của tất cả mười phương pháp giới chư Phật, mình đức Phật A Di Đà đã hoàn toàn trọn đủ. Như các hạt châu nơi lưới của Thiên Đế, ngàn hạt châu in bóng trong một hạt châu, một hạt châu chiếu khắp ngàn hạt châu. Nêu một gồm thâu toàn bộ, chẳng thiếu, chẳng dư!
Nếu là bậc Đại Sĩ tu lâu, duyên cảnh rộng lớn chẳng ngại gì! Cảnh càng rộng, tâm càng chuyên nhất. Nếu là kẻ sơ tâm mạt học, nếu duyên cảnh rộng tâm thức sẽ phân tán, nhưng chướng sâu huệ cạn, rất có thể khởi các ma sự. Cho nên đức Phật Thế Tôn ta và lịch đại chư Tổ đều dạy nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật là vì lẽ ấy. Đợi đến khi niệm Phật chứng được tam muội thì trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa thảy đều đầy đủ. Cổ nhân bảo:
Dĩ mộc đại hải giả,
Tất dụng bách xuyên thủy,
Thân đáo Hàm Nguyên điện,
Bất tu vấn Trường An?
(Đã tắm trong biển cả,
Ắt dùng nước trăm sông.
Thân đến điện Hàm Nguyên,

Hỏi Trường An chi nữa?)
Có thể nói là rất khéo hình dung vậy!

* Chớ có nói một pháp Trì Danh là thiển cận, rồi bỏ pháp này, tu các pháp Quán Tượng, Quán Tưởng, Thật Tướng! Trong bốn pháp niệm Phật, chỉ có mỗi Trì Danh là khế cơ bậc nhất. Trì đến nhất tâm bất loạn thì diệu lý Thật Tướng sẽ hiển lộ toàn thể, diệu cảnh Tây Phương triệt để phô bày trọn vẹn. Tức là trì danh mà chứng được Thật Tướng, chẳng quán tưởng mà thấy cùng tột cảnh Tây Phương.

Một pháp Trì Danh chính là huyền môn để nhập đạo, là đường tắt để thành Phật. Nay những người dạy lý quán pháp đều chẳng hiểu rõ. Nếu tu Quán Tưởng, Thật Tướng lỡ bị ma dựa, há có phải là biến khéo thành vụng, cầu thăng hóa đọa. Hãy nên tu hạnh dễ hành, sẽ tự cảm được diệu quả.

* Như Lai thuyết pháp vốn là để thích ứng căn cơ. Vì thế mới có việc vì Thật bày Quyền, hiển Quyền khai Thật, năm thời giáo hóa. Lại vì cậy vào tự lực để liễu thoát thì khó, cậy Phật lực để liễu thoát thì dễ. Lại vì chúng sanh đời Mạt căn cơ hèn kém nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ để ba căn thượng, trung, hạ đều hưởng lợi ích, cùng chứng Bất Thoái.

Đời có kẻ ham cao chuộng trội, chẳng xét thời cơ, cứ đem những pháp phần đông chẳng khế ngộ nổi để dạy người tu tập. Ý họ tuy rất lành, nhưng ước về giáo pháp thì chẳng thích hợp với căn cơ, cho nên dụng sức rất nhiều mà kẻ được lợi ích lại ít!

* Trước khi chưa đắc Nhất Tâm, trọn chẳng thể móng khởi ý niệm thấy Phật. Đạt được Nhất Tâm thì tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, muốn thấy liền thấy ngay, chẳng thấy cũng không ngại gì. Nếu muốn gấp thấy Phật, tâm niệm rối bời, ý niệm muốn được thấy Phật kết chặt trong dạ, trở thành đại bệnh cho việc tu hành. Lâu ngày, kẻ oán gia trong nhiều đời thừa dịp tình tưởng vọng động, dối hiện thân Phật để đòi oán cũ. Tự mình tâm không chánh kiến, toàn thể thuộc về khí phận ma, vừa thấy liền sanh hoan hỷ. Do đấy, ma nhập tim gan, bị ma dựa phát cuồng. Dù có Phật sống cũng chẳng làm gì được!

Chỉ nên gắng đạt Nhất Tâm, quản chi thấy Phật hay không? Nhất Tâm rồi sẽ tự biết rõ. Nếu chẳng thấy Phật thì do công phu vượt tiến liền thấy, lại càng thêm một dạ chuyên tu, trọn chẳng mắc lỗi hiểu lầm, chỉ được lợi ích vượt trội.

Trong đời, kẻ chẳng hiểu lý mới tu trì chút ít đã mong mỏi quá phận mình. Ví như mài gương, nếu bụi dơ đã hết, chắc chắn quang minh sẽ hiện ra chiếu trời, soi đất. Nếu chẳng tận lực mài, cứ mong gương tỏa sáng, do toàn thể là nhơ bẩn nên nếu có phát quang thì ánh sáng ấy cũng là ánh sáng ma quái, chứ nào phải ánh sáng của gương!

Quang tôi chỉ sợ ông chẳng khéo dụng tâm, lỡ ra bị mất lợi lành, khiến tín tâm người khác bị lui sụt, nên mới viết thư bày tỏ. Tổ Vĩnh Minh nói: *"Chỉ được thấy Di Đà, lo chi không khai ngộ"*. Nay tôi bắt chước Ngài nói: *"Chỉ mong đạt Nhất Tâm, lo gì thấy, chẳng thấy!"* Biết vậy rồi thì hãy nên dốc sức để tâm hợp với đạo của Phật vậy!
* Đóng cửa Phương Tiện, cự tuyệt sự vụ chẳng cấp bách, thật là hữu ích.
* Khi bế quan dụng công, nên lấy "chuyên tinh bất nhị" làm chánh. Nếu tâm được chuyên nhất sẽ tự được cảm thông chẳng thể nghĩ bàn. Lúc chưa được Nhất Tâm, tâm chớ vọng động cầu cảm thông. Sau khi Nhất Tâm, nhất định có cảm thông. Cảm thông thì tâm càng tinh nhất. Có thể nói là như gương sáng đặt trên đài, hình đến liền hiện bóng, hình tự lăng xăng, can gì đến ta? Tâm chưa chuyên nhất, đừng cầu cảm thông; bởi cái tâm cầu cảm thông đó chính là một chướng ngại lớn bậc nhất cho việc tu đạo. Huống hồ do vọng động mong cầu thái quá, rất có thể các ma sự khởi, phá hoại tịnh tâm!
* Việc cắt máu chép kinh có thể hoãn lại đó, trước hết nên lấy nhất tâm niệm Phật làm trọng. E rằng vì máu hao tinh thần suy nhược, lại hóa thành chướng ngại. Thân có an thì đạo mới vượng. Còn thuộc địa vị phàm phu đừng bắt chước khổ hạnh của bậc Pháp Thân Đại Sĩ. Chỉ cần được nhất tâm thì pháp nào cũng trọn vẹn hết!
* Đối với pháp Quán Tưởng, nếu chẳng minh bạch về mặt Lý, quán cảnh chưa thành thục thì chẳng được có tâm vọng động mong chóng đạt. Người có chí trấn định chẳng dời tu pháp này thì tổn nhiều, ích ít. Còn Thật Tướng Niệm Phật chính là diệu hạnh thuộc về đường lối chung trong hết thảy pháp môn thuộc toàn bộ giáo pháp của đức Phật. Như Chỉ Quán bên Thiên Thai Tông, tham cứu hướng thượng của nhà Thiền v.v... đều thuộc đường lối này cả. Những pháp nói đó đều là niệm Đức Phật tự tánh thiên chân....
Niệm đức Phật Thật Tướng như vậy nói có vẻ dễ, nhưng tu chứng khó nhất. Chẳng phải bậc Đại Sĩ tái lai, có ai chứng được ngay trong đời này? Do khó khăn ấy, lẽ đương nhiên cách Trì Danh niệm Phật đáng nên khen ngợi, khuyên tu. Hiểu điều này rồi mà còn muốn cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chứng chân, khôi phục tâm tánh vốn sẵn có, chẳng chịu sanh lòng tin, phát nguyện, chấp trì danh hiệu cầu sanh Tây Phương, quyết chẳng có lẽ ấy!
Do Thật Tướng hiện hữu trong hết thảy pháp, một pháp Trì Danh chính là một đại pháp môn vừa là Sự vừa là Lý, vừa cạn, vừa sâu, vừa là tu, vừa là tánh, là phàm tâm nhưng lại là Phật tâm. Với Trì Danh mà hiểu được thể của nó chính là Thật Tướng thì [đạt] lợi ích sâu rộng. Bỏ Trì Danh để chuyên tu Thật Tướng thì vạn người tu, cũng khó được một hai kẻ thật chứng! Cứ xem quả báo của những vị Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Thập Bằng v.v... sẽ thấy được lẽ trên. Với một việc liễu sanh thoát tử há cứ dùng chí to, lời lẽ to lớn mà thành tựu được nổi sao?

* Niềm vui niệm Phật chỉ người chân thật niệm Phật mới biết được nổi. Nhưng phải chí thành khẩn thiết, nhiếp tâm mà niệm, chẳng được chấp vào tướng ngoại cảnh. Nếu không cõi lòng chẳng thông, quán đạo chẳng thuần thục, ma cảnh hiện tiền cũng chẳng biết rõ thì nguy lắm! Phải nhớ kỹ, nhớ kỹ! Nay những người thật sự hoằng dương Tịnh Độ khó được mấy ai! Đem ý niệm tham học với khắp các bậc tri thức đổi thành nhất tâm niệm Phật thì lợi ích to lớn. Nếu không, chỉ thành ra uổng công nhọc nhằn bôn ba mà thôi!
* Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm chính là niệm đến lúc tương ứng, dù thường niệm Phật, nhưng trọn không có tướng khởi tâm động niệm (lúc chưa tương ứng, chẳng khởi tâm động niệm thì chẳng niệm). Tuy chẳng khởi tâm động niệm, nhưng thường luôn xưng niệm hoặc ức niệm một câu Phật hiệu; nên nói "niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm". Đừng hiểu vô niệm là không niệm. Vô niệm nghĩa là không có tướng khởi tâm động niệm để niệm, nhưng niệm niệm chẳng gián đoạn. Cảnh giới này chẳng dễ đạt được, chớ có hiểu lầm!
* Một pháp Quán Tưởng tuy hay, nhưng phải hiểu rõ tượng Phật mình thấy đó thuộc về duy tâm sở hiện. Nếu tưởng đó là cảnh ngoài tâm, rất có thể bị ma dựa phát cuồng. Chẳng thể không biết! Duy tâm sở hiện là cảnh tượng ấy tuy rành rẽ phân minh, nhưng thật chẳng có vật gì. Nếu tưởng là ngoại cảnh, cho là đành rành thật có thì liền thành ma cảnh. [Khi tu Quán] nhắm mắt, mở mắt cốt sao thích hợp là được.
* Người khác dạy người chú trọng vào chỗ huyền diệu. Quang tôi dạy người đa phần chỉ dẫn những điều họ có thể tận sức làm được. Nếu chẳng thể tận sức mình, dù có luận tới tột nguồn, tận đáy của mỗi một pháp trong Thiền hay Giáo cũng chỉ thành "tam thế chư Phật oan" mà thôi, huống gì chưa phải là chuyện tột nguồn, tận đáy ư?

* Không tín - nguyện niệm Phật so với tham thiền, khán thoại đầu tuy công đức lớn hơn, nhưng mình chưa đoạn được Hoặc, sẽ chẳng thể liễu thoát bằng tự lực! Thêm nữa, không có tín - nguyện chẳng thể được Phật tiếp dẫn liễu thoát, vẫn là pháp môn thông thường cậy vào tự lực để chứng đạo, thật chẳng thể dễ dàng. Chớ bảo "tín nguyện cầu sanh" là hèn kém! Hoa Nghiêm hải hội cùng lấy mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh là chỗ quy kết cuối cùng cho kinh Hoa Nghiêm. Huống hồ những pháp ngữ, những lời dạy của các Bồ Tát, Tổ Sư trong Tịnh Độ đều chỉ dạy tín nguyện cầu sanh.
* Tuy có mười sáu phép Quán, nhưng hành giả nên bắt đầu từ phép quán dễ, hoặc là quán tướng bạch hào của Như Lai, hoặc phép quán thứ mười ba là tạp tưởng quán. Còn như quán về chín phẩm chẳng qua là để hành nhân biết

được tiền nhân, hậu quả của việc vãng sanh mà thôi, chỉ cần hiểu rõ là được; bất tất phải đặt riêng làm phép quán.

Chẳng thể chẳng biết lý của Quán, về mặt sự của tu quán thì phải hành từ từ. Nếu như chẳng hiểu rõ mặt lý, quán cảnh chẳng phân minh, dùng tâm tháo động thô phù để tu, có thể tạo thành ma sự. Tức là khi quán cảnh hiện tiền, nếu tâm chợt vọng sanh ý niệm vui mừng, sẽ do vui thành chướng, có thể bị thoái thất cái tâm ban đầu.

Vì thế, kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Tâm chẳng cho là cảnh thánh, gọi là cảnh giới lành. Nếu cho là thánh giải liền vướng quần tà"*. Chỉ mỗi cách Nhất Tâm Trì Danh là hạnh ngàn phần ổn thỏa, vạn bề thích đáng, đợi đến khi tâm quy nhất, tịnh cảnh sẽ tự hiện tiền.

* Phải biết lý *" Pháp Thân vào trong tâm tưởng"* [nói trong Quán Kinh] rất sâu. Tâm là Phật, tâm làm Phật sự vốn bình thường. Bình thường phi thường, rất sâu chẳng sâu. Phải viên ngộ mới gọi là "đạt nhân" (người thấu hiểu). Còn phép quán thứ mười ba là riêng vì chúng sanh căn cơ kém cỏi mở cửa phương tiện, dạy họ quán thân Phật trượng sáu hoặc tám thước.

Trong phép quán thứ mười sáu, lại dạy những kẻ ác nghiệp nặng nề xưng danh hiệu. Do xưng danh liền được vãng sanh. Do đấy biết rằng: Tướng có lớn nhỏ, Phật vốn là một. Chẳng thể quán tưởng, [chỉ cần] xưng danh liền được lợi ích. Suy nghĩ kỹ điều này sẽ biết một pháp Trì Danh thật là bậc nhất. Hành nhân đời mạt muốn được quyết định vãng sanh ngay trong đời này có nên bỏ phí của báu một hạnh Trì Danh này chăng?

* Người đời này hơn quá nửa chuộng thể diện, xây lầu gác trên không. Có được một phần hay nửa phần, bèn nói là có đến trăm ngàn vạn phần. Như trong sách Ngữ Lục của vị cư sĩ nọ, những cảnh giới ông ta thuật đều là chuyện do ngòi bút vẽ vời, chứ chẳng phải cảnh do tâm tạo. Cố nhiên ông chẳng nói dối, nhưng tôi thật sự e rằng không chừng ông vướng phải tập khí này, họa ấy chẳng nhỏ.

Phật xếp vọng ngữ vào năm giới căn bản, chính là để phòng tệ này. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy là thuộc về tội vọng ngữ. Nếu xây lầu gác trên không, bịa đặt cảnh giới thù thắng là phạm đại vọng ngữ giới. Nếu chưa đắc bảo là đắc, chưa chứng bảo là chứng, tội đó nặng hơn giết - trộm - dâm trăm ngàn vạn ức lần. Người ấy nếu chẳng tận lực sám hối, khi một hơi thở ra không trở vào nữa sẽ đọa ngay vào địa ngục A Tỳ vì hoại loạn Phật pháp, khiến chúng sanh lầm ngờ vậy.

Ông phải rất thận trọng, cảnh mình thấy chỉ một phân chẳng được nói một phân mốt, cũng chẳng thể nói là chín ly chín. Nói quá thì mắc tội, nói giảm cũng không được. Vì sao vậy? Bởi tri thức chưa đắc Tha Tâm Đạo Nhãn, chỉ có thể dựa vào lời đã nói để phán đoán mà thôi. Thuật cùng tri thức cảnh giới ấy để nhờ họ chứng minh là tà hay chánh, là đúng hay sai thì không sao.

Nếu chẳng vì chứng minh, chỉ muốn khoe khoang cũng có lỗi! Nếu nói với hết thảy mọi người, cũng có lỗi. Ngoại trừ việc cầu tri thức chứng minh, đều chẳng được nói ra. Hễ nói ra, sau này sẽ vĩnh viễn chẳng đạt được cảnh giới thù thắng ấy nữa. Đây chính là ải thứ nhất cho người tu hành, trong Thiên Thai Tông đã nhiều lần nói đến.

Sở dĩ những người tu hành gần đây nhiều kẻ bị ma dựa đều là do tâm vọng động, gấp rút mong được cảnh giới thù thắng. Đừng kể cảnh ấy là ma cảnh, dù cảnh ấy đích thị là cảnh thù thắng, nhưng nếu cả một đời tâm cứ hoan hỷ, tham trước v.v... sẽ vẫn bị tổn, chớ chẳng được ích, huống hồ cảnh ấy chưa đích xác là cảnh thù thắng ư?

Nếu người ấy có hàm dưỡng, tâm chẳng vọng động, gấp rút, không tâm tham đắm, thấy các cảnh giới cũng như chẳng thấy, chẳng sanh tâm hoan hỷ, đắm trước, cũng lại chẳng sanh tâm hoảng hốt, kinh nghi thì đừng nói là cảnh thù thắng hiện bèn được lợi, dù cảnh ma hiện cũng vẫn hưởng lợi ích! Vì sao vậy? Vì chẳng bị ma chuyển, nên có thể thăng tiến. Tôi chẳng thường nói lời này với người khác, vì ông có những sự ấy nên chẳng thể không nói.

Tượng Đại Sĩ ông được thấy lúc mới lễ Phật là không đích xác. Nếu đích thực là tượng Ngài thì sẽ chẳng vì ông nghĩ tượng đó chẳng khớp với Quán kinh mà ẩn. Nhưng vì điều đó tín tâm của ông càng khẩn thiết thì cũng là một nhân duyên tốt, nhưng chẳng nên mong thường thấy tượng. Chỉ nên chí thành lễ bái mà thôi, mong ông đừng nghĩ gì khác. Lúc ngủ thấy ánh sáng trước mắt và khi lễ Phật thấy tượng Phật đứng trên hư không tuy là thiện cảnh, nhưng đừng tham đắm. Từ đây về sau đừng lấy đó làm điều mong mỏi, các tướng ấy sẽ chẳng hiện nữa.

Xem căn tánh của ông có lẽ đời trước từng tu tập Thiền Định nên mới nhiều lần thấy những tướng ấy. Đời Minh, ông Ngu Thuần Hy ở tại núi Thiên Mục, bế quan tĩnh tu trên đỉnh núi cao. Lâu ngày bèn có tiên tri, dự đoán được trời sẽ âm u hay quang đãng, họa phước của người. Ông ta quy y với Liên Trì đại sư. Đại sư nghe chuyện gởi thư cực lực quở trách, bảo ông ta lọt vào lưới rập của ma. Sau ông không biết nữa.

Phải biết rằng: Người học đạo phải biết điều gì là quan trọng; nếu không, được lợi ích nhỏ nhặt, bị tổn hại lớn lao. Đừng kể đến những cảnh giới ấy, dù có thật sự đắc Ngũ Thông cũng còn phải không đếm xỉa gì tới, mới hòng chứng được Lậu Tận Thông. Nếu một phen tham đắm sẽ khó thể tiến lên, thậm chí còn thoái đọa. Chẳng thể chẳng biết!

* Người tu Tịnh nghiệp chẳng đặt nặng các thứ cảnh giới nên không cảnh giới nào phát sanh. Nếu trong tâm cứ chuyên muốn thấy cảnh giới thì cảnh giới rất nhiều. Nếu chẳng khéo dụng tâm, có thể bị tổn hại, chẳng thể chẳng biết.

* Đàm Bích Vân cứ mong gấp chứng. Chẳng phải riêng mình ông ta mắc phải căn bệnh này, hết thảy người học Phật đa số đều phạm phải căn bệnh này. Đã có bệnh ấy, chẳng những chiêu cảm ma sự, mà còn chưa chứng nói là đã chứng. Phải biết rằng: Tâm vốn là Phật, do phiền não chưa trừ, phải oan uổng làm chúng sanh. Chỉ khi tiêu diệt được phiền não thì Phật tánh sẵn có sẽ tự nhiên hiển hiện.
Giống như mài gương chỉ mong sạch chất dơ, chẳng mong phát quang. Như thầy thuốc chữa mắt, hễ màng mộng mất đi, mắt sẽ tự sáng lại. Còn lúc chất dơ chưa sạch, màng mộng chưa khử, dù có muốn phóng đại quang minh, há có thể được chăng? Nếu phát quang, đấy chính là yêu ma biến hiện, chứ chẳng phải là quang minh chân chánh của gương hay mắt. Đối với những người sơ phát tâm, hãy nên đem ý này bảo cho họ biết.
* Người niệm Phật hãy nên tâm niệm được vãng sanh ngay trong đời này. Nếu chưa đến lúc báo thân đã mãn, chỉ nên tùy duyên. Nếu muốn định thời hạn, mong được vãng sanh (tức là mong được vãng sanh vào một thời điểm nhất định nào đó), nếu như công phu đã thành thục, lẽ cố nhiên chẳng trở ngại gì. Bằng không, một cái tâm mong cầu ấy sẽ trở thành ma căn. Nếu như vọng niệm ấy kết thành một khối chẳng gỡ bỏ được thì nguy hiểm chẳng thể nói nổi. Dốc hết lòng thành đến hết báo thân này chính là điều chúng ta nên tuân hành. Chứ còn chấm dứt tuổi thọ để cầu chứng chính là điều bị Giới kinh (Luật tạng) quở trách nặng nề (Cuối kinh Phạm Võng có bài kệ:
Kế ngã trước tưởng giả,
Bất năng sanh thị pháp,
Diệt thọ thủ chứng giả,
Diệc phi hạ chủng xứ.
Tạm dịch:
Chấp ngã, dính mắc tưởng,
Chẳng sanh nổi pháp này.
Diệt thân cầu được chứng,
Chẳng phải điều nên làm)
Chỉ nên dốc trọn thành kính, cầu mau được vãng sanh. Chẳng nên định kỳ hạn mong nhất định được vãng sanh. Người học đạo tâm chẳng được thiên chấp. Thiên chấp thì rất có thể đến nỗi mất trí thành điên, chẳng những vô ích, còn có hại nữa. Nếu Tịnh nghiệp thuần thục, vãng sanh ngay ngày hôm nay là tốt. Nếu chưa thuần thục lại muốn được vãng sanh ngay thì khác nào kéo mạ cho nó mau lớn.
Thật ngại một phen ma sự khởi, chẳng những tự mình chẳng thể vãng sanh, mà còn khiến kẻ vô tri lui giảm tín tâm, cho là: "Niệm Phật chỉ tổn hại, không ích lợi gì, cứ coi gương tầy đình của ông X. thì cái hại ấy chẳng cạn cợt vậy!" Xin hãy đem cái tâm "quyết định lập kỳ hạn" ấy đổi thành cái tâm

"chỉ nguyện mau được vãng sanh". Dù chẳng mau được vãng sanh cũng chẳng phàn nàn, chỉ càng chí thành, chí kính, chỉ mong báo tận liền được vãng sanh là được. Không gấp rút, vọng động, khăng khăng bám chắc đến nỗi chiêu cảm ma sự!

---o0o---

5. Khuyên Hành Nhân Nỗ Lực

* Người sống trong thế gian, có đủ tám nỗi khổ. Dù sanh trên trời khó tránh ngũ suy[21] . Chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới không có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui. Kinh dạy: *"Tam giới vô an, do như hỏa trạch, chúng khổ sung mãn, thậm khả bố úy"* (Ba cõi không yên giống như nhà lửa, các khổ dẫy đầy rất đáng kinh sợ). Mạng người vô thường, lẹ như ánh chớp. Đại hạn xảy đến, ai nấy chẳng thể chiếu cố cho nhau. Hết thảy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng.
Đối với những điều ấy chẳng tỉnh ngộ, tận lực tu Tịnh nghiệp thì cùng sanh trưởng như gỗ, đá vô tình trong vòng trời đất vậy. Là trang nam nhi có huyết tánh, há chịu làm thây đi thịt chạy, chết mục nát với cỏ cây! Đề cao cảnh thánh nhưng tự ở chốn phàm phu, gặp lời răn nhắc lớn lao mà chẳng phát phẫn, nghe đạo của thánh hiền, Phật, Tổ vẫn chẳng chịu tin thì là trời phụ người hay người phụ trời đây?
* Tâm gặp ác mộng là điềm ác nghiệp đời trước hiển hiện. Dù cảnh hiện ra có thiện hay ác, nhưng chuyển biến được cảnh chính tại nơi mình! Ác nghiệp hiện nhưng chuyên tâm niệm Phật thì nhân duyên ác thành nhân duyên lành, ác nghiệp đời trước biến thành đạo sư đời này. Tiếc là người đời phần nhiều bị nghiệp trói buộc, chẳng thể chuyển biến, đến nỗi lâm vào cảnh đã té giếng còn bị ném đá, khổ càng thêm khổ!

* Thời này là thời nào? Nam Bắc đánh nhau, trong ngoài đối địch. Ba bốn năm gần đây, người chết bốn năm ngàn vạn. Tự thuở có con người đến nay, chưa từng nghe thấy sự thê thảm như vậy. Lại còn gió lốc, nước dâng, địa chấn, ôn dịch nhan nhãn các nơi. Lại còn thêm lụt lội, hạn hán, không năm nào chẳng kèm thêm các tai nạn ấy. Giá cả các thứ mắc gấp mấy lần năm trước.
Trong lúc này, may còn được sống, dám đâu chẳng kiệt lực chuyên tu Tịnh nghiệp để cầu vãng sanh Tịnh Độ ư? Dám đâu do may mắn còn được cái thân lại buông lung ý chí, chẳng chuyên chú nhất định vào một pháp, lơ mơ dốc sức vào một pháp môn chẳng khế hợp thời cơ ư? Giả sử một hơi thở ra

chẳng hít trở vào được, muốn lại được nghe pháp môn thẳng tắt như thế này, chỉ e chẳng có dịp may mắn như thế nữa đâu?
* Thân là gốc để chiêu khổ, chán nhàm bèn được cái nền tảng để hưởng vui. Do túc nhân sâu dày, hiện tại thiện hảo càng nồng hậu, nên báo nặng từ nhiều kiếp chuyển thành vạ nhẹ trong hiện tại. Càng hoạn nạn, đớn đau càng mạnh mẽ tu trì thì những thống khổ trong cõi Sa Bà sẽ là thầy hướng dẫn mình về Cực Lạc. Hãy nghĩ mình đang đền nợ cũ thì những ý tưởng áo não, phiền muộn sẽ tự tiêu. Nếu vẫn còn ôm lòng oán trách thì tội chướng tiếp tục khởi. Cam chịu nghịch cảnh xảy đến mới là kẻ biết vui theo mệnh trời. Chán đây, ưa kia mới là người tu Tịnh nghiệp.
* Một câu Phật hiệu bao quát hết cả toàn bộ giáo nghĩa Đại Tạng không còn sót gì. Người thông Tông, thông Giáo mới có thể làm người chân thật niệm Phật, nhưng người cái gì cũng không biết, cái gì cũng chẳng làm được, miệng chỉ biết thưa thốt, cũng vẫn có thể làm người chân thật niệm Phật. Hai hạng người này có chân thật hay không toàn là do tự mình nỗ lực hay không, có hành theo đúng giáo pháp hay không?
* Nếu đối với pháp môn Tịnh Độ, kính tin lời Phật quyết định chẳng ngờ, lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, tu hành thật sự nhất định sẽ vãng sanh làm người trong thế giới Cực Lạc. Há nên trong lúc kiếp vận này, toan nhằm thời buổi nguy hiểm, tinh thần hữu hạn, lại thực hiện những pháp vụ chẳng cấp bách hòng được tiếng tăm là bậc đại thông gia để thỏa thể diện, khiến cho một việc chuyên tu của chính mình rốt cục thành hư luống sao?
* Mười nguyện Phổ Hiền, một hạnh Văn Thù, nếu có thể chuyên ròng tu, dù hết thảy kinh luật đều chẳng thông suốt cũng có thể nhanh chóng tháo cũi xổ lồng, cao dự hải hội. Nếu đối với một pháp cậy vào Phật lực này tin chẳng chân thật, không quyết định nương dựa vào pháp này, dù có thông Tông thông Giáo sâu xa cũng chỉ là tam muội nơi cửa miệng. Toan dùng tam muội kiểu môi miếng ấy để liễu sanh thoát tử thật giống như dùng bánh vẽ để đỡ đói, ắt đến bước cùng đường hối hận sâu xa cũng chẳng mảy may có lợi ích gì! Hiện tại đời lẫn đạo chẳng biết tình trạng tương lai ra sao, vẫn còn toan dùng quang âm sắp hết để lo những chuyện chẳng cấp bách ư?
* Cổ nhân nói: *"Thiểu thật thắng đa hư. Đại xảo bất như chuyết. Thuyết đắc nhất trượng, bất như hành thủ nhất thốn"* (Ít thật hơn hư nhiều. Khéo quá chẳng bằng vụng. Nói cả trượng không bằng làm được một tấc). Chân tâm là ở chính mình, hãy suy nghĩ thấu đáo!
* Một pháp Tịnh Độ lấy ba điều Tín - Hạnh - Nguyện làm tông. Chỉ có đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha mới dốc chí hành trì được. Gặp cảnh họa hại mới bèn chân thành, khẩn thiết; gặp lúc nhàn nhã, thong dong bèn lơi là, hoãn đãi. Đấy là bệnh chung của phàm phu. Vào lúc này, thời cuộc lẫn tình hình đạo pháp như nằm yên trên đống củi, phía dưới lửa đã bốc

cháy, nhưng chưa cháy đến thân. Chớp mắt là toàn thể bừng cháy, khắp cõi không chỗ nào trốn tránh được cả! Sao còn lơi là, xao nhãng qua ngày, chẳng chuyên chí cầu nơi một câu Phật hiệu? Cái tri kiến ấy thiển cận quá đỗi!
* Đời trước vun bồi huệ căn này cố nhiên chẳng dễ dàng gì. Nếu đối với pháp này chẳng chuyên tinh, dốc cạn sức để mong được tự chứng, có khác gì chén, bình chưa nung, gặp mưa liền rã. Quang âm ngắn ngủi, mạng người mấy chốc? Một hơi thở ra chẳng trở lại đã qua đời sau. Người chưa chứng đạo từ ngộ vào mê, vạn người có cả mười ngàn; từ ngộ thêm ngộ, ức kẻ chẳng được một hai! Nỡ để vô thượng pháp khí gặp phải cơn mưa tái sanh liền trở thành bụi đất ư?
* Chúng ta đã là Phật tử, phải hành Phật hạnh. Dù chẳng phá sạch được vô minh, nhanh chóng khôi phục bổn tánh, tiến thẳng vào Diệu Giác quả hải, chẳng lẽ không thể viên chứng ba tâm (thâm tâm, trực tâm, hồi hướng phát nguyện tâm), dốc lòng tu Tịnh nghiệp để mong đoạn Hoặc ngay nơi thân này, gởi tâm thức nơi Liên bang, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn lành của các Đại Sĩ, an trụ tịch diệt, dạo các cõi Phật, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh hay sao?
Nếu chẳng tự gắng sức, chỉ đề cao thánh cảnh, vẫn cam làm phàm ngu, e rằng cả nửa đời tu trì siêng nhọc phải đành cay đắng vĩnh viễn trầm luân! Mê muội nên châu buộc nơi vạt áo mà đành bỏ phí của báu, lên núi báu trở về tay không. Dùng tánh Chân Như mầu nhiệm có đủ vô lượng công đức, trí huệ, thần thông, tướng hảo để hứng chịu oan uổng vô lượng sanh tử luân hồi, phiền não nghiệp quả, huyễn vọng cực khổ. Chẳng phải là mất trí sanh cuồng, ghét thăng thích đọa, sống làm thịt chạy, thây đi, chết mục nát cùng cỏ cây ư? Tam thế chư Phật gọi là hạng người đáng thương xót. Những vị đồng luân với tôi hãy nên nỗ lực.

* Trong lúc đường đời nguy hiểm này, hãy nên mở toang tấm lòng, tầm mắt, nỗ lực tu trì Tịnh nghiệp. Tất cả cát - hung họa - phước đều chẳng lo tới, tùy duyên ứng biến. Dù cho đại họa trút xuống đầu vẫn nên nghĩ: Những người cùng mắc phải họa này chẳng biết là mấy ngàn vạn ức người? Trong tình thế chẳng làm gì khác được, vẫn còn có A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát để nương cậy được, há còn lo chi? Lấy việc niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để làm chỗ cậy nhờ vô úy. Mở rộng tâm lượng, đừng thấp thỏm thì bệnh tự nhiên lành, thân yên vui.
Chẳng biết nghĩa này, dù chưa gặp phải cảnh tai ách đã tự hãm mình trước vào trong tai ách; dù là Phật, Bồ Tát cũng chẳng thể cứu nổi. Bởi thế, quân tử không hoạn nạn hành xử như đang bị hoạn nạn, cho nên không điều gì xảy đến mà chẳng tự chủ được!

---o0o---

Phần 3

IV. LUẬN VỀ VIỆC LỚN SANH TỬ

1. Cảnh Tỉnh Mạng Người Vô Thường

* Quang âm vùn vụt, thời thế đổi dời trong mỗi sát-na, một niệm chẳng trụ. Đấy chính là tạo vật vì hết thảy bọn chúng sanh ta hiện tướng lưỡi rộng dài giảng vô thượng diệu pháp: Mạng người vô thường, vinh hoa chẳng bền, gấp tìm nẻo về để khỏi phải chịu cái khổ trầm luân vậy.

* Việc lớn sanh tử phải dự bị trước. Nếu đợi đến lúc sắp ra đi mới tu, chỉ e sẽ bị nghiệp lực đoạt mất.

* Sanh tử là việc lớn. Vô thường nhanh chóng. Nghe đến kinh sợ, nhưng còn lâu mới bằng khi thân trải qua nỗi đớn đau kịch liệt.

* Cổ nhân nói*: "Thông minh bất năng địch nghiệp. Phú quý khởi miễn luân hồi"* (Thông minh chẳng cự nổi nghiệp. Phú quý chẳng tránh khỏi luân hồi). Sanh tử xảy đến, không có gì để nương dựa cả, chỉ có mỗi A Di Đà Phật là nương nhờ được thôi! Tiếc người đời quá ít ai biết. Kẻ biết đến, tin chân thật và thật sự niệm Phật lại càng ít hơn nữa!

* Ngày ba mươi tháng Chạp là ngày chấm dứt một năm. Nếu chẳng thu xếp trước cho khéo thì chủ nợ, oán gia sẽ xúm lại lôi kéo, chẳng dung cho lỗi lầm của mình. Lúc lâm chung chính là ngày ba mươi tháng Chạp của cả một đời. Nếu tư lương Tín - Nguyện - Hạnh chưa đủ, vẫn còn tham - sân - si, tập khí ác thì oán gia, chủ nợ từ vô lượng kiếp đến nay sẽ kéo đến bức bách, đòi nợ, chẳng dung cho mình.

Đừng nói những kẻ chẳng biết đến pháp môn Tịnh Độ đành không biết làm cách nào, phải theo nghiệp thọ sanh; dù là đã biết nhưng chẳng chăm chú tu hành thật sự thì cũng giống hệt như vậy: bị ác nghiệp lôi kéo vào trong tam đồ, lục đạo, vĩnh viễn luân hồi! Muốn cầu con đường thoát khổ, chỉ có cách niệm niệm lo nghĩ đến lúc chết, sợ rằng chết đi sẽ đọa lạc trong tam đồ ác đạo thì Phật niệm sẽ tự thuần, Tịnh nghiệp sẽ tự thành; hết thảy trần cảnh sẽ chẳng thể đoạt được chánh niệm nữa!

* Cầu sanh Tây Phương đừng nên sợ chết. Nếu chết ngay ngày hôm nay thì liền sanh về Tây Phương. Đấy là như lời [người xưa] đã nói: *"Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ!"* (Sáng nghe đạo, chiều chết cũng được!) Lẽ đâu, ngày hôm nay phải chết lại chẳng chịu chết, cứ tham luyến trần cảnh chẳng thể buông xuống, khiến cho do tham thành chướng, cảnh Tịnh Độ chẳng hiện, khiến cho cảnh tùy nghiệp thọ sanh trong đường thiện ác liền hiện.

Cảnh hiện, liền theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện ác; vãng sanh Tây Phương hóa thành bánh vẽ! Vì thế, đối với người tu Tây Phương, chết hôm nay cũng tốt; sống thêm một trăm hai mươi năm rồi chết cũng hay. Hết thảy phó mặc nghiệp trước, chẳng lầm sanh ý tưởng tính toán, so đo. Nếu như tín nguyện chân thành, thiết tha, báo hết mạng tận, thần thức bèn siêu Tịnh vực, nghiệp trả lại trần lao, sen vàng chín phẩm nở hoa, Phật thọ ký một đời thành Phật!

---o0o---

2. Khuyên Chuyên Cậy Vào Phật Lực

* Ấn Quang từ Tây qua Đông, từ Bắc xuống Nam, qua lại hơn vạn dặm, gặp gỡ nhiều người. Trong số đó, lắm kẻ bình nhật tự vỗ ngực là bậc thông Tông, thông Giáo, coi Tịnh Độ như uế vật, chỉ sợ nó làm bẩn lây đến mình. Lúc lâm chung, đa số chân loạn tay cuống, kêu cha gào mẹ. Trong số ấy, có những người trì giới niệm Phật già giặn, chắc thật, dù Tín Nguyện chưa đến mức cùng cực, tướng lành chẳng hiện, nhưng đều an nhiên mạng chung.

Vì sao như vậy? Là vì tâm thủy trong lặng, do phân biệt nên xao động, đục ngầu, sóng thức trào dâng. Do Phật hiệu nên tâm thủy ngưng lặng. Bởi thế, kẻ thượng trí chẳng bằng kẻ hạ ngu, biến quá khéo thành vụng về lớn vậy!

* Phật nói hết thảy pháp môn Đại, Tiểu, Quyền, Thật đều phải cậy vào công sức của chính mình để đoạn Hoặc chứng Chân mới thoát khỏi sanh tử. Nếu còn chút mảy may Hoặc nghiệp, sẽ quyết định khó thoát khỏi sanh tử. Vì thế, từ đời này sang đời khác, từ kiếp này sang kiếp khác, lần lượt tu trì, nếu ai có đầy đủ sức lực sẽ tiến thẳng lên Bất Thoái, liền được liễu thoát.

Đa phần là từ giác chợt mê, thoạt tiến liền lùi, trải qua bao kiếp nhiều như bụi trần chẳng thể xuất ly. Sở dĩ, ngài và tôi hôm nay vẫn còn là phàm phu, toàn là vì chẳng biết đến pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, chí cực viên đốn của đức Như Lai.

* Người chẳng hiểu Tịnh Độ đọc đến kinh Lăng Nghiêm sẽ cho kinh này là nhân tố chính để đả phá Tịnh Độ. Người hiểu Tịnh Độ đọc đến, liền biết kinh này khéo hướng dẫn hoằng dương Tịnh Độ. Vì sao nói thế?

Vì tự lực ngộ đạo thì khó, Tịnh Độ vãng sanh là dễ. Nhân quả mười pháp giới mỗi mỗi phân minh. Nếu chẳng cậy vào Phật lực, dù phá được một hai Ấm, vẫn bị ma dựa phát cuồng, thành chủng tử địa ngục. Vả nữa, trong hai mươi bốn công phu Viên Thông, người đời nay có ai là kẻ tu tập được?

Chỉ có mỗi phép Niệm Phật như con nhớ mẹ, hễ ai hữu tâm đều có thể phụng hành được! Cốt sao tịnh niệm tiếp nối, sẽ tự chứng được tam-ma-địa. Kẻ biết phân biệt tốt xấu đọc đến, lẽ nào chỉ ưng chịu chủ trương tự lực,

chẳng cậy vào Phật lực hay sao? Kẻ chẳng biết hay dở mới nghĩ như vậy, bởi họ chỉ mong làm bậc thông gia, không có lòng liễu sanh thoát tử!
* Tu hành dụng công vốn là để liễu sanh thoát tử. Nếu dụng công nhưng chẳng thể liễu sanh tử là do chẳng chịu y vào pháp có thể liễu được sanh tử mà hành. Khác nào gánh gai bỏ vàng, tự chuốc lấy lỗi hay sao? Dù tham thiền đại triệt đại ngộ như Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết, Đoạn Nham Nghĩa còn chưa liễu nổi sanh tử, phải thọ thân đời sau, đến nỗi mê lầm. So ra, ta còn thua xa họ, [họ còn chẳng thể liễu sanh tử nổi], huống hồ là bọn ta ư?
* Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn phổ độ chúng sanh, viên đốn, thẳng tắt, rộng lớn, giản dị nhất của đức Như Lai. Vì sao nói thế? Do hết thảy các pháp môn đều phải đoạn hai Hoặc: Kiến và Tư mới hòng liễu sanh tử. Nhưng đoạn Kiến Hoặc còn như cắt đứt dòng chảy rộng bốn mươi dặm, huống hồ là Tư Hoặc? Đoạn Kiến Hoặc là chứng Sơ Quả. Nếu ước theo Viên Giáo thì là Sơ Tín. Đoạn sạch Tư Hoặc liền chứng Tứ Quả; trong Viên Giáo là địa vị Thất Tín. Sơ Quả, Sơ Tín còn có sanh tử. Tứ Quả, Thất Tín mới hết sanh tử. Nhưng Thiên Thai Trí Giả đại sư chỉ thị hiện chứng được địa vị ngũ phẩm, tuy sở ngộ đã bằng với chư Phật, đã hàng phục trọn vẹn ngũ trụ phiền não, nhưng vẫn chưa từng đoạn Kiến Hoặc. Thế nhưng, bổn địa[22] của Đại Sư thực chẳng thể suy lường được. Lúc mạng chung, Ngài chỉ nói là chứng ngũ phẩm, vì lo xa hậu thế chẳng dốc sức đoạn Hoặc chứng Chân, chỉ lấy minh tâm kiến tánh làm rốt ráo.
Minh tâm kiến tánh là đại triệt đại ngộ. Nếu là bậc tối thượng thượng căn, hễ ngộ liền chứng, thì liễu được sanh tử. Nếu không, dù có biết trước được vị lai như sư Viên Trạch vẫn chẳng tránh khỏi phải thọ sanh lần nữa. Đến như Ngũ Tổ Giới lại sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại làm thân Lỗ Công. Đấy hãy còn là tạm được. Ngài Hải Ấn Tín thành con gái của quan Phòng Ngự họ Châu, đã đáng buồn lòng. Nhưng ông Tăng ở núi Nhạn Đãng trở thành Tần Cối thì thật là đáng thương xót quá. Tự lực đoạn Hoặc chứng Chân để liễu sanh thoát tử thật khó khăn thay!
Các giáo lý tu chứng thông thường trong cả một đời đức Như Lai đã nói tuy có nhiều pháp khác nhau, nhưng không có một pháp nào khiến cho kẻ còn đầy dẫy Hoặc nghiệp có thể liễu sanh thoát tử cả! Chỉ mình pháp Tịnh Độ, chỉ cần lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dùng tâm chí thành trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Chẳng luận là Hoặc nghiệp dày hay mỏng, công phu cạn hay sâu, khi lâm chung đều cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh. Đã vãng sanh liền siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Từ đấy, lần lượt tấn tu, liền chứng được Vô Sanh, thậm chí viên mãn Phật Quả! Đây chính là pháp môn đặc biệt thương xót chúng sanh căn cơ hèn kém, muốn cho họ mau thoát khỏi luân hồi của đức Như Lai.

* Những người nghiên cứu về Giáo dựa trên giáo lý thông thường để luận đoán sự chứng đắc, chẳng tin có việc đới nghiệp vãng sanh, khoe mình là hạng thường ở trong sanh tử để độ chúng sanh, chẳng muốn mau thoát khỏi sanh tử. Chẳng biết chén, bình chưa nung, gặp mưa liền rã; phiền hoặc chưa đoạn, chuyển sanh liền mê. Tự lợi còn khó, huống là lợi người! Bọn họ đều là hạng chẳng lượng đức mình, là hạng phàm phu sát đất, có chút huệ tánh bèn vội bắt chước phong cách của bậc Pháp Thân Đại Sĩ, đến nỗi lầm lỡ một phen, lỡ lầm vĩnh viễn!
Kẻ tham Thiền thì chuyên chú tham cứu, mong minh tâm kiến tánh, chẳng biết căn cơ mình khá hèn kém, chẳng thể minh tâm kiến tánh rất nhiều. Dù cho đã được minh tâm kiến tánh, nhưng nếu Hoặc nghiệp chưa đoạn, vẫn luân hồi sanh tử y như cũ, chẳng thể xuất ly cũng lại nhiều lắm. Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Hải Ấn Tín, Chân Như Triết v.v... là những chứng cứ xác thực.
Ôi! Sanh tử lớn thế, sao lại chuyên cậy vào tự lực, chẳng cậy vào Phật lực? Ý chừng tự lực hơn hẳn Phật lực ư? Phàm người sống trong đời, việc lớn như sáng lập sự nghiệp lưu truyền nhiều đời, việc nhỏ như một manh áo, một bữa ăn, không gì là chẳng phải nhờ vào sức của nhiều người để hoàn thành việc mình. Đến như việc lớn liễu sanh tử, dù sẵn có Phật lực vẫn chẳng chịu nương nhờ, cứ muốn tỏ ra phong cách phi thường, chỉ e lại rớt vào thói thường của kẻ phàm ngu. Chí của họ đáng bảo là lớn, nhưng tiếc là chẳng biết khả năng của họ có đáng gọi là lớn hay chăng?
* Muốn liễu sanh tử thì phải thật chứng. Nếu phiền hoặc vẫn còn, ắt phải thật nỗ lực mới có thể tranh cạnh với nghiệp, trải qua những duyên giồi mài thì trong tâm thường giác chiếu, thầm hợp với Thánh Trí. Phàm tình nhân ngã thị phi không do đâu khởi được. Nếu chẳng tăng thêm giác chiếu, phàm tình vẫn lừng lẫy như cũ, thì công hạnh càng cao, tình kiến càng nặng, từ ngộ vào mê là chuyện khó tránh khỏi. Như người ngủ chẳng tỉnh, càng ngủ mê mệt thêm.
Cổ nhân bảo: *"Đại sự dĩ minh như táng khảo tỷ"* (Đại sự đã hiểu như chôn cha mẹ). Chính là vì phiền hoặc chưa đoạn, chỉ e lại mê. Phải biết rằng người đã đoạn Hoặc chẳng có phàm tình. Đã không có phàm tình, lấy đâu sanh tử? Người đại ngộ dù ngộ bằng với Phật, nhưng chưa đoạn trừ Hoặc thì phải niệm niệm giác chiếu, mới hòng tránh khỏi tác dụng của phàm tình.
* Pháp môn này toàn cậy vào Phật lực. Ví như người thọt một ngày chỉ đi được mấy dặm; nếu ngồi trên luân báu của Chuyển Luân Thánh Vương liền trong khoảnh khắc đến khắp bốn đại châu. Đấy là sức của Luân Vương, chẳng phải do sức mình. Người đời tu hành cố nhiên giống vậy. Dù là kẻ ngũ nghịch thập ác tội lỗi cực nặng, lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện, nếu có thể chí tâm niệm Phật, liền được Phật tiếp dẫn. Ấy là vì Phật xem chúng

sanh khác nào con một. Đứa nào thiện thuận, dĩ nhiên từ ái dưỡng dục. Đứa nào ác nghịch, càng thêm xót thương. Nếu con hồi tâm hướng về mẹ, ắt mẹ sẽ rủ lòng từ tiếp nhận.
* Cậy tự lực tu hành, đoạn Hoặc chứng Chân thật chẳng dễ dàng! Đoạn Kiến Hoặc như cắt ngang dòng nước rộng bốn mươi dặm, huống hồ là Tư Hoặc! Kiến Hoặc đoạn được liền chứng Sơ Quả, dự vào dòng thánh, vẫn còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần sanh xuống nhân gian mới đoạn sạch được Tư Hoặc để chứng Tứ Quả.
Tuy nói là mười bốn lần sanh tử, nhưng trên trời tuổi thọ dài lâu, cố nhiên chẳng thể dùng năm tháng để luận. Thánh nhân Sơ Quả muốn liễu sanh tử còn khó khăn như thế, huống hồ là phàm phu đầy dẫy Hoặc nghiệp ư? Nếu chứng Tứ Quả sẽ vĩnh viễn đoạn được căn bản sanh tử, siêu xuất lục đạo luân hồi. Nếu phát tâm Đại Bi, nhập thế độ sanh, nương theo nguyện thị hiện hạ sanh, sẽ chẳng giống như kẻ đầy dẫy Hoặc nghiệp bị nghiệp thiện ác lôi kéo thăng trầm trong lục đạo, tự mình chẳng mảy may làm chủ được! Tự lực liễu sanh tử nếu chẳng phải là hạng túc căn thâm hậu sẽ chẳng thể làm được; chúng sanh đời mạt mong bằng được sao?
Bởi thế, Như Lai đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ để hết thảy dù thánh hay phàm, thượng trung hạ căn cùng được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Lòng từ bi cứu hộ ấy tột bậc không chi hơn được! Để tu trì pháp này cũng phải nghiêm trì tịnh giới, tận lực tu Định - Huệ, kiêm thêm sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm lực tinh thuần, ngay trong hiện đời cũng có thể chứng thánh, lâm chung lên ngay thượng phẩm, dự vào địa vị Bồ Tát, chứng địa vị Bất Thoái.
Nếu như căn cơ hèn kém, chưa làm được như thế, cứ chí thành niệm Phật thì tâm và Phật khế hợp nhau, cảm ứng đạo giao. Lúc lâm chung ắt được Phật rủ lòng từ tiếp dẫn, đới nghiệp vãng sanh. Thậm chí kẻ ngũ nghịch, thập ác, lúc lâm chung tướng địa ngục hiện, nếu tâm thức chẳng mê, có thiện tri thức dạy cho niệm Phật, người ấy sanh lòng sợ hãi lớn lao, sanh lòng hổ thẹn lớn sám hối, dù niệm mấy tiếng rồi liền mạng chung, cũng vẫn được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh.
Một phen được vãng sanh liền vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, cao dự hải hội, lần lượt tấn tu, ắt chứng Phật Quả. Cậy vào tự lực để liễu sanh tử khó như thế ấy, cậy vào Phật lực để liễu sanh tử dễ như thế đó. Phàm ai có tâm đều có thể niệm Phật, đều có thể vãng sanh. Là trang nam nhi có huyết tánh, nhất định chẳng chịu để Chân Như Phật Tánh sẵn có trái nghịch tịnh duyên, theo duyên mê nhiễm, luân hồi trong lục đạo bao kiếp dài lâu không thể thoát khỏi!

* Chúng ta luân hồi trong sanh tử, trải kiếp số đã lâu, đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên. Nếu cậy vào sức tu trì của mình, muốn diệt sạch phiền não Hoặc nghiệp để liễu sanh tử, còn khó hơn lên trời! Nếu tin được pháp môn Tịnh Độ do Đức Phật đã giảng, dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm danh hiệu A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương, chẳng luận là nghiệp lực lớn hay nghiệp lực nhỏ, đều có thể nhờ vào Phật lực vãng sanh Tây Phương.
Ví như một hạt cát gieo xuống nước liền chìm. Dù đem hòn đá nặng cả mấy ngàn vạn cân đặt lên chiếc đại hỏa luân thuyền sẽ chẳng bị chìm, còn chở được sang chỗ khác để tùy ý sử dụng. Đá ví như nghiệp lực sâu nặng của chúng sanh. Đại hỏa luân thuyền ví như từ lực rộng lớn của Phật Di Đà.
Nếu chẳng niệm Phật, cậy vào sức tu trì của chính mình hòng liễu sanh thoát tử, cần phải đạt đến chỗ nghiệp tận tình không mới làm được. Nếu không, dù cho phiền não Hoặc nghiệp chỉ còn chút mảy may chưa đoạn cũng chẳng liễu nổi. Ví như một hạt cát bé tí cũng bị chìm trong nước, quyết chẳng thể tự nó thoát ra ngoài nước được!
Các hạ chỉ nên sanh tín tâm, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chẳng nên khởi lên những ý niệm nào khác. Nếu thật sự làm được như vậy, nếu tuổi thọ chưa hết sẽ mau được lành bệnh. Do công đức chuyên nhất chí thành niệm Phật liền diệt trừ được ác nghiệp đời trước, khác nào mặt trời rạng rỡ đã mọc, sương tuyết liền tiêu. Tuổi thọ đã hết sẽ liền được vãng sanh vì tâm không có niệm nào khác nên cảm ứng đạo giao với Phật. Vì thế, được Phật tiếp dẫn vãng sanh. Nếu các hạ tin được lời này thì sống cũng được đại lợi ích, mà chết cũng được đại lợi ích!
* Tình thế hiện tại chính là tình thế hoạn nạn. Nếu chẳng lấy Phật A Di Đà và Quán Thế Âm Bồ Tát làm chỗ nương cậy để thường niệm, lỡ ra họa hoạn xảy tới, hoặc thình lình gặp phải chuyện bất trắc, kêu gào xuông cũng chẳng được! Nếu đã niệm sẵn từ trước sẽ có sự chuyển biến âm thầm. Huống hồ cơn sanh tử xảy tới, ai cũng phải có ngày ấy!
Vì thế, phải thường nghĩ đến lúc lâm chung, tự chẳng dốc sức rong ruổi theo đuổi hết thảy vọng tưởng trái phận và các pháp môn chẳng giúp ích gì cho việc liễu sanh thoát tử, đến nỗi bỏ phế, chẳng tu pháp môn phải quyết định dựa vào để liễu sanh thoát tử này. Mong vợ chồng, cha con ông đều chẳng cho lời Quang là hủ bại, vớ vẩn thì thật là may mắn lắm!
* Người niệm Phật có bệnh nên nhất tâm chờ chết. Nếu tuổi đời chưa tận sẽ chóng lành bệnh. Đem toàn thân buông xuống để niệm Phật, tiêu nghiệp rất hay! Nghiệp tiêu thì bệnh lành. Nếu chẳng buông xuống được, cứ mong được khoẻ lại; nếu chẳng được khỏe lại chắc chắn không cách chi được vãng sanh vì chẳng nguyện sanh! Chẳng hiểu rõ đạo lý này, còn mong cậy vào Phật từ lực nữa ư?

Với căn bệnh của mẹ ông, hãy nên khuyên bà khẩn thiết buông xuống, cầu vãng sanh. Nếu tuổi thọ chưa hết mà cầu vãng sanh sẽ hóa ra chóng được lành bệnh. Ấy là vì tâm chí thành nên được Phật từ gia bị. Mong ông hãy nhỏ nhẹ, khéo léo khuyên mẹ, đừng bắt chước kẻ si nói những lời si dại nữa!

---o0o---

3. Dạy Những Điều Thiết Yếu Về Lâm Chung

* Một cửa ải lâm chung thật là khẩn yếu. Đời có kẻ ngu, lúc cha mẹ, quyến thuộc lâm chung bèn khóc lóc vật vã, tắm rửa, thay áo, chỉ mong đẹp mắt người đời, chẳng nề di hại cho người chết. Người không niệm Phật hãy khoan bàn đến, người chí thiết vãng sanh lúc lâm chung gặp phải quyến thuộc như vậy, đa phần bị phá hoại chánh niệm, vẫn bị ở lại trong thế giới này.

Lâm chung trợ niệm ví như kẻ yếu đuối trèo núi, sức mình chẳng đủ, may nhờ có sức người đằng trước kéo, đằng sau đẩy, tả hữu xốc nách, nên có thể lên được đỉnh núi cao nhất.

Lâm chung chánh niệm rỡ ràng, bị ma quyến, ái tình lay động, phá hoại... giống như dũng sĩ trèo núi, tự lực sung túc, nhưng bạn bè, người quen ai nấy đem vật dụng của mình bảo phải gồng gánh. Gồng gánh quá nhiều, sức kiệt, thân nhọc, dõi nhìn vách núi liền lùi bước.

Lẽ được mất này dù do người khác gây ra, thật sự là do những nghiệp lực thiện hay ác của chính mình trong những kiếp trước đã thành tựu hay phá hoại người mà ra. Phàm là người tu Tịnh nghiệp, phải nên có chánh niệm thành toàn cho người, và phải chỉ dạy sẵn cho quyến thuộc về lẽ lợi hại, ngõ hầu ai nấy hiểu điều quan trọng là chỗ đạt đến của thần thức người chết, chứ chẳng phải tại phương diện tình cảm thế tục, mới hòng khỏi lầm lạc vậy!

* Trong tuần thất và trong hết thảy lúc, hết thảy sự, phải lấy niệm Phật làm chánh, chứ chẳng phải chỉ lúc đang lo ma chay! Hiện thời, đa số Tăng lười nhác. Tụng kinh [Phật tử] phần nhiều không biết. Đã thế còn tụng nhanh như nước chảy, [Phật tử] dù biết nhưng chẳng thuộc cũng chẳng thể đọc theo. Dù có đến mấy mươi người, không có mấy người tụng kinh được! Chỉ có mỗi niệm Phật, trừ phi chẳng phát tâm, quyết chẳng có cái nạn không ai niệm theo được. Lại dù chẳng chịu niệm, một câu Phật hiệu lọt qua tai thấu vào tâm cũng tự lợi ích chẳng ít. Đấy là lý do Quang tôi tuyệt đối chẳng đề xướng lập bất cứ đạo tràng nào khác.

* Đối với người sắp mạng chung, chỉ có đồng thanh niệm Phật là có ích. Nếu tâm thức chưa rời khỏi thân thì tắm rửa, thay y phục v.v... [cho người chết] gây trở ngại rất lớn. Vì thế, người tu Tịnh nghiệp hằng ngày phải nên nói cho quyến thuộc hiểu rõ duyên do ấy, ngõ hầu chẳng đến nỗi dùng lầm

tình thân ái, gây trở ngại việc vãng sanh! Nếu là bậc đại nhân tột bậc, bậc cao sĩ xuất cách, bất tất e sợ sẽ mắc phải những chướng ngại ấy!

* Phật pháp rộng sâu, chỉ khi nào thành Phật mới ngừng tay được. Muốn chắc chắn được vãng sanh, thường hành truy tiến[23] thật chẳng trở ngại gì đến việc khẩn thiết niệm Phật, tức là như kinh Phật đã dạy: *"Dù biết tội tánh vốn là không, nhưng luôn sám hối tội trước, chẳng nói là mình đã được thanh tịnh"*. Ngài Liên Trì nói: *"Trong năm, thường phải truy tiến người đã mất, chẳng được nói họ đã được giải thoát nên chẳng cử hành"*.

Phải biết rằng: tụng kinh, niệm Phật tuy bảo là để truy tiến người thân, thật sự là để quyến thuộc hiện tiền, người quen mở mang cõi lòng, trồng thiện căn, và đem hết thảy công đức truy tiến người thân hồi hướng cho hết thảy pháp giới chúng sanh để mở rộng tâm lượng của mình lẫn người, của kẻ sống lẫn người mất, hòng tiêu diệt những chấp trước, chướng ngại của mình lẫn người, của kẻ còn lẫn người mất. Nếu như chẳng đặt nặng lòng thành, chỉ cốt xa hoa, khoa trương, khoe mẽ cùng người, có thể nói là: "Dùng đám tang người thân để bày trò náo nhiệt", chẳng phải là điều con cái nên làm.

* Ngay lúc thân mắc bệnh nặng, lúc chưa thể chắc chắn sẽ sống hay chết, hãy dạy cho mọi người ai nấy vì mẹ chí thành khẩn thiết niệm "nam mô A Di Đà Phật", ngõ hầu tuổi thọ chưa tận sẽ chóng lành bệnh, tuổi thọ đã hết sẽ chóng được vãng sanh Tây Phương. Các con ông hiếu tâm tinh thuần, chuyên dốc, ắt sẽ đều thường trì niệm như cứu đầu mình bị cháy. Như thế, nào phải chỉ hữu ích cho phu nhân, mà thật sự còn có ích lợi sâu xa cho các cậu con ông nữa kia.

Người phàm mắc bệnh thì dùng thuốc để trị, nhưng cũng không nhất quyết phải dùng đến thuốc. Bệnh chẳng thể dùng thuốc trị, dù có tiên đan cũng vô dụng, huống hồ là thuốc của thế gian? Chẳng cần biết là bệnh trị được hay không, đều nên dùng thuốc A Già Đà. Thứ thuốc này tuyệt đối chẳng hại người. Uống vào, dù thân hay tâm đều kiến hiệu liền.

Người sống trong thế gian, chẳng luận lâu hay mau, rốt cuộc cũng một lần chết. Cái chết ấy chẳng đáng tiếc, nhưng chỗ sẽ trở về sau khi chết chẳng đáng để sắp đặt sẵn hay sao? Người có lực lượng tự mình sắp đặt thỏa đáng, yên ổn, lẽ cố nhiên khi lâm chung chẳng cần đến người khác giúp đỡ. Nhưng nếu được hỗ trợ lại càng thêm đắc lực. Người không lực lượng phải nên bảo gia quyến thay mình niệm Phật, ắt sẽ đề khởi được chánh niệm, chẳng đến nỗi bị ân ái buộc ràng, vẫn y như cũ bị ái tình trói buộc vào cõi này chẳng thể ra khỏi !

* Với việc đảo bệnh, tiến vong, người đời nay hay dùng những cách như tụng kinh, lễ sám, làm đàn Thủy Lục v.v... Riêng Quang đối với những người quen biết mình đều dạy niệm Phật. Vì lợi ích của việc niệm Phật còn hơn tụng kinh, lễ sám, lập đàn Thủy Lục v.v... rất nhiều. Vì sao vậy?

Tụng kinh thì người không biết chữ không tụng được. Dù biết chữ nhưng tụng nhanh như nước chảy, người miệng lưỡi hơi chậm chạp cũng không tụng theo nổi. Người lười biếng tuy tụng được, cũng chẳng chịu tụng. Hóa ra chỉ hữu danh vô thực. Lễ sám, lập đàn Thủy Lục cứ theo đó mà suy.
Niệm Phật thì không một ai là chẳng niệm được. Dù có kẻ lười nhác chẳng chịu niệm, nhưng mọi người cùng hòa tiếng niệm, kẻ ấy chẳng bịt tai nên một câu Phật hiệu tất nhiên sẽ phân minh rành rọt rót vào tâm. Dù chẳng niệm có khác gì là niệm! Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm; nào phải họ muốn thơm, chẳng mong như vậy mà lại được vậy! Vì thân quyến cầu an, tiến vong, chẳng thể không biết điều này!
* Làm Phật sự bất tất phải niệm kinh, lễ sám, làm đàn Thủy Lục v.v... vì những việc ấy đều thuộc về mặt đàn tràng. Hãy nên chuyên nhất niệm Phật, ngõ hầu các cậu con ông từ đầu đến cuối đều niệm theo được. Nữ quyến ai nấy tự niệm trong phòng mình, chẳng nên ngồi sau lưng các Tăng. Như thế thì chẳng những phu nhân và lệnh quyến được lợi ích thật sự, mà vị Tăng niệm Phật và hết thảy người thấy nghe không ai chẳng được lợi ích.
Phàm làm Phật sự, nếu chủ nhân chịu tham dự đàn tràng thì vị Tăng sẽ tự phát tâm chân thật. Còn nếu chủ nhân coi đó là chuyện hình thức thì ông Tăng cũng sẽ coi pháp sự ấy là chuyện hình thức, như một kỳ Phật sự đã xong, ban đêm xả đàn Diệm Khẩu rồi thôi!
* Cho dù [người mất] thật sự được vãng sanh, vẫn phải nên chân thành niệm Phật để cầu phẩm sen của người ấy được cao hơn, chóng chứng Vô Sanh, đấy mới là tận hiếu. Điều này tuy để người chết được lợi, nhưng thật ra con cái, dâu rể đều cùng gieo thiện căn. Cháu nào niệm được cũng nên bảo nó niệm theo.
* Lúc cha mẹ lâm chung, toàn gia không khóc lóc mà niệm Phật là có lợi ích nhất. Nhưng [chỉ niệm] trong lúc ấy vẫn còn ngắn ngủi lắm, hãy nên niệm Phật cả ba tiếng không ngừng, chẳng cất tiếng khóc cũng như di động, chuyển dịch là tốt nhất. Xin hãy nhớ kỹ lấy!
* Đối với việc làm Phật sự, Quang đã từng nói rõ rồi. Mong đừng bắt chước thói tục, làm chuyện sáo rỗng xuông. Nếu niệm Phật trong suốt bốn mươi chín ngày so ra còn lợi hơn tụng kinh rất nhiều.
* Người trước khi mất nếu tự có thể tắm gội, thay áo thì rất hay. Nếu người ấy chẳng thể tự làm, quyết chẳng nên tắm gội, thay áo sẵn, khiến người ấy bị đau đớn khó chịu đựng nổi, mất chánh niệm. Sao cuối cùng ông vẫn buộc người đã khuất mặc pháp y, khoanh chân ngồi kết già để rồi tiếc hận? Chẳng biết rằng trong lúc ấy tốt nhất là đồng thanh niệm Phật, vạn vạn phần chẳng được phô trương, bày vẽ (như tắm gội, thay áo, bắt người sắp chết ngồi xếp bằng v.v...). Nếu phô trương, bày vẽ sẽ thành như đã bị té xuống giếng còn bị ném đá thêm. Hãy nhớ kỹ, nhớ chắc!

* Lâm chung teo quắt lại và bị bệnh khổ chính là do nghiệp chướng từ nhiều kiếp. Vì người ấy dốc lòng tu Tịnh nghiệp nên chuyển trọng báo, hậu báo thành báo nhẹ trong hiện đời. Ông bảo do tu trì tinh tấn nên thân ngày càng yếu. Lời này chẳng xác đáng, còn vướng lỗi là khiến cho kẻ tín tâm nông cạn nhân đó bèn lui sụt. Phải biết rằng: người niệm Phật quyết định tiêu trừ được nghiệp chướng; những nghiệp chướng hiện tiền chỉ là những ác báo phải đọa trong tam đồ của đời tương lai chuyển thành bệnh khổ trong đời hiện tại để giải quyết cho xong đó thôi!
Kinh Kim Cang dạy: *"Trì kinh Kim Cang có điều nhục nhỏ như bị người khác khinh miệt chính là diệt được cái khổ tam đồ ác đạo trong nhiều kiếp"*. Đấy chính là phước dày, sẽ được vãng sanh Tây Phương. Chịu cái khổ nhỏ lúc này để giải quyết cho xong ác báo từ vô lượng kiếp đến nay, thật là may mắn lớn. Chớ học theo kẻ chẳng biết sự việc chi bảo: "Vì tu trì đến nỗi mắc bệnh hay bị chết!"
* Vì lẽ nào mẹ ông bệnh chẳng lành? Đấy là do túc nghiệp tạo thành như thế, nhằm chuyển trọng báo, hậu báo thành báo nhẹ trong đời này để giải quyết cho xong ngay trong lúc này.
Pháp sư Huyền Trang khi lâm chung còn có chút bệnh khổ, lòng ngờ những kinh mình dịch có chỗ nào sai lầm chăng? Liền có một vị Bồ Tát an ủi rằng: "Tội báo trong những kiếp trước của Sư sẽ do nỗi khổ nhỏ này mà tiêu. Đừng hoài nghi nữa!" Hãy dùng ý này để an ủi mẹ ông, khuyên bà sanh tâm hoan hỷ, đừng sanh tâm oán hận, sẽ quyết định được Phật gia bị. Tuổi thọ chưa hết sẽ mau được lành bệnh. Tuổi thọ hết sẽ vãng sanh. Phàm nhân đang lúc bệnh khổ cứ hay nghĩ đến chuyện lùi một bước sẽ an lạc vô lượng!
Gần đây, binh lửa liên miên, chúng ta may chưa mắc phải nạn ấy. Dù có bệnh khổ, vẫn còn được cảnh tỉnh, nhắc nhở mong thoát khổ, thì chỉ nên cảm kích, chuyên tu, tự được lợi ích. Nếu không, cứ oán trời trách người, chẳng những túc nghiệp chẳng thể tiêu, mà còn tăng thêm cái nghiệp oán trời trách người. Hãy bảo mẹ ông như thế. Nếu thật chẳng oán trời trách người, tịnh tâm niệm Phật sẽ tiêu được nghiệp như nước sôi tan tuyết.
* Về việc tang tế nên dùng toàn đồ chay, chớ thuận theo thói tục. Dù bị kẻ chẳng thạo việc đời trách là không đúng, cũng cứ mặc họ chê cười mà thôi. Việc chôn cất đừng quá phô trương, bày vẽ. Làm Phật sự chỉ nên niệm Phật, đừng làm Phật sự nào khác. Nên bảo cả nhà cùng khẩn thiết niệm Phật thì mẹ ông, người nhà ông, quyến thuộc của ông và thân thích, bằng hữu đều cùng thật sự hưởng lợi ích.
Có tài lực thì hãy làm nhiều công đức. Nếu tiền của dùng cho việc tang ma chẳng dư, chỉ lo tang ma không thôi cũng được. Chớ có vung tay quá trán đến nỗi thiếu hụt, sau này phải chịu cảnh quẫn bách.

* Mọi việc trong đời người đều có thể vờ vĩnh được, chỉ mỗi mình lúc lâm chung là chẳng thể dối trá được. Huống hồ những chuyện như không tình luyến ái, vẻ mặt vui sướng, ngồi yên qua đời, nếu chẳng phải là Tịnh nghiệp thành thục, đoan chắc không thể đạt được như thế!
Chỉ mong con cháu và quyến thuộc cả nhà ông hiểu đúng sự việc: Vì mẹ niệm Phật thì chẳng những mẹ ông được lợi, mà thật ra công đức niệm Phật của chính mình càng lớn. Bởi thế, Phật dạy người mỗi khi tụng kinh, trì chú, niệm Phật, làm các công đức đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Bình thời, còn vì pháp giới chúng sanh [là những kẻ] chẳng can hệ gì đến mình hồi hướng, huống hồ mẹ mất mà chẳng chí tâm vì mẹ niệm Phật ư?
Có thể vì hết thảy chúng sanh hồi hướng là đã hợp với thệ nguyện Bồ Đề của Phật, như một giọt nước gieo vào biển cả liền được rộng sâu như biển cả. Nếu như chưa đến được biển, đừng nói là một giọt nước; cho dù là trường giang, sông cái tất nhiên vẫn khác với biển cả một trời, một vực! Như vậy, làm điều gì cho người thân và cho hết thảy mọi người đều là để tự bồi đắp phước đức của chính mình đó thôi!
Biết được nghĩa này, người có tâm hiếu thì tâm hiếu lại càng thêm tăng trưởng. Kẻ không hiếu tâm cũng sẽ phát khởi tâm hiếu, thỉnh Tăng niệm Phật suốt bốn mươi chín ngày, càng hay! Lúc niệm, anh em ông phải có người tham dự cùng niệm. Phụ nữ bất tất phải tới ngồi sau chúng Tăng; bởi lẽ niệm Phật nhiều ngày sẽ trở nên quen biết nhau, có thể khiến người khác nẩy sanh hiềm nghi. Nên xếp riêng một nơi niệm Phật cho phụ nữ, hoặc để họ ngồi sau màn, ra vào theo cửa riêng, hai bên chẳng trông thấy nhau.
Làm như vậy để làm gương cho làng xóm, mở bày khuôn phép tốt lành. Nếu để lung tung không giới hạn, lỡ người khác bắt chước theo, lâu ngày ắt nảy sanh mối tệ. Người xưa lập pháp tuy là thượng thượng nhân vẫn tuân theo khuôn phép của hạ hạ nhân nên tệ hại mới không nảy sanh!
* Những thuyết *"đảnh thánh, nhãn sanh thiên"*[24] thật sự có chứng cứ, nhưng Quang sợ kẻ vô tri cứ chăm chút thăm dò hơi nóng lạnh. Ý tôi muốn nói là: Nếu có tín nguyện, lâm chung chánh niệm phân minh, ắt được vãng sanh, chẳng cần cứ phải thăm dò hơi nóng lạnh để làm chứng cứ! Cho nên nói: Cũng chẳng phải chỉ có một cách. Chỉ e thăm dò nhiều lượt đến nỗi gây lầm lỡ [cho người đã mất]. Chẳng thể chẳng biết!
* Hãy nên đem hết thảy việc nhà và ngay cả cái sắc thân của chính mình đây thảy đều buông toàn bộ xuống hết. Từ trong cái tâm chẳng nhiễm mảy trần trì thánh hiệu vạn đức hồng danh, nghĩ mình sắp chết, ngoại trừ việc niệm Phật cầu tiếp dẫn chẳng khởi một tạp niệm nào. Làm được như vậy, nếu tuổi thọ đã tận sẽ quyết định vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh. Nếu tuổi thọ chưa tận, sẽ quyết định tiêu nghiệp, lành bệnh, huệ rạng, phước cao. Nếu chẳng nghĩ như thế, cứ si ngốc chỉ cầu chóng lành bệnh thì chẳng

những bệnh chẳng thể chóng lành, trái lại còn nặng thêm. Giả sử như tuổi thọ đã hết, ắt sẽ theo nghiệp chìm nổi vĩnh viễn không có dịp thoát khỏi nỗi khổ ở Sa Bà này!
* Người lâm chung được trợ niệm ắt sẽ được vãng sanh. Đã không được trợ niệm, lại còn khóc lóc, xáo động, khiến ái tình, sân hận khởi lên làm cho người chết khó khỏi bị đọa lạc. Cực hiểm, cực hiểm! Ông thành tựu được việc vãng sanh cho mẹ cũng là chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật. Ấy là: Ngay trong trần lao mà hành Phật sự, công đức ấy thù thắng hơn những công đức tầm thường cả vạn phần.
* Lâm Chung Châu Tiếp (mái chèo lâm chung)
Phật chế Tăng khi mất phải hỏa thiêu vốn là để họ rời lìa được cái thân phần đoạn giả dối, chứng được Pháp Thân chân thường. Vì thế, từ khi Phật chế lập điều ấy đến nay, Tăng chúng kính dùng cấm chế ấy làm thường quy. Tiếc là đạo pháp ngày càng suy đồi, lâu ngày tệ nạn phát sanh. Như nay Thích tử vội vàng lo hỏa thiêu cho xong việc, chẳng tuân cấm chế. Mỗi khi người bệnh vừa thở hắt ra, liền vội thay áo, dời động để kịp nhập khám một hai ngày, rồi liền hỏa thiêu. Có thể nói là rất trái nghịch chế định của Phật!
Phật nói con người có tám thức, tức là tri thức. Năm thức đầu là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân. Thức thứ sáu là Ý. Thức thứ bảy là Mạt Na, còn gọi là Truyền Tống Thức. Thức thứ tám là A Lại Da, còn gọi là Hàm Tàng Thức. Khi con người sanh ra, chỉ có thức thứ tám này đến trước nhất, các thức kia đến sau. Đến lúc chết, thức thứ tám này cũng ra đi sau cùng; các thức khác lần lượt đi trước.
Thức thứ tám chính là linh thức của con người, thế tục thường gọi là "linh hồn". Thức thứ tám này thông linh nên khi con người mới nhập thai mẹ, nó liền đến trước. Vì thế, con trong bụng mẹ liền biết hoạt động. Đến khi chết, sau khi dứt hơi, nó chẳng đi ngay, phải đợi đến khi toàn thân lạnh giá, không còn một điểm nào còn ấm nữa, thức ấy mới chịu đi. Khi thức đã đi, thân này sẽ không còn mảy may tri giác nào.
Nếu chỗ nào còn ấm là thức ấy còn chưa rời đi. Động chạm đến vẫn biết đau khổ. Lúc ấy, kỵ nhất là các sự mặc áo, xếp chân, dời động v.v... Nếu hơi động đến sẽ đau khổ khó chịu đựng nổi; bất quá miệng không nói được, thân chẳng động được đó thôi! Xét theo kinh dạy, ba thứ hơi nóng, thọ mạng và thức thường chẳng rời nhau. Như người sống có hơi ấm thì thức còn hiện hữu. Thức còn hiện hữu thì tuổi thọ chưa hết. Xưa nay có kẻ chết đi dăm ba bữa rồi sống lại, chép rõ ràng trong sách vở có thể tra cứu được.
Nho Giáo cũng có cái lễ để ba ngày rồi mới đại liệm, do quyến thuộc yêu mến, vẫn hy vọng người chết vạn nhất sống lại chăng? Còn Tăng sĩ ta, tuy chẳng mong sống lại, nhưng cũng chẳng thể chẳng quản gì đến nỗi thống khổ [của vong giả], cứ tự tiện dời động để kịp di quan, thiêu hóa. Lòng từ bi

để đâu? Cổ nhân nói: *"Thố tử hồ bi, vật thương kỳ loại"* (thỏ chết, cáo buồn; loài vật thương xót nhau). Loài vật còn như thế, huống hồ cùng là loài người ư? Huống hồ lại còn cùng là Phật tử nữa ư?
Vả nữa, thói đời khi đau đớn tột bậc sẽ dễ nổi sân tâm. Do sân tâm rất dễ bị đọa lạc. Như kinh nói vua A Kỳ Đạt lập chùa tháp Phật, công đức vòi vọi. Lúc lâm chung, người hầu cầm quạt lỡ để rớt trúng mặt vua. Vua bị đau, nổi sân, chết đọa làm thân rắn. Nhờ có công đức, sau gặp được sa-môn vì rắn thuyết pháp. Do nghe pháp nên bèn thoát thân rắn, được sanh lên trời. Xem đó, biết rằng: Khi thần thức của người chết chưa đi hẳn thì mặc áo, dời động và lập tức thiêu hóa ngay sẽ khiến người ấy đau đớn nổi sân, càng thêm đọa lạc, há chẳng phải là nhẫn tâm hại lý cố bày trò thảm độc ư?
Hãy thử nghĩ người chết có oán cừu chi với mình; chỉ vì hảo tâm thành ra ác duyên! Nếu bảo sự còn mờ mịt, biết cậy vào đâu để suy xét, thì những điều chép trong kinh điển chẳng đáng tin chăng? Đến giờ đây, các thói tệ lưu hành nói chung là do người sống chẳng biết thương cho nỗi khổ của người chết, chỉ tính xong việc cho nhanh nên chẳng nhọc công xem kỹ ấm lạnh. Do đấy, trở thành thói quen, dù có ai nhắc đến lại cười là vu vơ, đến nỗi người chết phải chịu khổ nạn! Ô hô! Điều khổ nhất trên đời không gì bằng sanh tử. Sanh như rùa còn sống bị bóc mai, tử như cua bị nhúng nước sôi. Tám khổ cùng nấu, đau đớn chẳng nói nổi!
Xin những ai chăm sóc bệnh nhân hãy lưu tâm cẩn thận, chớ cùng bệnh nhân tán nhảm chuyện gẫu khiến tâm họ tán loạn, cũng đừng buồn bã, khóc kể om sòm. Hãy nên khuyên bệnh nhân buông hết thân tâm, một dạ niệm Phật để cầu vãng sanh. Lại nên trợ niệm khiến cho bệnh nhân nương theo tiếng niệm Phật của mình để nhớ kỹ trong tâm. Nếu có tiền tài hãy thỉnh Tăng chúng chia ban niệm Phật, khiến cho tiếng niệm Phật ngày đêm không ngớt, hòng tai người bệnh luôn nghe Phật hiệu, có thể quyết định nhờ vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Còn như không có tiền của thì cả nhà phát tâm trợ niệm để kết duyên cuối cùng.
Về việc sắp đặt hậu sự, chớ bàn bạc ngay trước mặt bệnh nhân. Chỉ nên gõ dẫn khánh, cao tiếng niệm Phật, khiến cho từng câu lọt vào tai bệnh nhân ngõ hầu trong tâm người bệnh thường chẳng lìa Phật. Tiếng mõ vốn đục, trợ niệm lâm chung trọn chẳng nên dùng. Bệnh nhân nằm hay ngồi nên để tùy ý, chớ nên di động, cả nhà cứ chuyên tâm niệm Phật. Đợi đến lúc toàn thân đã lạnh hết, tức là thần thức đã đi hết rồi, đợi thêm hai tiếng nữa mới được tắm rửa, thay áo. Nếu như thân đã lạnh hóa cứng thì nên dùng nước nóng xoa nắn, dùng vải thấm nước nóng áp vào khủy tay, đầu gối, cổ chân, đợi giây lát, những chỗ đó sẽ mềm mại trở lại. Lúc ấy mới xếp chân cho người chết nhập quan. Cho đến lúc mọi việc xong xuôi hết cả, vẫn phải thường niệm Phật.

Tất cả những việc như lễ sám, tụng kinh đều chẳng có lợi ích rộng lớn bằng niệm Phật. Phàm hết thảy các quyến thuộc dù là tại gia hay xuất gia đều phải tuân hành cách này thì kẻ còn, người mất đều được lợi ích lớn lao. Hơn nữa, Đức Phật ta khi Niết Bàn, vốn nằm trên hông phải, cứ để như vậy nhập quan trà-tỳ. Người đời nay cứ thuận theo tự nhiên. Nếu ngồi mất thì đặt vào khám. Nếu nằm mất thì đặt vào quan tài, cốt sao thỏa đáng. Nhưng người đời nay phong tục đã thành thói, sợ họ chẳng cho như vậy là đúng, cũng nên lắng nghe, suy nghĩ để quyết định sao cho tiện.

Còn như người chết rồi có các cảnh tượng thiện ác, vốn là có chứng cứ thật sự. Người sanh vào thiện đạo hơi nóng từ dưới bốc lên trên; người sanh vào ác đạo, hơi nóng từ trên tỏa xuống dưới. Nếu như cả thân lạnh hết, khí nóng tụ lại trên đầu bèn là sanh trong thánh đạo. Hơi nóng ở mắt sanh trong thiên đạo, ở ngực sanh trong nhân đạo, ở bụng sanh ngạ quỷ đạo, ở gối sanh trong súc sanh đạo, ở bàn chân sanh trong địa ngục đạo. Vì thế có bài kệ:

Đảnh thánh, nhãn sanh thiên,
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc,
Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước bản xuất.

(Đảnh: thánh; mắt: sanh thiên,
Ngực: người, bụng: ngạ quỷ;
Từ gối ra: súc sanh,
Địa ngục: bàn chân nóng)

Ôi! Đại sự sanh tử chẳng ai tránh được, chỉ có một điều phải thật thận trọng: người săn sóc bệnh nhân phải dùng đồng thể bi tâm để giúp hoàn thành đại sự vãng sanh. Cổ nhân nói:

Ngã kiến tha nhân tử,
Ngã tâm nhiệt như hỏa,
Bất thị thục tha nhân,
Khán khán luân ngã đáo.

(Ta thấy người khác chết,
Ruột ta nóng như lửa,
Nào phải mình ai kia,
Rồi ta cũng đến lượt!)

Nhân duyên, quả báo cảm ứng chẳng sai! Muốn cầu tự lợi trước phải lợi người! Soạn thiên này để bảo khắp đồng bào, khẩn khoản mong mọi người chú ý!

---o0o---

4. Khuyên Nên Giữ Lòng Thành Kính

* Nhập đạo nhiều môn, chỉ do chí hướng mỗi người mà thâm nhập một môn, trọn chẳng có một pháp nhất định. Nhưng nhất định phải: 1. Thành. 2. Cung kính. Hai điều này dù cho tất cả chư Phật tận đời vị lai đều xuất thế cả vẫn chẳng thể khác được. Chúng ta đã là phàm phu sát đất muốn mau tiêu nghiệp lụy, mau chứng Vô Sanh, chẳng dốc sức vào hai việc này thì ví như cây không rễ lại mong tươi tốt, chim không cánh lại mong bay lên, có được hay chăng?

* Thế tục đọc sách tuyệt không kính nể. Sáng dậy, chẳng buồn rửa ráy, súc miệng. Đi tiêu xong chẳng thèm gột rửa. Hoặc còn bỏ sách nơi giường, ghế, hoặc làm gối lót đầu để đêm ngủ đọc luôn, bỏ chung với đồ lót, áo quần. Sách nào đặt trên bàn để đọc thì bỏ lẫn lộn với các vật khác, xem lời hiền thánh như mớ giấy cũ nát. Hoàn toàn không có ý chăm chút, không mảy may kính trọng.

Thậm chí những sách coi chơi của phụ nữ những nhà thư hương đều là kinh truyện, tôi tớ những nhà giàu có lau chùi đồ đạc đều dùng [những tờ giấy có in chép] văn chương. Bao thứ khinh nhờn khó lòng thuật tỉ mỉ. Thói tệ tích tập đã lâu, quen mắt chẳng quan tâm đến. Nếu chẳng chỉ rõ họa phước, chắc chắn khó tránh lỗi khinh nhờn. Chưa được ích gì, đã mắc lỗi lớn trước! Thương những kẻ vô tri ấy nên phải chỉ dạy trước.

* Một pháp niệm Phật thật rất giản dị, rất rộng, rất lớn, nhưng phải khẩn thiết chí thành đến cùng cực mới hòng cảm ứng đạo giao, được lợi ích thật sự ngay trong đời này! Nếu lười nhác, biếng trễ, không mảy may kính nể, dù gieo được viễn nhân, vẫn mắc tội khinh nhờn chẳng thể tưởng tượng nổi. May ra được sanh vào cõi trời, cõi người, quyết khó lòng cao dự hải hội.

Đối với tượng Phật nên tưởng như đức Phật thật, chẳng được coi giống như gỗ, đất, đồng, sắt v.v... Kinh điển chính là thầy của tam thế chư Phật, là Pháp Thân xá-lợi của Như Lai, cũng nên xem như Đức Phật thật sự, chẳng được coi như giấy mực. Lúc đối trước kinh tượng, hãy nên như trung thần thờ thánh chúa, như con hiếu đọc di chúc. Làm được như thế, không nghiệp chướng nào chẳng tiêu, không phước huệ nào chẳng đủ!

Hiện tại, hàng sĩ đại phu học Phật rất nhiều, nhưng đa số chỉ đọc kinh văn, hiểu ý nghĩa, dùng đó để phô phang ngoài miệng hòng được tiếng là bậc thông gia mà thôi. Còn như cung kính, chí thành, y giáo tu trì, thật khó có được một ai!

Tôi thường nói: “Muốn hưởng lợi ích thật sự từ Phật pháp, phải cầu nơi cung kính. Có một phần cung kính sẽ tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính sẽ tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng mười phần phước huệ. Nếu chẳng cung kính đến nỗi khinh mạn thì tội nghiệp càng tăng, phước huệ càng giảm. Buồn thay!”

* Lễ, tụng, trì, niệm, các thứ tu trì đều phải lấy thành kính làm chủ. Nếu thành kính đến cùng cực thì công đức như trong kinh nói: Còn ở địa vị phàm phu chưa thể viên đắc, nhưng sở đắc cũng đã khó nghĩ khó bàn! Nếu không thành kính, có khác chi hát tuồng, những trò khổ, sướng, buồn, vui đều là giả trang, chẳng phát xuất từ bên trong. Dù có công đức, cũng chẳng thể vượt quá cái phước si ám của cõi nhân thiên đó thôi. Nhưng do cái si phước ấy ắt sẽ tạo ác nghiệp, cái khổ tương lai có lúc nào xong?

* Nói đến thành, nói đến cung kính, lời lẽ ấy cả thế gian đều biết, nhưng đạo lý này cả thế gian đều mê muội. Ông X. nọ do tội nghiệp sâu nặng, mong tội nghiệp tiêu trừ để báo ân Phật, thường tìm cầu những khuôn mẫu tu trì tốt đẹp của cổ đức. Nhờ đó, ông biết rằng Thành và Cung Kính thật là bí quyết cực diệu để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Vì thế, ông thường cùng kẻ hữu duyên nhắc đi, nhắc lại điều này.

* Đối với việc xem kinh, nếu muốn làm pháp sư để tuyên dương cho đại chúng thì hãy đọc kinh văn trước, tiếp đó xem các chú sớ. Nếu tinh thần chẳng sung túc, kiến giải chẳng hơn người, chớ có mất công nhọc nhằn tâm lực, uổng phí năm tháng.

Nếu muốn tùy phận được lợi ích thật sự, phải chí thành khẩn thiết thanh tịnh tam nghiệp. Hoặc trước hết phải đoan tọa chốc lát, lắng định thân tâm, rồi mới lễ Phật, đọc ra tiếng; hoặc chỉ im lặng xem. Hoặc lễ Phật xong, đoan tọa chốc lát, sau đó mới mở kinh [ra xem]. Cũng phải thân đoan nghiêm, ngồi ngay ngắn như đối trước thánh dung, đích thân lắng nghe viên âm, chẳng dám manh nha một niệm biếng nhác, chẳng dám khởi một niệm phân biệt. Đọc một loạt từ đầu đến cuối, dù là văn hay nghĩa đều nhất loạt chẳng dùng lý lẽ để hiểu.

Đọc kinh như thế, người lợi căn đối với mỗi mỗi Không lý sẽ lãnh ngộ được, chứng pháp Thật Tướng; còn kẻ căn cơ độn kém cũng tiêu trừ được nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ. Lục Tổ nói: *"Đãn khán Kim Cang kinh, tức năng minh tâm kiến tánh"*(chỉ xem kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh) là nói về cách xem kinh như trên đây, cho nên bảo là "đãn" (chỉ). Kinh Đại Thừa đều có công năng minh tâm kiến tánh, chứ nào phải mình kinh Kim Cang?

Nếu cứ một mực phân biệt câu này nghĩa như thế nào, đoạn này nghĩa là gì thì toàn là thuộc về phàm tình, vọng tưởng, xét đoán, suy lường, làm sao ngầm phù hợp với ý Phật, lãnh ngộ trọn vẹn ý kinh; nhân đó, nghiệp chướng tiêu diệt, phước huệ tăng cao cho được? Nếu biết cung kính thì còn gieo được chút thiện căn. Nếu cứ làm giống hệt như cách đọc sách Nho của kẻ học rộng sẽ thành hạng người vướng phải tội khinh nhờn sừng sững như non, thăm thẳm như vực, dùng nhân lành chiêu lấy quả ác vậy.

Cổ nhân chuyên trọng nghe kinh vì tâm chẳng thể khởi phân biệt. Như có người đọc kinh ra tiếng, một người khác ở cạnh nhiếp tâm lắng nghe mỗi chữ, mỗi câu cho thật phân minh. Tâm kẻ ấy chuyên chú, chẳng dám duyên theo hết thảy thanh sắc bên ngoài. Nếu chỉ hơi phóng túng liền bị đoạn tuyệt ngay, chẳng quán thông nổi văn nghĩa!
Người tụng có kinh văn để nương theo, chẳng phải dốc trọn tâm, nhưng cũng phải tụng cho rõ ràng vì người nghe chỉ nhờ vào tiếng tụng. Nếu người tụng phóng túng một chút liền thành đứt đoạn. Nếu nghe được như thế, công đức bằng với công đức của người chí thành, cung kính tụng. Nếu người tụng chỉ thiếu cung kính đôi chút thì công đức khó bằng nổi kẻ nghe.
Người đời nay xem kinh Phật như giấy cũ. Trên án kinh để lẫn các tạp vật. Cầm lấy kinh chẳng rửa tay, miệng chẳng súc sạch, lắc lư thân mình, giở chân, rung đùi, thậm chí phóng thí[25] , gãi chân, buông lung hết thảy chẳng kiêng sợ gì, còn hòng xem kinh để được phước, tiêu tội! Chỉ có hạng ma vương muốn diệt Phật pháp là tán thán, cho là hoạt bát viên dung, là phù hợp sâu xa với diệu đạo không chấp trước của Đại Thừa! Hàng Phật tử chân thật tu hành trông thấy cảnh ấy chỉ còn biết đau xót thầm, nước mắt đầm đìa, than thở ma quyến hoành hành, chẳng biết làm sao!
Ngài Trí Giả tụng kinh hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, nào phải do tâm phân biệt mà được đâu! Một vị cổ đức chép kinh Pháp Hoa, nhất tâm chuyên chú liền đạt "niệm cực tình vong", cho đến lúc trời tối mịt vẫn chép kinh như thường. Thị giả vào hỏi trời đã tối mịt sao vẫn còn chép, Ngài liền xòe tay ra, chẳng trông thấy lòng bàn tay. Xem kinh như thế là cũng chuyên tâm dốc chí giống như tham thiền khán thoại đầu, trì chú, niệm Phật. Do dụng lực lâu ngày, sẽ có một ngày được hoát nhiên quán thông.
Minh Tuyết Kiệu Tín thiền sư, người ở Phủ Thành, Ninh Ba không biết chữ, trung niên xuất gia, tận lực khổ công tham cứu, nhẫn được những việc người khác chẳng thể nhẫn, làm được việc người khác chẳng thể làm. Khổ hạnh của ngài người khác khó đạt được. Lâu ngày, đại triệt, đại ngộ, miệng nói ra điều gì đều khéo léo khế hợp cùng Thiền cơ. Tuy chẳng biết chữ, chẳng viết được, nhưng lâu ngày Ngài liền biết chữ! Lâu sau, Ngài còn tung hoành ngọn bút, nghiễm nhiên trở thành một bậc đại thư pháp.
Những sự lợi ích này đều là từ chẳng phân biệt, chuyên tinh tham cứu mà có. Người xem kinh cũng nên lấy đó làm gương!
* Lúc xem kinh tuyệt đối chẳng được khởi tâm phân biệt thì tự nhiên vọng tưởng phải tiềm phục, thiên chân phát hiện. Nếu muốn nghiên cứu nghĩa lý hoặc giở xem các chú sớ hãy dành một thời gian khác để chuyên nghiên cứu. Trong lúc nghiên cứu, tuy chẳng nghiêm túc như lúc xem kinh, cũng chẳng được hoàn toàn không cung kính. Bất quá, so với lúc xem kinh, thư thái hơn một chút.

Nghiệp chưa thể tiêu, trí chưa thể rạng thì phải lấy việc xem kinh làm chính, việc nghiên cứu chỉ đại lược kèm theo. Nếu không, suốt ngày quanh năm chỉ lo nghiên cứu, dù nghiên cứu đến mức như vẹt mây thấy mặt trăng, mở cửa thấy núi, cũng chỉ là bàn suông ngoài miệng, chẳng hề can hệ mảy may đến thân tâm, tánh mạng, sanh tử chi cả! Ngày ba mươi tháng Chạp xảy đến chẳng dùng được mảy may!
Nếu có thể xem kinh [theo cách] như trên vừa nói, ắt sẽ nghiệp tiêu, trí rạng, ba thứ tình kiến sẽ trở về "chốn quê hương chẳng hề tồn tại" (ý nói: sẽ biến mất không tăm tích). Nếu chẳng xem kinh được như thế, chẳng những ba thứ tình kiến chưa chắc chẳng sanh, còn e do sức túc nghiệp, tà kiến sẽ phát khởi, bác không nhân quả, và các thứ phiền não: giết, trộm, dâm, dối sẽ nối tiếp nhau nổi dậy như lửa cháy hừng hực, nhưng vẫn cứ cho mình là người hành Đại Thừa, hết thảy vô ngại! Lại còn vin vào câu nói *"Tâm bình hà lao trì giới?"* (tâm bình nào phải nhọc công giữ giới?) của Lục Tổ để cho rằng phá hết các giới mà chẳng phá mới thật sự là trì giới. Thật là tu hành khó đạt chân pháp vậy!
Sở dĩ chư Phật, chư Tổ chủ trương Tịnh Độ là để nhờ vào Phật từ lực chế phục nghiệp lực, chẳng cho chúng phát hiện. Vì thế nên lấy niệm Phật làm chánh, xem kinh làm trợ hạnh!
* Đức Như Lai đã diệt độ, những cái còn lại chỉ là kinh và tượng. Nếu coi tượng bằng đất, gỗ, vàng, tượng vẽ v.v... là đức Phật thật sẽ diệt được nghiệp chướng, phá được phiền hoặc, chứng tam muội, thoát sanh tử. Nếu coi đó chỉ là đất, gỗ, vàng, tranh vẽ thì tượng cũng chỉ là đất, gỗ, vàng, tranh vẽ mà thôi! Nếu khinh nhờn đất, gỗ, vàng, tranh vẽ chẳng có lỗi gì, nhưng nếu khinh nhờn tượng Phật bằng đất, gỗ, vàng, tranh vẽ thì tội tầy trời. Đọc tụng kinh Phật, lời Tổ, phải coi như Phật tổ đang hiện diện nói cho ta nghe, chẳng dám móng khởi chút biếng nhác nào!
Làm được như vậy, tôi bảo người ấy ắt sẽ cao đăng chín phẩm ngay trong đời này. Nếu không, chỉ là dạo chơi trong pháp môn, bất quá được lợi ích là biết nhiều, thấy nhiều, nói được rành rẽ, chứ chẳng mảy may thọ dụng được lợi ích chân thật chi, vẫn chỉ là chuyện nghe bên đường, nói bên lề mà thôi! Cổ nhân đối với Tam Bảo đều giữ lòng tôn kính thật sự, chứ chẳng chỉ bàn bạc ơ hờ rồi thôi. Người đời nay miệng còn chẳng buồn bàn đến một chữ, huống là thực hành ư?
* Ấn Quang thấy những người trích máu chép kinh gần đây chỉ là tạo nghiệp vì trọn chẳng cung kính. Mỗi lần trích máu, liền trích rất nhiều. Vào tiết Xuân Thu, qua hai ba ngày máu liền hư thối. Mùa Hạ, để nửa ngày máu liền tanh hôi, vẫn cứ dùng để chép. Có người còn đem máu phơi khô, mỗi lần chép liền dùng nước hòa máu khô nghiền ra để chép. Lại còn chép luộm thuộm, chẳng cung kính mảy may.

Đúng là trò trẻ con đùa giỡn, chẳng phải là dùng máu để biểu lộ lòng chí thành, mà chỉ là trích máu chép kinh để đoạt cái danh mình là người chân thật tu hành thôi!
* Chép kinh chẳng giống như viết tự bình[26] , chủ yếu là dốc tinh thần vào, chứ chẳng cần xinh khéo. Chép kinh nên như tiến sĩ chép sách. Mỗi một nét bút chẳng được cẩu thả, viết tắt. Dạng chữ dùng phải là dạng chánh thức. Nếu tọa hạ[27] viết theo thể loại viết trát là không được. Xưa nay, người ta hay dùng các thể loại hành thư hay thảo thư để chép kinh, Quang tôi tuyệt đối chẳng tán thành!
* Người đời nay chép kinh mặc sức ngoáy bút, thật chẳng phải là chép kinh, chỉ là mượn dịp để luyện chữ đồng thời lưu lại bút tích cho hậu thế đó thôi! Chép kinh như thế không phải là hoàn toàn vô ích, nhưng chẳng qua chỉ tạo thành cái nhân đắc độ trong đời tương lai, mà cái tội khinh nhờn cũng chẳng nhỏ nhặt gì!
* *... (lược bỏ đoạn này không dịch vì Tổ luận về thể loại chữ nên dùng để chép kinh. Ngài trách một vị cư sĩ khi chép kinh đã nệ cổ, tự tiện sửa đổi những chữ trong kinh theo lối viết cổ. Thiển nghĩ, đoạn này vô ích đối với những độc giả không biết chữ Hán, nên không dịch ra)*
* Nếu đối với pháp môn Tịnh Độ chẳng thể dốc hết một lòng quyết chí tu trì; đối với việc tuân giữ lòng thành kính, khắc kỷ, giữ lễ cứ muốn cho là chẳng muốn chấp trước, hòng khéo che đậy những thứ sơ sài, tán loạn, phóng dật, thì những lợi ích ngài đạt được chẳng giống với cái hiểu biết từ chỗ thấy hiểu kém cỏi của Quang tôi. Những điều khác trong bộ Văn Sao tạp nhạp của Quang đã nói đủ cả, nên chẳng dông dài nữa.
Đối với việc xem kinh, chỉ có cung kính mới được lợi ích thật sự. Nếu chẳng cung kính, dù có được lợi ích thì lợi ích ấy chẳng qua là nương theo kinh văn hiểu ý nghĩa, chứ nghiệp tiêu, trí rạng, thầm ngộ tự tâm trọn chẳng thể cầu may như thế được! Huống hồ còn đeo cái lỗi khinh nhờn chẳng thể nói hết nổi được! Đây chính là bệnh chung của cả thế gian, thật là buồn đau, khóc hận, thở dài sườn sượt vậy!
* Chẳng thể lập riêng nghi thức lễ Phật cho người cực bận. Chỉ chí thành, khẩn thiết, miệng xưng Phật hiệu, thân lễ chân Phật, cứ thành kính như Phật đang hiện diện là được!
* Chẳng thể lễ bái xá lợi, chẳng thể thân cận tùng lâm, cũng chẳng sai sót gì! Cốt sao trông thấy tượng Phật liền tưởng như đức Phật thật; thấy kinh Phật, lời Tổ, tưởng Phật, tưởng Tổ đang đích thân giảng dạy cho mình. Chí cung chí kính, chẳng lười nhác, chẳng xao nhãng chính là suốt ngày thấy Phật, suốt ngày thân cận chư Phật, Bồ Tát, Tổ Sư, thiện tri thức, xá lợi, tùng lâm.
* Tri thức gởi vải trắng cho biết đến năm Nhâm Ngọ sẽ in. Điều này tội lỗi đến mức cùng cực, bởi lẽ đã sử dụng danh hiệu Bồ Tát một cách điếm nhục,

khinh nhờn đến mức cùng tột. Huống hồ có nơi còn khinh miệt ngồi lên nữa. Năm Quang Tự thứ 20, tôi từng thấy một lần ở Phổ Đà, năm 21 ở chùa A Dục Vương lại thấy. Tôi lấy làm lạ, than cùng điện chủ điện Xá Lợi. Ông bảo: "Đấy là phong tục của vùng Ninh Ba". Tôi tự thẹn mình không có sức để ngăn ngừa thói tục xấu ác này. Nếu như Quang tôi là chủ nhân một phương ắt sẽ đến nơi thanh minh lỗi hại của việc này, ngõ hầu những người có tín tâm chỉ được lợi ích, chẳng mắc điều tổn hại ấy!
* Hết thảy tôn kinh Đại Thừa Hiển Mật đức Đại Giác Thế Tôn đã nói đều dạy lý vốn duy tâm, đạo hợp Thật Tướng, khắp ba đời chẳng đổi, cả mười cõi cùng tuân trở về nguồn, quay lại cội, là đạo sư của chư Phật, dẹp khổ, ban vui, là cha lành của chúng sanh. Nếu có thể dốc cạn lòng thành kính lễ tụng, thọ trì thì mình lẫn người đều được lợi ích thù thắng, u - hiển cùng gội ân quang, như Như Ý châu, như vô tận tạng, lấy chẳng hết, dùng chẳng tận, tùy tâm hiện lượng, sở nguyện đều mãn.
Kinh Lăng Nghiêm nói: Cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu tam muội được tam muội, cầu trường thọ được trường thọ. Như thế cho đến cầu Niết Bàn được đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn là cứu cánh quả đức. Nếu luận về Như Lai bổn tâm thì thật sự toàn bộ Khế Kinh chỉ là để giảng điều này. Nhưng chúng sanh chí nguyện hẹp kém, chưa chí thành đến mức cùng cực nên chẳng thể khế nhập ngay được.
Vì thế, phải thuận theo tâm hạnh của họ để thỏa mãn sở nguyện của mỗi người. Nếu là bậc túc căn sâu dày sẽ liền đốn minh tự tánh, triệt chứng duy tâm, phá phiền hoặc, tiến ngay vào Bồ Đề, viên mãn phước huệ, mau thành Giác Đạo để đạt được toàn bộ lợi ích của Khế Kinh, phô trọn bản hoài của Như Lai.
Ví như một trận mưa thấm khắp, cỏ cây đều tươi tốt. Cây lớn sẽ chọc mây, che lấp ánh mặt trời; cây nhỏ sẽ dài phân, tăng tấc. Đạo vốn duy nhất Chân Như, nhưng tùy tâm mà lợi ích có thù thắng, có kém hèn. Nhưng nếu đã trồng thiện căn, rốt rồi cũng thành Phật quả. Dù chẳng thể đạt được ngay lợi ích lớn lao, cũng tạo thành nhân độ thoát. Nghe tiếng cái trống bôi thuốc độc, xa gần đều chết. Ăn chút kim cang, quyết định chẳng tiêu. Trước phải dùng dục để lôi kéo, sau mới hòng chứng nhập Phật trí, là nói về lẽ này đấy!
* Kinh dạy thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Nếu chẳng phải xưa đã có nhân duyên, tựa đề các bộ kinh Phật còn chẳng được nghe, huống là được thọ trì, đọc tụng hòng tu nhân chứng quả? Nhưng những điều Như Lai đã dạy chỉ dựa trên lý vốn sẵn có trong tâm của chúng sanh. Ngoài tâm tánh ra, trọn không có một pháp nào để được!
Nhưng chúng sanh còn mê, chẳng thể liễu tri, huyễn sanh vọng tưởng chấp trước đối với Chân Như Thật Tướng. Do vậy khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, mê trí huệ trở thành phiền não, khiến thường trụ trở thành sanh

diệt, trải bao kiếp số nhiều như bụi trần, chẳng thể trở lại. May gặp các kinh điển Đại Thừa hiển mật do đức Như Lai nói, mới biết hạt châu vẫn còn nguyên nơi vạt áo, Phật tánh vẫn thường còn, kẻ hèn hạ làm khách đó vốn là con ông trưởng giả. Trời người sáu nẻo nào phải chỗ mình ở, Thật Báo, Tịch Quang chính là quê nhà sẵn có.

Nghĩ lại từ vô thỉ đến nay, chưa được nghe Phật nói, tuy sẵn đủ tâm tánh này, vô cớ phải chịu luân hồi oan uổng! Thật đúng là đau đớn ứa lệ, tiếng [gào khóc] vang động cõi đại thiên! Lòng tan từng mảnh, ruột đứt từng tấc. Ân ấy, đức ấy hơn hẳn thiên địa, cha mẹ cả trăm ngàn vạn lần. Thân nghiền, xương nát chẳng báo đáp nổi!

* Tăng, tục ngày nay giở xem kinh Phật chẳng mảy may cung kính, bao thứ khinh nhờn khó thể thuật tỉ mỉ từng thứ. Thói quen lưu hành đã lâu, coi đó là thuận mắt, những điều khinh nhờn khó bề kể hết. Coi pháp ngôn của Như Lai như giấy cũ rách nát.

Đừng nói chi kẻ chẳng biết chỉ thú của kinh, trọn không lợi ích; ngay cả những người hiểu sâu xa nghĩa kinh cũng chỉ là tam muội nơi cửa miệng, tỏa sáng ngoài mặt. Như kẻ đói kể chuyện ăn, như người nghèo đếm của báu, tuy có công nghiên cứu, tuyệt không được ích lợi thực chứng! Huống hồ cái tội khinh nhờn đã ngập cả trời, nên thời hạn thọ khổ phải đâu chỉ hết kiếp! Tuy là nhân lành, chiêu cảm ngược thành ác quả. Dù có thành cái nhân đắc độ cho tương lai, khó tránh nhiều kiếp chịu đủ các khổ.

Đem tấm lòng ôm ấp nỗi thảm thương này dám bày tỏ những điều rơm rác để mong ai nấy vâng làm theo lời Phật, ngõ hầu chỉ được lợi ích, chẳng bị tổn hại.

* Kinh Kim Cang nói: *"Như chỗ nào có kinh điển thì chỗ đó có Phật, là đệ tử phải tôn trọng"*. Lại nói: *"Nơi nơi chốn chốn nếu có kinh này thì hết thảy thế gian, trời, người, a-tu-la đều phải nên cúng dường. Phải biết chỗ ấy chính là tháp [Phật], đều phải nên cung kính, làm lễ, nhiễu quanh, dùng các thứ hoa hương để rải lên trên ấy. Vì sao phải như vậy? Là vì hết thảy chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật đều xuất phát từ kinh này"*.

Trong các kinh Đại Thừa, kinh nào cũng dạy người phải cung kính kinh điển, chứ chẳng phải một kinh. Ấy là vì các kinh Đại Thừa là mẹ của chư Phật, là thầy của Bồ Tát, là Pháp Thân xá-lợi của tam thế Như Lai, là thuyền từ thoát khổ của cửu giới chúng sanh. Dù cao đăng Phật Quả, vẫn còn phải kính pháp hòng báo đền nguồn gốc, chẳng quên đại ân. Vì thế, kinh Niết Bàn nói: *"Pháp là mẹ Phật, Phật từ Pháp sanh"*.

Tam thế Như Lai đều cúng dường Pháp; huống hồ phàm phu sát đất khắp thân toàn là nghiệp lực, như tội nặng bị tù, giam cầm trong ngục lâu ngày, không do đâu được thoát ra! May sao nhờ thiện căn túc thế được thấy kinh

Phật, như tù được lệnh phóng thích, mừng rỡ vô ngần, bèn dùng ngay pháp ấy để mãi mãi từ biệt tam giới, vĩnh viễn xuất ly lao ngục sanh tử, tự chứng tam thân, về thẳng quê nhà Niết Bàn. Nhờ nghe kinh mà được vô biên lợi ích, há nên do tri kiến cuồng vọng bèn chẳng kiêng nể, khác nào tục nho đọc sách, tự tiện khinh nhờn ư?

* Đạo của Thánh Hiền chỉ là Thành và Minh. Thánh, Cuồng phân biệt chỉ trong một niệm. Chẳng niệm Thánh ắt biến thành Cuồng, khắc chế cuồng niệm bèn trở thành Thánh. Lẽ nắm - buông, được - mất ví như thuyền chèo ngược nước, chẳng tiến phải lùi, chẳng thể chẳng gắng sức chống chọi mà lơi lỏng chút nào.

Phải biết rằng một chữ Thành, thánh lẫn phàm cùng có một Chân Tâm hệt như nhau chẳng khác. Một chữ Minh phải luôn giữ gìn, xem xét, là cách để đạt đạo từ phàm chí thánh. Nhưng trong địa vị phàm phu, trong những sinh hoạt hằng ngày, muôn cảnh chen nhau, chẳng nhận biết, soi xét một cảnh sẽ khó tránh trong chớp mắt liền nẩy sanh những tình tưởng trái lẽ. Tình tưởng ấy đã sanh, chân tâm liền bị vướng mối tệ, nên hành vi nào cũng đều chẳng trung chánh. Nếu chẳng vận dụng một phen công phu thiết thực trừ khử cho sạch thì ngày càng tệ hơn, chẳng biết đã tuột xuống tận đáy. Uổng cho cái tâm làm thánh sẵn có vĩnh viễn bị chìm đắm trong loài phàm ngu, chẳng đáng buồn sao?

Nhưng làm thánh chẳng khó, chỉ là tự làm sáng cái đức sáng của chính mình. Muốn làm sáng cái đức sáng thì phải từ "trí tri cách vật" mà hạ thủ. Nếu chẳng thể cực lực hiểu rõ, trừ khử những mối nhân dục (tham muốn của con người) thì Chân Tri sẵn có quyết khó thể hiển hiện triệt để được!

* Dù là trai chủ thỉnh pháp hay các Sư tác pháp, ai nấy đều kiệt thành tận kính thì lợi ích chẳng thể nói được nổi. Như Xuân về, khắp cõi đất thảo mộc đều nảy nở xanh tươi; trăng sáng vằng vặc giữa trời, sông ngòi thảy đều hiện bóng. Do đó, người đương sống sẽ nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước tăng, tiên vong đều sanh Tịnh Độ, sở cầu không gì chẳng được toại ý, lại khiến cho oán thân bao kiếp, pháp giới hàm thức cùng gội Tam Bảo ân quang, cùng kết duyên chủng Bồ Đề.

Nếu trai chủ chẳng thành kính thì công đức xuất tiền chỉ hữu hạn, nhưng tội lỗi khinh mạn thì vô cùng. Tăng chúng chẳng thành kính, chính là thổi ống bễ thành kinh, gõ chày cối thành lễ[28] , lúc Tam Bảo, long thiên giáng lâm cứ xử sự lỗ mãng, luộm thuộm, tắc trách, mà không đến nỗi núi tội ngất ngưởng, biển phước cạn khô, sống mắc tai vạ, chết bị đày phạt há có được chăng?

---o0o---

Phần 4

VI. KHUYÊN CHÚ TRỌNG NHÂN QUẢ

1. Luận Về Lý Nhân Quả

* Một pháp nhân quả là bước đầu nhập môn của Phật giáo, mà cũng là kế sách trọng yếu để thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

* Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Nếu nay chẳng lấy nhân quả làm nhiệm vụ cấp bách để cứu quốc, cứu dân, dù ông có trí xảo, đạo đức cao siêu đến mấy cũng chỉ uổng công, vì chẳng giảng đạo lý cũng như không có vương pháp vậy!

* Thánh hiền đời xưa không ai là chẳng dè dặt, kinh sợ để tự rèn luyện, gìn giữ mình, nên tâm họ chẳng bị cảnh phú quý, cùng - thông xoay chuyển. Cùng thì riêng thân mình thiện, đạt thì khiến cả thiên hạ cùng thiện. Người đời nay, trong những hành vi, lời lẽ thường ngày, trong vòng cha con, anh em, chồng vợ, mỗi mỗi đều chẳng thể như pháp.

Người có chút tri kiến bèn lầm mong làm bậc cao nhân lỗi lạc: chưa có quyền bèn mặc tình cuồng vọng luận nghị mù quáng để mê hoặc người đời; đã có quyền vị rồi, bèn tỏ rõ cái ác niệm bạo ngược tàn nước hại dân. Gốc bệnh là do lúc ban đầu, cha mẹ, thầy bạn chưa từng dùng đạo nhân quả báo ứng để chỉ bảo cho kẻ ấy. Nếu biết nhân quả báo ứng đôi chút thì khởi tâm động niệm ắt đều kiêng dè, chẳng dám phóng túng. Dù chẳng mong thành thánh, thành hiền, muốn chẳng kinh sợ, dè dặt như vào vực sâu, như đi trên băng mỏng cũng không thể được!

Vì thế, những người thiên tư cao phải bắt đầu từ những điều thiển cận, chớ cho là điều lành nhỏ nên không làm, chớ cho là điều ác nhỏ rồi cứ làm. Cứ vun bồi từng ít một sẽ thành tánh. Ví như cây nhỏ đã mọc thẳng, đến lớn muốn uốn cong chẳng thể được!

* Y gia trị bệnh, gấp thì trị ngọn, thong thả bèn trị gốc. Ví như có người yết hầu ủng thũng, ăn uống khó nuốt xuống, thở ra khó khăn; trước hết phải tiêu trừ chứng thũng, sau đấy mới căn cứ trên gốc bệnh, điều hòa tạng phủ. Nếu chẳng trừ trước chứng thũng ấy, người đó lăn đùng ra chết, dù có lương phương, diệu dược trị được gốc bệnh cũng chẳng làm gì được!

Nhân quả chính là diệu pháp để tiêu trừ chứng bệnh thũng ngày nay; nhưng một pháp Nhân Quả trị được bệnh cả gốc lẫn ngọn. Kẻ sơ cơ nương vào đó sẽ cải ác tu thiện. Người thông hiểu nương theo đó có thể đoạn Hoặc chứng Chân, thông trên, suốt dưới. Dù là hàng phàm phu sát đất cho đến bậc viên

mãn Phật Quả đều chẳng thể lìa pháp này, chứ nhân quả nào phải chỉ trị được mỗi bệnh ngọn ư!

* Một pháp nhân quả chính là lò luyện lớn để nung phàm, luyện thánh của thánh nhân thế gian, xuất thế gian. Nếu lúc ban đầu chẳng hiểu rõ nhân quả thì sau khi đã thông Tông, thông Giáo, sẽ rất có thể bị lầm lẫn nhân quả. Đã lầm nhân quả, đọa lạc ắt sẽ có phần, không cách gì siêu thăng. Đừng bảo lý này thiển cận rồi coi thường! Đức Như Lai đã thành Chánh Giác, chúng sanh đọa lạc tam đồ đều chẳng ra ngoài nhân quả.

Nhưng tâm lượng của phàm phu hẹp nhỏ, có lẽ không lãnh hội được những lẽ nhân quả lớn lao đã nói trong kinh. Hãy dùng những điều thiển cận trong thế gian để làm phương tiện lãnh hội những điều thù thắng ấy. Chẳng hạn như đối với bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân, sách Thái Thượng Cảm Ứng v.v... xin hãy đọc kỹ, suy xét tường tận, làm theo, thì ai nấy đều là lương dân, người người đều có thể liễu sanh thoát tử.

Năm trước, Quang từng khắc An Sĩ Toàn Thư, bản khắc để tại Dương Châu, các nơi phát hành kinh đều có. Cuốn sách này thật là một tác phẩm trọng yếu để làm cõi đời hiền dịu, dân chúng hiền lành vậy!

* Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi Ô Sào thiền sư: "Thế nào là đại ý Phật pháp?" Ngài Ô Sào đáp: "Đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành". Họ Bạch bảo: "Hai câu nói ấy, đứa bé lên ba cũng nói được". Ngài Ô Sào bảo: "Tuy đứa bé lên ba nói được, ông già tám mươi làm chẳng xong". Phải biết lời nói này chính là lời nói thiết yếu quan trọng nhất đối với hết thảy người học Phật.

* Hai câu "Đừng làm các điều ác..." chính là đại ý của hết thảy kinh giới của tam thế chư Phật, chớ nên coi thường. Ngay trong mỗi ý niệm vừa phát khởi của chính mình hãy nên suy xét kỹ, nếu có thể suy xét đến cùng cực thì còn có thể thành được Phật đạo, huống hồ là các quả vị phước huệ khác nữa!

* Dạy giới thiện (ngũ giới, thập thiện) để mở ra con đường trời - người phẳng phiu. Hiển nhân quả để bày phương cách xu tỵ (xu là hướng tới, tỵ là tránh né) tốt lành. Nói đến giới thiện thì:

a. <u>Ngũ Giới</u>:

Chẳng sát là Nhân; chẳng trộm là Nghĩa; chẳng tà dâm là Lễ; chẳng nói dối là Tín; chẳng uống rượu thì tâm thường trong trẻo, chí ngưng lặng, thần chẳng hôn mê nên lý hiện, tức là Trí. Trì trọn Ngũ Giới chẳng đọa tam đồ, luôn sanh trong nhân đạo. Năm điều này nói chung tương đồng với Ngũ Thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) của đạo Nho, nhưng Nho giáo chỉ dạy tận nghĩa, nhà Phật còn giảng thêm về quả báo.

b. <u>Thập Thiện</u>:

Chẳng giết, chẳng trộm, chẳng tà dâm, gọi là ba nghiệp nơi thân. Chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói lưỡi đôi chiều, chẳng ác khẩu, gọi là bốn nghiệp nơi miệng. Chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, gọi là ba nghiệp nơi ý. Những điều này xét về đại thể, giống như Ngũ Giới, nhưng ngũ giới đa phần nói về thân, Thập Thiện đa phần nói về Tâm. Đầy đủ Thập Thiện quyết định sanh vào thiên giới.

Còn như các điều dạy về luân lý như hiếu với cha, từ với con, kính anh, nhường em... đều là muốn cho ai nấy đều tận bổn phận không khiếm khuyết, thuận theo tướng thế gian để tu pháp xuất thế. Nếu nói rộng về nhân quả báo ứng thì hào ly chẳng sai. Đọa địa ngục hay sanh thiên chỉ do tự mình chiêu cảm lấy. Đức Như Lai tâm bi chí cực, muốn cho chúng sanh vĩnh viễn lìa khổ, chỉ hưởng các điều vui; vì thế, Ngài chẳng tiếc hiện tướng lưỡi rộng dài, vì các chúng sanh tận tình tuyên diễn.

Kinh dạy: *"Bồ Tát úy nhân, chúng sanh úy quả"* (Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả). Nếu chẳng muốn nhận quả khổ, phải đoạn trừ nhân ác trước đã! Nếu luôn tu thiện nhân, ắt quyết định thường hưởng quả vui! Đây chính là điều kinh Thư bảo: *"Tác thiện giáng tường, tác bất thiện giáng ương"*(Làm thiện thì điều tốt lành giáng xuống. Làm điều bất thiện, tai ương giáng xuống), kinh Dịch nói: *"Tích thiện tất hữu dư khánh, tích bất thiện tất hữu dư ương"* (Tích thiện sự vui có thừa, chất chứa điều chẳng lành tai ương ắt có thừa!)

Nhưng nhà Nho chỉ xét trên đời hiện tại và con cháu mà nói, còn Phật xét trên cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai để luận. Phàm tình chẳng hiểu thấu, bèn cho là chuyện mông lung, chẳng chịu tin nhận. Như kẻ mù cãi lời người dẫn đường, tự đi vào đường hiểm, muốn chẳng rớt hầm, sụp hố có được hay chăng?

* Đề xướng nhân quả báo ứng là kính vâng theo tâm của thiên địa và thánh nhân để thành tựu tánh đức nhân nghĩa, đạo đức của người đời. Nếu coi nhân quả báo ứng là chuyện mờ mịt, không cách nào khảo sát thì chẳng những trái nghịch với tâm của thiên địa, thánh nhân, mà thần thức của mình còn vĩnh viễn đọa trong ác thú.

Nếu bậc trí giả chẳng phấn phát ý chí ưu thời mẫn thế để tu đức mình, kẻ hạ ngu không kiêng sợ gì, dám làm điều ác thì quyền dưỡng dục của thiên địa, thánh nhân bị chèn ép chẳng được phô bày, cái lý sẵn có trong tâm tánh của chúng ta ẩn mất chẳng hiện. Họa hại ấy chẳng thể nói được!

Nhưng lời lẽ của thánh nhân thế gian giản lược, lại chỉ bàn về đời này và con cháu, còn những việc trước khi sanh ra, sau khi chết đi, từ vô thỉ đến nay theo nhân duyên tội phước luân hồi lục đạo... đều chưa luận rõ. Vì thế, những kẻ thấy biết nông cạn tuy hằng ngày đọc những lời dạy về nhân quả báo ứng của thánh hiền vẫn chẳng tin nhân quả báo ứng.

Đại giáo của đức Như Lai hiển dương cái huyền diệu nơi tâm tánh của chúng ta, sự tinh vi của nhân quả ba đời. Tất cả những thuyết "cách trí" (trí tri cách vật), thành, chánh (chánh danh), "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", và pháp "đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử", không pháp nào chẳng giảng đủ. Vì thế, những điều Phật dạy về cha hiền, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng vợ theo, chủ nhân từ, tớ trung thành, ai nấy tận hết bổn phận có khác gì những điều thánh nhân thế gian đã dạy đâu!
Thế nhưng, với mỗi một điều, Phật lại khai thị nhân trước quả sau; đấy chính là điều thánh nhân thế gian chẳng thể làm nổi! Lời dạy "tận nghĩa, dốc trọn bổn phận" chỉ để dạy hàng thượng trí, chẳng thể chế ngự kẻ hạ ngu. Nếu biết nhân quả báo ứng thì thiện - ác, họa - phước rành rành như nhìn vào lửa; ai lại không tìm tốt, tránh xấu, tránh họa đạt phước cơ chứ?
* Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai. Nhưng vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc"*. Do vậy, biết rằng: trí huệ, đức tướng chúng sanh và Phật đều đồng, tức là Tánh Đức. Do có vọng tưởng chấp trước và lìa vọng tưởng chấp trước nên chúng sanh và Phật khác nhau. Đấy chính là Tu Đức.
Tu Đức có thuận, có nghịch. Thuận tánh mà tu thì càng tu càng gần. Tu đến cùng cực thì triệt chứng, chứng được rằng hoàn toàn không có gì để đắc cả. Còn nghịch tánh mà tu thì càng tu càng xa. Tu đến cùng cực sẽ vĩnh viễn đọa trong ác đạo, đọa nhưng không có gì mất cả. Hiểu được điều này thì ngu cũng là hiền, hiền cũng là ngu, thọ cũng là yểu, yểu cũng là thọ, [những mong ước] phú quý, cháu con đầy đàn đều diệt sạch. Mỗi mỗi đều làm chủ được thì có cái để nương dựa cũng coi như không, không có cái để nhờ cậy cũng coi như có. Như núi cao chẳng thể trèo lên được, người ta không có cách nào, thì chẳng ngại gì đục núi, xếp bậc, sẽ cũng có thể lên đến chót núi. Con người xưa nay chẳng biết nghĩa lý "do tâm tạo nghiệp, do tâm chuyển nghiệp", không ít kẻ đại thông minh, học vấn rộng, giở trò bỏ sạch công lao người trước khiến di hại bao kiếp. Nếu chẳng tu đức, dù thân đạt tới mức giàu trùm thiên hạ, quý như thiên tử, địa vị đứng đầu các quan, thanh thế hiển hách như hàng tể phụ, há chẳng có kẻ bị tru lục, diệt môn ngay trong đời này đó ư? Những điều mình đạt được đó đều chẳng thể nương dựa được! Ông Viên Liễu Phàm hiểu rõ điều này nên đối với những thứ được hưởng thọ đều bảo chẳng phải do "tiền nhân" (nhân đời trước) định sẵn. "Tiền nhân", tục gọi là "thiên" (trời). "Thiên định thắng nhân" tức là tiền nhân khó chuyển. Nhân định cũng thắng thiên, tức là tu trì để chuyển nghiệp thì tiền nhân chẳng đủ để ỷ lại. Vì thế, lấy nhân hiện tại làm nhân để tiêu trừ tiền nhân. Nếu buông lung làm xằng, kết quả sẽ ngược lại. Hiểu rõ điều này thì muốn ngu lại thành hiền, muốn tầm thường lại trở thành siêu quần, bạt tụy, đều là do giữ lòng tu đức, tùy thời khéo dạy mà thôi!

* Mạng là gì? Chính là quả báo của những điều đã làm trong đời trước. Lại nữa, điều đạt được do làm đúng theo đạo nghĩa mới gọi là Mạng. Những điều đạt được do làm chẳng đúng theo đạo nghĩa thì chẳng được gọi là Mạng. Vì sau khi đạt được như vậy, cái khổ đời sau chẳng cam nghe thấy! Như trộm cướp tiền tài của người, tạm thời dường như giàu sướng, một khi quan phủ biết ra, ắt sẽ đầu một nơi, thân một nẻo! Lẽ nào với cái tạm thời được vui, lại cho là Mạng?
Lực là gì? Chính là nói đến những cái mình làm ngay trong đời này. Có hai thứ làm: Một là tài trí chuyên dùng mưu mẹo biến trá. Hai là chuyên dùng sự khắc kỷ, giữ lễ để tu trì.
Cái Mạng do Liệt Tử nói đó hỗn độn, chẳng phân; cái Lực của ông ta nói đó đa phần chú trọng về mưu mẹo, biến trá. Bởi thế, đến nỗi Lực bị Mạng đè ép, không cách gì đáp được [câu chất vấn sau]: "Khổng Tử bị khốn đốn nơi biên giới nước Trần, nước Sái; Điền Hằng lấy nước Tề làm tánh mạng, còn có thể nói là biết Mạng ư?"
Khổng Tử chẳng gặp vua hiền, chẳng thể khiến thiên hạ trị an, chính là do nghiệp lực của muôn dân tạo ra như vậy, can dự chi đến Khổng Tử! Nhan Uyên yểu thọ, nghĩa lý cũng giống như thế.
Điền Hằng có được nước Tề là do soán đoạt mà có, sao gọi là Mạng được? Tuy hiện thời còn là vua Tề, nhưng khi hơi thở không hít vào được, liền thành tù nhân trong A Tỳ địa ngục. Đấy mới là Mạng, vì ông ta dạy người chẳng tu đạo nghĩa, mặc tình cướp đoạt!
Bởi thế, tôi mới nói: "Liệt Tử chẳng biết Mạng. Chẳng thấy Mạnh Tử luận về Mạng đó ư? Ắt phải cùng lý tận tánh đến mức như thế mới gọi là Chân Mạng. Còn những điều chẳng do đạo nghĩa mà được, chẳng do đạo nghĩa mà mất, đều chẳng được gọi là Mạng. Liệt Tử luận về Lực đa phần thuộc về tài trí mưu mẹo, biến trá, [là những điều] hiền thánh chẳng thèm nói tới. Những điều hiền thánh nói đến đều là khắc kỷ, giữ lễ để tu trì".
"Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế niệm thành thánh. Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà tích điều chẳng lành, ắt tai ương có thừa. Làm lành trăm điều tốt lành giáng. Làm điều chẳng lành trăm tai ương trút xuống. Gỗ phải theo dây mực mới ngay, vua phải nghe lời can gián mới thành thánh. Làm điều nhân ái sẽ dẫn tới phước lành; dù gặp phải cảnh hung hiểm trái nghịch cũng chỉ nhẹ nhàng. Năm năm mươi tuổi, biết bốn mươi chín năm trước là sai trái; muốn giảm bớt lỗi nhưng vẫn chưa thể. Muốn mình được sống thêm năm mười năm nữa để học Dịch hầu không mắc lỗi lớn. Ai cũng có thể là Nghiêu, Thuấn, kiêng giữ những điều chẳng nên nhìn, kinh sợ những điều chẳng nên nghe, đều là Lực". Đấy là những lời của Nho gia.
Còn nhà Phật bảo hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật để họ sám hối nghiệp cũ, cải ác tu thiện, mong họ đừng làm các điều ác,

vâng làm các việc lành. Dùng Giới giữ thân, chẳng làm điều phi lễ. Dùng Định nhiếp tâm, chẳng khởi vọng niệm. Dùng Huệ đoạn Hoặc, thấy rõ bổn tánh. Đấy đều là những Lực để khắc kỷ, giữ lễ tu trì. Hành theo đó, còn thành được Phật đạo, huống hồ là những quả vị thấp hơn ư! Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: Cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu trường thọ được trường thọ, cầu tam muội được tam muội. Như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn đắc Đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn là Phật Quả rốt ráo. [Những điều ấy] đều là do tu trì theo đúng giáo pháp mà được, Lực ấy rất lớn, chẳng thể hạn lượng.
Ông Viên Liễu Phàm gặp Khổng tiên sinh bói các việc trước sau, việc nào cũng đều ứng nghiệm cả, bèn cho là nhất định phải có Mạng (số mạng). Sau ông được Vân Cốc thiền sư khai thị, tận lực tu trì. Những điều ông Khổng đã đoán, chẳng trúng một mảy. Ông Viên Liễu Phàm là bậc hiền giả, dù có nhầm lẫn làm điều gì chẳng đúng, lời đoán của họ Khổng cũng chẳng linh. Do đấy, ta biết rằng hiền thánh dạy đời chỉ trọng tu trì. Đức Như Lai dạy người cũng giống như thế. Vì thế, tất cả những pháp môn Đại, Tiểu, Quyền, Thật Phật đã nói, không pháp nào chẳng khiến chúng sanh trừ khử Hoặc nghiệp huyễn vọng, triệt chứng Phật Tánh sẵn có. Vì thế, đời có kẻ cực ngu, cực độn, tu trì lâu ngày liền đạt được đại trí huệ, đại biện tài.
Liệt Tử quy hết thảy mọi sự về Mạng (số mạng), gây trở ngại chí mong thành thánh, thành hiền của con người, cổ vũ cái tâm gian ác, soán đoạt của người. Dưới là phải chịu họa hại vô cùng, trên là làm nhụt khí lực quyết chí, ưu thời mẫn thế đến nỗi chung thân chẳng dự vào bậc Thánh Hiền, cứ làm một người hèn hạ, thấp kém. Thiên sách ấy hoàn toàn vô ích cho đời, nào có giá trị gì đáng để nghiên cứu đâu!
* Tôi thường nói: "Người trong cõi đời, trong mười phần, chết trực tiếp bởi sắc dục có đến bốn phần, chết gián tiếp vì sắc dục cũng đến bốn phần". Do sắc dục mà hao tổn, phải chịu đựng các thứ cảm xúc khác mà chết. Đối với những cái chết ấy, không ai là chẳng đổ cho số mạng, biết đâu rằng: Do tham sắc mà chết đều chẳng phải là số mạng!
Mạng vốn nằm trong tay những ai giữ lòng thanh tịnh, trinh khiết, chẳng tham dục sự. Tham sắc là tự giết hại mình, bảo là số mạng sao được? Còn những người do mạng mà sanh, mạng tận bèn chết, bất quá chỉ một hai phần thôi. Do vậy, biết rằng quá nửa thiên hạ là hạng uổng tử. Cái họa này rất dữ dội, có một không hai trong đời. Chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ ư?
Nhưng chẳng tốn một đồng, chẳng nhọc tí ti sức lực gì, lại có thể trở thành bậc đức hạnh chí cao, hưởng an lạc chí đại, con cháu quý hiển, phước ấm vô cùng, đời sau được quyến thuộc trinh lương, chỉ có mỗi việc giới dâm mà thôi! Đối với việc hành dâm chánh đáng giữa vợ chồng, ở phần trước tôi đã thuật qua về lẽ lợi hại, ở đây chẳng nhắc lại nữa. Còn đối với việc tà dâm, vô

liêm, vô sỉ, cực uế, cực ác, chính là dùng cái thân người để làm chuyện súc sanh.
Vì thế, nếu gái đẹp đến cợt nhả, đàn bà yêu kiều đến xin chung chạ, quân tử coi đó là mối họa ương không gì lớn bằng, bèn cự tuyệt, thì phước chiếu rạng ngời, hoàng thiên ban ân. Kẻ tiểu nhân coi đó là hạnh phúc không chi lớn bằng bèn thâu nạp, ắt đến nỗi bị tai tinh xung chiếu, quỷ thần tru lục. Quân tử do họa được phước, tiểu nhân do họa càng thêm họa. Vì thế, mới nói: *"Họa phước vô môn, duy nhân tự chiêu"* (họa phước không cửa, do người tự chuốc lấy). Nếu đối với cái ải nữ sắc, người đời chẳng thể triệt để thấu hiểu thì [những sự như] đức hạnh chí cao, an lạc chí đại, con cháu quý hiển, phước ấm vô cùng, đời sau quyến thuộc trinh thục sẽ bị mất hết trong giây phút hoan lạc mà thôi! Xót thay!
* Hai chữ Nhân Quả gồm trọn hết thảy các pháp thế gian, xuất thế gian không sót chút gì. Những thánh nhân thế gian không ai chẳng dạy nhân quả, nhưng do chuyên chú nơi đạo xử thế, muốn cho nó được kế tục, được lưu truyền, nên chỉ hạn cuộc trong đời này và thế hệ trước, thế hệ sau, chẳng nói những chuyện trước lúc sanh ra, sau khi chết đi và những điều kể từ vô thỉ trước đến tận đời vị lai sau.
Kẻ hậu học chẳng thể hiểu rõ ý của thánh hiền bèn cho rằng người, vật có sự sống là do khí thiên địa ngẫu nhiên thấm vào hình hài mà thôi. Còn đến lúc chết, hình hài mục nát, hồn cũng phiêu tán, không nhân, không quả, trở thành Đoạn Diệt Kiến. Đã cô phụ thánh giáo, còn mê muội tánh linh của mình đến cùng cực vậy! Khổng Tử khen ngợi sách Chu Dịch, ngay câu đầu tiên, Ngài nói: *"Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà tích bất thiện ắt tai ương có thừa"*...
Điều thứ hai là nếu chẳng dùng quá khứ, hiện tại, vị lai để luận thì những điều trời giáng xuống phần nhiều mâu thuẫn với những ngôn luận của thánh nhân, chánh lệnh của bậc minh quân (chẳng hạn như gian đảng vinh hoa, trung thần bị tru lục; Nhan Uyên chết yểu, Đạo Chích trường thọ...) Nếu biết tiền nhân, hậu quả thì [sẽ hiểu] những sự cùng, thông, được, mất đều do tự mình chuốc lấy. Dù có gặp nghịch cảnh cũng chẳng oán, chẳng hận, chỉ thẹn đức mình kém cỏi, chẳng thấy lỗi lầm của trời - người, vui biết mạng trời, không lúc nào là chẳng tự tại tiêu dao!
* Hết thảy những kẻ chẳng hiểu thấu tột cùng lý sâu và những kẻ vô tri, vô thức, nếu nghe nói đến lý tánh, phần nhiều đề cao thánh cảnh, nhưng vẫn tự làm phàm phu, chẳng chịu mạnh mẽ gắng sức khởi đầu từ Sự. Nếu bảo cho họ biết nhân quả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai dù thiện hay ác đều có quả báo, ắt sẽ sợ ác quả mà đoạn ác nhân, tu thiện nhân hòng được thiện quả.
Thiện - ác chẳng ngoài ba nơi thân - khẩu - ý. Đã biết nhân quả sẽ tự phòng giữ thân - miệng, rửa lòng gột ý. Dù ở trong nhà tối, phòng kín, vẫn luôn

như đang ở trước Thiên Đế, chẳng dám móng khởi chút bỉ ổi nào, kẻo vướng phải tội vạ! Đấy chính là đại pháp "trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân" để dạy khắp hết thảy chúng sanh thượng, trung, hạ căn của đức Đại Giác Thế Tôn vậy. Tuy thế, kẻ cuồng sợ bị câu thúc, bảo đó là chấp tướng; kẻ ngu nhằm tránh khỏi bị xấu mặt, bèn bảo đó là chuyện vu vơ. Trừ hai hạng người này ra, có ai lại chẳng tin nhận?

Vì thế, ngài Mộng Đông nói: *"Người khéo luận về tâm tánh sẽ chẳng thể bỏ được nhân quả. Người tin sâu nhân quả cuối cùng ắt sẽ thấy cực rõ tâm tánh ấy"*. Lý này lẽ tất nhiên phải như thế. Phải biết rằng: Từ địa vị phàm phu cho đến khi viên chứng Phật Quả, đều chẳng ra ngoài nhân quả. Kẻ nào chẳng tin nhân quả đều là hạng tự đánh mất thiện nhân, thiện quả, luôn tạo ác nhân, luôn chịu ác quả, trải kiếp số như bụi trần, luân chuyển trong ác đạo, chưa thể xuất ly vậy. Buồn thay!

* Phật pháp lưu thông lợi ích vô lượng. Người căn tánh sâu sẽ lãnh hội sâu xa, liền minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng chân. Người căn cơ cạn lãnh hội nông cạn, cũng vẫn có thể cải ác tu thiện, cầu thành Thánh, thành Hiền. Ấy là do đức Như Lai lập giáo, dù chánh yếu là vì xuất thế, nhưng Phật tùy thuận cơ nghi, khuyến dụ lần lần, nên đối với đạo xử thế, Ngài cũng phát huy trọn khắp, không bỏ sót mảy may điều thiện nào! Gặp cha nói về từ, gặp con nói về hiếu, anh nhường em kính, chồng xướng vợ theo, phàm hết thảy những đạo luân thường hằng ngày Phật dạy trọn chẳng khác gì với những điều Nho Giáo đã nói.

Chỗ khác biệt là: đối với mỗi điều ấy, Phật đều chỉ rõ nhân quả ba đời, thiện ác báo ứng, khiến cho người nghe đem lòng kính sợ, chẳng dám vượt phạm. Dù ở trong nhà tối, phòng kín, thường như đang ở trước Phật, trời. Đến cả hạng tham tàn bạo ác, trọn chẳng có tín tâm, nghe mãi chuyện nhân quả báo ứng, tâm cũng thầm bị chế phục, cũng chẳng đến nỗi mười phần khốc liệt. Cứ xem thời Liệt Quốc, có tục giết người tuẫn tang[29] , giết càng nhiều càng vinh hiển; đến khi Phật giáo truyền sang Đông mới chấm dứt được thói tục ấy. Điều ấy đủ để chứng minh vậy.

* Đời này đã cách thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ cả ba bốn ngàn năm, tình đời, lòng người so với thời cổ khác xa lắm. Nhưng do biết lục đạo luân hồi theo nghiệp thăng trầm, sanh lên trời, đọa xuống địa ngục, người biến ra thú, thú sanh làm người, nên dù là hạng cùng hung cực ác ương ngạnh khó giáo hóa, trọn không có tín tâm cũng bị pháp này (nhân quả) chiết phục.

Dù coi rẻ mạng người, trong tâm vẫn tiềm ẩn một chút sợ hãi ảnh hưởng của nhân quả, nên chưa đến nỗi thập phần bạo ác. Như các chư hầu thời Liệt Quốc đem bầy tôi, ái thiếp và bá tánh bắt giết tuẫn táng theo cả mấy chục, mấy trăm người, chẳng coi đó là sai; trái lại, còn cho là vẻ vang nữa. Chẳng

phải là do pháp nhân quả mà thời này hiền hơn đời trước ư? Châu Văn Vương ân trạch thấm đến cả xương khô, thế mà chỉ mấy trăm năm, phong tục giết người tuẫn táng đã lan khắp thiên hạ. Dù Lão, Trang, Khổng, Mạnh cùng ra đời, đều chẳng thể vãn hồi được phong tục suy đồi ấy.
Từ sau khi Phật pháp truyền sang phương Đông, lý sanh tử, luân hồi, nhân quả báo ứng sáng rực trong đời. Chẳng kể chư hầu, ngay cả kẻ hướng mặt về Nam xưng "trẫm"[30] cũng chẳng dám làm. Dù có kẻ dám làm, cũng chẳng dám coi giết nhiều người là vinh. Nếu không có pháp này, chỉ có cái thuyết "chánh tâm, thành ý" để đề cao lòng trung thứ, dốc lòng đùm bọc nhau hòng dứt trừ tục tuẫn táng trong toàn dân, tôi e rằng càng nhọc nhằn khuyên lơn, thói tệ ấy càng thêm thịnh hành!
Huống nữa, Nho gia chỉ biết trị đạo, chẳng rõ tự tâm, muốn bài xích Phật pháp, cưỡng lập môn đình, đều nói là chết rồi là vĩnh viễn diệt, không còn đời sau nữa. Nếu không có lẽ sanh tử, luân hồi, nhân quả báo ứng của đức Như Lai thấm nhuần khắp tâm người thì những người đời sau được chánh mạng, chết tốt lành càng hiếm hơn nữa.
Đấy chỉ là pháp thiển cận nhất trong Phật pháp, còn có thể trừ khử được thói tàn sát, huống hồ là đại pháp viên đốn chí cực sâu xa. Thế trí phàm tình há thể suy lường được một phần trong vạn phần lợi ích của Phật pháp ư?
* Phật pháp rộng lớn, không gì chẳng bao gồm, không điều nhỏ nhặt nào lại chẳng nêu lên. Chẳng những thế, nương theo đó còn có thể đoạn Hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử. Đấy chính là đạo "cách vật trí tri, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, minh minh đức, chỉ ư chí thiện"[31].
Nếu thấu hiểu Phật pháp thì sự chỉ một nửa, nhưng công gấp bội. Bởi lẽ, những điều thánh nhân thế gian nói chỉ nhằm dạy con người tận hết bổn phận; chỉ bậc thượng trí mới có thể tuân hành triệt để. Nếu là hạng căn tánh trung, hạ, sẽ chểnh mảng, coi thường. Phật pháp dạy rõ các sự lý: nhân quả báo ứng, sanh tử, luân hồi, và hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật... Nếu là bậc thượng trí ắt sẽ chứng được Phật tánh sẵn có; kẻ hạ ngu sẽ chẳng dám phóng túng, càn rỡ vì sợ cái khổ đời vị lai; tất nhiên sẽ cải ác hướng thiện, mong thành thánh, thành hiền. Dù ở trong nhà tối, phòng kín, vẫn thường như đang đối trước Phật, trời.
Đức Như Lai dùng Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện để nhiếp khắp chúng nam nữ tại gia. Tu Ngũ Giới, Thập Thiện sẽ thắng được thói tàn sát, bỏ thói kiêu bạc, trở thành thuần hòa, vĩnh viễn thoát khỏi ác báo tam đồ, thường hưởng sự khoái lạc cõi nhân thiên. Pháp nông cạn nhất còn như thế, huống hồ là pháp sâu nhất.
Vì thế biết rằng: Như Lai là đại sư ba cõi, là cha lành của bốn loài, là thánh nhân của các thánh, là trời của các trời. Bởi thế, vua thánh tôi hiền, bậc thông đạt, không ai chẳng tuân lời Phật dạy tu tập, hộ trì, lưu thông. Trong

hết thảy pháp lấy tâm làm gốc, chỉ có mỗi Phật pháp là phát minh đến chỗ rốt ráo!

---o0o---

2. Giảng Nhân Quả Về Mặt Sự

* Kinh dạy: *"Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả"*. Bồ Tát sợ gặp phải ác quả, nên đã đoạn sẵn ác nhân từ trước. Do vậy, tội chướng tiêu diệt, công đức viên mãn thẳng đến khi thành Phật mới thôi. Chúng sanh thường tạo ác nhân, muốn tránh ác quả, như ở trước mặt trời lại muốn không có bóng, cứ nhọc nhằn rảo chạy.

Thường thấy kẻ ngu vô tri vừa làm chút điều lành liền mong đại phước. Vừa gặp phải nghịch cảnh bèn bảo làm lành mắc họa, chẳng có nhân quả. Từ đó, cái tâm ban đầu lùi sụt, đâm ra báng bổ Phật pháp. Họ nào biết đến ý chỉ huyền áo "báo thông ba đời, chuyển biến do tâm".

Hiện đời làm thiện, làm ác; hiện đời được phước, mắc họa thì gọi là "hiện báo". Đời này làm thiện, làm ác, đời sau được phước, mắc họa, gọi là "sanh báo". Đời này làm thiện, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc đời thứ tư, hoặc mười, trăm, vạn đời sau, hoặc đến vô lượng vô biên kiếp sau mới hưởng phước, mắc họa, thì gọi là "hậu báo". Hậu báo sớm, chậm bất định. Phàm những nghiệp đã tạo, tuyệt đối không có nghiệp nào lại chẳng có báo.

"Chuyển biến do tâm" là ví như có người đã tạo ác nghiệp, sẽ phải đọa mãi trong địa ngục, chịu khổ cả bao kiếp dài lâu. Về sau, kẻ ấy sanh lòng hổ thẹn lớn lao, phát đại Bồ Đề tâm, cải ác tu thiện, tụng kinh, niệm Phật, tự hành, dạy người hành, cầu sanh Tây Phương. Do đó, trong đời này, người ấy bị người khinh miệt hoặc mắc chút bệnh khổ, hoặc phải tạm chịu bần cùng, và gặp hết thảy chuyện chẳng như ý. Nghiệp vĩnh viễn đọa địa ngục chịu khổ bao kiếp dài lâu mình đã tạo trước đây liền bị tiêu diệt, lại còn có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Đấy là điều Kim Cang đã nói: *"Nếu có người thọ trì kinh này bị người khác khinh rẻ, người ấy do tội nghiệp đời trước đáng đọa ác đạo, nhưng vì đời này bị người đời khinh rẻ nên tội nghiệp đời trước liền bị tiêu diệt, sẽ đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề"*. Đây chính là ý nghĩa "chuyển biến do tâm".

* Thế nhân gặp chút tai ương nếu chẳng oán trời, cũng sẽ trách người, tuyệt chẳng có ý tưởng trả nợ, sanh tâm sám hối tội lỗi. Phải biết rằng: trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, trồng cỏ dại chẳng thể được thóc tốt, gieo gai góc chớ mong lúa nếp.

Kẻ làm ác được phước [thì phước đó] là do đời trước đã vun trồng sâu dày. Nếu chẳng làm ác thì phước càng thêm lớn. Ví như con em nhà giàu, ăn xài phung phí, xem vàng như đất, chẳng bị đói lạnh ngay là do vàng nhiều.

Nhưng nếu ngày ngày cứ như thế, dù giàu đến trăm vạn, chẳng được mấy năm cũng nhà tan, người chết, mất sạch sành sanh cả!
Làm lành mắc họa là do tội nghiệp đời trước sâu nặng. Nếu chẳng làm lành thì tai ương càng lớn. Ví như người phạm trọng tội, chưa bị hành hình, lập được công nhỏ; do công nhỏ nên chẳng thể xá tội hoàn toàn, nhưng đã đổi nặng thành nhẹ. Nếu có thể ngày ngày lập công, do công càng nhiều, càng lớn nên tội hết, được xá miễn; lại được phong hầu bái tướng, tước vị thế tập dài lâu cùng vận nước.
* Phải biết rằng: điều trái nghịch xảy đến cứ thuận theo, mới gọi là "lạc thiên" (vui theo mệnh trời). Tu thân, gieo đức mới gọi là "tận tánh". Đời có kẻ ngu chẳng biết thiện ác đời trước, chỉ thấy việc tốt xấu trước mắt, thấy làm thiện mắc họa bèn bảo "thiện chẳng đáng làm"; thấy làm ác được phước bèn bảo "ác chẳng đáng kiêng".
Chẳng biết thiện báo, ác báo chẳng phải là chuyện một sớm, một chiều, phải xảy ra dần dần. Ví như ba thước băng, nào có phải là trời lạnh một buổi đã kết thành được đâu! Trăm sông đầy ắp nước nào có phải là trời nóng một ngày mà tan được băng đâu! Chớ nên oán trời, trách người, cũng đừng do dự, hối hận, lui sụt; hãy nên học theo cách tu thân của ông Du Tịnh Ý, cách lập mạng của ông Viên Liễu Phàm!
* Như Lai giảng kinh: báo thông tam thế. Phàm người sanh con, đại lược có bốn nhân.
Thứ nhất là hiện báo, nghĩa là đời này làm thiện, làm ác, đời này hưởng phước, mắc họa. Như sĩ tử rèn luyện văn chương khoa cử, thân đời này được công danh. Điều này mắt phàm thấy được.
Thứ hai là sanh báo, nghĩa là đời này làm thiện, làm ác, đời sau hưởng phước, mắc tội. Như tổ phụ có trọng học vấn thì con cháu mới hiển đạt. Điều này mắt phàm chẳng thấy được, nhưng thiên nhãn còn thấy được (đời này, đời sau đều là ước theo người đó mà nói. Đối với việc cách đời, dùng thí dụ để giảng cho dễ hiểu, nên tạm dùng tổ phụ và con cháu. Đừng chấp vào văn mà đánh mất ý nghĩa. Mong lắm thay!)
Thứ ba là hậu báo, tức là đời này làm thiện, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc bốn, năm, sáu, bảy đời, hoặc mười, trăm, ngàn, vạn đời, hoặc một, mười, trăm, ngàn, vạn kiếp, hoặc là đến vô lượng vô biên hằng hà sa kiếp mới hưởng báo thiện hay ác. Như vương nghiệp nhà Thương, nhà Châu xưa kia, thật sự bắt nguồn từ việc ông Tắc giúp vua Thuấn, ông Khiết phò vua Vũ.
Nếu là chuyện trong ba bốn đời, thiên nhãn còn thấy được. Như trong trăm ngàn vạn kiếp, thiên nhãn chẳng thấy được, nhưng đạo nhãn của Thanh Văn còn thấy được. Nếu là vô lượng vô biên hằng hà sa kiếp, chỉ ngũ nhãn viên minh của đức Như Lai mới thấy được nổi. Đấy còn chưa phải là cảnh giới thuộc đạo nhãn của Thanh Văn, huống hồ là thiên nhãn, nhục nhãn ư!

Hiểu ý nghĩa của ba thứ báo này thì chuyện làm thiện được phước, làm ác tai họa giáng xuống, thánh ngôn vốn chẳng sai lầm. Phú quý, bần tiện, thọ, yểu, cùng, thông, mạng trời chưa từng thiên vị. Cảnh duyên xảy đến như hình ảnh hiện trong gương. Kẻ trí chỉ quan tâm đến vẻ mặt ở ngoài gương, người ngu uổng công ghét hình ảnh hiện trong gương. Chuyện trái nghịch xảy đến, vui chịu mới gọi là "lạc thiên". Chẳng oán, chẳng trách mới gọi là "lập mạng".
Con có bốn nhân là: một là báo ân, hai là báo oán, ba là trả nợ, bốn là đòi nợ.
- Báo ân nghĩa là trong đời trước cha mẹ có ân với con, nên nó sanh vào làm con để hầu hạ, phụng dưỡng, sống thờ, chết chôn. Cho nên [cha mẹ còn] sống ắt chăm sóc, chết thì cúng giỗ. Thậm chí tận tụy với vua, lợi dân, tên lưu sử xanh, khiến thiên hạ hậu thế kính người ấy bèn kính luôn cả cha mẹ, như các ông: Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Quy Linh, Sử Đại Thành (Ba ông Tăng, Trần, Vương đều là bậc danh thần đời Tống. Ông Sử là trạng nguyên đầu đời Thanh. Bốn ông cùng tin Phật, nhưng chỉ mình Trung Tú ngộ nhập rất sâu. Do ông đời trước là cao tăng nên tuy hưởng phú quý vẫn không quên mất bổn nhân). Con hiếu, cháu hiền trong đời này đều thuộc về loại này.
- Báo oán là đời trước cha mẹ từng phụ ân con, nên sanh vào làm con để báo oán. Lúc nhỏ ngỗ nghịch khiến cha mẹ buồn lòng, lớn lên gây họa khiến cha mẹ mắc vạ lây. Lúc sống, ngọt bùi chẳng đoái, chết đi phải mang nhục dưới chín suối. Lại còn những trường hợp quá đáng, con có quyền vị trọng yếu, mưu chuyện phi pháp, diệt môn tàn tộc, quật mồ cuốc mả, khiến cho thiên hạ hậu thế thóa mạ kẻ ấy, chửi lây cả cha mẹ. Như Vương Mãng, Tào Tháo, Đổng Trác, Tần Cối v.v... chính là loại này.
- Đền nợ là đời trước mắc nợ cha mẹ tiền tài. Nay để đền trả bèn sanh làm con. Nếu nợ nhiều sẽ làm con suốt đời. Nếu nợ ít, chẳng thể tránh khỏi giữa chừng chết trước cha mẹ, như: học sắp thành tài bèn mất mạng, buôn bán vừa có lời bèn chôn thân.
- Đòi nợ là đời trước cha mẹ nợ tiền tài của con, nó bèn sanh vào làm con để đòi nợ. Nợ nhỏ sẽ uổng công biếu xén mời thầy, dạm vàng hỏi vợ, dạy răn các thứ, những mong con được thành người, nhưng đại hạn chợt xảy đến, hốt nhiên chết mất. Nợ lớn thì chẳng chỉ có thế, ắt còn phải mất nghiệp phá sản, nhà bại, người mất mới thôi!
* Chuyện trong thiên hạ đều có nhân duyên. Sự được thành hay chăng đều do nhân duyên xui khiến. Dù có người làm cho việc thành hay hoại, nhưng quyền lực thật sự là do nhân trước của ta, chứ chẳng do duyên hiện tại. Hiểu điều này sẽ vui biết mạng trời, chẳng oán, chẳng trách, làm đúng theo địa vị, chẳng chứng nhập mà tự đạt được vậy.
* Với chuyện vun bồi đức hãy nên thường xem các sách [Thái Thượng] Cảm Ứng, Âm Chất Văn. Với điều thiện sẽ tùy phận, tùy lực mà hành. Với điều

ác bỏ đi như oán, như thù. Ông Viên Liễu Phàm hành pháp Công Quá Cách, nhận chân được bản thể, chẳng mảy may buông lung. Vì thế, mạng vốn chẳng thọ bèn được thọ, không có đại công danh bèn được đại công danh, không con bèn có con.
* Phàm những người hiển đạt nhờ khoa cử, tổ phụ họ đều có đại âm đức. Nếu không âm đức, cậy sức người để hiển đạt, sau này ắt gặp đại họa; chẳng thà không hiển đạt còn hơn. Xem khắp cuộc đời của các bậc đại thánh, đại hiền xưa nay, đều là do tổ phụ họ tích đức mà nên. Đại phú, đại quý cũng thế. Con cháu họ sanh ra phú quý, chỉ biết hưởng phước tạo nghiệp, quên mất công tổ phụ một phen vun bồi. Do đấy, chôn vùi tổ đức, phá sạch tổ nghiệp, cam chịu bần tiện. Đấy chính là bệnh chung của kẻ phú quý trong cả cõi đời.
Đời đời giữ cho đức tổ tiên vĩnh cửu chẳng bị chìm lấp chỉ có mỗi nhà họ Phạm ở Tô Châu là bậc nhất từ xưa đến nay. Từ Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm) đời Tống đến nay, đến mãi cuối đời Thanh, hơn tám trăm năm, gia phong chẳng suy sụp, con cháu nối tiếp nhau đỗ đạt, đáng gọi là nhà thư hương đời đời. Nhà họ Bành ở Trường Châu từ đầu đời Thanh đến nay, khoa bảng đứng đầu thiên hạ. Nhà ấy có bốn năm người đỗ trạng nguyên, có lúc cả mấy anh em cùng làm quan cực phẩm. Nhưng họ đời đời sùng phụng Phật pháp, dù là trạng nguyên, tể tướng vẫn hằng ngày đọc Cảm Ứng, Âm Chất Văn để noi gương thành ý, chánh tâm, tận tụy thờ vua, giúp dân.
Gã cuồng sanh kia bảo những sách ấy là để hạng ông già, bà cả quê mùa tin theo, chẳng những chẳng biết vì sao thánh hiền là thánh hiền, mà còn chẳng biết vì sao người là người nữa kia! Sống làm thây đi, thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây. Lại còn ác nghiệp khó tiêu, vĩnh viễn trầm luân trong ác đạo. Gã ấy cứ vênh váo tự coi mình là hạng học rộng thông suốt, đến nỗi đời sau, những danh từ “thiên, địa, phụ mẫu” còn chẳng được nghe đến, còn đáng gọi là hay ư?
* Đừng có nói nhà mình nghèo hèn, chẳng thể rộng chứa âm đức, hành phương tiện lớn. Phải biết rằng ba nghiệp thân - khẩu - ý đều ác thì không có gì ác bằng, còn nếu ba nghiệp thân - khẩu - ý đều thiện thì không có chi thiện bằng!
Như có người ngu chẳng tin nhân quả, chẳng tin tội phước báo ứng ngông nghênh, ngạo ngược, dựa theo những điều đã nói trong An Sĩ Toàn Thư mà giảng cho kẻ ấy, khiến hắn bắt đầu tin nhân quả dần dần, kế đó thâm tín Phật pháp, cuối cùng là vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. [Độ] một người như thế, công đức vô lượng vô biên, huống hồ là nhiều người.
Nhưng mình phải nghiêm túc không tỳ vết mới cảm ứng được người chung quanh. Vợ con mình tin nhận, vâng làm, người khác trông thấy mới ham thích, nào phải đâu là tiền của nhiều [mới tích chứa âm đức được]!

* Người sanh trong thế gian có được cái vốn để thành đức, thành tài, dựng công lập nghiệp, và có được một tài, một nghề để nuôi thân cùng gia đình, đều là do sức chủ trì của văn tự mà được thành tựu. Chữ nghĩa là của cải quý báu nhất trong thế gian, có thể khiến kẻ phàm thành thánh, biến kẻ ngu thành trí, kẻ nghèo hèn thành phú quý, kẻ tật bệnh trở thành khỏe mạnh. Đạo mạch thánh hiền được lưu truyền thiên cổ; kinh doanh nuôi sống mình và gia đình, để của cải lại cho con cháu, không việc gì chẳng nhờ vào sức lực chữ nghĩa. Nếu trên đời không có chữ nghĩa, hết thảy sự lý sẽ đều chẳng thành lập được, con người cũng chẳng khác gì cầm thú!
Chữ nghĩa đã có công sức như thế, tất nhiên phải nên trân trọng, yêu tiếc. Trộm thấy người đời nay mặc tình khinh thường, làm nhơ chữ nghĩa, đúng là xem của cải chí bảo khác gì phân, đất! Đời này chẳng bị giảm phước, tổn thọ; đời sau cũng bị vô tri, vô thức đấy thôi! Chẳng những chớ xem thường, làm ô uế, vứt bỏ những văn tự hữu hình; đối với những văn tự vô hình cũng chẳng được khinh thường, ô uế, vứt bỏ! Nếu chẳng ra sức thực hành "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" là đã mất cả tám chữ. Tám chữ ấy đã mất thì sống là loài cầm thú mặc áo, đội mũ; chết sẽ đọa tam đồ, ác đạo!

---o0o---

3. Giải Thích Về Nguyên Do Của Kiếp Vận

* Sự khổ trong Sa Bà chẳng thể nói hết nổi. Dù trong thời thanh bình, hằng ngày vẫn gặp cảnh khổ não. Vì chúng sanh quá quen với những cảnh khổ ấy đã lâu nên chẳng biết đó thôi! Gần đây, Trung Quốc trải mấy phen binh lửa, đã là khổ chẳng thể nói. Ngoài thế giới, các nước đại chiến đã ba năm, người chết gần cả ngàn vạn, khai mào nạn binh kiếp bậc nhất. Tình hình chiến tranh vẫn còn mạnh mẽ, chẳng biết mức độ khốc liệt sẽ đến đâu, lặng im suy nghĩ, thật đáng kinh sợ vậy.
Nguyên nhân là do nước nọ tận lực muốn chiếm đoạt, tàn diệt nước kia, nhưng cũng do ác nghiệp xưa kia của chúng sanh chiêu cảm ác báo nên mới đến nỗi cực kỳ tàn khốc như thế. Nay nghe lời này, phải nên mạnh mẽ phát khởi đại tâm cầu mau được vãng sanh. Sau đấy sẽ trở vào Sa Bà phổ độ hết thảy.
Kinh dạy: *"Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả"*. Bồ Tát sợ chiêu lấy ác quả nên đoạn ác nhân. Ác nhân đoạn rồi, ác quả không sanh từ đâu được. Chúng sanh đua nhau tạo nhân ác, ắt phải lãnh quả ác. Đến lúc lãnh quả ác, chẳng biết tự sám hối nghiệp trước, lại còn tạo thêm ác pháp để chống chọi lại. Thế nên oan oan tương báo trải bao kiếp không ngừng. Chẳng đáng buồn sao? Chẳng đáng sợ sao? Biết vậy rồi, chẳng lẽ nào lại chẳng cầu sanh Tây Phương!

* Cõi đời đang lúc Kiếp Trược, cướp bóc, giết hại lẫn nhau. Chẳng có lá bùa hộ thân, sẽ khó tránh khỏi họa hại được mãi! Lá bùa hộ thân vừa nói đó cũng chỉ là chí thành lễ niệm A Di Đà Phật mà thôi! Quán Âm Đại Sĩ thệ nguyện rộng sâu, nghe tiếng cứu khổ, có cảm ắt ứng. Ngoài việc sáng chiều lễ Phật ra, hãy nên lễ niệm thêm Đại Sĩ sẽ ngầm được gia hộ, tự có thể chuyển họa thành phước, biến tai nạn thành điều tốt lành mà mình chẳng biết.

* Thiên hạ loạn lạc, kẻ thất phu phải có trách nhiệm. Người người ai nấy dốc tấm lòng thành, ai nấy tận lực hiếu đễ, ai nấy làm điều từ thiện: giúp đỡ kẻ cô quả, cứu kẻ hoạn nạn, thương xót kẻ nghèo, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật. Người có thiện cảm, trời ắt ứng phước, tự nhiên mưa thuận, gió hòa, dân yên, vật mạnh, quyết chẳng đến nỗi trời thường giáng các tai nạn: lụt, hạn, ôn dịch, châu chấu, gió lốc, động đất... Thời tiết điều hòa, được mùa, nhân dân lạc nghiệp.

Lại thêm từ hòa, nhân nhượng tập quen thành thói. Dù có một hai kẻ ngu độn cũng sẽ biến thành hiền lành. Nếu thương xót kẻ quân tử trên xà nhà[32] , hắn sẽ dứt tuyệt vĩnh viễn thói trộm cắp; chu cấp cho đứa rình rập nhà kín, từ đấy về sau nó sẽ trở thành người lành. Cổ nhân dùng nhân từ để cai trị, chân thành yêu dân, nên còn cảm hóa được cả dị loại. Các điềm lành như: hổ chẳng vào nơi trấn nhậm, cá sấu bỏ đi nơi khác... chép trong sử sách, nào phải chỉ có một chuyện! Nếu ai nấy thật sự có thể dùng lòng từ thiện cảm động nhau, quyết chẳng đến nỗi thường có các tai họa: thổ phỉ, đao binh, giầy xéo, cướp bóc!

* Nên biết rằng: Phật pháp lấy nhân quả báo ứng làm đạo nguyên thủy trọng yếu để hạ học thượng đạt. Nay kẻ trên không giữ đạo, kẻ dưới chẳng tuân phép tắc, tàn hại lẫn nhau, lấy giết chóc làm vui, chỉ cốt sao thỏa thích ý mình, chẳng đoái quốc gia còn mất, dân tình thống khổ. Đấy đều là do chẳng biết nhân quả báo ứng mà nên nỗi. Tôi thường nói: “Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh”. Trong lúc này chẳng đề xướng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử, luân hồi, mà muốn thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, dù Phật, Tổ, thánh hiền cùng ra đời cũng chẳng biết làm sao được!

* Thế đạo suy sụp, lòng người bạc bẽo là do Nho Gia chẳng biết đạo là ở chỗ cung kính thực hành, cứ một bề đuổi theo cái ngọn. Phàm đối với những nghĩa lý như khắc kỷ, giữ lễ, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, họ chẳng cần biết đến, cứ lo thuộc lòng từ chương hòng làm cái vốn để tấn thủ trong đời, khiến cho cái đạo khen ngợi, giáo hóa, dưỡng dục của thánh nhân trở thành ngón nghề để thâu đoạt danh lợi. Đấy thật là báng nhục thánh hiền, trái nghịch thiên địa đến cùng cực!

Do vậy, người đọc sách tâm chẳng hiểu nghĩa sách, thân chẳng hành theo đạo lý dạy trong sách. Người làm văn cứ phô diễn đạo lý hiếu để, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ chẳng sót mảy may, nhưng xét đến ý nghĩ, việc làm, tuyệt chẳng có chút mảy may nào liên quan đến những điều ấy cả. Khác nào con hát diễn tuồng, khổ, sướng, vui, buồn, cố làm giống như thật, chứ thật sự ra những tâm trạng ấy chẳng mảy may liên quan gì đến chính mình cả! Thói tệ ấy đã nẩy, dần dà biến thành quá mức.
Người có thiên tư quen thói cuồng vọng, thẹn phải theo vết Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng, bèn muốn tiến lên, rốt cuộc phế bỏ kinh điển thánh hiền, sùng thượng Âu hóa. Một người đề xướng, trăm kẻ hùa theo, trở thành phong trào đến nỗi những kẻ tiểu nhân hèn kém tầm thường muốn thỏa ý niệm mặc sức phóng túng không kiêng kỵ của mình bèn vội vã đề xướng dẹp bỏ cương thường đạo lý gây trở ngại cho họ, muốn gấp rút thực hành chủ trương tệ hại gây hại lớn lao cho quần chúng, khiến dân không có pháp gì để an, đến nỗi thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống. Vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Ví như đi đêm bỏ đuốc, vượt biển bỏ thuyền, lại mong chẳng bị té ngã, chìm đắm, há có được chăng?

* Gần đây thế đạo nhân tâm suy sụp, chìm đắm đến cùng cực. Thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống. Người biết lo cho đời, biết các nghiệp quả ấy đều do sát hại khởi lên. Nếu đã biết vật còn chẳng nên giết, quyết chẳng lẽ nào giết người. Do vậy, ai nấy ôm lòng từ thiện, nâng đỡ lẫn nhau, tự thay đổi được phong tục, chiêu cảm được thiên hòa vậy.
* Phải biết rằng phóng sanh chính là để ngăn ngừa giết chóc. Muốn tránh giết chóc thì phải bắt đầu bằng ăn chay. Nếu như ai nấy đều kiêng giết, ai nấy đều ăn chay thì nhà nhà tu tập từ thiện, người người tuân hành đề cao lễ nghĩa, phong tục thuần mỹ, khí hậu điều hòa, mùa màng sung túc, có đâu đến nỗi kiếp đao binh khởi, kẻ này người kia tàn hại lẫn nhau! Đấy chính là nhiệm vụ căn bản trọng yếu, thanh tịnh đúng đắn để vãn hồi thiên tai, nhân họa. Phàm những ai muốn cửa nhà yên vui, thân tâm khang ninh, thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, xin hãy cầu nơi việc phóng sanh kiêng giết, ăn chay, niệm Phật thì cầu gì lại chẳng được!
* Gần đây thiên tai nhân họa liên tiếp xảy ra quá đỗi, số người tử vong quá nhiều càng thảm. Há nào phải đạo trời bất nhân đâu, thật ra là do ác nghiệp trong bao kiếp và trong đời này chiêu cảm đó thôi. Tuyệt đối chẳng có chuyện không nhân lại được quả, cũng tuyệt đối chẳng có chuyện tạo thiện nghiệp lại bị quả ác! Chỉ vì tri kiến phàm phu chẳng thể biết rõ nhân duyên túc thế, nên tựa hồ có trường hợp lẽ ra chẳng đáng được nhưng lại được. Nếu có thể xem trọn nhiều kiếp, nhiều đời, sẽ thấy mỗi một quả báo thiện

hay ác ta phải nhận đều như tiếng vọng đi theo âm thanh, như bóng theo hình, trọn chẳng sai khác!

* Nay thế đạo nhân tâm suy sụp, khuyết hãm đã đến cực điểm. Nếu chẳng dùng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi và "hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật" để dạy dỗ, quyết khó lòng đạt được hiệu quả! Do một niệm tâm tánh của chúng ta bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, hễ gặp tịnh duyên bèn chứng Tam Thừa và Phật pháp giới; gặp duyên mê nhiễm sẽ thành nhân thiên và tứ ác thú pháp giới. Dù mười pháp giới thăng trầm, khổ vui khác xa nhau như trời với đất, nhưng tâm tánh vốn sẵn có ấy tại phàm chẳng giảm, tại tánh chẳng tăng.

Nếu hiểu kỹ nghĩa này, dù có táng thân mất mạng, quyết chẳng chịu bỏ đi tịnh duyên đã ngộ để theo đuổi nhiễm duyên đến nỗi luân hồi mãi mãi, chẳng thể thoát nổi! Vì thế, biết rằng các pháp: nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi v.v... chính là đại đạo trị cả gốc lẫn ngọn, là nguyên do của cả phàm lẫn thánh, là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian, xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Trong lúc này, nếu bỏ đi pháp này, dù Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Châu, Khổng cùng ra đời, cũng chẳng làm gì được!

* Ba cõi chẳng yên hệt như nhà lửa, các khổ đầy dẫy thật đáng kinh sợ! Chúng sanh ngu si dù chịu khổ lớn chẳng cầu xuất ly. Dù sẵn có Phật tánh, nhưng vì mê muội, trái nghịch, lại khởi Hoặc tạo nghiệp đến nỗi trải kiếp số như trần sa không cách nào giải thoát. Chẳng đáng buồn ư? Huống nay thế đạo, lòng người nguy hãm, chìm đắm đến cùng cực, sát kiếp thê thảm từ xưa chưa từng nghe.

Lại thêm trào lưu tân học bác không nhân quả, chê những lời nghị luận đạo đức của thánh hiền là hủ bại, vu vơ, mặc tình đề xướng những ý kiến mình ức đoán. Kẻ quáng dẫn lũ mù, lôi nhau vào lửa, đến nỗi thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống. Lũ dân ngây ngô thật đáng thương xót. Bởi thế, những người có tâm lo cho đời bèn mạnh mẽ phát đại chí muốn cứu giúp dân. Những nghiệp quả ấy đều do chỉ biết tự tư, tự lợi, chẳng biết nhân quả ba đời, thiện ác báo ứng, tưởng là người chết đi, thần thức liền diệt, chẳng có linh hồn tùy theo nhân duyên tội phước thọ sanh trong trời người hay đọa vào tam đồ, ác đạo!

Nếu thiện hay ác cũng đều bị diệt mất như nhau, lẽ nào chẳng tùy ý làm bất cứ chuyện gì cốt sao thân tâm khoái lạc ư? Do vậy, đối với những việc nghịch thiên trái lý, tổn người lợi mình, cùng với giết hại sanh mạng cốt sao thỏa thích miệng bụng, bèn đua nhau tưng bừng làm, chẳng e dè chi!

Nếu như biết đến nhân quả ba đời sẽ liền sợ phải thọ báo, chẳng dám móng khởi chút ý niệm, huống hồ là thực hành những việc ấy ư? Vì vậy, biết rằng: sự lý nhân quả ba đời, sanh tử, luân hồi do đức Phật ta giảng chính là huệ

nhật trong đêm dài vô minh. Niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là thuyền từ trong biển khổ sanh tử. Muốn vãn hồi kiếp vận, bỏ qua pháp này, không còn cách chi!

---o0o---

4. Giảng Những Điểm Trọng Yếu Về Việc Giới Sát

* Đại đức của trời đất là Sanh, đại đạo của Như Lai là Từ. Người, vật tuy khác, tâm tánh là đồng. Như Lai xem khắp cả tam thừa lục phàm đều như con một. Vì sao vậy? Do họ đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật. Tam thừa hãy để đó. Lục phàm là trời, người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Tuy có cao thấp khác nhau, khổ vui khác nhau, nhưng đều chưa đoạn được Hoặc nghiệp, chưa ra khỏi sanh tử. Phước trời nếu hết liền phải đọa xuống. Tội trong địa ngục nếu tiêu bèn lại sanh lên. Hệt như bánh xe, hết lên cao lại xuống thấp.

Ta nay may được thân người, lẽ ra phải khéo léo bày cách để cứu giúp, thương tiếc sanh mạng loài vật, thể hiện đức hiếu sanh của trời đất, thể hiện lòng nhân trắc ẩn trong tâm ta. Ấy là vì các loài vật và ta cùng sống trong vòng trời đất, cùng hưởng sự sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất. Lại cùng biết tham sống, cùng biết sợ chết. Người có lòng nhân đối với xương khô còn nhặt lấy đem chôn, đối với cỏ cây còn để mọc dài chẳng chặt, nào chịu vì sướng bụng miệng mà khiến cho các loài vật trên cạn, dưới nước phải chịu nỗi khổ cắt, xẻ, nung nấu ư?

Phải biết rằng các loài vật từ vô thỉ đến nay cũng từng ở địa vị cao sang, tôn quý, oai quyền hiển hách, chẳng biết mượn oai quyền để ban bố ân đức; trái lại cậy quyền tạo nghiệp, khiến cho ác nghiệp chất chứa như rừng, đọa trong dị loại. Miệng chẳng nói được, tâm không suy nghĩ, thân không tài khéo nên mắc phải nạn này. Tuy thịt mềm bị cưỡng ăn là chuyện đã đành, nhưng oán hận đã kết, há chẳng đời đời kiếp kiếp lo báo thù cái oán niệm này chăng?

Ví dù con người chẳng nghĩ đến nỗi khổ của những con vật bị giết, lẽ nào chẳng sợ oán nghiệp kết sâu, thường bị chúng giết lại hay sao? Lại chẳng sợ tàn hại loài vật của trời, trời sẽ đoạt mất phước thọ của mình hay sao? Người nào mong cho quyến thuộc đoàn tụ, thọ mạng dài lâu, thân tâm yên vui, các duyên như ý, rất nên phát tâm đại bi, thực hành phóng sanh, khiến cho thiên địa quỷ thần thảy đều thương xót tấm lòng thành thương loài vật của ta sẽ khiến cho những điều mình mong mỏi được thành tựu.

Nếu cậy mình có tiền tài, mình có trí lực, bày ra đủ cách bắt lấy các con vật hòng thỏa mãn bụng miệng mình, chẳng kể đến nỗi thống khổ của chúng, há còn đáng gọi là con người đứng cùng với trời đất thành tam tài chăng? Nhưng ta với chúng cùng trong sanh tử từ vô thỉ đến nay, cố nhiên chúng

đều là cha, mẹ, anh, em, thê thiếp, con cái của mình, mình cũng là cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái của chúng. Mỗi con vật ấy trong khi làm người hoặc lúc trong dị loại, từng bị ta giết; ta cũng trong lúc làm người, hoặc trong lúc làm dị loại, từng bị chúng giết. Làm kẻ oán, người thân, sanh ra nhau, giết hại nhau.
Lặng im suy nghĩ, thẹn chẳng muốn sống nữa! Hãy gấp rút sửa đổi, hối hận, vẫn còn là chậm, huống hồ cứ quen thói cũ, vẫn chấp mê tình, cho rằng trời sanh ra dị loại vốn là để làm thức ăn cho con người ư? Ta vẫn còn đầy đủ Hoặc nghiệp nên không cách nào thoát ra ngoài luân hồi được. Vạn nhất, chúng nó tội đã diệt, lại sanh làm người, thiện căn phát sanh, nghe pháp tu hành, đoạn Hoặc chứng Chân, đạt thành Phật đạo. Nếu ta đọa lạc, còn mong chúng sẽ rủ lòng từ cứu viện ngõ hầu lìa khổ được vui, chứng được Phật tánh. Há nên cậy vào sức mạnh một thời để đạt [cái khổ] bao kiếp dài lâu không được cứu vớt chăng?
* Phải biết: Người cùng loài vật cùng mang cái thân huyết nhục này, cùng có tánh linh tri, cùng sanh trong vòng trời đất. Chỉ do đây kia tội phước bất đồng, đến nỗi đời này hình chất thông linh hay ngu xuẩn sai khác. Cậy ta mạnh hiếp loài yếu, dùng thịt chúng nó no đẫy bụng mình, khoái lòng thích chí, cho đó là phước báo. Chẳng biết rằng một khi phước lực đã tận, nghiệp báo hiện tiền, lúc bị người giết chóc, thân chẳng kháng cự lại được, miệng chẳng nói nổi, trong lòng buồn sợ, đau đớn, khổ sở, mới biết chuyện ăn thịt là một tội vạ lớn vậy.
Người ăn thịt đúng là La Sát, dù chẳng giết người để ăn thịt cũng không được. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: *"Do người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê. Như thế cho đến mười loại sanh vật. Chết chết, sống sống, ăn nuốt lẫn nhau, ác nghiệp cùng sanh đến cùng tột đời vị lai"*.
Lại còn nhiều kiếp đến nay sanh ra lẫn nhau. Đã không có đạo lực để cứu tế, nỡ nào để chúng nó bị dao xả cực khổ, hòng miệng lưỡi mình hưởng vị ngon chăng? Trong kinh Nhập Lăng Già, đức Thế Tôn bao lần quở trách chuyện ăn thịt. Có đoạn chép: *"Hết thảy chúng sanh từ vô thỉ đến nay ở trong sanh tử luân hồi chẳng ngơi. Không ai chẳng từng làm cha mẹ, anh em, quyến thuộc nam nữ cho đến bằng hữu thân ái, kẻ hầu. Qua đời khác, phải thọ các thân chim, thú... sao lại dùng chúng nó để ăn?"* Phàm những ai sát sanh ăn thịt, nếu nghĩ đến điều này, ắt sẽ giật mình kinh sợ, tỉnh ngộ, thà tự giết mình, chẳng thể giết hết thảy loài vật nữa!
* Ta cùng hết thảy chúng sanh đều trong luân hồi; từ vô thỉ đến nay thay phiên sanh ra nhau, lần lượt giết nhau. Cố nhiên ai nấy đều từng là cha mẹ, anh em, chị em, con cái của chúng ta, ta cũng từng là cha mẹ, anh em, chị em, con cái của mỗi kẻ đó. Cố nhiên, bọn họ do sức ác nghiệp trùng trùng ở trong loài người hoặc trong dị loại bị ta giết hại, ta cũng do sức ác nghiệp

trùng trùng ở trong loài người hoặc trong dị loại bị chúng giết hại. Trải kiếp dài lâu, sanh ra nhau, giết lẫn nhau, trọn chẳng ngừng nghỉ. Phàm phu chẳng biết, Như Lai thấy thấu triệt. Chẳng nghĩ thì thôi, hễ nghĩ đến, hổ thẹn, đau xót khôn ngăn!
Ta nay may nhờ phước thiện đời trước sanh trong loài người, tất nhiên nên giải trừ oán hận, tháo mối trói buộc, kiêng giết, phóng sanh, khiến cho hết thảy những loài có sanh mạng ấy đều được yên ổn. Lại còn vì chúng nó niệm Phật hồi hướng Tịnh Độ khiến chúng được độ thoát. Nếu như chúng nó nghiệp nặng chẳng được sanh ngay, nương vào công đức từ thiện này, chắc chắn khi lâm chung sẽ vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh rồi, liền được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, dần dần chứng được Phật Quả.
Vả nữa, thương yêu loài vật, phóng sanh, cổ thánh tiên hiền đều làm chuyện ấy. Vì thế, kinh Thư chép chim, thú, cá, ba ba đều cảm mến Văn Vương. Văn Vương thương xót cả xương khô, huống hồ gì loài vật có tri giác! Còn như Giản Tử thả chim bồ câu, Tử Sản nuôi cá, Tùy Hầu cứu rắn, Dương Bảo thả chim sẻ. Đấy là do tấm lòng nhân bình đẳng của Thánh Hiền, chứ họ nào biết đến nghĩa lý: mỗi loài hàm linh xuẩn động đều có Phật tánh, lần lượt thăng trầm, làm kẻ oán, người thân lẫn nhau, tương lai quyết định thành Phật.
Mãi đến khi đại giáo truyền sang Đông, lý nhân quả ba đời, chúng sanh - Phật - tâm bình đẳng vô nhị mới được sáng rực trong đời. Phàm là bậc đại thánh, đại hiền, không ai là chẳng kiêng giết, phóng sanh, hòng vãn hồi sát kiếp, hòng bồi đắp phước quả, dứt đao binh hầu làm nền tảng cho ngày tháng an vui. Cổ nhân nói: *"Dục tri thế thượng đao binh kiếp; tu thính đồ môn bán dạ thanh"*(Muốn biết binh đao trên cõi thế, lò mổ nên nghe tiếng giữa đêm). Lại nói: *"Dục đắc thế gian vô binh kiếp, trừ phi chúng sanh bất thực nhục"*(muốn cho thế giới thái bình, trừ phi nhân loại đồng tình ăn chay). Do vậy, biết rằng kiêng giết, phóng sanh chính là kế sách tốt lành nhổ sạch rễ, lấp tận nguồn để cứu đời vậy.
* Nếu nói: "Kẻ quan, quả, cô, độc[33] , bần cùng hoạn nạn đâu đâu cũng có, sao chẳng chu cấp cho họ, cứ khăng khăng lo cho bọn dị loại chẳng quan hệ chi với mình? Chẳng phải là đảo lộn chuyện hoãn - gấp, nặng - nhẹ ư?" Đáp rằng: Ông chưa biết nguyên do đức Như Lai dạy người kiêng giết, phóng sanh. Người và vật tuy khác, Phật tánh vốn đồng. Chúng do ác nghiệp đắm chìm trong dị loại, ta do thiện nghiệp may được làm thân người; chẳng tăng thêm lòng lân tuất, lại còn mặc sức ăn nuốt. Một mai phước ta đã hết, tội chúng nó đã tận, khó tránh bị nắm đầu đền nợ, no thỏa bụng miệng chúng.
Phải biết rằng: đao binh đại kiếp đều do sát nghiệp đời trước cảm thành. Nếu không có sát nghiệp, dù thân gặp phải giặc cướp, chúng sẽ khởi tâm lành,

chẳng chém giết mình. Huống hồ là đối với những tai nạn ngang trái: ôn dịch, nước lửa... người kiêng giết, phóng sanh, tuyệt ít gặp phải. Vì thế, biết rằng: bảo vệ loài vật vốn là để bảo vệ mình, kiêng giết mới hòng khỏi bị trời giết, quỷ thần giết, đạo tặc giết, vị lai oan oan tương báo giết.
Đối với kẻ quan, quả, cô độc, bần cùng, hoạn nạn, cũng nên tùy phần tùy sức chu cấp, chứ nào phải người kiêng giết phóng sanh tuyệt chẳng thực hiện công đức ấy! Nhưng những kẻ quan, quả... dù thật đáng thương xót, vẫn chưa đến nỗi lâm vào tử địa. Loài vật nếu chẳng được cứu chuộc ngay, sẽ lập tức phải lên chảo, thớt để thỏa miệng bụng con người.
Lại còn có kẻ nói: Loài vật vô tận, phóng sanh được mấy? Đáp: Phải biết rằng, một việc phóng sanh chính là để khiến đồng nhân phát khởi thiện tâm tối thắng cứu giúp khắp sanh mạng loài vật, mong họ thể nhận được cái ý gấp thả, trong tâm động lòng xót thương, chẳng nỡ ăn nuốt. Đã chẳng ăn nuốt sẽ thôi săn bắt. Vậy thì hết thảy loài vật bay trên không, bơi dưới nước sẽ tự tại bay, chạy, bơi lội trong nơi sanh sống của chúng, tức là chẳng phóng sanh mà phóng sanh khắp cả, đấy chẳng phải là cả thiên hạ trở thành một cảnh hay sao?
Dù không phải ai cũng làm được như vậy, nhưng một người chẳng nỡ ăn thịt đã có vô lượng sanh mạng loài vật trên cạn, dưới nước khỏi bị tàn sát; huống hồ nào phải chỉ có một người [không nỡ ăn thịt] thôi ư? Lại vì hết thảy đồng nhân trong hiện tại, vị lai, dứt trừ cái nhân quan - quả - cô - độc, bần cùng, hoạn nạn, tạo cái duyên trường thọ, không bệnh, phú quý, yên vui, cha con xum họp, vợ chồng giai lão.
Đấy chính là thực hiện sự chu cấp, giúp đỡ sẵn, để đời đời, kiếp kiếp trong vị lai vĩnh viễn chẳng có những nỗi khổ quan quả... hưởng thọ dài lâu những sự vui: trường thọ v.v... há chẳng đáng gọi là khiến cho khắp hết thảy đều được hưởng phước ư? Há nên thờ ơ bỏ qua? Ông nghĩ kỹ đi: kiêng giết phóng sanh, rốt ráo chính là khăng khắng vì con người, nào phải cứ cắm đầu lo cho loài vật, đảo lộn chuyện hoãn - gấp, nặng - nhẹ đâu!
* Một niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh và một niệm tâm tánh của tam thế chư Phật trọn chẳng phải hai. Nhưng do mê chưa ngộ nên bao kiếp dài lâu luân hồi trong lục đạo, mãi không ngừng nghỉ. Tuy đường lành trời người so với tam đồ ác đạo khổ vui khác xa nhau, nhưng đều là thuận theo nghiệp lực thiện ác cứ luân hồi mãi! Thiện đạo chẳng đáng tin cậy, ác đạo thật đáng sợ. Há chẳng nên vun bồi nhân lành, cứ tạo càn ác nghiệp, cứ cậy mình mạnh, hiếp đáp kẻ yếu, bắt lấy hết thảy chúng sanh trên cạn, dưới nước giết ăn chăng?
Trước kia, khi Phật giáo chưa truyền sang, thánh nhân Nho giáo đều dùng luân thường thế gian để giảng dạy. Đối với Phật tánh sẵn có của chúng ta và sự chuyển biến, thăng trầm, luân hồi lục đạo, cũng như chuyện đoạn Hoặc,

chứng Chân, siêu phàm, nhập thánh, dù là Lý hay Sự đều chưa giảng ra. Vì thế chẳng cấm giết, nhưng cái tâm bất nhẫn đã nêu tỏ lắm rồi trong các lời dạy để lại cho đời.
Chẳng hạn như, kinh Thư nói chim, thú, cá, ba ba đều quyến luyến, sách Luận Ngữ nói thả câu nhưng chẳng vãi chài, chẳng bắn ban đêm. Mạnh Tử thấy sống, không nỡ thấy chết; nghe tiếng chẳng nỡ ăn thịt. Kinh Lễ chép: Chư hầu chẳng vô cớ mổ trâu; đại phu chẳng vô cớ giết dê, kẻ sĩ chẳng vô cớ giết chó, lợn; thứ dân chẳng vô cớ ăn món ngon. "Món ngon" chính là thịt vậy.
Đủ thấy rằng: đối với việc sát sanh, Nho Giáo cũng chẳng phải không hạn chế vậy, chỉ là quyền biến để dạy dỗ, chứ chưa thể vĩnh viễn cấm hẳn được. Có duyên cớ mới giết, cố nhiên kẻ giết cũng ít. Vô cớ chẳng ăn thịt thì trong một năm ăn thịt được mấy ngày? Hậu thế, sự giáo hóa suy đồi, quen thói tàn nhẫn, bèn coi chuyện ăn thịt như chuyện cơm bữa trong nhà, chỉ cốt sao khoái khẩu, chẳng biết đến nỗi khổ của loài vật.
Đến khi Phật giáo truyền sang Đông thì chân lý, sự thật thường trụ vĩnh viễn "hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh" và "mê thì luân hồi sanh tử, trọn không lúc nào xong", "ngộ thì triệt chứng Niết Bàn" mới được xiển minh rốt ráo. Mới biết rằng các dị loại này nọ đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Chẳng những chẳng dám giết ăn, lại còn mong cho chúng nó đều được sống yên ổn. Do vậy, vua thánh, tôi hiền, bậc triết sĩ, bậc hồng nho, đa phần đều kính tuân lời Phật giáo huấn, tài bồi lòng nhân của chính mình. Hoặc là ăn chay, bỏ hẳn ăn mặn, hoặc là kiêng giết, phóng sanh. Những lời lẽ tốt lành, hành vi hay đẹp ấy được chép trong các sử sách cũng chỉ là để mong người đời sau cùng tu tâm từ, thương xót loài vật, cùng thấy Phật tánh.
Do ác nghiệp nhân duyên, đọa trong đường súc sanh. Ta nay may được sanh trong loài người, nếu chẳng tăng thêm lòng lân tuất, cứ mặc tình sát hại, khó tránh đời sau oan oan tương báo. Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Giết thân mạng chúng, hoặc ăn thịt chúng, trải vi trần kiếp ăn lẫn nhau, giết lẫn nhau giống như bánh xe lăn, hết lên cao lại xuống thấp, chẳng có lúc ngừng. Trừ xa-ma-tha và lúc Phật xuất thế, chẳng thể ngưng nghỉ được"*.
Nhưng đạo xa-ma-tha thật chẳng dễ đắc, Như Lai xuất thế cũng khó gặp gỡ, dám đâu chẳng học theo gương tiên hiền, chẳng tuân lời Phật dạy. Suy cái tâm sợ chết của mình mà cứu vớt loài đợi bị nấu nướng kia để mong tiêu trừ túc nghiệp, vun bồi căn lành, dứt vĩnh viễn cái nhân sát hại, cùng chứng quả trường thọ vậy!
* Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai. Lập cách cứu giúp còn e chưa kịp, há nên để thỏa miệng bụng mình, bèn giết hại thân xác chúng nó ư? Phải biết rằng các loài vật bay trên không,

lặn dưới nước đều có cái tâm linh minh giác tri, nhưng vì túc nghiệp sâu nặng đến nỗi hình thể khác xa, miệng chẳng nói được. Xem tình cảnh chúng đi tìm cái ăn, tránh né cái chết, sẽ nhận ra chúng có khác gì con người đâu! Chúng ta nhờ sức túc phước, may được làm người, tâm có trí lự, phải nên luôn nghĩ đến dân chúng và loài vật cùng [sanh từ] một bọc cha trời, mẹ đất, mới chẳng phụ bạc cái lẽ con người đứng cùng trời đất thành tam tài vậy! Do cùng được trời đất sanh thành, nuôi nấng, phải mong cho mọi người cùng loài vật đều được sống yên ổn, cùng được trời che, đất chở, cùng vui ngày tháng mới phải. Nếu như chẳng hiểu thấu cái đức hiếu sanh của trời đất, buông lung ý niệm tham ăn tục uống của chính mình, cậy mình khỏe, hiếp kẻ yếu, ăn thịt nó để no đẫy bụng mình, ắt đến ngày nào đó, túc phước đã hết, sát nghiệp hiện tiền, muốn chẳng thay đầu, đổi mặt, bị chúng nó ăn, giết trở lại, há có được chăng?

Vả nữa, ăn thịt có chất độc, do lúc chúng bị giết tâm oán hận kết lại. Bởi thế, khi ôn dịch lưu hành, người ăn chay rất ít người bị nhiễm phải. Hơn nữa, thịt là vật uế trược. Ăn vào máu sẽ bẩn, tinh thần tối tăm, thấy mạnh mẽ ngay đó, nhưng hiệu quả tan đi rất nhanh, rất dễ tạo thành đầu mối cho bệnh tật. Rau cỏ là vật thanh khiết, ăn vào khí thanh, trí rạng, khỏe mạnh lâu, già chậm, có nhiều chất bổ. Tuy đây là lời bàn thông thường về phép vệ sinh, nhưng thật sự là lời luận cùng tột về tánh. Do thói quen kéo dài đến nỗi mê man chẳng tỉnh.

Phải biết rằng: người nhân ắt thương yêu loài vật. Người giết loài vật quyết khó thể là người có lòng nhân, do tánh quen khiến thành như thế. Vì vậy, thánh vương trị thế, chim thú cá, rùa đều sung sướng. Đạo sáng dạy dân thì gậy nhựa dính, ná bắn đạn đều bỏ sạch. Thử nghĩ: Từ xưa đến nay, phàm là kẻ tàn nhẫn tham ăn tục uống, phần nhiều dòng dõi bị tuyệt diệt. Người nhân ái tử tế, con cháu ắt hưng thạnh. Kẻ khởi đầu thói ác, Khổng Tử đoán nó vô hậu; kẻ mặc sức ăn thịt, Như Lai dự ký ắt phải đền trả. Xin chớ nói suông xa lánh bếp núc[34] , đấy chỉ là cách nói quyền biến thuận theo thế tục, phải vĩnh viễn dứt hẳn đồ hôi tanh thì mới là xứng lý thật nghĩa.

* Tâm tánh chúng sanh giống hệt như Phật. Do nghiệp thiện - ác, báo phân ra người, thú. Người có trí huệ, thú không tài khéo. Cậy mạnh hiếp yếu, giết để ăn thịt. Làm con trong nhà người ta chẳng ngoài [lý do đã] thiếu nợ nặng. Huống hồ giết thân mạng chúng chỉ cốt sướng miệng, oán hận cố kết, trải bao kiếp đòi nợ lẫn nhau. Thử nghĩ đến điều ấy, trong tâm đau thương.

* Nguyên hết thảy chúng sanh trên cạn, dưới nước, không một loài nào chẳng biết đớn đau, khổ, vui, không một loài nào chẳng biết tham sống sợ chết, nhưng không con vật nào chẳng phải là cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, bạn bè, thân quyến trong vô lượng kiếp của ta. Lại không có một loài nào chẳng thể trong đời vị lai, gieo sâu thiện căn, tu trì Tịnh nghiệp, đoạn

Hoặc chứng Chân, viên thành Phật đạo. Chỉ vì túc thế ác nghiệp, phải đọa trong dị loại.
Vì thế phải nên sanh lòng thương xót sâu xa, hộ trì chúng, khiến mỗi con vật đều được sống yên vui, há nên cậy mạnh hiếp yếu, hoặc dùng trí đoạt lấy, hoặc dùng tiền của đoạt lấy, khiến hết thảy bọn chúng bị dồn vào miệng bụng mình? Tuy chúng nó sức chẳng chống chọi được, tâm đã kết mối hận dằng dặc; cho nên đời đời, kiếp kiếp xoay vần giết nhau. Sướng miệng bụng một lúc, giết thân mạng nhiều kiếp. Sánh với chuyện tự giết mình còn khốc liệt gấp bội! Sao lại khổ sở làm chuyện chuốc lấy ương họa này, há có phải là ngu mê đến cùng cực chăng?
Xưa nước Lỗ có hai gã dũng sĩ, chỉ nghe tên nhau chứ chưa gặp mặt. Một bữa gặp nhau, mua rượu cùng uống. Một gã bảo: "Không có thịt chẳng vui, hãy đi mua thịt!" Gã kia bảo: "Thịt của tôi với anh đây, còn tìm đâu nữa!" Gã thứ nhất bảo ý kiến ấy rất hay, bèn trễ áo xẻo thịt mình, hai bên cùng ăn. Kẻ kia lại cắt thịt mình, đưa cho bạn ăn. Dương dương tự đắc, bảo là tình bạn chúng ta tình ý chân thật tột bậc. Vừa cắt vừa ăn mãi cho đến chết. Những người trông thấy đều than: "Hai gã ngu!"
Do vì ăn thịt, người đời tạo các sát nghiệp đến nỗi bao kiếp xoay vần giết hại lẫn nhau. So với hai gã dũng sĩ kia càng khốc liệt hơn! Do không mắt huệ, chẳng biết hậu báo, lại coi là chuyện đắc ý để khoe khoang, kiêu hãnh, chê kẻ ăn chay là mê tín cùng là bạc phước. Thế tục tán thành, nào biết là sai!
Vì thế, trong các kinh Đại Thừa Phạm Võng, Lăng Nghiêm, Lăng Già v.v... đức Như Lai đã cực lực phơi bày cái họa sát sanh ăn thịt, có thể nói là lòng chân từ đại bi nhổ rễ lấp nguồn vậy. Gần đây, sát kiếp thảm khốc, thiên cổ chưa từng nghe, lại còn các tai vạ: nước, lửa, tật dịch, gió lốc, động đất, hạn hán, lụt lội... thình lình xảy ra. Nói chung đều là do sát nghiệp duyên khởi đến nỗi thế đạo, nhân tâm càng ngày càng thấp. Do vậy, thiên tai, nhân họa liên tiếp xảy ra, như đứng trước tấm gương, chẳng thể tránh khỏi bị soi bóng.
* Thế tục mê hoặc, coi ác là thiện, coi tạo nghiệp là tu phước, [kẻ như vậy] rất nhiều. Điều mắt nhìn thấy thảm, lòng thấy xót xa nhất không gì bằng chuyện cúng tế quỷ thần. Phú quý đại gia luôn giết con vật lớn để tế: một mặt để cầu được nhiều phước, một mặt để phô phang mình giàu có. Còn những nhà nghèo khó cũng phải giết gà, giết vịt để cầu thần thường bảo hộ, khiến cho phước thọ tăng thêm, lâu dài hơn, mọi việc đều như ý.
Chẳng biết thiên địa lấy hiếu sanh làm đức, quỷ thần lấy thiên địa làm chủ tể các sự, há chẳng phải là tâm ấy trái thiên nghịch địa ư? Vì hưởng một kỳ tế lễ của ta khiến cho vô số sanh mạng cùng chịu nỗi khổ cắt xẻ, ông thần ấy còn đáng gọi là một vị chánh thần thông minh, chánh trực, thưởng thiện, phạt ác nữa chăng? Nguyên do là bọn ngu phu tham ăn, chỉ mượn danh quỷ

thần, giết thú lớn, vật nhỏ, cốt sao thỏa thích bụng miệng, quen dần thành thói, chẳng biết là đã tạo đại ác nghiệp!
Bảo là cúng quỷ thần, thần có ăn đâu? Huống hồ đã gọi là thần, ắt phải vâng giữ đức thông minh, chánh trực, ắt phải chuẩn theo việc thiện hay ác mà giáng phước hay gieo vạ. Há phải đâu ai sát sanh cúng bái mình, dù nó làm ác vẫn cứ giáng phước; kẻ nào chẳng sát sanh cúng tế mình, dù có làm thiện cũng cứ gieo vạ ư? Nếu vậy, tâm hạnh của ông thần ấy có khác gì tâm hạnh của bọn tiểu nhân vô lại nơi chợ búa đâu? Làm sao xưng là ông thần thông minh, chánh trực được nữa? Đã là một vị thần thông minh, chánh trực, chắc chắn chẳng vì thói yêu tà, quỷ quái này mà chẳng tuân thủ đạo đức, nhân nghĩa!
* Người đời chỉ biết ăn thịt là ngon, bèn vì ý niệm tham cầu thứ hôi thối, tanh tưởi ấy, cho rằng thần thánh cũng giống như vậy. Từ đấy kẻ nọ người kia bắt chước nhau, chẳng biết là trái. Ví như giòi tửa ăn phân, nghĩ thiên tiên cũng phải tham ưa vị ngon này, bèn thường muốn dâng lên để cầu được ban thưởng phước khánh!
Những con vật bị giết kia phần nhiều đều là những kẻ trong đời trước sát sanh cúng tế quỷ thần ngõ hầu chính mình có dịp ăn thịt, nay phải đền trả quả báo sát sanh khi ấy. Thế nhưng hết thảy kẻ ngu nghe nói đến chuyện sát sanh tế thần bèn vui mừng, hớn hở, coi đấy là chuyện làm phước, chẳng biết tương lai sẽ phải biến thành những giống vật ấy. Lúc bị người giết, có miệng chẳng nói được, không cách nào thoát khỏi.
Huống những ai đã thâm nhập Phật pháp, đã thọ đại giới nhà Phật, là bậc cao nhân lỗi lạc suốt đời ăn chay, do ham muốn ăn thịt bèn vô cớ bịa chuyện, giết vô số sanh mạng để cúng tế. Cái tội nghịch trời, trái lý, dối thánh, khinh hiền ấy khiến cho đời đời kiếp kiếp sẽ mãi mãi làm các loài vật bị giết chóc ấy, há chẳng đáng buồn bã lắm sao?
* Người đời mắc bệnh cùng bị những tai nạn nguy hiểm, chẳng biết niệm Phật tu thiện, lại lầm lạc cầu đảo quỷ thần, đến nỗi sát hại sanh mạng. Nghiệp tăng thêm nghiệp, thật đáng thương xót! Người sống trong đời có những cảnh duyên gì, đa phần là do túc nghiệp.
Đã mắc bệnh khổ, nên niệm Phật tu thiện, sám hối túc nghiệp, nghiệp tiêu bệnh sẽ lành. Hạng quỷ thần kia chính họ còn đang trong biển nghiệp, sao có thể tiêu nghiệp cho người khác được? Dù là vị chánh thần có đại oai lực đi nữa thì oai lực của vị ấy so với oai lực của Phật, Bồ Tát khác chi lửa đom đóm sánh với ánh sáng mặt trời! Đệ tử Phật chẳng hướng về Phật, Bồ Tát cầu đảo, lại hướng về quỷ thần cầu đảo, chính là tà kiến, chính là trái nghịch lời Phật dạy. Không thể không biết điều này!
Thêm nữa, hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai, lẽ ra nên kiêng giết, phóng sanh, yêu tiếc mạng sống loài vật, chớ nên theo tri

kiến thế tục, cho rằng dâng thức ngon lành lên cha mẹ mới là hiếu. Kẻ chưa nghe Phật pháp chẳng biết sự lý luân hồi lục đạo, lầm tưởng đấy là hiếu, còn tha thứ được. Chứ nếu là người đã nghe Phật pháp, giết phụ mẫu, thân thuộc quá khứ để phụng dưỡng cha mẹ hiện tại và dùng trong tang tế v.v... chẳng những chẳng phải là hiếu đạo, mà còn thành ngỗ nghịch nữa!
Bởi vậy, do nghe nghĩa đế chân thật của Phật pháp những người thông đạt đều chẳng chịu làm theo những pháp quyền tạm của thế tục. Bởi những pháp tạm bợ ấy chỉ thuận theo mê tình thế tục mà lập, chẳng phải là đạo thấy thấu suốt nhân quả ba đời của đức Như Lai vậy!
* Trong các ác nghiệp, chỉ có sát nghiệp là nặng nhất. Khắp dưới gầm trời, không một ai chẳng tạo sát nghiệp. Dù cả đời chẳng sát sanh, nhưng hằng ngày ăn thịt tức là hằng ngày sát sanh! Bởi chẳng giết, chắc chắn chẳng có thịt! Kẻ mổ thịt, kẻ săn bắt, kẻ đánh cá đều là để cung cấp cho nhu cầu của người ăn thịt, họ giết hại thay cho mình.
Nhưng một ải ăn thịt - ăn chay thật sự là nguyên nhân chẳng nhỏ khiến chúng ta thăng hay trầm, thiên hạ bình trị hay loạn lạc vậy. Những ai yêu thân mình và yêu thương khắp cả mọi người trên cõi đời, muốn được trường thọ, an lạc, chẳng mắc phải tai họa ngoài ý muốn, phải lấy việc kiêng giết, ăn chay làm diệu pháp bậc nhất để vãn hồi thiên tai, nhân họa.
Một niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh chẳng khác với chư Phật, cũng chẳng khác với một niệm tâm tánh của chúng ta. Chỉ vì túc thế ác nghiệp đọa vào dị loại; vì thế, phải sanh lòng thương xót lớn lao, lẽ đâu mặc sức giết chóc? Người đời vô tri bị tập tục trói chặt, thường coi sát sanh ăn thịt là vui, chẳng nghĩ đến các con vật bị giết ôm nỗi thống khổ, oán hận như thế nào!
Cậy mạnh hiếp yếu, coi là chuyện đương nhiên; một khi đao binh khởi lên, tình cảnh khác gì những con vật bị giết. Đốt cháy nhà cửa ngươi, hãm hiếp vợ con ngươi, cướp tiền tài của ngươi, giết thân mạng ngươi, ngươi vẫn chẳng dám dùng lời ác chửi nó vì sức chẳng chống chọi lại được. Loài vật bị giết cũng vì chẳng có sức chống cự lại được; nếu nó kháng cự được, tất nhiên nó sẽ cắn xé kẻ toan giết nó đến cùng. Sao không đối với cảnh khổ ấy, hãy thử nghĩ lại xem!
Loài vật cùng ta đều tham sống sợ chết. Ta đã có trọn vẹn cái thể chất đội trời đạp đất này, lẽ ra phải nên hỗ trợ đất trời sanh thành, dưỡng dục, khiến cho các loài chim, thú, cá, rùa kia đều sống yên vui. Nỡ nào giết thân mạng chúng để vui sướng bụng miệng mình ư? Do sát nghiệp cố kết đến nỗi phát sanh cái họa đao binh do người gây ra và các thiên tai: nước, lửa, hạn, lụt, đói kém, tật dịch, gió lốc, địa chấn, biển trào, sông ngập v.v... nối tiếp nhau giáng xuống.

Giống như biếu quà cuối năm, ta biếu quà đi, người biếu quà lại, quyết chẳng bao giờ biếu đi chẳng được biếu lại, hoặc chỉ nhận quà chứ không biếu trả. Nếu có trường hợp như vậy, tất nhiên phải có nhân duyên nào khác ngăn trở, chứ thật ra đều chẳng ngoài chuyện qua lại, đáp tạ cả. Trời thưởng phạt cũng giống như thế, huống hồ là chuyện báo đền giữa con người? Vì thế, kinh Thư viết:*"Làm lành giáng xuống trăm điều tốt lành; làm việc chẳng lành, giáng xuống trăm điều họa ương"*. Kinh Dịch chép: *"Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà chứa điều bất thiện, ắt tai ương có thừa"*. Đạo trời ưa xoay vần, không có gì qua mà chẳng lại! Muốn tránh khỏi ác quả, phải đoạn ác nhân trước đã. Muốn được thiện quả, phải trồng thiện nhân trước đã! Đấy là lẽ rốt ráo của lý trời, tình người vậy!

---o0o---

Phần 5

VII. PHÂN ĐỊNH GIỚI HẠN GIỮA THIỀN VÀ TỊNH

* Thiền và Tịnh lý vốn không hai. Nếu luận về Sự Tu thì tướng trạng [của hai pháp này] khác xa nhau. Thiền nếu chẳng triệt ngộ, triệt chứng sẽ chẳng thể siêu xuất sanh tử. Vì thế, tổ Quy Sơn nói: *"Do chánh nhân đốn ngộ sẽ dần dần thoát trần. Nếu đời đời bất thoái sẽ quyết định có lúc thành Phật"*. Ngài còn nói: *"Sơ tâm do duyên đốn ngộ tự tánh, nhưng vẫn chưa thể diệt sạch ngay tức khắc tập khí trong bao kiếp từ vô thỉ. Vì thế phải dạy họ trừ sạch nghiệp thức hiện đang lưu chuyển"*.
Ngài Hoằng Biện nói: *"Đốn ngộ tự tánh thì [sở ngộ] giống hệt chư Phật, nhưng chưa thể trừ sạch ngay được vô thỉ tập khí, nên phải tốn công đối trị mới hòng thuận tánh khởi dụng. Như người ăn cơm, chẳng thể ăn một miếng liền no ngay được!"* Ngài Trường Sa Sầm nói: *"Thiện tri thức trong thiên hạ chưa chứng được quả Niết Bàn là vì công đức chẳng bằng chư thánh vậy!"*Vì thế, Ngũ Tổ Giới sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh thân sau làm Lỗ Công. Cổ kim tông sư triệt ngộ nhưng chưa triệt chứng phần nhiều đều như vậy. Ấy là do chỉ cậy vào tự lực, chẳng cầu Phật gia bị, hễ Hoặc nghiệp còn mảy may chưa tận sẽ nhất định chẳng thể thoát khỏi sanh tử được!
Về phần Tịnh Độ, hễ đầy đủ ba thứ Tín - Hạnh - Nguyện liền có thể đới nghiệp vãng sanh. Một khi đã vãng sanh sẽ vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử. Bậc ngộ chứng sẽ mau đạt tới bậc Bổ Xứ, người chưa ngộ cũng sẽ chứng địa vị A Bệ Bạt Trí. Bởi thế, Hoa Tạng hải chúng đều nguyện vãng sanh; những

bậc tri thức trong Tông, trong Giáo cùng sanh Tịnh Độ. Rõ ràng là do cậy vào Phật lực kiêm thêm cái tâm khẩn thiết nên được cảm ứng đạo giao; do vậy, chóng thành Chánh Giác.

Xét tình thế hiện tại, đừng quan tâm tới các Thiền lục nữa, cứ chuyên tu Tịnh nghiệp, dùng cái tâm chẳng nhiễm mảy trần để chuyên trì thánh hiệu vạn đức hồng danh. Niệm ra tiếng hoặc niệm thầm, chẳng tạp, chẳng gián đoạn sao cho niệm khởi từ tâm, tiếng thấu vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn. Lâu ngày chầy tháng, tự thành một phiến, tự chứng Niệm Phật tam muội, tự biết Tây phương tông phong. Đấy là dùng công phu "phản văn tự tánh" (xoay trở lại nghe nơi tự tánh) của Quán Âm để tu tịnh nghiệp "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" của Thế Chí, tuy là Tịnh nhưng chính là Thiền, còn gì hay khéo hơn!

* Người tu Thiền Định (chỉ tứ thiền, bát định) và người tham Thiền chỉ cậy vào tự lực, chẳng cầu Phật gia bị. Vì thế lúc công phu đắc lực, chân vọng chống cự nhau, thường có các thứ cảnh giới huyễn hoặc xuất hiện, huyễn hoặc biến mất! Ví như lúc trời mưa dầm sắp tạnh, mây dầy bị xé toạc, chợt thấy ánh mặt trời chỉ trong khoảnh khắc, biến hóa bất trắc. Nếu chẳng phải là người thật sự có đạo nhãn sẽ chẳng thể phân biệt biết rõ tất cả những cảnh giới ấy. Nếu tưởng lầm đó chính là dấu hiệu [chứng tỏ mình chứng đắc] sẽ bị ma dựa phát cuồng, không sao chữa được!

Người niệm Phật dùng lòng tín nguyện chân thành, thiết tha, trì vạn đức hồng danh ví như mặt trời rực rỡ giữa hư không, đi trên đường lớn của vua, chẳng những quỷ mị vọng lượng biến mất tăm tích, ngay cả những ý niệm ngoắt ngoéo, sai trái cũng chẳng sanh từ đâu được. Suy đến cùng cực, chẳng qua là: Niệm đến mức công thuần, lực tận thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật bất nhị, tâm - Phật như một mà thôi! Chỉ sợ con người chẳng biết đến hạnh ấy, lý ấy, nên chẳng thể xứng hợp ý nguyện phổ độ chúng sanh của Phật; chứ phải đâu là bí mật chẳng truyền, chỉ truyền riêng cho mình ông ư? Nếu có những "diệu quyết" khẩu truyền kín đáo thì đấy chính là tà ma ngoại đạo, chứ nào phải là Phật pháp!

* Hòa Thượng Pháp Tràng sẵn đủ linh căn từ trước, thoạt đầu là bậc chân nho, sau thành bậc chân tăng; có thể nói là chẳng uổng công đọc sách học đạo vậy! Đời có bậc chân nho thì mới có bậc chân tăng. Những hạng vô lại xuất gia thảy đều là ma vương ngoại đạo phá hoại Phật pháp vậy! Ngữ lục của Ngài (Pháp Tràng) thật là thống khoái, thẳng chóng, mở toang tự tâm con người, rất nên khắc in lưu thông để làm pháp bảo nhà Thiền. Thế nhưng, Ngài chỉ phát huy đạo lý "chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật"; chúng ta chuyên tu Tịnh nghiệp, đừng nên so đo, đoán mò lời Ngài đến nỗi đánh mất lợi ích cả hai bên vậy. Chẳng thể chẳng biết điều này.

Tông gia (Thiền tông) chỉ đề xướng bổn phận, những thứ khác đều chẳng thèm xiển dương. Việc tu nhân đạt quả, đoạn Hoặc chứng chân của nhà Thiền đều là ngầm tự tu trì. Những kẻ đứng ngoài thấy nhà Thiền chẳng đề xướng những đạo lý tu chứng ấy, bèn cho rằng Tông gia hoàn toàn chẳng dùng đến những pháp đó. Đấy là báng Tông, lẫn báng Phật, báng Pháp vậy!
* Nên biết rằng: trong hết thảy pháp môn đức Phật đã nói, đều phải đoạn Hoặc chứng Chân thì mới có thể liễu sanh thoát tử, tuyệt đối chẳng có chuyện chưa đoạn sạch Hoặc mà liễu thoát được! Với pháp môn Niệm Phật, nếu người vãng sanh đã đoạn Hoặc nghiệp thì sẽ mau chứng Pháp Thân, người tuy còn đủ Hoặc nghiệp mà vãng sanh thì cũng đã vượt lên địa vị thánh nhân. Một đằng hoàn toàn cậy vào tự lực, một đằng hoàn toàn nhờ vào Phật lực kiêm thêm tự lực.
Điều thứ hai, [sự tu trì] khó dễ thật là một trời một vực. Thường có kẻ thông minh, đọc sách Thiền qua quít, hiểu chút vị Thiền, bèn toan lấy Thiền làm mạng, học đòi làm bậc cao nhân thông suốt, nhưng toàn là hạng chẳng biết Thiền lẫn Tịnh đến nơi đến chốn, cứ lầm tưởng mình là hạng tôn quý, đại căn. Tuyệt đối chớ nên bắt chước theo thứ tri kiến như thế. Bắt chước theo đó, chỉ e trải kiếp số như vi trần vẫn chẳng mong gì được liễu sanh thoát tử cả!
* "Quyền" nghĩa là Như Lai tùy thuận theo căn cơ của chúng sanh mà đặt bày phương tiện. "Thật" nghĩa là nói đến những nghĩa lý do chính tự tâm đức Phật chứng được. "Đốn" là chẳng cần đến thứ tự, nhanh thẳng, mau lẹ, nhất siêu trực nhập. "Tiệm" nghĩa là tấn tu dần dần theo thứ tự, chứng nhập dần dần, phải trải nhiều kiếp, nhiều đời mới đích thân chứng được Thật Tướng.
Người tham Thiền cho rằng pháp Tham Thiền là pháp "chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật". Cố nhiên, pháp này thật sự là pháp Đốn, nhưng họ chẳng biết rằng: Tham Thiền dù đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì cũng mới chỉ thấy được đức Phật lý tánh sẵn có ở ngay trong tâm này! Nếu là căn tánh đại Bồ Tát thì vừa ngộ liền chứng, tự có thể mãi mãi thoát khỏi luân hồi, vượt xa tam giới. Từ đấy, dùng thượng cầu hạ hóa làm nền tảng để trang nghiêm phước và trí.
Xét ra, trong trăm ngàn người đại triệt đại ngộ chỉ được một hai vị thuộc vào căn tánh này. Còn như những kẻ căn khí hơi kém hơn, dù có thể diệu ngộ nhưng chưa thể đoạn trừ Kiến Tư Hoặc thì vẫn phải thuộc trong tam giới, thọ sanh thọ tử. Đã phải thọ sanh tử thì từ ngộ thành mê là nhiều, từ ngộ trở thành ngộ lại ít. Như vậy, tuy pháp này thực sự là viên đốn, nhưng nếu chẳng phải đúng người thì cũng chẳng thật sự được lợi ích thật nhanh chóng, nên nó cũng trở thành pháp Quyền Tiệm mà thôi. Vì sao vậy? Do cậy vào Tự Lực; nếu Tự Lực mười phần đầy đủ thì họa may sẽ được như thế; còn

như chỉ hơi thiếu chút phần, sẽ chỉ ngộ được lý tánh nơi cửa miệng, chẳng thể đích thân chứng được lý tánh. Hiện thời, bậc đại triệt đại ngộ còn khó có được mấy người, huống là người chứng được điều mình đã ngộ!

Một pháp Niệm Phật thông trên suốt dưới, vừa là Quyền vừa là Thật, vừa Tiệm vừa Đốn, chẳng thể dùng giáo lý tầm thường phán định được. Trên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chủng tánh A Tỳ đều cùng nên tu tập (do đấy nói là "thông trên suốt dưới"). Như Lai vì chúng sanh thuyết pháp chỉ nhằm làm cho chúng sanh liễu sanh thoát tử. Trong các pháp môn khác, bậc thượng căn có thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, còn hạ căn bao kiếp khó lòng liễu được! Chỉ mỗi mình pháp này, chẳng cần biết là chủng tánh, căn cơ nào, cũng đều có thể vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này, hễ vãng sanh liền liễu sanh thoát tử. Pháp thẳng chóng như thế há có thể gọi là Tiệm ư?

Chỉ do căn cơ [được hóa độ bởi pháp này] chẳng giống với căn cơ của các pháp viên đốn thông thường nên pháp này tựa hồ là Tiệm, nhưng oai lực của pháp môn này phát xuất từ thệ nguyện muốn cho những căn cơ hạ liệt ấy đều mau chóng hưởng được lợi ích lớn của đức Như Lai. Lợi ích ấy nằm ở chỗ cậy vào Phật từ lực. Phàm những người giảng Thiền nếu chưa nghiên cứu kỹ Tịnh tông, chưa có ai không coi pháp này là thiển cận rồi khinh thường. Nếu nghiên cứu kỹ Tịnh tông ắt sẽ cạn kiệt lòng thành, tận hết sức lực hoằng dương, há nào chấp mãi vào những lý luận Quyền - Thật, Tiệm - Đốn để tự mình lầm, làm người khác lầm nữa ư?

* Nói đến Thủ - Xả (lấy - bỏ) là ước trên Thật Nghĩa rốt ráo mà nạn ("nạn" tức là cật vấn, bắt bẻ), chẳng biết rằng: không Thủ không Xả rốt ráo chỉ là chuyện sau khi đã thành Phật! Nếu chưa thành Phật, còn đang trong giai đoạn "đoạn Hoặc chứng Chân" thì đều thuộc về Thủ - Xả cả! Đã chấp nhận chuyện thủ - xả "đoạn Hoặc chứng Chân", sao lại chẳng chấp nhận chuyện thủ - xả "bỏ Đông lấy Tây, lìa cấu giữ tịnh"?

Đối với pháp Tham Thiền thì thủ - xả đều là sai, nhưng đối với một pháp Niệm Phật, thủ - xả lại là đúng. Một đằng chuyên suy xét tự tâm, một đằng kiêm nhờ vào Phật lực. Kẻ kia chẳng xét đến duyên do của từng của pháp môn, lầm đem pháp Tham Thiền phá pháp Niệm Phật; vậy là hiểu lầm ý mất rồi!

Vô thủ - xả vốn là đề hồ, nhưng niệm Phật mà cũng muốn không thủ - xả thì không thủ - xả bèn thành thuốc độc! Mùa Hạ dùng Cát Căn[35] , mùa Đông khoác áo Cừu, khát uống, đói ăn, chẳng sai trái gì, cũng chẳng thể cố chấp được! Chỉ cốt sao chọn lấy điều thích nghi thì được lợi ích chẳng bị trở ngại gì!

* Coi "bỏ Đông lấy Tây" là sanh diệt tức là chẳng biết rằng "chấp Đông phế Tây" chính là đoạn diệt! Chưa chứng Diệu Giác, có ai là không lấy - bỏ?

Tam kỳ[36] luyện hạnh, trăm kiếp tu nhân, thượng cầu, hạ hóa, đoạn Hoặc chứng Chân, không sự nào chẳng phải là lấy - bỏ đó sao? Phải biết rằng: đức Như Lai muốn cho hết thảy chúng sanh mau chứng Pháp Thân và Tịch Quang cho nên Ngài mới đặc biệt khuyên trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương.

* Một chuyện Tham Thiền nói dễ dàng sao! Cổ nhân như ngài Triệu Châu Thẩm thiền sư, xuất gia từ nhỏ, đến hơn tám mươi tuổi vẫn hành cước, nên mới có bài tụng rằng:

Triệu Châu bát thập do hành cước,
Chỉ vị tâm đầu vị tiễu nhiên.
(Triệu Châu tám chục còn hành cước,
Do bởi cõi lòng chửa lặng không!)

Ngài Trường Khánh ngồi rách bảy cái bồ đoàn rồi mới khai ngộ. Ngài Dũng Tuyền phải nhọc nhằn hết bốn mươi năm. Ngài Tuyết Phong ba lượt lên gặp ngài Đầu Tử, chín lần lên Động Sơn. Họ là bậc đại Tổ Sư đại triệt, đại ngộ mà còn phải gian nan đến thế. Lũ ma con kia mới nghe qua ma thuyết đều được khai ngộ ngay, vậy thì những vị Tổ Sư vừa nói trên đây có xách giày cho chúng cũng không đáng sao?

* Những lời "chẳng chấp trước"... về Lý thì đúng, nhưng về Sự thì chẳng phải là điều hạng phàm phu sát đất có thể làm nổi! Suốt ngày mặc áo, ăn cơm, rồi vênh váo mình bất chấp đói lạnh, bảo kẻ suốt ngày bụng rỗng tuếch, chẳng được chén nước, hạt cơm, đói lả gần chết rằng: "Tôi coi gan rồng tủy phượng hệt như uế vật, nghĩ đến là muốn ói, huống hồ là nuốt xuống!" Toàn là nói suông như nhau thôi!

Nay kẻ tham Thiền nếu chẳng hiểu giáo lý thì cái Không giải thoát đó phần nhiều trở thành bệnh cho họ. Còn như không cảnh hiện tiền khi tịnh tọa, lắng ý, thì bất quá là do [ý niệm] lặng trong, chế ngự được vọng nên ngẫu nhiên huyễn cảnh phát hiện đó thôi! Nếu tưởng lầm đấy chính là dấu hiệu chứng tỏ mình chứng đắc, bèn sanh lòng mừng rỡ lớn lao thì sẽ mất trí thành cuồng, Phật cũng khó cứu được!

Nếu may mắn suy xét kỹ, chẳng chấp trước, buông bỏ huyễn vọng, chợt quán thông các pháp môn thì đấy mới là: đi trong chốn gai góc đã lâu, chợt đến chỗ khoảng khoát. Người đời mạt căn cơ hèn kém, tri thức hiếm hoi, nếu chẳng nhờ vào Phật từ lực chuyên tu Tịnh nghiệp, chỉ cậy vào tự lực tham cứu Thiền tông thì minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng chân thành công hiếm có mấy ai, còn hạng tưởng huyễn là chân, lấy mê làm ngộ, ma dựa phát cuồng thật nhiều lắm! Vì thế, các vị Vĩnh Minh, Liên Trì v.v... quán sát căn cơ đương thời, cực lực chủ trương pháp môn Tịnh Độ.

* Thiền tức là Chân Như Phật Tánh trong bổn tâm chúng ta, Tông môn gọi là "bổn lai diện mục trước lúc cha mẹ sanh ra". Tông môn chẳng nói toạc ra,

cốt sao người tham cứu tự hiểu lấy, nên mới nói như vậy. Chứ thật ra nó là cái tâm thể thuần chân, không Năng, không Sở, vừa Tịch vừa Chiếu, ly niệm linh tri ("ly niệm linh tri" là không có ý niệm suy nghĩ gì, nhưng mọi cảnh hiện hữu đều hiểu rõ cả).
Tịnh Độ là Tín Nguyện Trì Danh cầu sanh Tây Phương, chứ chẳng phải chỉ riêng "duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà!" "Có Thiền" là cực lực tham cứu đến mức niệm lặng, tình mất, thấy thấu tột "bổn lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra", minh tâm kiến tánh. "Có Tịnh Độ" là chân thật phát Bồ Đề tâm, sanh tín, phát nguyện, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương. [Nói] Thiền và Tịnh Độ chỉ là ước về Giáo, ước theo Lý [mà nói].
"Có Thiền, có Tịnh Độ" là ước về căn cơ, ước theo mặt tu hành. Giáo Lý luôn luôn như thế, Phật chẳng thể tăng, phàm chẳng thể giảm. Ước theo căn cơ để tu hành thì phải y giáo khởi tu, tu hành đến cùng cực để chứng lý, chứ thật sự chẳng có gì khác cả!
Thứ hai là văn tuy tương tự, nhưng thật ra khác biệt rất lớn. Hãy nên hiểu kỹ càng, đừng bộp chộp. Nếu tham thiền chưa ngộ, hoặc ngộ chưa triệt để, đều chẳng thể gọi là "có Thiền". Nếu niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, lại không tín nguyện, hoặc có tín nguyện nhưng chẳng chân thật, thiết tha, mà chỉ hời hợt, hờ hững, thực hành qua quít, hoặc hạnh tuy tinh tấn nhưng tâm luyến cảnh ma, hoặc cầu đời sau sanh vào nhà phú quý hưởng thú vui ngũ dục, hoặc cầu sanh lên trời hưởng phước lạc trời, hoặc cầu đời sau xuất gia làm tăng nghe một hiểu được cả ngàn, đắc đại tổng trì, hoằng dương đạo pháp phổ lợi chúng sanh, đều chẳng được gọi là "có Tịnh Độ"!
* *"Có Thiền, có Tịnh Độ; khác nào cọp mọc sừng, hiện đời làm thầy người, đời sau làm Phật, Tổ"* là người triệt ngộ Thiền Tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập Kinh tạng, biết hết các pháp môn Quyền, Thật của Như Lai, nhưng trong các pháp môn lại chỉ chọn lấy một pháp Tín Nguyện Niệm Phật để tự lợi, lợi người làm chánh hạnh tu tập. Bậc thượng phẩm thượng sanh đọc tụng kinh Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa đã nói trong Quán kinh chính là hạng người này.
Người ấy có đại trí huệ, có đại biện tài, ma tà ngoại đạo nghe tên vỡ mật, như hổ đội sừng oai mãnh khôn sánh! Có ai đến cầu học bèn tùy cơ thuyết pháp: nên dùng Thiền Tịnh song tu để tiếp độ bèn dùng Thiền Tịnh song tu để tiếp độ; nên dùng chuyên tu Tịnh Độ để tiếp độ bèn dùng chuyên tu Tịnh Độ để tiếp độ. Bất luận là thượng, trung, hạ căn, không ai chẳng được lợi ích; há chẳng phải là đạo sư của trời người ư?
Đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, vãng sanh thượng phẩm, trong khoảng khảy ngón tay chứng Vô Sanh Nhẫn, tệ nhất cũng chứng được Sơ Trụ. Cũng có người đốn siêu các địa vị, đạt đến Đẳng Giác. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo còn có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi, huống là

những địa vị sau đó, càng cao càng thù thắng, cho đến địa vị thứ bốn mươi mốt là Đẳng Giác! Vì thế nói là: *"Đời sau làm Phật, Tổ!"*
* *"Không Thiền, có Tịnh Độ; vạn người tu vạn về; nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ"* là có người tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng quyết chí cầu sanh Tây Phương. Do trong kiếp xưa, Phật từng phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu chúng sanh thật sự có thể như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật sẽ cảm ứng đạo giao, liền được nhiếp thọ. Người tận lực tu Định Huệ cố nhiên được vãng sanh, nhưng kẻ ngũ nghịch thập ác, lâm chung bị sự khổ bức bách, phát lòng hổ thẹn lớn lao, xưng niệm danh hiệu Phật hoặc tới mười tiếng, hoặc chỉ một tiếng rồi liền lâm chung, cũng đều được Phật hóa thân tiếp dẫn vãng sanh. Chẳng phải là *"vạn người tu, vạn người về"* hay sao?
Kẻ ấy tuy niệm Phật chẳng bao nhiêu, nhưng do cực kỳ mãnh liệt nên đạt được lợi ích lớn lao như thế, chớ nên so sánh nhiều ít với những kẻ niệm Phật hời hợt, qua loa! Đã sanh về Tây Phương, thấy Phật nghe pháp, dù có nhanh chậm bất đồng, nhưng đều đã cao dự dòng thánh, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, tùy theo căn tánh cạn hay sâu, là Tiệm hay Đốn mà chứng các quả vị. Đã được chứng quả, cần chi phải nói đến khai ngộ nữa! Vì thế nói: *"Nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ!"*
* *"Có Thiền không Tịnh Độ, mười người chín chần chừ, ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó":* Người tuy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, nhưng Kiến Tư phiền hoặc chẳng dễ đoạn trừ, phải qua nhiều duyên rèn luyện để trừ sạch không còn sót gì mới có thể thoát khỏi phần đoạn sanh tử. Với kẻ chẳng đoạn được chút gì thì chẳng cần bàn đến nữa! Dù cho đoạn đến mức còn một mảy phiền não chưa trừ sạch thì vẫn hệt như cũ: khó tránh nổi luân hồi lục đạo! Biển sanh tử sâu thăm thẳm, nẻo Bồ Đề xa vời vợi, còn chưa về được nhà đã mạng chung. Trong mười người đại triệt đại ngộ, chín người đã như thế; cho nên nói *"mười người chín chần chừ"* (thập nhân cửu ta lộ).
Ta là "ta đà", thông thường nói là "đảm các" (chần chừ). "Ấm cảnh" là "trung ấm thân cảnh", tức là các cảnh hiện ra bởi các nghiệp lực thiện ác trong đời này và bao kiếp. Khi cảnh này hiện, trong khoảng chớp mắt sẽ theo nghiệp lực thiện hay ác nào mạnh mẽ nhất đi thọ sanh trong đường thiện hay ác, chẳng mảy may tự chủ được; như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ lôi đi. Tâm tình lắm mối, đặt nặng nơi nào sẽ nghiêng về đó. Ngũ Tổ Giới tái sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công, họ còn là căn cơ bậc thượng đấy nhé! Vì thế nói: *"Ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó!"*
Chữ Ấm có nghĩa là ngăn che, ý nói: do nghiệp lực này ngăn che khiến chân tánh chẳng thể hiển hiện được. Có kẻ cho rằng "ta đà" nghĩa là lầm lạc, "ấm

cảnh" là cảnh [hiển hiện bởi] ngũ ấm ma, toàn là do chẳng hiểu chữ Thiền và chữ Có nên mới nói hồ đồ như thế. Lẽ nào bậc đại triệt đại ngộ mười người hết chín kẻ lạc lối, chạy theo cảnh ngũ ấm ma bị ma dựa phát cuồng ư? Phàm những kẻ bị ma dựa phát cuồng toàn là hạng tăng thượng mạn chẳng biết giáo lý, chẳng rõ tự tâm, tu mù luyện quáng đó thôi, sao lại gán cho bậc đại triệt đại ngộ là chẳng biết tốt xấu vậy? Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện định rõ!

* *"Không Thiền, không Tịnh Độ; giường sắt và cột đồng, vạn kiếp cùng ngàn đời, không một ai nương dựa"*. Có kẻ cho rằng câu *"không Thiền, không Tịnh Độ"* chỉ kẻ vùi đầu tạo nghiệp, chẳng tu thiện pháp, thật lầm lẫn quá!

Pháp môn vô lượng, nhưng chỉ có Thiền và Tịnh Độ phù hợp với các căn cơ nhất. Kẻ nào chưa triệt ngộ, lại chẳng cầu vãng sanh, hời hợt, qua quít tu các thiện pháp khác. Đã chẳng thể cân bằng Định Huệ, đoạn Hoặc chứng Chân, lại chẳng cậy vào Phật lực để đới nghiệp vãng sanh; do đã tạo ác nghiệp, khó trốn khỏi ác báo. Một khi hơi thở ra chẳng trở vào, liền đọa địa ngục, rõ ràng là trải kiếp dài lâu nằm ngồi, ôm ấp giường sắt, trụ đồng để đền trả các thứ ác nghiệp: tham lam thanh sắc, sát sanh hại mạng v.v... Chư Phật, Bồ Tát tuy rủ lòng thương xót, nhưng họ bị ác nghiệp chướng ngăn che nên chẳng thể được lợi ích.

Người xưa nói: *"Người tu hành nếu không chánh tín, cầu vãng sanh Tây Phương, tu lung tung các điều thiện khác thì gọi là oan gia đời thứ ba"* chính là nói đến tình cảnh này. Bởi lẽ, do đời này tu hành, đời sau hưởng phước. Cậy phước làm ác ắt bị đọa lạc. Tạm vui trong đời này, khổ mãi trong cả kiếp dài lâu. Ví như nghiệp địa ngục tiêu hết, lại chuyển sanh làm súc sanh, muốn lại được thân người, khó vô cùng khó!

Vì thế, đức Phật dùng tay nhón lấy chút đất, hỏi A Nan: "Đất trong tay ta nhiều hay đất trong đại địa nhiều?" A Nan bạch Phật: "Đất trong đại địa nhiều!" Phật dạy: "Được thân người như đất trong tay ta, mất thân người như đất trong đại địa". Nói *"muôn kiếp và ngàn đời, không một ai nương dựa"* là do bị ràng buộc bởi vần điệu của bài kệ nên chỉ nói thiển cận như thế.

Hết thảy pháp môn chuyên cậy vào tự lực, pháp môn Tịnh Độ chuyên cậy vào Phật lực. Hết thảy các pháp môn phải hết sạch Hoặc nghiệp mới có thể liễu sanh tử. Pháp môn Tịnh Độ đới nghiệp vãng sanh liền dự vào dòng Thánh. Đại sư Vĩnh Minh sợ thế gian chẳng biết nên soạn riêng bài Liệu Giản này để chỉ dạy cho đời sau, có thể nói là "chiếc bè báu nơi bến mê, là người dẫn lối nơi đường hiểm!" Tiếc là mọi người trong thế gian đọc lướt qua, chẳng chịu nghiên cứu đến cùng tột, chẳng phải là đồng phận ác nghiệp xui khiến đến nỗi thành như thế chăng?

* Đạt Ma từ Tây qua, truyền Phật tâm ấn, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Nhưng cái để thấy, để thành ấy chính là thiên chân Phật tánh có sẵn ngay nơi tâm chúng ta, [Ngài dạy như thế] để con người trước hết biết được cái gốc rồi tự dựa vào đó mà tấn tu hết thảy các pháp tu chứng cho đến khi nào tu được cái không thể tu, chứng được cái không thể chứng mới thôi! Chứ chẳng có nghĩa là vừa ngộ liền đầy đủ cả phước lẫn huệ, viên mãn rốt ráo Phật đạo Bồ Đề! Giống như vẽ rồng điểm nhãn để [người nghe] tự mình được thọ dụng.
Do vậy, Thiền tông phát triển rực rỡ, chói ngời nơi Chấn Đán (Trung Hoa), đạo "tâm này chính là Phật", pháp "phi tâm phi Phật" lan khắp hoàn vũ. Người thiên cơ sâu đối với mỗi cơ, mỗi cảnh liền biết đầu mối, liền phun châu nhả ngọc, chẳng vướng lối sáo mòn, vào sống ra chết trọn chẳng ngăn ngại, sợ hãi, được đại giải thoát, đắc đại tự tại. Nếu căn cơ hơi kém hơn, dù đại triệt, đại ngộ, nhưng phiền não tập khí chưa thể trừ sạch thì vẫn là người trong sanh tử y như cũ. Xuất thai cách ấm[37] đa phần bị mê. Bậc đại ngộ còn như thế, huống kẻ chưa ngộ ư? Vì thế phải chuyên tâm dốc chí vào pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật từ lực mới là kế sách ngàn phần ổn thỏa, vạn phần thích đáng vậy!
* Trong Luật, Giáo, Thiền Tông, trước hết phải hiểu sâu giáo lý rồi mới y giáo tu hành. Tu hành công sâu, đoạn Hoặc chứng Chân mới thoát khỏi sanh tử. Nếu chẳng hiểu giáo lý, bèn là tu mù luyện quáng. Nếu không, được chút ít đã cho là đủ bèn bị ma dựa phát cuồng. Dù cho hiểu giáo lý, công tu hành sâu xa, vẫn phải đoạn Hoặc, nếu còn chút mảy may nào chưa đoạn sạch sẽ vẫn y như cũ, chẳng thể thoát khỏi cảnh khổ được! Mãi đến khi Hoặc nghiệp hết sạch mới có thể thoát ly sanh tử, nhưng vẫn còn cách địa vị Phật rất xa, phải trải bao kiếp tấn tu mới viên mãn được Phật quả.
Ví như dân hèn sanh ra đã thông minh, đọc sách, học văn nhiều năm khó nhọc, học vấn đã thành, thi đậu làm quan. Do có tài năng lớn, từ chức quan nhỏ được thăng cấp dần đến khi làm Tể Tướng, quan vị cực phẩm nhưng không thể nào lên cao hơn được nữa! Địa vị bậc nhất trong đám quần thần, nhưng so với thái tử, sang hèn khác nhau một trời, một vực, huống hồ so với hoàng đế? Suốt đời làm bầy tôi, tuân hành lệnh vua, cúc cung tận tụy giúp vua cai trị quốc gia. Nhưng cái địa vị tể tướng ấy thật chẳng dễ dàng gì! Cả nửa đời siêng năng, vất vả, ra sức nhẫn nại. Cho đến cuối cùng cũng chẳng hơn được thế. Còn kẻ học vấn, tài năng sút kém đôi chút chẳng đạt được như thế thì có đến trăm, ngàn, vạn, ức người! Đấy là tự lực.
Học vấn tài năng ví như hiểu sâu giáo lý, y giáo tu hành. Địa vị đến bậc tể tướng ví như công tu hành sâu, đoạn Hoặc chứng Chân. "Chỉ có thể xưng là Thần (bầy tôi), chẳng dám xưng là vua" ví như tuy ra khỏi sanh tử, vẫn chưa thành Phật. "Những kẻ học vấn chẳng đủ, chẳng thể đạt được như thế rất

nhiều" ví như rất nhiều kẻ chưa đoạn hết Hoặc, chẳng thể thoát khỏi biển khổ sanh tử.

* Trong pháp môn Niệm Phật dù chẳng hiểu giáo lý, chưa đoạn Hoặc nghiệp, chỉ cần tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ, lúc lâm chung, quyết định được Phật đích thân tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đã sanh về Tây Phương, gặp Phật nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhẫn, liền ngay trong một đời ấy, quyết định bổ vào địa vị Phật. Đấy là Phật lực lại kiêm tự lực, nghĩa là: tín nguyện trì danh là tự lực, tự lực ấy có thể cảm được đức Phật. Do thệ nguyện nhiếp thọ, Phật rủ lòng từ tiếp dẫn, đấy là Phật lực có thể ứng đến ta. Do cảm ứng đạo giao bèn được như thế.

Nếu như hiểu sâu giáo lý, đoạn Hoặc chứng Chân thì phẩm vị vãng sanh càng cao, viên thành Phật đạo càng nhanh. Bởi thế, Văn Thù, Phổ Hiền, Hoa Nghiêm hải chúng, Mã Minh, Long Thọ, tổ sư các tông đều nguyện vãng sanh. Ví như thác sanh vào hoàng cung, vừa ra khỏi thai mẹ đã quý hiển át cả quần thần. Đấy là do thế lực của vua. Chờ đến khi khôn lớn, học vấn tài năng mỗi mỗi đều đầy đủ cả sẽ có thể tiếp nối ngôi báu, bình trị thiên hạ. Hết thảy quần thần phải nghe theo chiếu dụ. Đấy chính là vương lực, tự lực cùng có.

Pháp môn Niệm Phật cũng giống như thế: chưa đoạn Hoặc nghiệp, nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương liền thoát sanh tử, giống như thái tử mới sanh đã quý hiển át cả quần thần. Khi đã vãng sanh, Hoặc nghiệp tự đoạn, quyết định bổ vào địa vị Phật, giống như thái tử khôn lớn kế thừa ngôi báu, bình trị thiên hạ.

Thêm nữa, bậc đã đoạn Hoặc nghiệp như Mã Minh, Long Thọ, tổ sư các tông, bậc đã chứng địa vị Bổ Xứ như Văn Thù, Phổ Hiền, Hoa Nghiêm hải chúng đều nguyện vãng sanh, giống như trước kia trấn giữ chốn biên thùy hẻo lánh, chẳng thể nối ngôi, nay sống trong Đông Cung, chẳng bao lâu sẽ lên ngôi báu.

* Tâm tánh chúng ta hệt như chư Phật, chỉ vì mê trái nên luân hồi chẳng ngơi. Như Lai xót thương tùy cơ thuyết pháp khiến cho hết thảy hàm thức đều biết đường về nhà. Pháp môn tuy nhiều, trọng yếu chỉ có hai môn Thiền và Tịnh là dễ liễu thoát nhất. Thiền chỉ có tự lực, Tịnh kiêm Phật lực.

So sánh hai môn, Tịnh khế cơ nhất, như người vượt biển phải nhờ sức thuyền mới mau đến được bến, thân tâm thản nhiên. Chúng sanh đời mạt chỉ có thể hành nổi pháp này. Nếu không là trái với căn cơ, nhọc nhằn nhưng khó thành. Phát đại Bồ Đề, sanh tín nguyện chân thành, thiết tha, suốt đời kiên trì, chỉ niệm đức Phật. Niệm đến cùng cực, tình kiến mất sạch chính là niệm nhưng vô niệm, diệu nghĩa Thiền - Giáo triệt để hiển hiện; đến khi lâm chung được Phật tiếp dẫn lên ngay thượng phẩm, chứng Vô Sanh Nhẫn. Có

một bí quyết, tha thiết bảo ban: "Dốc lòng thành, tận lòng kính" mầu nhiệm, huyền diệu làm sao!

---o0o---

VIII. GIẢI QUYẾT NHỮNG ĐIỀU NGHI HOẶC THƯỜNG GẶP

1. Luận Về Sự - Lý

* Lý thế gian hay xuất thế gian chẳng ra khỏi hai chữ "tâm tánh". Sự thế gian và xuất thế gian chẳng ra khỏi hai chữ "nhân quả". Chúng sanh trầm luân cửu giới, Như Lai chứng Nhất Thừa, nhưng tâm tánh chẳng tăng hay giảm mảy may nào! Sở dĩ thăng - trầm khác xa nhau, khổ vui cách biệt vời vợi là do tu đức nơi nhân địa chẳng giống hệt nhau nên thọ dụng quả địa khác biệt.
Xiển dương Phật pháp thật chẳng phải là chuyện dễ! Chỉ luận về lý tánh thì trung căn, hạ căn chẳng hưởng lợi ích; chuyên nói nhân quả thì người căn cơ bậc thượng thường hay chán nghe. Nhưng nhân quả và tâm tánh nếu tách rời ra, cả hai đều tổn; hợp lại, cả hai cùng tốt đẹp. Vì thế, ngài Mộng Đông nói: *"Người khéo luận tâm tánh ắt chẳng bỏ lìa nhân quả. Người tin sâu nhân quả ắt rốt cuộc hiểu rõ ràng tâm tánh"*. Lý này lẽ tất nhiên là như thế. Nhưng chúng sanh thời Mạt Pháp căn cơ hèn kém, các pháp Thiền - Giáo chỉ cậy vào tự lực, khế ngộ còn khó, huống hồ liễu thoát! Chỉ có pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dù là ngũ nghịch thập ác cũng có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, cao dự hải hội. Đối với pháp tối thượng thừa chẳng thể nghĩ bàn này, hãy nên giảng về cả Lý lẫn Sự, thành thật khuyên [ai nấy] hãy nên thí [pháp này] đều khắp.
* Nên biết rằng pháp môn Tịnh Độ có đủ cả tất cả sự tướng của bốn pháp giới, đều là pháp giới sự sự vô ngại. Đọc đến rồi tu, chớ nên chấp Lý bỏ Sự. Nếu chấp vào một bên, cả Lý lẫn Sự cùng mất. Như người biết ý căn nhạy bén nhất bèn bỏ cả ngũ căn thì ý căn cũng chẳng thể do đâu tồn tại được. Chỉ nên dùng Sự để hiển Lý, dùng Lý dung hội Sự mới chẳng sai lầm. Vì vậy, mới nói yếu chỉ của Tịnh Độ là "toàn Sự tức Lý". Lý - Sự viên dung bèn khế hợp bổn thể. Tôi biết sư đã ăn no cơm vua từ lâu[38] , nhưng vẫn cứ miệt mài hiến lời hèn mọn, chẳng qua để giãi bày tấc lòng thành của đứa con túng quẫn mong được trở về nhà, cũng như mong rửa sạch cái tội báng pháp trước đây đó thôi![39]
* Người thông minh đời nay tuy học Phật pháp, nhưng chưa thân cận khắp các thiện tri thức, đa phần chuyên trọng lý tánh, bài bác, vứt bỏ nhân quả và những chuyện tu hành về mặt Sự. Đã bác Sự Tu, nhân quả thì lý tánh cũng

mất. Bởi thế, thường có hạng tài cao, ngôn từ kinh động cả quỷ thần, nhưng xét đến hành vi lại chẳng khác gì bọn vô tri vô thức đầu đường xó chợ. Gốc bệnh đều là do bác Sự Tu và nhân quả gây ra cả, khiến cho bậc thượng trí uổng công nảy lòng thương xót, kẻ hạ ngu bắt chước làm càn theo. Ấy là dùng thân mình báng pháp, tội lỗi vô lượng.

* Biết chẳng khó, làm được mới khó. Đời có hạng người rỗng tuếch, nghe được lý "tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt", hoặc do duyệt kinh sách bên Giáo, tham thiền, ngộ được lý này, liền cho rằng mình giống như Phật, cần gì phải tu phải chứng, bèn phóng túng tâm ý, đối với hết thảy cảnh duyên lầm lạc bảo: "Sáu trần chính là Giác, tham - sân - si chính là Giới - Định - Huệ, cần gì phải chế tâm nhiếp thân, không dây mà tự trói mình?" Thứ kiến giải này hèn kém nhất; nghĩa là chấp Lý phế Sự, bác không nhân quả có khác gì dùng bánh vẽ để khỏi đói, cất nhà trên không, tự mình lầm, khiến người lầm, há chẳng phải là tội lỗi cực điểm hay sao? Dùng thiện nhân chuốc lấy quả ác, tam thế chư Phật gọi kẻ ấy là kẻ đáng thương xót vậy!

* Người đời nay phần nhiều ưa bàn xuông, chẳng chuộng thực sự tu tập. Khuyên tu Tịnh nghiệp, hiển nhiên là nên tu cả Sự lẫn Lý, nhưng phải đặt nặng việc tu về mặt Sự làm phương cách tu trì. Vì sao vậy? Do đối với người hiểu rõ Lý thì toàn Sự tức Lý, suốt ngày Sự Trì chính là suốt ngày Lý Trì. Nếu chưa thể hiểu thật rõ về Sự và Lý, vừa nghe nói đến Lý Trì liền biết nghĩa ấy thâm diệu, rất hợp với cái tính lười nhác, biếng trễ, sợ phải trì niệm nhọc nhằn của mình, bèn chấp Lý phế Sự. Sự đã phế thì Lý cũng chỉ thành bàn xuông mà thôi!

* Sự Trì là tin có đức A Di Đà Phật ở Tây phương, chưa thấu hiểu "tâm này làm Phật, tâm này là Phật", nhưng cứ quyết chí nguyện cầu vãng sanh như con nhớ mẹ, chẳng lúc nào tạm quên. Đấy là chưa đạt lý tánh nhưng cứ y theo Sự mà tu trì.

Lý Trì là tin đức A Di Đà Phật ở Tây phương tâm ta sẵn có, do tâm ta tạo. "Tâm sẵn có" nghĩa là tâm vốn có đủ lý này. "Tâm tạo" là nương theo cái lý sẵn có ấy để khởi tu thì lý ấy mới có thể hiển hiện được; vì thế gọi là "tạo". "Tâm sẵn có" chính là lý thể, "tâm tạo" là sự tu. "Tâm sẵn có" chính là "tâm này là Phật". "Tâm tạo" chính là "tâm này làm Phật".

"Tâm này làm Phật" chính là xứng tánh khởi tu. "Tâm này là Phật" chính là toàn tu tại tánh. Tu đức hữu công tánh đức mới hiển, dù ngộ Lý nhưng vẫn chẳng phế Sự thì mới là "chân tu". Nếu không sẽ đọa vào tri kiến cuồng vọng chấp Lý phế Sự. Bởi thế, phần dưới mới viết: *"Liền dùng hồng danh tự tâm sẵn có, hồng danh do tâm tạo thành để làm cảnh buộc tâm chẳng để tạm quên".*

Thứ giải pháp này ngàn đời chưa từng có, thật là khế lý khế cơ, lý sự viên dung, chẳng phải bậc Pháp Thân Đại Sĩ dễ gì đạt tới được! Sự Trì dù chưa

ngộ Lý, há nào phải ra ngoài Lý đâu, bất quá là hành nhân chưa thể viên ngộ tự tâm! Đã ngộ thì Sự chính là Lý, nào có phải cái lý được ngộ nằm ngoài Sự đâu! Lý chẳng lìa Sự, Sự chẳng lìa Lý, Lý - Sự không hai; như thân và tâm con người đồng thời vận dụng cả hai, trọn chẳng hề có chuyện thân và tâm tranh nhau hơn kém! Người thấu đạt dù có muốn chẳng dung hợp cũng chẳng thể được. Tri kiến cuồng vọng, chấp Lý phế Sự thì chẳng thể dung hợp.

* Tâm này trọn khắp, thường hằng như hư không. Chúng ta do mê nhiễm nên khởi các chấp trước, ví như hư không do bị các vật ngăn chướng nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thường hằng. Nhưng chẳng trọn khắp, chẳng thường hằng chỉ là vọng kiến chấp trước, chứ nào phải hư không thật sự bị các vật ngăn chướng nên chẳng trọn khắp, chẳng thường hằng ư? Vì thế, cái tâm phàm phu cùng với cái tâm bất sanh bất diệt mà đức Như Lai đã chứng trọn chẳng khác gì.

Điều khác biệt là do phàm phu mê nhiễm nên mới đến nỗi như thế, chứ chẳng phải là tâm thể vốn có cải biến! Di Đà Tịnh Độ hoàn toàn nằm trong một niệm tâm tánh của chúng ta, tâm ta vốn sẵn có Phật A Di Đà. Tâm ta sẵn có nên đương nhiên phải thường niệm. Đã thường niệm ắt sẽ cảm ứng đạo giao, tu đức có công tánh đức mới hiển, Sự - Lý viên dung, chúng sanh và Phật chẳng khác! Vì thế nói*: “Dùng tâm sẵn có Phật của mình để niệm đức Phật sẵn có trong tâm ta, lẽ nào đức Phật sẵn có trong tâm ta chẳng ứng với cái tâm sẵn có Phật ư?”*

* Những điều Tông môn dạy chuyên chỉ về lý tánh, chẳng luận về Sự Tu. Vì sao vậy? Muốn cho con người trước hết biết đến cái lý “nhân quả, tu chứng, phàm thánh, chúng sanh - Phật chẳng phân biệt”, để rồi y theo cái lý ấy mà bắt đầu tu nhân chứng quả, siêu phàm nhập thánh, đấy chính là sự “chúng sanh thành tựu Phật đạo” vậy!

* Luận rạch ròi thì Phật pháp chẳng ngoài Chân Đế và Tục Đế. Trong Chân Đế, một pháp chẳng lập, như thường nói: *“Thật Tế lý địa chẳng dính mảy trần”*. Trong Tục Đế, không pháp nào chẳng đủ, như thường nói: *“Trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp”*. Trong Giáo, xiển dương cả Tục lẫn Chân, nhưng đa phần nói về Tục Đế. Bên Tông thì chính ngay nơi Tục nói về Chân, nhưng quét sạch tướng Tục.

Phải biết rằng: Chân và Tục đồng thể, hoàn toàn chẳng phải là hai vật. Ví như tấm gương báu tròn lớn, rỗng sáng chiếu soi cùng tột, trọn chẳng có một vật. Tuy trọn chẳng có một vật, nhưng nếu người Hồ đến, gương hiện bóng người Hồ, người Hán đến, hiện bóng người Hán, sâm la vạn tượng cùng đến đều cùng hiện. Dù bao tướng cùng hiện, vẫn trọn chẳng có một vật. Tuy trọn chẳng có một vật, chẳng trở ngại các tướng cùng hiện. Nơi “các tướng cùng hiện” đó, nhà Thiền chuyên nói “trọn chẳng có một vật”. Nơi “trọn chẳng có

một vật" ấy, Giáo dạy rõ "các tướng cùng hiện". Như vậy, nơi Sự Tu nhà Thiền hiển rõ lý tánh, chẳng bỏ Sự Tu. Nơi lý tánh, Giáo giảng Sự Tu quy về lý tánh. Đấy gọi là *"xứng tánh khởi tu, toàn tu tại tánh, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, Sự - Lý cùng đạt, Tông - Giáo bất nhị"* vậy!
* Cái gọi là Niệm Phật Tam Muội nói tưởng dễ dàng, nhưng chứng đạt thật khó. Hãy nên nhiếp tâm niệm thiết tha, lâu ngày sẽ tự đạt. Dù chẳng thể tự đạt, nhưng do công đức tin chân thành, nguyện thiết tha, nhiếp tâm tịnh niệm ắt sẽ ngầm được Phật tiếp dẫn, đới nghiệp vãng sanh. Sự Nhất Tâm theo cách phán định của đại sư Ngẫu Ích người tu hành đời nay còn chưa thực hiện nổi, huống chi Lý Nhất Tâm? Phải đoạn được Kiến Tư Hoặc mới gọi là Sự Nhất Tâm. Phá vô minh, chứng pháp tánh gọi là Lý Nhất Tâm.
Nếu là bậc "trong ngầm hạnh Bồ Tát, ngoài hiện làm phàm phu" thì đối với hai loại Nhất Tâm này chẳng khó khăn gì. Nếu thật sự là phàm phu đầy dẫy triền phược thì Sự Nhất Tâm còn chưa dễ được, huống hồ là Lý Nhất Tâm ư? Hãy xem kỹ lá thư trao đổi rất dài giữa Quang tôi và vị cư sĩ nọ ở Vĩnh Gia ắt sẽ biết rõ. Đến chừng nào ngộ Vô Sanh rồi, gìn giữ chắc chắn, tiêu sạch các tập khí dư thừa, sẽ tự hiểu rõ điều ấy, cần gì phải hỏi trước? Như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Nếu không dù người uống có nói đích xác mười phần, người chưa uống rốt cuộc vẫn chẳng biết được mùi vị ra sao! Có lẽ cư sĩ thấy ngộ được Vô Sanh Nhẫn là chuyện dễ dàng, e tự mình ngộ rồi nhưng chưa biết cách gìn giữ chắc chắn [cái ngộ ấy] ắt sẽ bị các tập khí thừa sót khiến cho sở ngộ lại bị mất đi nên mới hỏi như vậy chăng? Chân Vô Sanh Nhẫn thật chẳng phải là chuyện nhỏ đâu, đấy chính là "phá vô minh - chứng pháp tánh"; tối thiểu phải là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo, bậc Sơ Địa trong Biệt Giáo [mới chứng được], nói sao dễ dàng thế?
Mong ông hãy hành theo những điều Quang đã nói trong Văn Sao, ắt sẽ hiểu duyên do của pháp môn Tịnh Độ, ắt tín - nguyện - hạnh sẽ chẳng bị những dị thuyết của hết thảy thiện tri thức đoạt mất. Sau đấy, nếu còn sức thì chẳng ngại nghiên cứu thêm các kinh luận Đại Thừa để mở mang trí thức, hòng làm căn cứ hoằng truyền Tịnh Độ. Như vậy, dù là phàm phu vẫn có thể tùy cơ lợi sanh, hành Bồ Tát đạo, đừng lầm mong cao xa, chỉ e Sự - Lý chẳng rành, khó tránh khỏi bị ma dựa. Lá thư dài gởi vị cư sĩ nọ ở Vĩnh Gia chuyên trị chứng bịnh này. Bịnh cư sĩ ấy với bịnh của ông tên gọi khác nhau, nhưng tánh chất giống hệt, nên Quang chẳng muốn nói nhiều.
Chỉ mong ông nhờ lá thư ấy mà lãnh hội. Phải biết người sau khi đã ngộ dù tu trì giống hệt như người chưa ngộ, nhưng tâm niệm khác biệt. Người chưa ngộ Vô Sanh, cảnh chưa xảy đến đã mong sẵn, cảnh hiện tiền bèn nắm níu, cảnh đã qua rồi vẫn nghĩ nhớ. Người ngộ Vô Sanh thì cảnh tuy sanh diệt, tâm chẳng sanh diệt, hệt như gương sáng, đến không dính, đi không tăm tích. Tâm ứng theo cảnh như gương hiện bóng, trọn chẳng có mảy may ý

niệm nào chấp trước, quyến luyến. Dù đối cảnh vô tâm, vẫn sóng trào biển hạnh, mây bủa cửa từ. Đối với luân lý, cương thường thế gian và việc thượng hoằng hạ hóa đều mỗi mỗi nhận hiểu đúng, thật sự thực hành, dù táng thân mất mạng chẳng chịu vượt phạm.

Đừng tưởng là đối cảnh vô tâm rồi phế hết các sự tu trì tự lợi lợi tha, thượng hoằng hạ hóa. Nếu hiểu như vậy sẽ vướng sâu vào Không Ma, đọa vào Ngoan Không. Do đấy, bác không nhân quả, buông lung làm càn trở thành đem phàm lạm thánh, hoại loạn Phật pháp, lầm lạc chúng sanh, tạo thành chủng tử A Tỳ địa ngục. Điều này quan hệ hết sức sâu xa, bất đắc dĩ Quang tôi phải vì ông trình bày sơ lược lợi hại.

* Nếu ước trên Thật Tế lý thể để luận thì phàm - thánh, chúng sanh - Phật, nhân - quả, tu - chứng đều chẳng thể được. Nếu luận trên phương diện pháp môn tu trì thì trên từ Như Lai đã thành Phật đạo, dưới đến chúng sanh trong A Tỳ đều chẳng ra ngoài nhân quả. Hiểu rõ lý tánh nhưng chẳng phế Sự Tu bèn là Chánh Tri, chấp lý tánh phế Sự Tu bèn thành tà kiến. Sai chỉ hào ly, lập thành địa ngục và Phật quả khác biệt.

---o0o---

2. Luận Về Tâm Tánh

* Tâm vừa Tịch, vừa Chiếu, bất sanh bất diệt, rộng lớn, thấu triệt, linh thông, viên dung hoạt bát, là gốc của hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Từ hạng phàm phu đầy dẫy triền phược, hôn mê, điên đảo lầm lạc cho đến tam thế chư Phật, tâm ấy vẫn hệt như nhau, trọn không có gì khác. Vì thế nói: *"Tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt"*.

Chỉ vì chư Phật chứng đắc rốt ráo nên công đức, lực dụng phô bày triệt để; phàm phu toàn thể mê trái, lại còn áp dụng sức công đức lực dụng ấy vào sáu trần cảnh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ. Ba thứ Hoặc - nghiệp - khổ phát khởi lẫn nhau, nhân nhân quả quả liên tiếp chẳng dứt, trải trần sa kiếp chịu mãi luân hồi, dù muốn xuất ly cũng chẳng có cách nào! Ví như trong nhà tối mò phải của báu, chẳng những không thọ dụng được, lại còn bị của báu ấy làm tổn thương. Tâm mê chạy theo cảnh, quay lưng với Giác, xuôi theo trần lao cũng giống như thế.

Như Lai thương xót, dạy cho họ bỏ vọng về với chân, khôi phục tâm tánh mình. Thoạt đầu dạy "hết vọng là chân", kế đó dạy "toàn thể vọng chính là chân", như gió lặng sóng yên, nắng ấm băng tan; sóng, băng trở thành nước. Sóng, băng cùng với nước nào phải là hai vật; nhưng lúc sóng chưa yên, băng chưa tan, so với lúc sóng đã lặng, băng đã tan, dù thể tánh trọn chẳng phải hai, tướng và dụng khác xa vời vợi. Bởi thế mới nói: *"Tu đức hữu công,*

tánh đức mới hiển”. Nếu chỉ cậy vào tánh đức, chẳng chú trọng tu đức thì đến tận đời vị lai cứ mãi mãi là chúng sanh, luống uổng Phật tánh sẵn có, không chỗ dựa nương! Vì thế, Bát Nhã Tâm Kinh nói: *“Lúc Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành sâu xa Bát Nhã Ba La Mật, soi thấy năm uẩn đều không, vượt hết thảy khổ ách”.*

Toàn thể Ngũ Uẩn là Chân Như diệu tâm, nhưng do một bề mê muội, trái nghịch bèn thành tướng huyễn vọng. Vọng tướng đã thành, bèn lầm mất Nhất Tâm. Đã mê muội nơi Nhất Tâm, các khổ đều nhóm lại. Như gió thổi, toàn thể nước trở thành sóng; trời lạnh, nước mềm thành cứng. Dùng Bát Nhã thậm thâm để chiếu soi liền hiểu rõ: mê chân thành vọng, toàn vọng chính là chân; như gió lặng, trời ấm, nước lại trở về bản thể.

Vì thế biết rằng: Hết thảy các pháp đều do vọng tình biến hiện, nếu lìa vọng tình thì bản thể của các pháp ấy hoàn toàn là Không. Bởi vậy, tứ đại đều mất bản tánh, lục căn dùng lẫn cho nhau. Thế nên, Bồ Tát chẳng khởi Diệt Định, hiện các oai nghi, dùng nhãn căn làm Phật sự của nhĩ căn, dùng nhĩ căn làm Phật sự của nhãn căn, vào trong đất như vào nước, đi trong nước như đi trên đất, nước lửa chẳng thể đốt cháy hay nhận chìm được, tùy ý đi, ngồi trên hư không, cảnh không tự tánh, đều theo tâm chuyển.

Bởi vậy, kinh Lăng Nghiêm nói: *“Nếu có kẻ nào nhận chân, quy nguyên thì mười phương hư không thảy đều tan mất”.* Đấy chính là hiệu quả thật sự của việc “soi thấy năm uẩn đều không” vậy. “Quy” nghĩa là quay về, trở về, tức là phản chiếu hồi quang, khôi phục tâm tánh vốn có. Nhưng muốn phản chiếu hồi quang khôi phục tâm tánh, nếu trước hết tâm chẳng quy hướng Tam Bảo sẽ chẳng thể y giáo phụng hành. Tâm đã quy hướng Tam Bảo sẽ tự có thể khôi phục nguồn tâm, triệt chứng Phật tánh. Đã khôi phục được nguồn tâm vốn sẵn có, triệt chứng Phật tánh, mới biết tự tâm quý báu nhất, trong mê chẳng giảm, lúc ngộ chẳng tăng. Chỉ vì thuận theo pháp tánh nên thọ dụng được, trái lại sẽ bị tổn thương. Thế nhưng, tổn hại hay lợi ích cách biệt nhau một trời, một vực!

* Chúng sanh là Phật chưa ngộ, Phật là chúng sanh đã ngộ. Tâm tánh bổn thể của chúng sanh và Phật bình đẳng, giống hệt như nhau, không hai, không khác; nhưng khổ - vui, thọ dụng khác biệt nhau như trời với đất là do xứng tánh thuận tu hay trái tánh nghịch tu mà thành ra như thế. Lý này rất sâu, chẳng dễ tuyên nói. Để khỏi phí lời [giãi bày], xin mượn ví dụ để minh thị:

Chư Phật tu đức đến cùng cực, chứng ngộ triệt để tánh đức, giống như tấm gương báu tròn lớn. Thể chất của gương là đồng[40] . Biết gương có tánh chất tỏa sáng nên hằng ngày lau, mài, ra sức chẳng ngơi. Bụi hết, gương tỏa sáng, dựng trên đài cao, vật nào soi đến liền hiện bóng. Lớn như trời đất, nhỏ như hạt bụi, mảy lông, sâm la vạn tượng đều hiện rành rành. Ngay trong lúc

muôn vàn hình tượng cùng hiện ấy, gương vẫn rỗng rang, trống trải, trọn chẳng có một vật nào.
Tâm chư Phật cũng giống như vậy: đoạn sạch phiền não, Hoặc nghiệp, hiển hiện trọn vẹn trí huệ, đức tướng, an trụ trong Tịch Quang đến cùng tận đời vị lai thường hưởng pháp lạc, độ chín giới xuất ly sanh tử, cùng chứng Niết Bàn. Chúng sanh hoàn toàn mê nơi tánh đức, trọn chẳng tu đức mảy may, ví như gương báu bụi phủ, chẳng có mảy may quang minh nào, ngay cả chất đồng cũng bị teng đóng nên quang minh chẳng hiện được. Tâm chúng sanh cũng giống như thế.
Nếu như biết tấm gương bị bỏ phế chẳng hiện chất đồng này vốn có quang minh soi trời chiếu đất, do đấy chẳng chịu bỏ phế, ngày ngày lau chùi, mài bóng, lúc đầu hơi lộ chất đồng, dần dà tỏa ánh quang minh, vẫn cực lực mài cho sạch, một ngày kia, teng lẫn bụi hết sạch, tự nhiên hình tượng nào soi vào liền hiện bóng, soi trời chiếu đất. Quang minh ấy gương vốn tự có, chẳng phải từ bên ngoài vào, chẳng phải do mài mà có; nhưng nếu chẳng mài cũng không cách nào có được!
Chúng sanh bỏ trần xuôi theo tánh giác, bỏ vọng theo chân cũng giống như thế. Phiền hoặc đoạn dần dần, trí huệ sẽ tăng dần dần. Đến khi công hạnh viên mãn, đoạn được cái không thể đoạn, chứng được cái không thể chứng, viên mãn Bồ Đề, trở về cái chẳng thể đạt được, thần thông, trí huệ, công đức, tướng hảo trọn chẳng khác gì với mười phương ba đời chư Phật. Dù là như vậy, cũng chỉ là khôi phục cái mình sẵn có, phải đâu là mới có. Nếu chỉ chấp nhận tánh đức, chẳng khởi tu đức, ắt đến tận đời vị lai thường phải chịu cái khổ luân hồi sanh tử, vĩnh viễn chẳng có ngày khôi phục cái gốc, trở về cội nguồn được!
* Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng tâm hạnh thọ dụng của Phật và chúng sanh tuyệt đối chẳng tương đồng. Vì sao vậy? Vì Phật bỏ trần theo giác, chúng sanh lại bỏ giác theo trần; Phật tánh dẫu đồng, mê - ngộ rất khác! Vì thế, sướng - vui, thăng - trầm khác nhau một trời, một vực! Nếu quan sát kỹ nghĩa lý ba nhân Phật tánh, ắt không mối nghi nào là chẳng phá được, không ai là chẳng muốn tu tập! Ba nhân là chánh nhân, liễu nhân và duyên nhân.
Chánh nhân Phật tánh chính là diệu tánh vốn sẵn có trong tâm ta, là Pháp Thân chân thường chư Phật đã chứng. Diệu tánh này tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng, trong sanh tử chẳng nhiễm, ở Niết Bàn chẳng tịnh. Chúng sanh triệt để mê trái tánh này, chư Phật viên chứng rốt ráo. Mê - chứng dù khác, tánh thường bình đẳng.
Thứ hai là liễu nhân Phật tánh, tức là chánh trí để phát sanh chánh nhân Phật tánh. Do tri thức hoặc là do kinh giáo, nghe biết diệu nghĩa chánh nhân Phật tánh bèn liễu ngộ, biết do một niệm vô minh chướng lấp nguồn tâm, chẳng

biết bản thể của cảnh giới sáu trần vốn là không, nhận lầm thật có, đến nỗi khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chịu khổ, khiến cho Chánh Nhân Phật Tánh trở thành cái gốc để khởi Hoặc tạo nghiệp chịu khổ. Từ đấy liễu ngộ, bèn muốn bỏ vọng về với chân, hòng mong khôi phục bổn tánh.
Ba là duyên nhân Phật tánh, tức là trợ duyên. Đã liễu ngộ, phải tu tập các thứ thiện pháp ngõ hầu tiêu trừ Hoặc nghiệp, tăng trưởng phước huệ, cốt sao tự chứng được rốt ráo cái lý sẵn có mà ta đã ngộ đó mới thôi!
Xin dùng thí dụ để chỉ rõ: Chánh Nhân Phật Tánh như vàng trong quặng, như lửa trong gỗ, như ánh sáng nơi gương, như mầm trong hạt, dù là sẵn có, nhưng nếu chẳng biết đến, chẳng được các duyên: nung luyện, khoét, dùi, mài giũa, gieo trồng, mưa đẫm... thì vàng, lửa, ánh sáng, mầm mộng vĩnh viễn chẳng khi nào phát sanh được! Như vậy dù có chánh nhân nhưng nếu không duyên, trọn chẳng thể thọ dụng được.
Bởi thế, Phật dạy hết thảy chúng sanh đều là Phật, muốn độ thoát họ; nhưng chúng sanh trọn chẳng liễu ngộ, chẳng chịu tu tập thiện pháp, đến nỗi bao kiếp dài lâu luân hồi sanh tử, không thể thoát được. Do đó, Như Lai rộng bày các phương tiện, tùy cơ chỉ bày, dẫn dắt, mong chúng sanh bỏ vọng theo chân, bỏ trần theo giác.
* Cổ nhân nói: *"Sanh tử cũng lớn, há chẳng đau đớn ư?"* Trộm bàn: Đã chẳng biết nguyên do, dù có đau lòng cũng chẳng ích gì! Nên biết rằng: Hết thảy chúng sanh theo nghiệp lưu chuyển, thọ sanh trong sáu đường, sanh chẳng biết từ đâu đến, chết chẳng biết đi về đâu! Do nhân duyên tội hay phước sẽ thăng hay giáng, xoay vần luân hồi, chẳng lúc nào xong. Như Lai thương xót, dạy nhân duyên "do Hoặc khởi nghiệp, do nghiệp cảm khổ" và bản thể "thường, lạc, ngã, tịnh, tịch chiếu viên dung" khiến chúng sanh hiểu rõ: Do vô minh nên mới có thân này. Vì thế, thân này hoàn toàn thuộc về huyễn vọng, chẳng những không có tứ đại, ngay cả ngũ uẩn cũng đều không. Đã biết ngũ uẩn là không thì Chân Như pháp tánh, Thật Tướng diệu lý sẽ triệt để phô bày trọn vẹn.
* Do tùy duyên nên có tứ thánh, lục phàm, khổ - sướng, thăng - trầm khác xa nhau; nhưng duyên có tịnh - nhiễm, nên phải tùy thuộc vào một [trong hai duyên ấy]. Tùy thuộc nhiễm duyên sẽ khởi Hoặc, tạo nghiệp, luân hồi sáu đường. Tùy thuộc tịnh duyên sẽ đoạn Hoặc chứng Chân, thường trụ Niết Bàn. Do Hoặc nghiệp có nặng và nhẹ nên có đường lành người - trời, đường thiện ác chen lẫn là A-tu-la, và ba ác đạo: súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ.
Do Hoặc khởi Hoặc, do nghiệp tạo nghiệp hoặc thiện hoặc ác, trọn chẳng có tướng nhất định, cho nên chỗ phải sanh về sẽ lần lượt thay đổi như bánh xe xoay tít chẳng có đầu mối, chợt lên, chợt xuống. Đã có đủ phiền hoặc, sẽ đều bị nghiệp buộc ràng, theo nghiệp thọ sanh, chẳng thể tự làm chủ được!

Do đoạn chứng (đoạn Hoặc chứng chân) có sâu hay cạn nên người đoạn Kiến Tư Hoặc sẽ chứng quả Thanh Văn, người trừ tập khí sẽ chứng quả Duyên Giác, bậc phá vô minh sẽ chứng quả Bồ Tát. Nếu trừ sạch vô minh, phước huệ viên mãn, công tu đức đến cùng cực, tánh đức phô bày trọn vẹn sẽ chứng Phật Quả. Chứng Phật Quả bất quá chỉ là chứng rốt ráo triệt để những công đức, lực dụng sẵn có trong tâm tánh ngay khi còn thuộc địa vị phàm phu, nay thọ dụng toàn thể những công đức, lực dụng ấy mà thôi, chứ chẳng thêm mảy may gì vào cái tâm tánh ban đầu ấy cả!
Như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, tuy sở chứng cao thấp bất đồng, nhưng đều chưa thể thọ dụng trọn vẹn những công đức sẵn có nơi tánh. Thế nhưng hết thảy phàm phu lại hướng sức lực chẳng thể nghĩ bàn của tâm tánh ấy vào sáu trần cảnh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, đến nỗi đọa vào ba ác đạo, trầm luân bao kiếp, so ra ai nấy đều như thế, chẳng đáng buồn ư?
* Trước không khởi đầu, sau không kết thúc, dù chứa đựng cả thái hư vẫn chẳng thể lọt ra ngoài, dù nằm lọt trong vi trần cũng chẳng thể lọt vào trong, thanh tịnh sáng sạch, trạm tịch thường hằng, chẳng sanh, chẳng diệt, lìa tướng, lìa danh, là có nhưng chẳng phải có, là không nhưng chẳng phải không. Đấy là Chân Tánh.
Xét ra cái thân địa - thủy - hỏa - phong chỉ là gân, xương, máu, thịt chứa nhóm, mới sanh liền diệt, vừa tươi tốt đã tàn úa. Các xương, đốt chống đỡ như kết gỗ làm nhà, một tấm da phủ ra ngoài như tô bùn trát vách. Bên trong toàn là phân tiểu, máu mủ, mặt ngoài cáu ghét, mồ hôi, lông, tóc; giòi tửa lúc nhúc, chấy rận như sao trời, giả gọi là Người, nào tồn tại cái Ngã! Lại dùng những thứ mình sẵn có là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý để bươn bả trong rừng gai góc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Do đó, khởi vô minh tham - sân - si, diệt mất chánh trí Giới - Định - Huệ.
Ngũ Uẩn vốn không, nào ai chịu một phen quán chiếu. Sáu trần vô tánh, người người cho là thật, đến nỗi vạn khổ cùng tụ tập, cứ lầm mãi tánh linh với vọng tâm và huyễn thân. Đúng như kinh Viên Giác nói*: "Hết thảy chúng sanh bao thứ điên đảo, nhận lầm tứ đại là thân tướng của mình, nhận lầm duyên ảnh của sáu trần là tâm tướng của mình"*.

---o0o---

3. Luận Về Ngộ Chứng

* Từ xưa, cao tăng hoặc cổ Phật tái sanh, hoặc Bồ Tát thị hiện đều thường hiện thân làm phàm phu, trọn chẳng hề nói ta là Phật, ta là Bồ Tát. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: *"Sau khi ta diệt độ, ta truyền các Bồ Tát và các A La Hán, ứng thân sanh trong thời mạt pháp, hiện các thứ thân để độ những kẻ*

đang luân chuyển, nhưng trọn chẳng tự bảo mình thật sự là Bồ Tát hay A La Hán, tiết lộ nhân duyên bí mật của Phật, chỉ thường nhún nhường nói mình là kẻ mạt học". Chỉ trừ lúc lâm chung, bèn ngầm để lại lời phó chúc.

Trí Giả Đại Sư thật sự là hóa thân của Phật Thích Ca, đến lúc lâm chung, có người hỏi ngài đã chứng đến địa vị nào. Ngài đáp:*"Nếu tôi chẳng lãnh chúng ắt sẽ tịnh được sáu căn, vì tổn mình lợi người nên chỉ đạt được Ngũ Phẩm. Do vậy, vẫn còn thuộc địa vị phàm phu!"* Ngũ Phẩm tức là địa vị Quán Hạnh trong Viên Giáo, sở ngộ bằng với chư Phật, đã chế phục hoàn toàn ngũ trụ phiền não, nhưng vẫn chưa đoạn được Kiến Hoặc. Ngài Trí Giả lúc lâm chung còn chẳng hé lộ sở chứng thật sự là vì để khích lệ kẻ hậu học gắng chí tinh tu, chẳng đến nỗi được chút ít đã cho là đủ, hoặc còn là phàm phu mà đã lạm xưng là thánh!

Nay bè lũ ma khoe xằng mình đắc đạo, hoại loạn Phật pháp, lầm lạc chúng sanh, là kẻ đại vọng ngữ. Cái tội đại vọng ngữ đó nặng hơn tội ngũ nghịch, thập ác trăm ngàn vạn ức lần. Thầy trò chúng nó sẽ đọa mãi trong địa ngục A Tỳ trải qua Phật sát vi trần số kiếp[41] , luôn chịu sự khổ cùng cực, không cách nào thoát khỏi. Sao đành vì hư danh, lợi lạc phù phiếm một thời để phải chịu hình phạt thảm khốc dài cả kiếp? Danh lợi làm con người lầm lạc đến nỗi như thế đấy!

* Niệm Phật, xem kinh, ngộ lý Nhị Không, chứng pháp Thật Tướng là ước trên phương diện tự tỉnh ngộ tu trì để dạy về nhân hiện tại, quả mai sau. Chớ nên càn rỡ tự đắc, bảo là ngay trong đời này mình sẽ đạt được như thế. Chứng Thật Tướng ngay trong đời này chẳng phải là không có người làm được, chỉ e hiền khiết[42] không có căn lành ấy! Nếu chẳng trình bày rõ nguyên do, e rằng ông sẽ lầm mong chứng thánh, chí cao nhưng hạnh chẳng xứng, lâu ngày ắt sẽ mất trí đâm cuồng, chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng bảo đã chứng, cầu thăng hóa đọa, biến khéo thành vụng. Xét đến kết quả, khó tránh chìm đắm mãi mãi trong nẻo ác; chẳng những mai một tánh linh của chính mình, lại còn cô phụ Phật ân nữa!

Đối với hai thứ Không Lý, nếu chỉ luận về ngộ thì hàng phàm phu lợi căn cũng ngộ được. Như những người thuộc vào địa vị Danh Tự của Viên Giáo, tuy chẳng chế phục được mảy may ngũ trụ phiền não nào, nhưng sở ngộ của họ và sở ngộ của chư Phật không hai, không khác (Ngũ trụ: Kiến Hoặc là một trụ, Tư Hoặc gồm ba trụ. Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc gộp thành một trụ). Nếu nói theo nhà Thiền, những kẻ ấy gọi là bậc đại triệt đại ngộ, bên Giáo gọi là "đại khai viên giải".

["Đại triệt đại ngộ"] chẳng phải là chỉ hiểu loáng thoáng mơ hồ đâu nhé! Như Bàng cư sĩ (Bàng Long Uẩn) nghe Mã Tổ bảo:*"Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang, ta sẽ nói cho ông hay"* liền đốn vong huyền giải. Ngài Đại Huệ Cảo nghe ngài Viên Ngộ bảo: *"Gió nồm từ Nam thổi,*

điện gác mát mẻ sao!" cũng ngộ như thế. Tổ Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa đến câu *"gọi là chân tinh tấn, là chân pháp để cúng dường Như Lai"* của phẩm Dược Vương Bổn Sự liền hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, tận mắt thấy một hội Linh Sơn nghiễm nhiên chưa tan. Ngộ như thế mới gọi là "đại triệt đại ngộ, đại khai viên giải!"

Nếu bàn về chuyện chứng được pháp Thật Tướng thì hàng phàm phu sát đất chẳng thể làm được. Nam Nhạc Tư đại thiền sư là "đắc pháp sư"[43] của ngài Trí Giả, có đại trí huệ, có đại thần thông, lúc lâm chung, có người hỏi đến sở chứng, ngài bảo: *"Tôi lúc đầu mong đạt được Đồng Luân, nhưng do lãnh chúng quá sớm nên chỉ đạt được Thiết Luân mà thôi!"* (Đồng Luân tức là Thập Trụ, phá một phần vô minh, vừa mới dự vào Thật Báo Tịnh Độ, chứng được một phần Tịch Quang Tịnh Độ. Bậc Sơ Trụ có thể hiện thân làm Phật giáo hóa chúng sanh trong một trăm tam thiên đại thiên thế giới. Nhị Trụ giáo hóa được một ngàn, Tam Trụ giáo hóa bốn ngàn. Mỗi địa vị cứ gấp mười lần hơn. Thiết Luân tức là địa vị thứ mười trong Thập Tín. Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc, Bát, Cửu, Thập Tín phá được Trần Sa, chế phục vô minh. Ngài Nam Nhạc Huệ Tư thị hiện chỉ chứng được ngôi thứ 10 trong Thập Tín, tức là vẫn chưa chứng được pháp Thật Tướng. Phá một phẩm vô minh liền chứng Sơ Trụ, mới được gọi là chứng pháp Thật Tướng).

Trí Giả đại sư là hóa thân của Phật Thích Ca. Lâm chung có người hỏi ngài chứng được địa vị nào, ngài đáp: *"Nếu ta chẳng lãnh chúng, ắt sẽ tịnh được sáu căn* (tức là nếu ngài không thâu nạp, giáo hóa đồ chúng, ngài sẽ chứng được Thập Tín, sáu căn thanh tịnh như trong phẩm Pháp Sư Công Đức kinh Pháp Hoa đã nói). *Do tổn mình lợi người, nên chỉ chứng được Ngũ Phẩm*" (Ngũ Phẩm tức là địa vị Quán Hạnh, chế phục trọn vẹn Ngũ Trụ Hoặc, nhưng vẫn chưa đoạn được Kiến Hoặc). Ngẫu Ích đại sư lâm chung có bài kệ như sau:

Danh tự vị trung chân Phật nhãn,
Vị tri tất cánh phó hà nhân
(Phật nhãn hãy còn nơi danh tự,
Giao ai rốt cuộc biết đâu là!)

(Người thuộc về địa vị danh tự đã viên ngộ Tạng Tánh giống như chư Phật, nhưng chưa thể chế phục được Kiến Hoặc, huống hồ là đoạn nổi! Thân phận những bậc đại triệt đại ngộ trong đời mạt đa phần giống như vậy. Tạng Tánh chính là Như Lai Tạng Diệu Chân Như tánh, là tên gọi khác của pháp Thật Tướng).

Ngẫu Ích đại sư thị hiện chỉ chứng địa vị Danh Tự, ngài Trí Giả thị hiện chỉ chứng được Ngũ Phẩm, ngài Nam Nhạc thị hiện chỉ chứng được Thập Tín. Tuy bổn địa của ba vị đại sư đều chẳng thể suy lường được, nhưng các ngài

thị hiện chỉ chứng ba địa vị Danh Tự, Quán Hạnh, Tương Tự, đủ thấy Thật Tướng chẳng dễ chứng. Vì kẻ hậu tấn khó thể vượt hơn các ngài được, chỉ e chúng nó chưa chứng đã bảo là chứng nên các ngài lấy thân mình thuyết pháp ngõ hầu người đời sau tự biết hổ thẹn, chẳng dám làm xằng đó thôi! Cái ân thị hiện địa vị sở chứng vào lúc sau cùng của ba vị đại sư thật là nghiền xương, nát thân khó báo đáp nổi! Ông hãy tự suy gẫm coi mình thật sự có vượt trỗi ba vị đại sư ấy chăng?
Còn như cho rằng: "Niệm Phật, xem kinh, vun bồi căn lành, sau khi vãng sanh Tây Phương, thường hầu Phật Di Đà, cao dự hải hội, tùy theo công hạnh cạn hay sâu ắt chứng được Thật Tướng sớm hay trễ" thì đấy là lời quyết định vô ngại, là điều hết thảy những người vãng sanh cùng chứng cùng đắc vậy!

* Ngộ là phân minh rành rành như mở cửa thấy núi, vẹt mây thấy trăng. Lại như người mắt sáng đích thân thấy đường về nhà, cũng như kẻ nghèo đã lâu chợt mở toang kho báu. Chứng là như theo đường về nhà, dừng chân ngồi yên, cũng như giữ lấy kho báu ấy, tùy ý hưởng dùng. Phàm phu đại tâm cũng có thể liễu ngộ giống như chư Phật, nhưng về mặt Chứng thì Sơ Địa còn chẳng thể biết nổi chỗ giở chân, đặt chân của bậc Nhị Địa. Hiểu được ý nghĩa Chứng và Ngộ rồi, tự nhiên sẽ chẳng khởi lòng tăng thượng mạn, chẳng nảy ý lui sụt, mà cái tâm cầu sanh Tịnh Độ dù vạn con trâu cũng chẳng kéo lui lại được!
* Trí Giả đại sư được người đời xưng tụng là hóa thân của Phật Thích Ca. Chẳng ai biết được sở chứng của Ngài, nhưng Phật hiện thân tạo pháp tắc cho chúng sanh. Vì thế, đại sư thị hiện vẫn thuộc địa vị phàm phu, bảo: *"Nếu ta chẳng lãnh chúng, ắt sẽ tịnh được sáu căn"*. Ngài dùng chính thân mình để răn người, hiện thân thuyết pháp. Thoạt đầu, đại sư mong đoạn Hoặc chứng Chân, đạt thẳng lên Thập Địa hay Đẳng Giác. Do phải hoằng pháp lợi sanh, bỏ lỡ công phu thiền định của chính mình nên chỉ chứng được địa vị Ngũ Phẩm Quán Hạnh trong Viên Giáo mà thôi! Vì thế ngài nói: *"Do tổn mình lợi người nên chỉ đạt được Ngũ Phẩm"*.
Ngũ Phẩm là năm thứ: tùy hỷ, đọc tụng, giảng nói, kiêm hành Lục Độ và chánh hành Lục Độ. Địa vị Ngũ Phẩm trong Viên Giáo viên ngộ Tạng Tánh (Tạng tánh là Thật Tướng diệu lý, khi còn triền phược ("tại triền") gọi là Như Lai Tạng Tánh. Lúc thoát được triền phược gọi là Tịnh Pháp Thân. Nói chung là vì vô minh chưa đoạn nên gọi là Triền) giống hệt sở ngộ của Phật, trọn chẳng khác gì. Đã chế phục trọn vẹn Kiến, Tư, Trần Sa, Vô Minh, Phiền Não nhưng chưa đoạn được Kiến Hoặc. Nếu đoạn được Kiến Hoặc liền chứng Sơ Tín. Đến địa vị Thất Tín mới đoạn sạch Tư Hoặc, thật sự

chứng được "lục căn tùy ý chẳng nhiễm sáu trần". Vì thế gọi là địa vị "lục căn thanh tịnh".
Đã thế, trong mỗi một căn lại có đủ công đức của sáu căn, làm Phật sự của sáu căn. Do vậy, còn gọi là "lục căn hỗ dụng" (sáu căn dùng lẫn nhau) như trong phẩm Pháp Sư Công Đức của kinh Pháp Hoa đã nói. Ngài Nam Nhạc thị hiện chứng địa vị này. Người thuộc vào địa vị này chẳng những có đại trí huệ, lại còn có đại thần thông, thần thông của Tiểu Thừa A La Hán chẳng thể sánh bằng. Vì thế ngài Nam Nhạc lúc sanh tiền cũng như sau khi tịch luôn có những sự chẳng thể nghĩ bàn khiến kẻ thấy hoặc nghe phát khởi tín tâm.
Nam Nhạc, Trí Giả đều là bậc Pháp Thân Đại Sĩ, địa vị thực chứng của các Ngài nào ai dò được mức cao thâm. Chẳng qua các ngài muốn cổ vũ hậu thế chuyên tinh học đạo nên mới chịu khuất lấp như thế, nào phải đâu các ngài thật sự chỉ chứng địa vị Thập Tín Tương Tự hay Ngũ Phẩm Quán Hạnh! Lũ phàm phu sát đất chúng ta há kham học đòi các ngài được ư? Hãy nên ưa thô trì trọng giới[44] , nhất tâm niệm Phật, kiêm tu các điều lành thế gian để làm trợ hạnh, noi theo pháp hạnh các vị Vĩnh Minh, Liên Trì thì không ai là chẳng được lợi cả!
* Các tông tu trì Phật pháp phải đến mức "hạnh khởi, giải tuyệt" mới được lợi ích thật sự, chỉ riêng Tịnh Tông chẳng tu quán như thế. Nhà Thiền đem một câu thoại đầu hoàn toàn vô nghĩa đặt vào trong tâm, coi như bổn mạng nguyên thần, chẳng kể năm tháng, suốt ngày tham cứu cho đến khi nào cả thân tâm lẫn thế giới đều chẳng biết đến nữa, mới hòng đại triệt đại ngộ; chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt hay sao? Lục Tổ nói: *"Chỉ xem kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh"*, đấy chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt ư?
Theo ngu ý, chữ Khởi nên hiểu là Cực, tức là tận lực đến cùng cực, mới hòng đạt đến cả Năng lẫn Sở cùng mất, nhất tâm phô bày triệt để. Nếu hạnh chưa đến mức cùng cực, dù có quán niệm vẫn còn có Năng, có Sở, vẫn hoàn toàn là tác dụng của phàm tình, hoàn toàn là tri kiến phân biệt, hoàn toàn là tri giải, sao đạt lợi ích chân thật được? Phải tận sức đến cùng cực thì Năng, Sở, tình kiến mới tiêu diệt, chân tâm vốn có mới phát hiện. Bởi thế, thuở xưa có người đầu như cây chết sau chứng đạo phong, rạng rỡ cổ kim. [Muốn tu hành được] lợi ích [phải] hoàn toàn [chú trọng] nơi một chữ Cực vậy!
* Người khéo đạt lợi ích thì không gì là chẳng hữu ích, người cam chịu tổn mình sẽ chẳng bị tổn hại gì cả. Người đời nay hay dùng thế trí biện thông để làm vốn nghiên cứu Phật học; vừa biết được chút nghĩa lý đã bảo mình chứng đắc. Từ đấy, tự nghĩ mình cao quý, miệt thị cổ kim. Đừng nói là người hiện đại chẳng đáng để vào mắt, ngay cả những bậc cao tăng từ một ngàn mấy trăm năm trước (đa phần là cổ Phật tái lai, hoặc Pháp Thân Bồ Tát

thị hiện) đều bị họ coi tuốt là hạng tầm thường, chẳng đáng noi theo! Chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng khoe đã chứng. Nghe lời họ nói cao chót vót chín tầng trời, xét tâm họ thấp trệt dưới chín tầng đất! Tập nhiễm như thế hãy nên quyết liệt trừ khử. Nếu không, khác nào Đề Hồ đựng trong chén độc, giết người chết tươi!
Nếu có thể niệm niệm quay lại xem xét tự tâm thì chẳng những sẽ được lợi ích nơi các pháp Như Lai đã giảng, ngay cả phiến đá, hòn sỏi tầm thường, chiếc đèn lồng, cây cột ngoài đường, tất cả những hình sắc, thanh âm trong đại địa, không thứ gì chẳng phải là diệu lý Thật Tướng Đệ Nhất Nghĩa Đế! Bởi thế mới nói: *"Xưa nay chưa có ai, sao từng mộng thấy được?"* Xin hãy tin chắc, gắng sức thực hành.

* Những điều lệnh thân[45] được thấy thật là hy hữu, lạ lùng, có thể nói là có thiện căn từ xưa, nhưng phải ra sức gắng công tu trì thì giấc mộng ấy mới chẳng bị uổng phí. Nếu như vì tri kiến phàm phu, lầm tưởng mình đã được Tam Bảo gia bị, đã dự vào dòng thánh, rồi sanh đại ngã mạn, chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng bảo đã chứng, sẽ thành ra do nhân lành chuốc lấy quả ác. Người đời mạt tâm trí hèn kém thường mắc phải căn bệnh ấy. Câu kinh Lăng Nghiêm: *"Chẳng nghĩ là thánh tâm thì gọi là cảnh giới lành, nếu cho là thánh giải sẽ vướng quần tà"* chính là nói về tình trạng này. Xin hãy lấy việc tận lực tu trì pháp môn Tịnh Độ để tự khích lệ mình, ngõ hầu tương lai quyết định được hưởng đại lợi ích!
* Niệm Phật chú trọng vãng sanh, niệm đến cùng cực cũng có thể minh tâm kiến tánh, phải đâu niệm Phật hoàn toàn chẳng ích lợi gì cho đời hiện tại! Xưa kia, ngài Minh Giáo Tung Thiền Sư, nhật khóa niệm mười vạn lần thánh hiệu Quán Thế Âm, sau này mọi kinh sách thế gian ngài không đọc nhưng đều biết. Cứ xem Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục ắt sẽ biết niệm Phật mầu nhiệm, Quang tôi đã nhắc đến nhiều lần trong cuốn Văn Sao hủ lậu của mình. Cư sĩ bảo "niệm Phật vô ích đối với đời này" thì chẳng những chưa thâm hiểu các kinh luận Tịnh Độ, mà ngay cả với cuốn Văn Sao của Quang cũng chỉ cưỡi ngựa xem hoa, chưa đọc hiểu thật kỹ vậy!
* Tuy Tịch Quang Tịnh Độ là "đương xứ tức thị" (có thể tạm hiểu là "ngay nơi đây chính là cõi Thường Tịch Quang", hoặc "hiện hữu ngay tại nơi đây", hoặc "có thể ngộ nhập ngay nơi đây chẳng cần tìm nơi khác"), nhưng nếu chẳng là bậc trí đoạn rốt ráo, viên chứng Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na sẽ chẳng thể triệt để chứng ngộ, đích thân thọ dụng được! Bốn mươi mốt địa vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác trong Viên Giáo vẫn còn là "phần chứng" (chứng nhập được ít phần). Nếu ông đã viên chứng được Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na, nói "đương xứ tức thị Tịch Quang" cũng

chẳng ngại gì. Nếu không thì chỉ là kể tên món ăn, đếm của báu, chẳng khỏi bị đói rét đến chết mà thôi!

---o0o---

4. Luận Về Tông, Giáo

* Những giảng sư đời mạt thường thích giảng Thiền, đến nỗi thính chúng đa phần chấp vào những câu công án. Trộm nghĩ: Những câu cơ phong chuyển ngữ (thoại đầu, công án) trong nhà Thiền tuyệt đối chẳng có ý nghĩa gì, chỉ nhằm đáp ứng căn cơ người đến hỏi hòng chỉ nẻo hướng thượng. [Những câu chuyển ngữ] ấy chỉ nên để tham cứu, sao lại giảng nói? Giảng kinh như vậy chỉ những bậc đại sĩ siêu phàm mới hưởng lợi ích, còn những hạng trung - hạ khác đều mắc bệnh hết. Đối với Tông, chẳng biết tận lực tham cứu những câu cơ phong chuyển ngữ, chỉ lo phỏng đoán ý nghĩa. Với Giáo, do thật lý, thật sự nào phải là cảnh giới của mình, bèn lầm tưởng [Phật, Tổ] nói thí dụ để giảng pháp. Đem Tông phá Giáo, dùng Giáo phá Tông, cái tệ nạn lưu hành này không còn gì tệ hơn được nữa!

* Từ ngài Tào Khê (Lục Tổ Huệ Năng) về sau, đạo Thiền lưu truyền rộng rãi; mối văn tự "chẳng lập văn tự" phổ biến khắp hoàn vũ. Đường giải thuyết ngày càng mở rộng, cửa chứng ngộ ngày càng bế tắc! Vì thế, các tổ Nam Nhạc, Thanh Nguyên đều dùng cơ phong chuyển ngữ để độ người, khiến cho Phật, Tổ trở thành ngôn ngữ suông, không cách nào đáp được lời các ngài hỏi. Nếu chẳng phải thật sự là căn cơ tương xứng sẽ chẳng thể hiểu được lời ấy. Dùng cách ấy để xét nghiệm khiến vàng - thau rạch ròi, ngọc - đá rành rành, không còn cách nào giả trá, ngăn trở đạo pháp. Đấy chính là duyên do của cơ phong chuyển ngữ.

Từ đấy về sau, pháp này ngày càng thịnh hành, được các tri thức đề cao, chỉ e lạc vào lối mòn của người khác, trở thành khuôn sáo cũ kỹ, khiến người học nghi ngờ, lầm lạc, hoại loạn Tông phong, nên cơ phong chuyển ngữ ngày càng cao tột, vô phương chuyển biến, để người khác (người căn cơ không phù hợp) chẳng biết đâu mà mò. Bởi thế mới có những câu nói trách Phật, quở Tổ, bài xích kinh giáo, bác bỏ Tịnh Độ! Những lời lẽ ấy nhằm cưỡng đoạt tình kiến, bít chặt sự biện giải của người nghe. Người căn thuần sẽ nhờ ngay đó biết đường trở về, triệt ngộ hướng thượng; người căn cơ chưa thuần sẽ chân thành, tận lực tham cứu, quyết đạt đến đại triệt, đại ngộ mới thôi. Ấy là vì tri thức còn nhiều, căn tánh con người vẫn còn thông lợi, hiểu rành rẽ giáo lý, tâm sanh tử khẩn thiết, dù chưa thể liễu ngộ ngay cũng chẳng nảy lòng hèn kém, cho đó là pháp bảo vậy!

* Hiện tại, lắm kẻ mới đọc vài cuốn sách Nho, chẳng hiểu đạo lý thế gian, chưa hiểu cùng tột giáo thừa, chẳng hiểu Phật pháp, vừa mới phát tâm bèn

gia nhập Tông môn. Hàng tri thức chỉ vì duy trì môn đình, cũng học đòi cổ nhân xiển dương, chẳng quản đạo pháp lợi hại thế nào. Người theo học chẳng phát khởi mối nghi tình chân thật, đối với bất cứ điều nào cũng tưởng là chân pháp cả!

Đối với những câu khai thị của người hiện tại hoặc những câu chép trong sách của cổ nhân, có kẻ bèn tự ý suy diễn nêu ra nghĩa lý, dù trọn chẳng ra khỏi việc giải thích ý nghĩa theo mặt văn tự, nhưng cứ tự hào là triệt ngộ hướng thượng, việc tham học đã hoàn tất rồi, liền dự ngay vào địa vị tri thức để dạy dỗ đàn hậu học, lập riêng một môn đình. Cứ sợ người khác chê mình chẳng phải là bậc thông gia bèn ra sức giảng Thiền, muốn được xưng tụng là "tông thuyết kiêm thông".

Giảng về Tông thì khi giảng những lời chỉ quy hướng thượng của cổ đức rốt cuộc chỉ giảng nghĩa câu văn theo mặt văn tự. Khi giảng Giáo, cái đạo tu nhân chứng quả của Như Lai bị họ biến thành những thuyết "mượn ví dụ để biểu thị pháp". Dùng Giáo phá Tông, đem Tông phá Giáo, kẻ đui dẫn lũ mù, kéo nhau vào lửa, đến nỗi bọn hậu bối chẳng được nghe gương sáng của tiền bối, láo nháo bắt chước thầy khinh Phật, lờn Tổ, bài nhân, bác quả mà thôi!

* Giáo độ khắp ba căn, thâu trọn lợi độn, ví như chiếu chỉ sáng suốt của vua thánh, vạn quốc tôn sùng, trí - ngu, hiền - tệ đều cùng hiểu rõ, đều phải tuân hành. Nếu kẻ nào chẳng tuân sẽ bị xử cực hình. Nếu kẻ nào chẳng tuân lời Phật dạy ắt sẽ đọa trong ác đạo. Tông chỉ độ được thượng căn, chẳng nhiếp trung căn, hạ căn; giống như tướng quân nhận mật lệnh, người [thân cận] trong doanh mới biết, kẻ ngoài doanh dù có trí huệ cũng chẳng hiểu được. Vì thế mới có thể dùng toàn quân diệt giặc, thiên hạ thái bình. Quân lệnh bị tiết lộ, ba quân sẽ tan vỡ; Tổ ấn bị tiết lộ, năm tông[46] chết tiêu. Kẻ chưa ngộ chỉ được phép tham cứu thoại đầu, chẳng được xem đọc sách Thiền, thật ra chỉ là vì sợ kẻ ấy hiểu lầm ý Tổ, chấp mê là ngộ, lấy giả rối chân. Đấy gọi là [Tổ ấn] bị tiết lộ, tai hại cực lớn.

* Về nguồn không hai, phương tiện nhiều cửa. Phương tiện của nhà Thiền vượt ngoài khuôn khổ, tựa hồ quét sạch hết thảy ngôn ngữ. Kẻ không lãnh hội được ý ấy, chẳng hiểu ý chỉ rời lìa ngôn ngữ, chuyên nhai bã hèm, nên đối với Tông chỉ lo suy diễn [ý Tổ] chẳng chịu tận lực tham cứu, đối với Giáo bèn lầm lạc học đòi viên dung, phá hoại sự tướng! Chỉ có bậc đại đạt là được lợi ích cả nơi Tông lẫn nơi Giáo; nếu không, đề-hồ, cam lộ bị chứa trong bình độc bèn thành tỳ sương, trầm độc!

* Dù trung căn, hạ căn vẫn có thể được lợi ích nơi Giáo, nhưng nếu chẳng phải là bậc thượng thượng căn sẽ chẳng thể thông suốt Giáo để vận dụng. Dẫu kẻ trung, hạ căn khó thể chuyên chí nơi Tông, nhưng bậc thượng căn lại có thể đại triệt đại ngộ để hòng chứng nhập.

Trong Giáo, phải thông đạt hết thế pháp, Phật pháp, Sự, Lý, tánh, tướng, lại còn phải đại khai viên giải (nhà Thiền gọi là đại triệt đại ngộ) thì mới có thể làm đạo sư cho cả trời lẫn người.
Trong Tông, tham vỡ được một câu thoại đầu, thấy được bổn lai, bèn có thể xiển dương tông phong "trực chỉ". Nếu nhằm lúc Phật giáo đại hưng khởi và là bậc thông đạt rộng rãi Phật pháp thì hãy nên tham cứu theo nhà Thiền, giống như Tăng Diêu vẽ rồng, hễ điểm nhãn, rồng liền bay lên ngay lập tức. Còn nhằm khi Phật pháp suy vi, kẻ túc căn kém cỏi hãy nên tu trì theo Giáo. Ví như thợ vụng chế đồ mà bỏ hết dây mực thì rốt cuộc chẳng làm gì được cả!
* Nay muốn báo ơn Phật, lợi lạc hữu tình thì nhà Thiền dù chuyên xiển dương tông phong, vẫn phải dùng Giáo để ấn chứng; bên Giáo thì tận lực tu trì quán hạnh, chẳng lạm bàn thiền ngữ. Ấy là vì tâm thông diệu đế, hễ gặp duyên liền thành Tông. "Cây bách, que phân khô, quạ kêu, sẻ hót, nước chảy, hoa trôi, ho khạc, phẩy tay, cười khẩy, giận chửi", pháp nào pháp nấy đều là Tông cả. Lẽ nào diệu pháp viên đốn do chính kim khẩu đức Như Lai nói ra chẳng đáng kể là Tông ư? Cần gì phải mượn cái thanh chống cửa nhà người để chống đỡ cửa nẻo nhà mình! Trong nhà vốn sẵn gỗ Tiên, gỗ Nam, cớ sao vứt bỏ chẳng dùng? Hãy nên biết rằng: pháp không cao, hèn, chỉ là nhất đạo thường nhiên, do căn cơ có sống hay chín nên nơi mỗi pháp được lợi ích khác biệt!

---o0o---

5. Luận về Trì Chú

* Một pháp Trì Chú chỉ nên dùng làm Trợ Hạnh, chẳng nên lấy Trì Chú làm Chánh Hạnh, coi Niệm Phật là pháp tu phụ! Dù pháp môn Trì Chú cũng chẳng thể nghĩ bàn, nhưng phàm phu được vãng sanh hoàn toàn nhờ vào lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, cũng như do đại thệ nguyện của A Di Đà Phật cảm ứng đạo giao mà được Ngài tiếp dẫn. Nếu chẳng hiểu lẽ này, dù pháp nào cũng đều chẳng thể nghĩ bàn, tu bất cứ pháp nào mà chẳng được, nhưng vẫn trở thành *"không Thiền, không Tịnh Độ, giường sắt và cột đồng, vạn kiếp với muôn đời, không có ai nương dựa!"*
Nếu tự biết mình là phàm phu đầy dẫy triền phược, toàn thân là nghiệp lực, nếu chẳng cậy vào nguyện lực hoằng thệ của Như Lai, quyết khó thể chắc chắn thoát khỏi luân hồi ngay trong đời này, ắt sẽ biết lực dụng của những giáo pháp đức Phật đã dạy ra trong cả một đời đều chẳng bằng được nổi một pháp Tịnh Độ này.
Nếu trì chú, tụng kinh để gieo trồng phước huệ, tiêu tội nghiệp thì được; nhưng nếu vọng động mong cầu thần thông thì đúng là bỏ gốc theo ngọn,

chẳng khéo dụng tâm. Nếu như tâm này cố kết, lại chẳng hiểu rõ lý, giới lực chẳng vững, Bồ Đề tâm chẳng sanh, tâm nhân - ngã càng thạnh, ắt chẳng mấy chốc sẽ bị ma dựa phát cuồng! Phàm muốn được thần thông, phải đắc đạo trước đã! Hễ đắc đạo liền tự có thần thông. Nếu chẳng dốc sức vào đạo, chỉ mong cầu thần thông, đừng nói là chưa đắc thần thông, dù có đắc cũng trở thành chướng đạo! Vì thế, chư Phật, chư Tổ thảy đều nghiêm cấm, chẳng muốn người đời tu tập thần thông! Do trong đời thường có những người có kiến giải như thế nên tôi mới nhiều lần giãi bày như vậy!
* Chỉ nên trì chú để trợ tu Tịnh nghiệp, đừng bộp chộp tác pháp, khinh nhờn Phật, thánh. Nếu đường đột tác pháp nhưng thân tâm chẳng cung kính, chẳng chí thành, rất có thể ma sự sẽ khởi. Chỉ có một việc là nên tác pháp, nhưng đấy lại chẳng phải là phận sự của các ông. Đó là: nếu ai phát tâm xuất gia, nhưng [thầy thế độ] chưa chứng đạo, chẳng thể quán xét căn cơ, bèn cầu xin Phật từ ngầm dạy cho biết người ấy xuất gia được hay không, hòng tránh khỏi tệ nạn hạng đầu trộm đuôi cướp lộn sòng Tăng chúng.
Nhưng ngày nay Tăng chúng thâu nạp đồ đệ, cứ sợ chẳng thâu được nhiều, dù biết rõ kẻ đó là phường hạ lưu, vẫn cứ vội vã thâu nạp, chỉ sợ nó bỏ đi mất, mấy ai chịu quyết trạch như thế nữa! Tham danh lợi, ưa quyến thuộc đến nỗi Phật pháp ngập chìm sát đất, không cách nào hưng khởi được nữa!
* Người niệm Phật chẳng phải là không được trì chú, nhưng phải phân định rõ đâu là Chánh, đâu là Trợ thì Trợ cũng quy về Chánh. Nếu cứ lằng nhằng chẳng thể phân biệt, đến ngày nào đó nhìn lại, Chánh cũng chẳng phải là Chánh nữa! Chú Chuẩn Đề, chú Đại Bi, chẳng có chú nào hơn kém cả! Nếu tâm chí thành, pháp nào cũng linh. Tâm chẳng chí thành, pháp nào cũng chẳng linh!
* Học chú Vãng Sanh bằng [chánh âm] tiếng Phạn[47] cũng là rất tốt, nhưng chẳng được sanh tâm phân biệt, cho chú văn lược dịch là sai. Hễ khởi tâm niệm ấy sẽ sanh tâm ngờ vực đối với hết thảy các chú chép trong Đại Tạng, cho là những chú ấy chẳng hợp Phật ý. Phải biết rằng những vị dịch kinh đều chẳng phải tầm thường, sao lại vì những bản dịch của họ không giống nhau bèn sanh lòng miệt thị? Hơn một ngàn năm, những người trì chú này được lợi ích chẳng kể nổi số; chẳng lẽ mọi người trì chú trong hơn một ngàn năm ấy đều chẳng biết tiếng Phạn hay sao? Học thì đương nhiên phải học, tuyệt đối đừng khởi ý niệm ưu liệt, hơn kém thì lợi ích sẽ chẳng thể nghĩ bàn.
Hơn nữa, một pháp trì chú rất giống như pháp khán thoại đầu. Pháp khán thoại đầu dùng một câu vô nghĩa để dứt trừ phân biệt phàm tình hòng chứng Chân Trí sẵn có. Pháp trì chú chẳng cần hiểu nghĩa lý câu chú, cứ chí thành khẩn thiết mà trì, dốc lòng thành đến cùng cực, tự sẽ được nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước cao, lợi ích chẳng thể nghĩ bàn được!

---o0o---

6. Luận Về Xuất Gia

* Phật pháp chính là pháp chung cho cả chín pháp giới, không một ai là chẳng nên tu theo, cũng như không một ai chẳng thể tu nổi! Người trì trai, niệm Phật thì nhiều, nhưng tính đến những người có thể làm cho đạo pháp hưng long, phong tục thuần thiện chỉ sợ chẳng được mấy, [những người làm được như vậy] càng nhiều càng tốt. Xuất gia làm Tăng chính là để gìn giữ cũng như lập bày phương cách lưu truyền đạo pháp của Như Lai.

Có những người lập chí hướng thượng, phát Bồ Đề tâm, triệt ngộ tự tánh, tam học (Văn - Tư - Tu) sâu rộng, nhưng lại đặc biệt tán dương Tịnh Độ ngõ hầu mau chóng thoát khỏi vòng khổ ải ngay trong một đời này, chỉ e số người này cũng chẳng được mấy ai, càng được nhiều người như vậy càng tốt. Còn như những kẻ có chút tín tâm, chẳng có đại chí hướng, muốn mượn danh nghĩa tăng sĩ, ăn không ngồi rồi, ăn bám nhà Phật, mang danh con Phật, nhưng thật ra chỉ là gã cạo đầu, dẫu chẳng tạo ác nghiệp, cũng đã là hạt giống hư, là phế nhân đối với đất nước. Nếu lại còn phá giới, tạo nghiệp, điếm nhục Phật pháp, dù lúc sống trốn được quốc pháp, chết đi chắc chắn đọa vào địa ngục. Đối với pháp, đối với mình đều chẳng lợi ích. Một gã như thế còn chẳng nên có, huống chi là nhiều!

Cổ nhân bảo: *"Xuất gia là việc của bậc đại trượng phu, chẳng phải hạng loàng xoàng làm được"*, đấy chính là lời chân thật, chẳng phải là lời hạ thấp hạng loàng xoàng để đề cao Tăng-già đâu! Ấy là vì đối với việc gánh vác gia nghiệp của Phật, tiếp nối huệ mạng của Phật, nếu chẳng phải là người phá vô minh khôi phục bổn tánh, hoằng dương pháp đạo lợi lạc chúng sanh thì sẽ chẳng thể làm được. Nay những kẻ làm Tăng phần nhiều là hạng thô bỉ, bại hoại, vô lại, mong được sống an nhàn, thảnh thơi; kẻ chịu trì trai niệm Phật còn chẳng có mấy, huống hồ là người có thể gánh vác gia nghiệp, tiếp nối huệ mạng ư? Hiện tại Phật pháp sa sút đến tận đất đen là vì Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) chẳng xét thời cơ, chẳng tuân Phật chế, thay đổi cách khảo thí tăng sĩ của triều đại trước (nhà Minh), bỏ luôn độ điệp[48] , cho phép ai nấy tùy ý xuất gia, gây thành mối tệ vậy!

* Cho tùy ý xuất gia, đối với bậc thượng sĩ thật là có lợi ích lớn, nhưng đối với kẻ hạ căn lại là sự tổn hại rất lớn. Nếu như toàn thể thế gian đều là bậc thượng sĩ, cố nhiên pháp tắc này rất hữu ích đối với đạo pháp; thế nhưng bậc thượng sĩ hệt như vảy lân, kẻ hạ căn nhiều như lông bò. Chỉ tạm hữu ích ngay trong lúc ấy (từ đầu nhà Thanh cho đến thời Càn Long, thiện tri thức nhiều như rừng, nên bảo là "hữu ích"),họa lan sâu hậu thế; cho đến hiện tại, mối tệ ô tạp, lạm dụng đã đến mức cùng cực. Dù có thiện tri thức muốn chỉnh đốn một phen cũng chẳng thể làm gì được, chẳng đáng buồn ư?

Từ rày về sau, người xuất gia điều thứ nhất là phải thật sự phát khởi đại Bồ Đề tâm tự lợi lợi tha, thứ hai là phải có thiên tư hơn người mới cho xuống tóc, không vậy không được. Còn người nữ có tín tâm hãy bảo họ tu hành tại gia, vạn vạn phần chẳng nên để họ xuất gia, chỉ sợ gặp phải kẻ phóng túng khiến Phật môn bị ô uế, bại hoại chẳng nhỏ. Nếu người nam tu hành thật sự, xuất gia càng dễ, bởi họ tham phỏng tri thức, y chỉ tùng lâm [nào cũng được]. Người nữ dù là bậc chân tu xuất gia cũng khó, bởi lẽ làm gì cũng dễ bị miệng đời gièm xiểm, việc gì cũng khó thể tùy ý được. Chọn lựa để thế độ người, chẳng độ ni chúng như thế chính là nghĩa lý trọng yếu bậc nhất để hộ trì Phật pháp, chỉnh lý pháp môn trong đời mạt vậy!

* Người đời nay hay coi xuất gia như một phương cách sống trốn tránh, lười nhác, an nhàn. Tệ nhất là kẻ không còn sanh lộ nào khác, lấy xuất gia làm kế sống trộm qua ngày. Bởi thế người xuất gia hiện tại đa phần là hạng vô lại, đạo pháp bị quét sạch sành sanh đều là vì hạng xuất gia bại hoại như thế gây nên nỗi cả!

* Tăng nhân đời nay khó thể khiến người khác tin tưởng nổi. Nay đã truy điệu tăng nhân, lẽ nào lại phỉ báng tăng nhân. Nếu nêu lên những điều tốt lành của họ để răn nhắc những kẻ bất thiện thì chẳng mắc lỗi gì. Nhưng nếu mình đã thuộc vào hàng học trò thì việc răn nhắc cũng nên châm chước; việc răn nhắc ấy chỉ hàng đức cao trọng vọng mới thực hiện được, chẳng phải là việc nên làm của loài chim non miệng vàng vậy!

* Hàng xuất gia nếu chẳng phải chân tu, tập khí đầu đường xó chợ còn tệ hơn kẻ tục. Nếu muốn xa lìa tập khí ấy thì trước hết phải hiểu rõ hết thảy các pháp thế gian đều là khổ, là không, là vô thường, là vô ngã, là bất tịnh, thì ba độc tham - sân - si không cách nào khởi lên được. Nếu vẫn chưa chế ngự chúng được, hãy dùng trung - thứ - nhẫn nhục để đối trị ắt chúng sẽ tự dứt. Nếu vẫn chưa dứt thì phải tưởng mình như đã chết, tự nhiên vô biên phiền não sẽ hóa thành thanh lương.

* Chỉ hạng Thích Tử chúng ta mới lấy việc thành đạo lợi sanh làm cách báo ân tối thượng, chẳng những báo đền cha mẹ nhiều đời, mà còn báo đáp hết thảy cha mẹ trong tứ sanh lục đạo từ vô lượng kiếp. Chẳng những chỉ hiếu kính khi cha mẹ còn sống mà còn phải độ thoát linh thức của cha mẹ khiến họ được vĩnh viễn thoát khỏi khổ luân, thường trụ Chánh Giác. Bởi thế mới nói: đạo hiếu của nhà Phật ẩn mật khó sáng tỏ ra vậy.

Tuy nhiên, đạo hiếu của Nho gia lấy việc phụng dưỡng cha mẹ làm đầu. Như đạo Thích từ biệt cha mẹ đi xuất gia, có phải là chẳng đoái hoài đến việc phụng dưỡng cha mẹ chăng? Phật chế định: Xuất gia phải thưa cùng cha mẹ. Nếu có anh em, con cháu để gởi gắm cha mẹ mới được bẩm thỉnh với cha mẹ. Cha mẹ có đồng ý mới được xuất gia. Nếu không, chẳng chấp thuận cho kẻ ấy được xuống tóc.

Sau khi xuất gia xong, nếu như anh em gặp biến cố, cha mẹ không chỗ nương nhờ, người xuất gia cũng được phép chia sớt y bát để phụng dưỡng song thân. Vì thế, mới có gương thơm hiếu dưỡng với mẹ của ngài Trường Lô (Ngài Trường Lô Trách thiền sư đời Tống, người xứ Tương Dương. Lúc nhỏ mồ côi cha, mẹ họ Trần, được bảo bọc nơi nhà cậu. Đến lúc lớn, sư thông suốt sách vở thế gian. Năm 29 tuổi xuất gia, hiểu sâu xa yếu chỉ nhà Thiền, sau trụ trì chùa Trường Lô, đón mẹ về ở phòng phía Đông phương trượng, khuyên mẹ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ suốt bảy năm trời. Bà mẹ niệm Phật qua đời. Xem sự tích này trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục), chuyện lạ chôn cha của ngài Đạo Phi (Đạo Phi thuộc hoàng tộc nhà Đường, người Trường An, mới vừa đầy năm, cha bỏ mình vì việc nước. Bảy tuổi xuất gia, đời loạn lạc, gạo thóc đắt đỏ, sư bèn cõng mẹ vào Hoa Sơn, tự nhịn ăn, khất thực nuôi mẹ. Năm sau, sư đến chiến trường Hoắc Sơn, thu nhặt xương trắng, chí thành tụng niệm kinh chú, cầu tìm được xương cha. Mấy ngày sau, xương cha trồi lên giữa đống xương, hiện ngay trước mặt ngài Đạo Phi. Ngài bèn bọc lấy xương tàn, ôm về chôn cất. Xem trong Tống Cao Tăng Truyện).
Bởi thế kinh dạy: *"Công đức cúng dường cha mẹ bằng với công đức cúng dường Nhất Sanh Bổ Xứ Bồ Tát"*. Cha mẹ còn sống, phải khéo léo khuyên dụ trì trai, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Cha mẹ mất rồi, dùng công đức đọc tụng, tu trì của chính mình, luôn chí thành hồi hướng cho cha mẹ ngõ hầu cha mẹ vĩnh viễn thoát khỏi ngũ trược, mãi mãi giã biệt sáu đường, chứng Vô Sanh Nhẫn, đạt đến địa vị Bất Thoái, độ thoát chúng sanh đến tận cùng đời vị lai, khiến mình lẫn người đều thành đạo Chánh Giác. Có vậy mới chẳng giống với sự đại hiếu thông thường của thế gian.
* Xuất gia làm Tăng phải vì chuyên chí Phật thừa, lập bày cách duy trì đạo pháp, chứ chẳng phải là chỉ có thành Tăng thì mới có thể tu trì Phật pháp.

---o0o---

7. Luận Về Báng Phật

* Hễ ai đời trước quả thật có gieo căn lành, chẳng cần biết là vì học hỏi hay vì cầu đạo, thì đều có thể tạo thành mầm mống đại sự xuất thế. Tham, sân, si, hoặc nghiệp phiền não, các thứ ác báo như tật bệnh liên miên đều là nhân duyên xuất ly sanh tử nhập Phật pháp, miễn sao người ấy tự có thể phản tỉnh hay không.
Nếu chẳng thể tự phản tỉnh, đừng kể chi hạng người tầm thường thấp thỏi bị thế giáo buộc ràng, ngay cả những người như Hối Am, Dương Minh, Tĩnh Tiết, Phóng Ông v.v... dù học vấn, trình độ, mức tu dưỡng đều kỳ đặc, trác tuyệt, rốt cục vẫn chẳng thể triệt ngộ tự tâm, liễu thoát sanh tử. Cái học vấn,

tu dưỡng, sự hiểu biết của họ có thể làm cơ sở cho vô thượng diệu đạo, nhưng vì chẳng thể tự phản tỉnh nên rốt cuộc lại thành chướng đạo. Đủ thấy nhập đạo thật khó, khó còn hơn lên trời nữa!
* Phật thấy chúng sanh đều là Phật. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh. Do Phật thấy chúng sanh đều là Phật nên tùy thuận cơ nghi mà thuyết pháp, mong họ tiêu trừ được vọng nghiệp, tự chứng được cái mình vốn sẵn có. Dù hết thảy chúng sanh đều chứng được Niết Bàn rốt ráo, Phật trọn chẳng thấy mình là người cứu độ, chúng sanh là người được độ bởi họ vốn dĩ là Phật.
Do chúng sanh thấy Phật là chúng sanh nên chín mươi lăm phái ngoại đạo ở Tây Thiên (Ấn Độ) cùng bọn nho sĩ câu nệ, rỗng tuếch xứ này không ai là chẳng dốc sạch tâm lực hủy báng đủ cách mong sao Phật pháp diệt sạch hoàn toàn chẳng còn tung tích gì thì lòng mới khoái. Nhưng mặt trời chói lọi giữa hư không, toan dùng hai tay che kín, càng khiến quang minh của Phật pháp càng thêm tỏ rõ, càng bộc lộ cái nông cạn, hèn kém của chính mình mà thôi!
Người có túc căn do nhân duyên báng Phật, bài Phật bèn lại được quy y Phật pháp, làm đệ tử Phật, thay Phật hoằng dương, giáo hóa. Người không túc căn sẽ vì nghiệp lực ấy vĩnh viễn đọa trong A Tỳ địa ngục. Đợi đến lúc nghiệp báo hết rồi, thiện căn được nghe danh hiệu Phật trong kiếp xưa sẽ phát hiện, nhờ đó mới được nhập Phật pháp, sẽ tạm gieo thiện căn. Đến khi nghiệp tận tình không, khôi phục lại cái mình vốn sẵn có mới thôi.
Phật ân thật là rộng lớn sâu xa cùng cực, chẳng thể hình dung nổi! Một câu gieo vào tâm, mãi mãi là hạt giống đạo. Ví như nghe tiếng cái trống có bôi thuốc độc, xa gần đều chết tươi; ăn chút kim cang, quyết định chẳng tiêu được. Tin được như vậy mới gọi là chánh tín.
* Phật pháp không điều nào lớn lao chẳng bao gồm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng nêu. Ví như một cơn mưa thấm ướt khắp cả, cây cỏ cùng được tươi tốt, cái đạo "tu thân, tề gia, trị quốc" không gì là chẳng đủ. Xưa nay, văn chương chỉ thịnh một thời, nhưng công nghiệp đồn lan vũ trụ. Phàm những ai chí hiếu, nhân từ, ngàn đời cùng ngưỡng mộ. Con người mới chỉ biết dõi theo vết tích, chưa biết tìm đến gốc.
Nếu khảo sát kỹ đến cội nguồn, sẽ thấy tinh thần, chí khí, tiết tháo của những vị ấy đều được vun bồi bởi việc học Phật. Chẳng cần phải nhắc tới những chuyện khác, ngay như tâm pháp do hàng thánh nhân Tống Nho đề xướng ra cũng vẫn phải mượn Phật pháp làm khuôn mẫu, huống hồ là những chuyện khác! Bọn Tống Nho khí lượng hẹp hòi, muốn hậu thế nghĩ chính họ đã phát minh ra tâm pháp ấy, bèn thốt lên những lời báng Phật, hòng khỏa lấp cái tội mượn trộm Phật pháp. Từ Tống sang Nguyên, tới Minh, không đời nào chẳng vậy.

Cứ thử tận tâm khảo sát, không ai là chẳng được lợi ích nơi Phật pháp. Họ giảng về tịnh tọa, giảng về tham cứu cho thấy họ có dụng công; lâm chung biết trước lúc đi, cười nói rồi qua đời chính là những điểm biểu lộ cuối cùng của họ. Những mẩu chuyện, những sự tích như vậy chép đầy trong các truyện ký Lý học, nào phải chỉ có một chuyện. Học Phật có phải là mối lo cho xã hội hay chăng?

* Bản thể của Nho và Phật đương nhiên chẳng hai. Về mặt công phu của Nho và Phật, nếu chỉ bàn hời hợt sẽ thấy rất tương đồng, nếu bàn sâu sẽ thấy khác nhau như trời với đất. Vì sao như vậy? Nho lấy Thành (chân thành) làm gốc, Phật lấy Giác làm tông.

Thành chính là "minh đức" (cái đức sáng tỏ), do Thành khởi Minh, do Minh nên có Thành. Hễ Thành và Minh hợp nhất sẽ "minh minh đức" (làm sáng tỏ cái đức sáng ngời). Giác có Bổn Giác và Thỉ Giác. Do Bổn Giác mà Thỉ Giác phát khởi, dùng Thỉ Giác để chứng Bổn Giác. Thỉ và Bổn hợp nhất tức là thành Phật. Bổn Giác tức là Thành, Thỉ Giác là Minh. Nếu thuyết pháp như thế thì Nho và Phật trọn chẳng khác gì nhau.

Các hạ bảo mình "học Phật, học Khổng, thấy Lý chẳng ngoài một chương sách Đại Học là điều quyết định chẳng còn ngờ vực gì nữa"; đấy chỉ là bàn luận một cách nông cạn. Nếu luận về mặt thứ lớp sâu cạn của công phu tu chứng thì đại để tương đồng, nhưng sở chứng, sở đạt bất đồng rất lớn. Nho chỉ có thể "minh minh đức", há có thể đoạn trọn Tam Hoặc, đầy đủ cả phước lẫn huệ như Phật chăng? Há có thể như Bồ Tát chứng Pháp Thân, phá một phần vô minh, thấy một phần Phật Tánh hay chăng? Há có thể như Thanh Văn, Duyên Giác đoạn sạch Kiến Hoặc lẫn Tư Hoặc hay chăng?

Điều thứ ba, dù Thanh Văn chỉ đoạn được Kiến Tư Hoặc là hạng thấp kém nhất, nhưng các ngài đã đắc lục thông tự tại. Bởi thế, ngài Tử Bách nói: *"Nếu buông vọng tình xuống được thì dù là vách núi vẫn có thể đi xuyên qua được"*. Sơ Quả còn phải bảy lượt sanh lên trời, bảy lần sanh xuống nhân gian, nhưng đạo lực của các ngài đã đạt tới mức tùy ý chẳng phạm sát giới. Vì thế, các ngài đi đến đâu, loài trùng giạt ra cả. Do đó, mới nói: *"Sơ Quả cày đất, trùng tránh xa bốn tấc"*, huống hồ là Nhị, Tam, Tứ Quả ư!

Hãy khoan nói tới những người học theo Nho Giáo cái đã, hãy bàn về thánh nhân thôi. Cố nhiên, đa phần thánh nhân là bậc đại quyền thị hiện. Không nói tới bổn địa của các ngài, nếu chỉ căn cứ trên mặt Tích, e rằng các ngài còn chưa thể đoạn sạch được Kiến Hoặc, Tư Hoặc như thế được, huống hồ là sánh với các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi địa vị phá vô minh, chứng pháp tánh ư? Cho dù bảo "minh minh đức" tạm ngang ngửa với "phá vô minh" đi nữa, phải nhớ rằng phá vô minh có bốn mươi mốt địa vị, "minh minh đức" có ngang bằng được với địa vị đầu tiên là Sơ Trụ hay chăng? Có

ngang bằng được với địa vị cuối cùng là Đẳng Giác hay chăng? Dù "minh minh đức" có ngang ngửa với địa vị Đẳng Giác đi nữa, đối với minh đức vẫn chưa thể minh đến cùng cực được! Phải đến khi phá được một phần vô minh mới đáng gọi là "Thành - Minh hợp nhất, Thỉ - Bổn vô nhị" vậy!
Do lẽ đó, tôi nói: "Xét về Thể thì đồng, nhưng phát huy công phu chứng đạt chẳng đồng!" Người đời vừa nghe nói "đồng" bèn tưởng Nho Giáo bao gồm trọn Phật giáo, nghe nói "khác" bèn tưởng Phật giáo hoàn toàn khác với Nho giáo. Họ chẳng biết đến nguyên ủy "đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng"; bởi thế, cứ tranh luận tưng bừng, ai nấy lo bảo vệ môn đình của mình, ai nấy đều đánh mất tấm lòng trị thế độ nhân của Phật, Bồ Tát cả!
* Kể từ khi đại pháp truyền vào Trung Quốc, đế vương các đời không ai chẳng sùng phụng Phật giáo; chỉ có Tam Võ hủy diệt Phật giáo, nhưng người kế vị lại hưng thạnh Phật giáo. Ví như tiết Đông, đông cứng lại chắc nịch để thành tựu vẻ tươi tốt, sum suê cho tiết Xuân, tiết Hạ. Mặt trời chói lọi giữa hư không, toan dùng hai tay che lấp; ngửa mặt khạc nhổ trời, chính mình bị giây bẩn.
Tam Võ là Ngụy Thái Võ, Châu Võ Đế, Đường Võ Tông. Thoạt đầu họ đều thâm tín Phật pháp, dốc ý tu tập. Ngụy Thái Võ tin lời sàm hoặc của Hoắc Hạo, Châu Võ Đế tin lời sàm tấu của Vệ Nguyên Tung, Đường Võ Tông tin lời vu báng của Lý Đức Dụ và đạo sĩ Triệu Quy Chân.
Hủy diệt Phật pháp chưa lâu la gì, cả người chủ xướng lẫn kẻ tán trợ đều mắc phải ương họa cùng cực. Ngụy Võ Đế phế Phật rồi, chưa đầy năm sáu năm, Hoắc Hạo bị diệt tộc, bản thân Ngụy Võ Đế cũng bị ám sát. Con lên nối ngôi lại ra sức phục hưng Phật giáo.
Sau khi Châu Võ Đế phế Phật, Nguyên Tung bị biếm truất và xử tội chết, khoảng năm sáu năm sau, vua thân mắc ác tật, khắp mình lở loét, chết chưa đầy ba năm, Tùy Văn Đế lên ngôi lại phục hưng Phật giáo.
Đường Võ Đế phế Phật rồi, chưa đầy một năm sau, Quy Chân bị tru lục, Đức Dụ chết trên đường bỏ trốn, Võ Tông uống kim đan của đạo sĩ dâng, lưng nổi nhọt loét mà chết. Tuyên Tông lại phục hưng Phật giáo.
Tống Huy Tông lúc đầu cũng thâm tín Phật pháp, sau nghe lời yêu vọng của đạo sĩ Lâm Linh Tố, bắt đổi tượng Phật thành hình tượng Đạo giáo, xưng Phật là Đại Giác Kim Tiên, gọi Tăng là "đức sĩ", bắt Tăng mặc áo đạo sĩ, mỗi khi làm lễ Tăng phải ngồi phía sau đạo sĩ. Hạ chiếu chưa lâu, kinh thành bị lụt lớn khác gì hồ, biển. Vua tôi hoảng sợ, sai Linh Tố trị thủy, càng phù phép nước càng dâng tràn. Chợt có bậc đại thánh Tăng Già xuất hiện trong cung cấm, vua đốt hương van nài, Tăng Già chống tích trượng lên mặt thành, nước liền rút sạch. Vua liền hạ chiếu phục hồi quy chế Phật giáo như cũ. Chưa đầy sáu bảy năm sau, cha con cùng bị giặc Kim bắt đi. Người Kim

phong Huy Tông làm Hôn Đức Hầu, Khâm Tông làm Trọng Hôn Hầu, cha con cùng chết tại thành Ngũ Quốc.
Phật là đại sư ba cõi, cha lành cả bốn loài, bậc thánh của các thánh, là trời trong trời, dạy người bỏ vọng về chân, nghịch trần hợp giác, dứt trừ hoặc nghiệp huyễn vọng, khôi phục tâm tánh vốn sẵn có. Cảm ân, báo đức, hộ trì lưu thông Phật pháp còn chưa đủ, huống hồ là cậy vào thế lực nhất thời, đoạn diệt huệ nhãn của chúng sanh, cắt đứt con đường bằng phẳng của trời người, đào hố sâu địa ngục, ắt chuốc quả báo nhãn tiền, luân hồi muôn kiếp, để tiếng xấu cho đời, thật đúng là tấm gương đành rành vậy!
* Cái rộng, dày, cao, sáng nhất trong thế gian không gì bằng trời, đất, nhật, nguyệt; nhưng mặt trời chính ngọ rồi phải xế bóng, trăng tròn rồi phải khuyết, bờ cao sụp thành hang, hang sâu đùn thành gò, biển xanh biến thành ruộng dâu, ruộng dâu biến thành biển xanh.
Xưa nay, bậc đạo cao đức trọng không ai bằng Khổng Tử, vẫn bị tuyệt lương ở đất Trần, bị hãm nơi đất Khuông, chu du các nước, chẳng gặp được vua hiền; chỉ có một đứa con, tuổi vừa năm mươi đã chết mất, may còn một cháu để duy trì dòng dõi. Từ đấy tính xuống, Nhan Uyên đoản mạng, Nhiễm Bá Ngưu cũng đoản mạng, Tử Hạ bị mù, Tả Khâu Minh cũng bị mù, Khuất Nguyên trầm mình dưới sông (Khuất Nguyên tận trung bị gian thần sàm tấu. Về sau vì Sở Hoài Vương bị vua Tần bắt giữ, ông khôn ngăn phẫn uất, nhưng chẳng làm gì được bèn tự trầm nơi sông Mịch La vào ngày mồng Năm tháng Năm), Tử Lộ bị bằm nát như tương (Tử Lộ làm quan ở nước Vệ. Vệ Khoái Công hồ đồ bị con giành ngôi, Tử Lộ tử nạn, bị địch quân bằm nát nhừ).
Trời, đất, nhật, nguyệt còn chẳng thể thường hằng bất biến; đại thánh, đại hiền cũng chẳng thể chỉ gặp toàn thuận lợi chẳng có nghịch cảnh; chỉ những ai biết vui theo mạng trời, dù gặp cảnh ngộ nào cũng đều an vui cả; thế nhưng mấy trăm ngàn năm sau, từ thiên tử cho đến thứ dân không ai là chẳng kính ngưỡng những vị ấy. Nếu cứ dựa trên tình cảnh khi ấy mà luận, tựa hồ họ chẳng có phước báo gì; nhưng nếu dựa trên đạo hạnh lưu truyền hậu thế để luận, ai có phước hơn nổi những vị ấy chăng?
Người sanh trong cõi đời ngàn tính vạn toán làm đủ mọi chuyện xét đến cùng cực chẳng qua chỉ để thân mình no ấm, con cháu quý hiển mà thôi! Thế nhưng, vải thô cũng che được thân, cần gì phải lượt, là, the, vóc; miệng dùng rau dưa cho qua bữa, cần gì phải cá, thịt, hải sản? Con cháu thì hoặc đọc sách, hoặc cấy cày, hoặc buôn bán để tự nuôi thân, cần gì phải giàu đến trăm vạn?
Vả những kẻ mưu tính sao cho con cháu được giàu sang đến vạn đời, chắc không ai hơn được Tần Thủy Hoàng! Vua Tần thôn tính sáu nước, đốt sách, chôn Nho sĩ, thâu binh khí trong thiên hạ đúc thành chuông lớn, không điều

nào chẳng nhằm mục đích khiến dân ngu yếu chẳng thể làm loạn được. Nào ngờ Trần Thiệp vừa đứng lên, quần hùng đua nhau nổi dậy. Họ Tần nhất thống sơn hà chưa quá mười hai, mười ba năm, thân đã diệt, nước đã mất, con cháu bị tru lục hết sạch; khác nào cắt cỏ nhổ tận rễ, không còn chút gì nữa! Muốn cho con cháu được an lạc, hóa ra lại khiến chúng mau bị chết sạch hết cả.
Tào Tháo làm Thừa Tướng thời Hán Hiến Đế, chuyên quyền, bất cứ điều gì hắn làm không ngoài mục đích giảm thế lực của vua, tăng oai quyền cho mình, mong sau khi mình chết đi, con mình sẽ xưng đế. Vừa chết đi, Tào Phi liền soán ngôi, thây cha chưa liệm, Phi đã chuyển hết các phi tần của cha sang cung mình. Tào Tháo chết đi, đọa mãi trong ác đạo hơn một ngàn bốn trăm năm. Đến đời vua Càn Long nhà Thanh, ở Tô Châu có kẻ mổ heo, thấy trên gan phổi heo có hai chữ Tào Tháo. Có kẻ láng giềng trông thấy, sanh lòng hoảng sợ lớn, liền xuất gia, pháp danh là Phật An, nhất tâm niệm Phật liền được vãng sanh Tây Phương. Việc này có ghi trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Tào Tháo phí sạch tâm cơ mưu tính cho con cháu. Tuy con hắn được làm hoàng đế, nhưng chỉ ở ngôi được bốn mươi lăm năm liền bị diệt quốc. Hằng ngày lại còn phải đánh nhau với Đông Ngô và Tây Thục, có bao giờ được hưởng một ngày an vui đâu?
Tiếp đó, hai nhà Tấn (Tây Tấn và Đông Tấn), Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy và các nhà Lương, Đường, Tấn, Hán, Châu thời Ngũ Đại đều chẳng trường cửu, tựu trung nhà Đông Tấn tồn tại lâu dài nhất, nhưng chỉ được một trăm lẻ ba năm. Các triều khác thì hoặc là hai, ba năm, hoặc tám chín năm, mười năm, hai mươi năm, bốn mươi năm, năm mươi năm rồi liền diệt vong. Đây mới chỉ kể những triều đại chánh thống, còn như những kẻ chiếm càn lãnh thổ, ngụy xưng vương triều, số ấy nhiều lắm, tồn tại còn ngắn ngủi hơn nữa.
Xét cái tâm thuở đầu của họ, không ai là chẳng muốn cho con cháu được an lạc, phú quý, tôn vinh; xét đến kết quả thực sự: lại khiến cho con cháu càng mau gặp phải kiếp nạn, bị tru lục, diệt môn tuyệt tộc. Dù quý như thiên tử giàu có như bốn biển, vẫn chẳng thể giữ cho con cháu đời đời hưởng phước, huống chi kẻ phàm phu trơ trụi? Từ vô lượng kiếp đến nay, những ác nghiệp đã tạo còn dày hơn đại địa, sâu hơn biển cả, có đảm bảo gia đạo thường hưng thạnh, chỉ có phước không tai ương chăng?
Phải biết rằng: muôn pháp trong thế gian thảy đều hư giả, trọn chẳng chân thật, như mộng, như huyễn, như bọt nước, như bóng dáng, như sương móc, như ánh chớp, như bóng trăng in trong nước, như hoa đốm trên không, như ánh nước dợn lúc trời nóng, như thành Càn Thát Bà (Càn Thát Bà là tiếng Phạn, Hán dịch là Tầm Hương, là nhạc thần của Thiên Đế. Thành trì của họ huyễn hiện chẳng thật, như ta thường nói "thần lâu hải thị" [49] vậy!).

Chỉ có mỗi một niệm tâm tánh của chính mình hằng cổ hằng kim (xưa nay luôn thường hằng), chẳng biến, chẳng hoại, tuy chẳng biến hoại nhưng thường tùy duyên. Do ngộ tịnh duyên liền thành Thanh Văn, thành Duyên Giác, thành Bồ Tát, thành Phật. Do công đức sâu hay cạn mà quả vị cao hay thấp. Do mê nhiễm duyên thì sanh lên trời, sanh trong nhân gian, đọa vào Tu La, đọa súc sanh, đọa ngạ quỷ, đọa địa ngục. Do tội phước nặng hay nhẹ mà có khổ hay vui, [thời gian thọ quả] có dài hay ngắn. Nếu là kẻ chẳng biết Phật pháp, chẳng biết làm cách nào được!
Ông đã sùng tín Phật pháp, sao chẳng do nghịch cảnh ấy nhìn thấu tướng trạng thế gian, bỏ mê nhiễm duyên, theo ngộ tịnh duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nhờ đó, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi lục đạo, cao đăng quả vị Tứ Thánh, há chẳng phải là nhờ cái họa nhỏ này mà thường hưởng phước lớn ư?
* Phật ân thật là rộng lớn, trọn khắp, chẳng có cùng tận. Vì sao nói thế? Do hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, nhưng vì mê chẳng ngộ, đến nỗi lại đem sức công đức Phật tánh ấy dùng lầm vào sáu trần cảnh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp thọ báo, trải kiếp dài lâu luân hồi lục đạo, trọn chẳng có ngày ra. Trong những kiếp xưa, Phật đã biết rõ điều này, bèn phát đại nguyện muốn cho hết thảy chúng sanh trong khắp các pháp giới tận cõi hư không cùng ngộ được Phật tánh sẵn có, cùng thoát luân hồi sanh tử, cùng thành đạo Vô Thượng Chánh Giác, cùng nhập Vô Dư Niết Bàn.
Từ đấy, vì chúng sanh trong khắp pháp giới Ngài trải kiếp dài lâu hành đạo Bồ Tát, không việc gì có lợi ích mà Phật chẳng đề cao, tu trọn lục độ, chẳng chấp trước một pháp nào, hành hạnh khó làm, nhẫn được chuyện khó nhẫn. Phật bố thí quốc thành, vợ, con, đầu, mắt, tủy, não... không tiếc nuối gì. Vì thế, kinh Pháp Hoa nói: *“Ta thấy đức Thích Ca Như Lai trong vô lượng kiếp, hành hạnh khó, hạnh khổ, tích công chứa đức cầu Bồ Tát đạo chưa từng dừng nghỉ. Xem khắp tam thiên đại thiên thế giới, thậm chí chẳng có chỗ nào nhỏ bằng hạt cải mà chẳng phải là chỗ Bồ Tát xả thân mạng vì chúng sanh cả! Sau đấy mới được thành Bồ Đề đạo”.*
Chỉ một hạnh bố thí dù thọ cả kiếp còn chẳng thể nói hết, huống hồ là các hạnh khác như Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Huệ và Tứ Nhiếp, vạn hạnh ư? Mãi cho đến khi Hoặc nghiệp hết sạch, phước huệ viên mãn, triệt chứng tự tâm, thành đạo Vô Thượng, Phật bèn vì khắp các chúng sanh giảng pháp mình đã chứng, chỉ vì để ai nấy đều chứng được pháp Ngài đã chứng. Thế nhưng thượng căn ít ỏi, trung căn, hạ căn lại nhiều; cho nên Phật lại tùy cơ lập giáo, khiến ai nấy tùy phận được lợi.
Đến khi việc một đời đã xong, Phật bèn nhập Niết Bàn, nhưng vẫn chẳng bỏ tấm lòng đại bi, lại thị hiện thành Chánh Giác trong thế giới khác để tiếp tục

tế độ. Phật thị hiện sanh trong cõi này hay cõi khác như thế, chẳng thể dùng toán số, thí dụ để tính được nổi. Ví như vầng mặt trời chói lọi vì chiếu thế gian nên mọc lặn chẳng ngừng, cũng như người đưa thuyền vì đưa người qua sông nên qua lại chẳng ngừng!

* Phật nghĩ thương xót chúng sanh từ vô thỉ trước đến tận vị lai sau, trên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến lục đạo phàm phu, không một ai chẳng thuộc trong vòng đại bi thệ nguyện của Ngài. Ví như hư không bao trùm hết thảy, từ sâm la vạn tượng cho đến trời đất đều bị hư không bao trùm cả. Cũng lại như ánh sáng mặt trời chiếu khắp muôn phương, dù kẻ sanh manh trọn đời chẳng thấy được ánh sáng vẫn được ánh mặt trời soi tới, được sống đúng nghĩa con người. Nếu như không có ánh mặt trời chiếu thấu, sẽ chẳng có duyên sanh sống được; [như vậy thì] nào có phải là cứ phải đích thân thấy được ánh sáng thì mới được thọ ân ư?

Kẻ thế trí biện thông đem cái hiểu biết câu nệ, rỗng tuếch của mình để chê bai, phản bác Phật pháp, bảo là: "Phật pháp làm hại thánh đạo, dối đời lừa người", trọn chẳng khác gì kẻ sanh manh chửi mặt trời, bảo mặt trời chẳng có quang minh! Hết thảy ngoại đạo đều lấy trộm nghĩa lý trong kinh Phật rồi làm như chính đạo mình có giáo nghĩa ấy; có kẻ còn trộm danh Phật pháp để hành tà pháp. Do đó ta biết rằng Phật pháp chính đạo gốc của mọi pháp thế gian, xuất thế gian. Ví như biển cả chảy ngầm dưới mặt đất, những chỗ đầy ắp nước, chảy thành dòng thì là vạn con sông, nhưng không con sông nào lại chẳng đổ vào biển cả.

Những kẻ báng Phật kia phải đâu là báng Phật, mà là báng chính mình đó. Bởi vì một niệm tâm tánh của họ toàn thể là Phật. Từ đầu Phật đã dùng bao cách thuyết pháp, giáo hóa như thế những mong họ bỏ mê về chân, tự chứng Phật tánh chính mình sẵn có mới thôi. Do Phật tánh đáng tôn trọng nhất, đáng yêu tiếc nhất, nên Phật chẳng hề tiếc công như vậy, dù họ chẳng tin nhận, Phật cũng chẳng nỡ buông bỏ. Nếu như chúng sanh chẳng sẵn có Phật tánh, chẳng kham làm Phật, nhưng Phật cứ uổng công bày cách như thế thì Phật chính là kẻ si dại bậc nhất trong thế gian, mà cũng là kẻ đại vọng ngữ bậc nhất trong thế gian, lẽ nào tám bộ trời rồng, tam thừa thánh hiền lại cùng chịu hộ vệ, y chỉ Phật ư?

* Phật xem hết thảy chúng sanh giống như con một, yêu thương không thiên vị ai, luôn muốn cho chúng sanh được độ thoát, vì hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Bởi thế, dù là hạng Nhất Xiển Đề tuyệt chẳng có tín tâm, Phật không hề có một niệm buông bỏ. Nếu đúng cơ duyên, họ sẽ tự sanh lòng tin, quy y, y giáo tu trì ngõ hầu đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Mười phương Như Lai thương xót chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ trốn, mẹ dù nhớ cũng chẳng làm gì được! Nếu con*

nhớ mẹ như mẹ nhớ con, từ đời này sang đời khác mẹ con chẳng hề xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì trong hiện tại hoặc trong tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa như người nhiễm hương, thân có mùi thơm”.

Kinh Pháp Hoa dạy: *“Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe đến Bồ Tát Quán Thế Âm này, nhất tâm xưng danh thì Quán Thế Âm Bồ Tát liền lập tức xem xét âm thanh ấy, khiến họ đều được giải thoát”*.

Kinh còn chép: *“Vị Quán Thế Âm Bồ Tát này hay ban cho sự không sợ hãi cho những chỗ hoảng sợ, nạn gấp nên thế giới Sa Bà này đặt tên cho Ngài là Thí Vô Úy”.*

Ấy là vì xét về thể thì tâm của chúng sanh và tâm của Phật, Bồ Tát chẳng khác gì nhau, chỉ vì chúng sanh mê muội, trái giác theo trần, đến nỗi đây kia ngăn cách, chẳng được chở che. Nếu như trái trần xuôi giác, một dạ xưng danh, sẽ tự nhiên cảm ứng đạo giao, Phật, Bồ Tát rủ lòng từ gia bị, dù gặp hiểm nạn cũng thành yên vui!

* Điều trọng yếu trong việc học đạo là đối trị tập khí. Thường có kẻ học vấn càng sâu, tập khí càng thạnh. Ấy là vì coi học đạo giống như học nghề, cho nên càng học nhiều, càng nghịch đạo. Đó chính là cội nguồn khiến cho cả Nho lẫn Thích trong nước ta cùng suy cả!

---o0o---

8. Luận Về Đạo Thầy Trò

* Những mối quan hệ lớn (ngũ luân) trong đời người tính ra chỉ có năm, tức là vua - tôi, cha - con, anh - em, vợ - chồng, bạn bè. Cha sanh, thầy dạy, vua nuôi, ba mối quan hệ này tương đương nhau, sao trong Ngũ Luân chẳng kể đến thầy; chẳng biết rằng thầy có đức tánh giáo huấn ta thành người nên thầy cũng như cha. Kế đến, có công khuyên dụ, khen thưởng, khuyến khích để ta được thành tài nên thầy cũng như anh. Vì thế, Mạnh Tử nói: *“Thầy là cha anh”*. Tiếp đó, thầy khiến ta mở mang, đôi bên cùng được lợi ích như hai vầng trăng chiếu lẫn nhau, hai tay vịn vào nhau nên thầy cũng như bạn (Trong chữ Bằng Hữu, Bằng gồm hai chữ Nguyệt ghép lại; chữ Hữu giống như hai tay vịn vào nhau). Bởi thế nhà Phật hay nói: “Tầm sư phỏng hữu” (tìm thầy kiếm bạn).

---o0o---

9. Luận Về Giới Luật

* Pháp môn dù nhiều, nhưng tất cả gồm trọn chẳng sót trong ba môn Giới - Định - Huệ. Vì thế kinh Lăng Nghiêm nói: *"Nhiếp tâm là Giới, do Giới sanh Định, do Định phát Huệ. Do vậy gọi là Tam Vô Lậu Học"*. Nhưng trong ba môn này, chỉ có Giới là trọng yếu nhất. Bởi lẽ, trì giới chính là chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Hạnh ấy gần với Phật, tâm ấy chẳng đến nỗi trái nghịch với Phật.

Vì thế, trong kinh Phạm Võng, đức Như Lai vì chúng sanh nói lời bảo chứng rằng: "*Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như vậy thì giới phẩm đã đầy đủ"*. Ngài còn nói: *"Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật là nhập vào địa vị Phật; địa vị đã giống như Đại Giác rồi, thật sự là các con của Phật"*. Vì vậy, một pháp Trì Giới chính là đạo trọng yếu đệ nhất để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử vậy.

* Chữ Luật chẳng chỉ riêng những hành vi thô phù mà thôi; nếu chẳng chú trọng lòng kính, giữ gìn lòng thành thì vẫn là phạm luật. Nhân quả là cốt tủy của Luật. Ai chẳng biết nhân quả và khinh mạn nhân quả đều là phạm luật. Người niệm Phật khởi tâm động niệm thường phù hợp với Phật thì Luật, Giáo, Thiền, Tịnh đều cùng thực hành cả.

---o0o---

10. Luận Về Kinh Điển

* Nếu ai thiên tư thông minh, mẫn tiệp thì nghiên cứu tánh tướng các tông chẳng trở ngại gì, nhưng phải lấy pháp môn Tịnh Độ làm chỗ nương tựa, quay về, mới khỏi đến nỗi có nhân không quả, khỏi lâm vào cảnh biến diệu pháp liễu sanh thoát tử thành lời lẽ bàn suông cửa miệng, không cách gì được lợi ích thật sự! Phải nên chú trọng lòng kính, gìn giữ lòng thành, xem kinh tượng như đức Phật sống, chẳng dám khinh nhờn chút nào, mới hòng do lòng thành của chính mình lớn nhỏ thế nào mà sẽ đạt được các lợi ích sâu hay cạn.

Những người căn cơ chậm lụt, chỉ nên chuyên nghiên cứu pháp môn Tịnh Độ, nếu thật sự tin đến nơi, giữ thật vững, sẽ quyết định liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, siêu phàm nhập thánh, so với những kẻ thông hiểu kinh luận sâu xa nhưng chẳng thực hành pháp môn Tịnh Độ kia, sự lợi hại khác xa hệt như trời với đất vậy!

Đối với những kẻ vừa nói trên, chẳng cần biết tư cách như thế nào, trước hết cứ cho dùng liều thuốc một vị này thì bất luận là tà chấp, kiến giải lầm lạc, ngã mạn, phóng túng đến đâu, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình đành ở địa vị kém cỏi... đều do thuốc A Già Đà một vị trị chung vạn bệnh này, không một ai là chẳng dứt khoát lành bệnh cả!

* Phật pháp uyên thâm, kẻ đại thông minh dù tận hết tâm lực bình sanh vẫn còn có chỗ chưa thể nghiên cứu tường tận được. Nhưng Phật pháp tùy cơ lập giáo; nếu muốn hưởng lợi ích thật sự thì hãy nghiên cứu, tu trì pháp môn đặc biệt, siêu việt, lạ lùng là Tịnh Độ; đây thật sự là con đường trọng yếu tốn ít tâm lực vậy.
* Việc giảo đính kinh điển chẳng phải là chuyện dễ dàng, chỉ sợ thầy chẳng rảnh rỗi đến thế. Nếu ủy nhiệm người khác làm, kẻ đó phải là người kiến thức lỗi lạc, thập phần tỉ mỉ, xét suy kỹ càng đôi ba lượt, tra cứu kỹ lưỡng mới có thể đính chánh những chỗ chép lầm, trừ sạch những điểm dở tệ khiến thiên chân được tỏ bày triệt để. Nếu không, sao chẳng cứ theo đúng dạng vẽ hồ lô[50] may ra chẳng đánh mất sự chân xác sẵn có!
* Một bộ kinh Hoa Nghiêm là vua của Tam Tạng, phẩm cuối cùng quy kết, đặt nặng nguyện vương. Nên tôn trọng kinh Hoa Nghiêm, nhưng chớ xem thường các kinh khác vì các kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm bản thể.
Hoa Nghiêm vĩ đại vì là đại pháp xứng tánh cực đàm vượt ngoài các giới, chẳng thâu nhiếp các pháp Nhị Thừa. Điểm huyền diệu của kinh Pháp Hoa là "hội tam quy nhất" (gộp ba thừa về một thừa), "khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bổn". Tông Thiên Thai cho rằng: "Pháp Hoa thuần viên độc diệu[51] , Hoa Nghiêm vẫn còn nói kèm Quyền pháp" (chữ Quyền pháp chỉ các địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác).
Nhưng trong hội Pháp Hoa, Phật khen ngợi Pháp Hoa là vua của các kinh, trong hội Hoa Nghiêm Phật cũng khen như thế. Lẽ nào kẻ hoằng kinh đời sau cứ nhất định phải căn cứ vào năm bộ lớn[52] để phân định kinh này cao, kinh kia thấp, chẳng chấp nhận kinh nào cũng có những điểm riêng đáng khen ngợi hay sao? Kẻ tu Thiền ca tụng Thiền, người tu Tịnh Độ tán dương Tịnh Độ; nếu không sẽ chẳng thể khiến người khác sanh chánh tín, khiến người khác kính ngưỡng.
Chỉ nên khéo hiểu ý nghĩa mỗi kinh, đừng vướng vào từ ngữ mà lạc mất ý nghĩa. Mạnh Tử xưng tụng Khổng Tử là bậc thánh chưa từng có trong loài người. Khổng Tử thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng. Lòng mong mỏi, hâm mộ ba vị thánh của Ngài sao mà chí thành đến mức cùng cực như thế ấy!
* Tổ Thiện Đạo dạy người nhất tâm trì danh, đừng tu tạp nghiệp là vì sợ kẻ trung căn, hạ căn do tạp nghiệp tâm sẽ khó quy nhất, cho nên Ngài dạy chuyên tu. Tổ Vĩnh Minh dạy người "muôn điều thiện cùng tu" và "hồi hướng Tịnh Độ" là vì sợ hành nhân thượng căn thiên chấp, đến nỗi phước huệ chẳng thể xứng tánh viên mãn, cho nên ngài dạy "viên tu" (tu trọn khắp).
* Kinh rách nát chẳng thể tu bổ được nữa nếu đốt đi cũng không có lỗi gì. Nhưng nếu thấy còn có thể tu bổ được thì đừng nên đốt đi. Nếu chẳng biết lẽ

biến thông, cứ một mực chẳng dám thiêu, thì kinh ấy rốt cuộc chẳng thể xem được, cũng chẳng thể cất giữ như kinh còn tốt, lại trở thành khinh nhờn. Cái lỗi khinh nhờn ấy gây hại cho người lắm, há chẳng nên biết đến lẽ quyền biến hay sao?

* Trong các thứ thuốc đối chứng trị bệnh cho người hiện tại, nhân quả là vị thuốc bậc nhất, pháp Tịnh Độ là pháp nên tu bậc nhất. Bất luận căn tánh nào, chẳng thể không trước tiên tìm tòi học hỏi pháp nhân quả, pháp Tịnh Độ.

Còn về giáo tướng, phải chọn lựa người mà giảng giải, bởi những người học ai nấy đều có những điều phải học riêng, Phật học chỉ là học kèm theo mà thôi. Nếu là kẻ căn cơ nông cạn, ắt sẽ chuyên chú vào Giáo tướng, quăng Tịnh Độ ra sau ót, đến nỗi rốt cuộc thành hữu nhân vô quả, cho nên chớ giảng dạy chẳng xứng với căn cơ.

Nay trong số những người tôn sùng Tướng tông cũng có tệ nạn ấy. Người đề xướng [học Tướng tông] chẳng thật sự vì liễu sanh thoát tử, mà chỉ nhằm thông hiểu pháp tướng để có thể giảng nói mà thôi. Nếu như những kẻ đó hiểu "dùng tự lực để liễu sanh tử' là chuyện khó, ắt sẽ chẳng chuyên chú vào việc đó (tức là chỉ lo học cho hiểu Tướng tông) rồi bỏ qua pháp Tịnh Độ không thèm hỏi tới, hoặc còn chê bai là pháp nông cạn nữa. Những kẻ ấy đều thuộc loại ham cao chuộng trội, nhưng chẳng biết thế nào là cao trội cả. Nếu thật sự biết, dù có bị giết cũng chẳng chịu bỏ qua pháp môn Tịnh Độ, cứ cực lực tu hành. Học đạo thật là khó lắm vậy!

* Chúng sanh căn khí bất nhất; Như Lai từ bi vô lượng. Nếu ai thật sự chân thật, chí thành, cung kính niệm Phật thì đến lúc lâm chung, tự sẽ có những chuyện chẳng mong mỏi mà tự nhiên đạt được. Những lời lẽ của ngài Tử Bách, ngài Hám Sơn rất là thân thiết, nhưng hai vị đều là bậc tri thức trong Tông môn, nếu [đem những lời đó] nói với những người thật sự có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì sẽ có ích. Nhưng nếu nói với người chỉ có chút thiện căn, chưa thể chuyên tu thì họ sẽ nghĩ chuyện sanh Tây vượt quá khả năng của họ; từ đó họ sẽ đánh trống lùi. Thuyết pháp chẳng phù hợp căn cơ sẽ thành lời nói suông, đúng là như vậy đó.

* Pháp môn Niệm Phật lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông, lấy Bồ Đề tâm làm căn bản, lấy "tâm này làm Phật, tâm này là Phật" làm thật nghĩa "nhân thấu biển quả, quả tột nguồn nhân", lấy "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" làm công phu tối thiết yếu để hạ thủ. Lấy đó mà hành, và nếu tứ hoằng thệ nguyện lại chẳng lìa tâm, thì tâm sẽ hợp với Phật, tâm hợp với đạo, ngay trong đời này dự vào dòng thánh, lâm chung lên ngay thượng phẩm, chẳng uổng cái đời này vậy!

---o0o---

11. Luận Về Trung Ấm

* Trung Ấm tức là thần thức, chẳng phải là thần thức biến thành Trung Ấm, thế tục gọi là "linh hồn". Những thuyết "Trung Ấm cứ bảy ngày lại một lần sống chết, bốn mươi chín ngày ắt sẽ đầu thai"... chẳng nên chấp nê. Trung Ấm có sống chết là do vô minh trong tâm biến hiện tướng sanh diệt, đừng ngây ngô tưởng Trung Ấm [thật sự] có sống chết như người trong thế gian. Trung Ấm thọ sanh, nhanh thì như trong khoảng khảy ngón tay liền vào tam đồ, lục đạo; chậm thì đến bốn mươi chín ngày hoặc lâu hơn bốn mươi chín ngày v.v...

Người mới chết mà có thể khiến người quen biết trông thấy vào ban ngày hay ban đêm, tiếp xúc với hoặc trò chuyện với người đó thì chẳng riêng gì Trung Ấm mới làm được như vậy, ngay cả những người đã thọ sanh trong đường thiện hay ác vẫn có thể vì người quen thuộc, thân thích khi trước mà hiện hình một phen. Đây tuy là do ý niệm của người đó biến hiện, nhưng chủ yếu là do những thần thánh trong thế gian hỗ trợ nhằm bóng gió chỉ bày: con người chết đi, thần minh (thần thức) chẳng diệt và quả báo thiện ác chẳng phải là hư huyễn vậy!

Nếu không, người dương gian chẳng biết đến việc cõi âm, mù quáng cho rằng người chết đi thân xác đã mục nát thì thần thức cũng phải phiêu tán, rồi bao người phụ họa theo khiến cho người trong khắp thế gian cùng bị hãm trong hầm sâu tà kiến "chẳng có nhân quả, chẳng có đời sau, hậu thế", sẽ thấy người lành cũng chẳng tự nỗ lực tu đức, kẻ ác càng muốn cùng hung cực ác tạo nghiệp. Dù có lời Phật dạy mà vẫn không có cách nào để chứng minh thì ai chịu tin nhận đây?

Những chuyện hiện hình hiện bóng ấy đủ chứng tỏ lời Phật chẳng dối, quả báo phân minh, chẳng những người lành càng hướng tới điều lành, ngay cả kẻ ác cũng bị những tình lý ấy khuất phục, chẳng đến nỗi mười phần quyết liệt. Thiên địa, quỷ thần muốn cho con người hiểu rõ việc ấy nên mới có những chuyện người đã chết hiện thân trong cõi đời, người dương gian xử án cõi âm v.v... Đấy đều là vì muốn hỗ trợ Phật pháp, giúp sức phô diễn trị đạo. Lý này rất vi tế, nhưng quan hệ rất lớn. Những chuyện như vậy xưa nay chép trong sách vở rất nhiều, nhưng chưa hề nói rõ nguồn gốc của sự biến hiện đó cũng như những lợi ích liên quan.

* Trung Ấm tuy lìa thân xác, nhưng vẫn có tình kiến về thân xác giống như khi chưa chết. Đã có tình kiến về thân xác, đương nhiên [nảy sanh ý niệm] phải có cơm áo để sử dụng. Do phàm phu nghiệp chướng quá nặng, chẳng biết Ngũ Uẩn vốn là không, nên [người trong trạng thái Trung Ấm] chẳng khác gì với người sống. Nếu là bậc đủ đại trí huệ sẽ nhằm ngay lúc trút bỏ xác thân không còn phải nương tựa nữa, liền biết Ngũ Uẩn là không nên các khổ tiêu diệt, nhất chân hiển hiện, vạn đức phô bày trọn vẹn.

Tuy cảnh giới [người sống và kẻ chết] bất tất phải nhất định giống hệt nhau, nhưng nào trở ngại gì đến việc tùy tình kiến mỗi người mà có các thứ cần dùng. Ví như khi đốt quần áo giấy, người còn sống chỉ giữ ý tưởng gởi áo cho người chết, còn quần áo lớn, nhỏ, ngắn, dài làm sao vừa vặn thích hợp cho được. Nhưng do tình kiến của người sống lẫn tình kiến của người chết, quần áo sẽ vừa vặn cả. Điều này giúp ta thấy được nghĩa lý lớn lao "hết thảy các pháp tùy tâm chuyển biến"...

---o0o---

12. Luận Về Bốn Cõi Tịnh Độ

* Hai cõi Phàm Thánh Đồng Cư và Phương Tiện Hữu Dư là ước theo phàm phu đới nghiệp vãng sanh và tiểu thánh Nhị Thừa đã đoạn Kiến Tư Hoặc mà lập, chứ chẳng thể ước theo Phật mà luận. Nếu ước theo Phật mà nói thì chẳng những toàn thể bốn cõi Tịnh Độ đều là Tịch Quang, mà ngay cả đời ác ngũ trược, tam đồ ác đạo, không sự gì Phật chẳng thấy là Tịch Quang. Vì thế nói: *"Tỳ Lô Giá Na ở khắp mọi nơi. Chỗ đức Phật ở gọi là Thường Tịch Quang"*.

"Khắp mọi nơi là Thường Tịch Quang" thì chỉ bậc đã chứng ngộ viên mãn Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na quang minh chiếu khắp mới thọ dụng được thôi, còn mọi người khác đều mới chỉ chứng được vài phần. Từ Thập Tín trở xuống cho đến phàm phu, về Lý thì có Thường Tịch Quang Tịnh Độ, nhưng về Sự thì chẳng có. Nếu muốn hiểu rõ hãy nghiên cứu phần luận về bốn cõi Tịnh Độ trong sách Di Đà Yếu Giải; sách Phạm Võng Huyền Nghĩa cũng giảng đầy nghĩa này (Tỳ Lô Giá Na, Hán dịch là Quang Minh Biến Chiếu, hoặc Biến Nhất Thiết Xứ, chính là cực quả rốt ráo của chư Phật, là hiệu chung của những vị đã chứng viên mãn pháp thân thanh tịnh. Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na cũng thế. Như Thích Ca, Di Đà, Dược Sư, A Súc Bệ v.v... chỉ là những danh hiệu riêng của các hóa thân Phật mà thôi. Chữ Lô Xá Na, Hán dịch là Tịnh Mãn, do hết sạch Hoặc nghiệp, viên mãn trọn vẹn phước huệ nên ước theo quả báo do Trí Đức và Đoạn Đức cảm thành mà gọi như vậy).

Lại phải biết rằng Thật Báo, Tịch Quang vốn là một cõi. Ước theo quả cảm bởi xứng tánh thì gọi là Thật Báo, ước theo lý được chứng rốt ráo thì gọi là Tịch Quang. Sơ Trụ mới dự vào Thật Báo, chứng được một phần Tịch Quang. Diệu Giác mới là thượng thượng Thật Báo, rốt ráo Tịch Quang. Như vậy từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác đều chỉ chứng được vài phần hai cõi này, đối với cực quả Diệu Giác thì hai cõi ấy đều là rốt ráo.

Nói đến Thật Báo là chỉ ước về phần chứng, nói đến Tịch Quang là chỉ ước về cứu cánh. Tịch Quang vô tướng, Thật Báo có đủ cả vi trần số chẳng thể

nghĩ bàn Hoa Tạng thế giới hải vi diệu trang nghiêm. Ví như hư không vốn chẳng phải là các tướng, nhưng hết thảy các tướng đều do hư không mà phát hiện. Lại như gương báu rỗng sáng, trong suốt, trọn chẳng có một vật gì, nhưng hễ Hồ đến Hồ liền hiện bóng, Hán đến Hán liền hiện bóng. Thật Báo và Tịch Quang tuy một mà hai, tuy hai mà một. Vì muốn cho người dễ hiểu nên nói là hai cõi.

* Trong bốn cõi Tịnh Độ: người đới nghiệp vãng sanh sống trong Đồng Cư, người đoạn Kiến Hoặc sống trong Phương Tiện, người phá vô minh sống trong Thật Báo, người hết sạch Vô Minh trụ trong cõi Tịch Quang.

Thêm nữa, Thật Báo là ước theo quả báo cảm thành mà nói, Tịch Quang là ước theo lý tánh được chứng mà nói; chúng vốn thuộc một cõi, nhưng giảng như vậy cho người ta dễ hiểu. Vì thế, người phần chứng thuộc vào Thật Báo, người mãn chứng thuộc về Tịch Quang. Chứ thật sự trong cả hai cõi đều có đủ cả phần chứng lẫn mãn chứng. Trong Văn Sao, tôi đã từng trình bày tường tận.

Cõi Đồng Cư tuy có đủ ba cõi kia nhưng người chưa đoạn Hoặc chỉ thọ dụng được cảnh Đồng Cư. Dù là cảnh của người đới nghiệp vãng sanh nhưng chẳng thể gọi cõi đó là cõi phàm phu vì họ đều đạt được ba thứ Bất Thoái.

---o0o---

13. Luận Về Xá-lợi

* Xá-lợi là tiếng Phạn, Hán dịch là "thân cốt" (xương nơi thân), hoặc dịch là "linh cốt" (xương thiêng), do sức Giới - Định - Huệ của người tu hành tạo thành, chứ chẳng phải do luyện Tinh - Khí - Thần mà được. Đấy chính là biểu tượng tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật vậy, chẳng phải chỉ chết đi đem thiêu mới có, mà [ngay khi còn sống] xương, thịt, tóc nơi thân đều có thể biến thành xá-lợi cả.

Xưa có vị cao tăng nhân tắm gội mà được xá-lợi. Ngài Tuyết Nham Khâm thiền sư cạo đầu, tóc biến thành xá-lợi. Lại có người chí tâm niệm Phật, trong miệng có xá-lợi. Lại có người khắc in sách Long Thư Tịnh Độ, tìm được xá-lợi trong bản khắc. Lại có người thêu hình Phật, thêu kinh, nơi mũi kim đâm xuống liền được xá-lợi. Lại có người chết đi, đem thiêu, xá-lợi vô số, môn nhân ai nấy đều được; có một người đi xa chưa về kịp, đến lúc trở về cúng quải trước tượng, cảm khái đau buồn, liền nhặt được xá-lợi trước tượng. Ngày thiêu hóa Trường Khánh Nhàn thiền sư, trời nổi trận gió lớn, khói tỏa xa ba, bốn mươi dặm. Khói bay đến đâu, chỗ đó đều có xá-lợi, nhặt gom lại được hơn bốn thạch. Nên biết rằng xá-lợi do đạo lực cảm thành, kẻ

luyện đan chẳng biết nguyên do cứ ức đoán lầm lạc là do Tinh - Khí - Thần cảm thành.

---o0o---

14. Luận Về Tý Hương

* "Tý hương" là đốt hương trên cánh tay. Linh Phong lão nhân (tổ Trí Húc Ngẫu Ích) hằng ngày trì hai kinh Lăng Nghiêm, Phạm Võng, nên ngài thường đốt hương. Chỉ vì hết thảy chúng sanh không ai chẳng tiếc thân mạng, bảo trọng thân mình; đối với những loài khác thì giết thân chúng, ăn thịt chúng, tâm càng vui vẻ, còn mình bị muỗi đốt, gai đâm sẽ khó chịu đựng được. Trong các kinh Đại Thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Phạm Võng v.v.., đức Như Lai khen ngợi khổ hạnh, dạy đốt thân, cánh tay, ngón tay để cúng dường chư Phật hòng đối trị tâm tham và tâm yêu tiếc, bảo trọng tự thân. Trong lục độ, pháp này thuộc về Bố Thí Độ.

Bố thí có nội, ngoại bất đồng. Ngoại bố thí là quốc thành, vợ con, nội bố thí là đầu, mắt, tủy, não. Đốt hương, đốt thân đều gọi là Xả, phải chí tâm khẩn thiết, ngưỡng mong Tam Bảo gia hộ, chỉ mong mình lẫn người nghiệp tiêu, huệ sáng, tội diệt, phước tăng(nói là mình - người, nhưng thật ra là vì mình. Lại đem công đức ấy hồi hướng cho pháp giới chúng sanh, nên gọi là mình - người); trọn chẳng được mảy may khởi tâm cầu tiếng tăm, cầu phước lạc nhân thiên thế gian, chỉ vì trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh mà làm thì công đức sẽ vô lượng, vô biên, chẳng thể nghĩ bàn. Đấy gọi là tam luân thể không[53] , bao gồm trọn vẹn tứ hoằng thệ, do tâm nguyện nên công đức rộng lớn, do tâm nguyện nên chóng đạt được quả báo.

Nếu như tâm chuộng hư danh, đem cái tâm chấp trước mà bắt chước hành hạnh trừ khử chấp trước thì đừng nói là đốt hương trên cánh tay, dù đốt cả toàn thân vẫn chỉ là khổ hạnh vô ích. Ấy là vì do tâm chấp trước, vì mong được danh dự, chẳng hiểu nghĩa lý tam luân thể không, mà cũng chẳng gồm trọn bốn hoằng thệ nguyện; khiến pháp phá trừ thân kiến của Như Lai trở thành pháp khiến thân kiến càng thêm kiên cố. Tội phước do tâm mà chia, quả báo do tâm mà khác. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: *"Bò uống nước thành sữa. Rắn uống nước thành nọc độc. Kẻ trí học thì chứng Niết Bàn, người ngu học đến càng tăng thêm sanh tử!"*

* Tâm Bồ Tát hệt như thái hư, không gì là chẳng bao quát, vì muốn lợi lạc chúng sanh nên bày mọi phương tiện, trước là dùng dục để lôi kéo, sau mới khiến nhập Phật trí. Chớ dùng tri kiến phàm phu để suy lường lầm lạc. Vì các ngài đã chứng Pháp Nhẫn, trọn không còn có nhân - ngã, chỉ muốn nhiếp

thọ hết thảy chúng sanh vào biển pháp đại giác của Như Lai. Nếu so đo, tính toán sẽ thuộc về tình kiến, chẳng thể ngầm khế hợp với đạo vô nhân ngã.
Nói "bố thí đầu, mắt, tủy, não" là sự thật, còn nói [bố thí cả] kỹ nữ, thể nữ... chẳng qua là để diễn tả tâm bố thí rộng lớn của Bồ Tát, chớ vì từ hại ý, chấp chết lời nói. [Nếu chấp câu nguyện] "nguyện kỹ nữ đầy dẫy trong a tăng kỳ thế giới" [là sự thật] thì biết an bài họ vào đâu đây? Câu nói ấy hiển thị Bồ Tát bỏ cả trong lẫn ngoài, trọn chẳng tham tiếc, trong thì bỏ cả đầu, mắt, tủy, não, ngoài thì bỏ quốc thành, vợ con, chẳng sanh tham chấp với bất cứ một pháp nào. Vì thế, ở trong sanh tử chỉ mình Bồ Tát được giải thoát.
Những kẻ nhận bố thí kia do được nguyện lực của Bồ Tát nhiếp trì nên sẽ ngay trong lúc này hoặc trong đời sau không kẻ nào chẳng đích thân được hưởng lợi ích, liễu sanh thoát tử; như vua Ca Lợi cắt chặt thân thể [Nhẫn Nhục tiên nhân], sau này trở thành người được [Phật] độ đầu tiên là ngài Kiều Trần Như. Phàm phu tiểu tri tiểu kiến há có thể suy lường được tâm đại Bồ Đề lượng như thái hư ư?
Phải biết rằng: phàm phu chưa đắc Pháp Nhẫn, trong tâm ngưỡng mộ đạo Bồ Tát, nhưng hành sự phải thuận theo lý thường của phàm phu, nếu không sẽ có thể gây trở ngại cho việc gìn giữ, duy trì đạo pháp. Nếu chưa chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, dù chẳng duy trì pháp đạo, cũng chẳng nên học theo Bồ Tát bỏ đầu, mắt, tủy, não v.v... bởi tự lực chẳng đủ, chẳng kham nhẫn thọ, cả mình lẫn người đều chẳng được lợi ích gì cả. Phàm phu cứ căn cứ theo những điều phàm phu có thể làm được mà làm thì mới nên.

---o0o---

15. Luận Về Cảnh Giới

* Người niệm Phật lâm chung được Phật tiếp dẫn; đấy là chúng sanh và Phật cảm ứng đạo giao, dù chẳng lìa khỏi tâm nghĩ tưởng nhưng chẳng thể nói là [cảnh giới ấy] chỉ do mỗi mình tâm tưởng hiện, tuyệt đối chẳng có chuyện Phật, Thánh nào đến nghênh tiếp cả! Tâm tạo địa ngục thì lâm chung tướng địa ngục hiện. Tâm tạo Phật quốc thì lâm chung tướng Phật quốc hiện.
Nói "tướng tùy tâm hiện" thì được, nhưng nói "chỉ có tâm không có cảnh" thì chẳng được. Nếu bậc đại giác Thế Tôn nói "chỉ có tâm không có cảnh" thì chẳng có lỗi gì, chứ nếu các hạ nói như vậy ắt sẽ rớt vào tri kiến đoạn diệt, ắt thành tà thuyết phá hoại pháp môn tu chứng của đức Như Lai; chẳng thể không dè dặt được. Nếu nói tỉ mỉ mỗi điều, ắt phí bút mực. Biết một ắt sẽ suy được cả ba, không còn sót nghĩa nào.
* Phải biết rằng hiện tại không có pháp nhất định. Do cái thấy của mỗi người khác nhau nên hãy tạm gác những cảnh giới của Phật, Bồ Tát lại đó, chỉ dùng những cảnh phàm tiểu để giảng rõ. Ông Tử Tấn là con vua Châu Linh

Vương, học đạo tiên bảy ngày, khi xuất hiện ở Hầu Sơn thì đã qua đời Tấn. Vì thế mới có thơ rằng:
Vương tử khứ cầu tiên,
Đan thành nhập cửu thiên,
Động trung phương thất nhật,
Thế thượng kỳ thiên niên.
(Vương tử học đạo tiên,
Thành đạo dạo cửu thiên,
Trong động chỉ bảy bữa,
Trần gian gần nghìn niên)

(Chữ "kỷ" phải đọc giọng bằng, có nghĩa là "gần". Từ đời Châu Linh Vương đến nhà Tấn, thời gian dài gần một ngàn năm)

Lại như ông Lã Thuần Dương gặp Chung Ly Quyền trong quán trọ ở Hàm Đan, ông Chung khuyên họ Lã học đạo Tiên, họ Lã muốn được phú quý rồi mới học. Chung trao cho Lã một cái gối bảo hãy ngủ một giấc. Họ Lã mộng thấy mình làm quan từ chức nhỏ đến chức lớn, rồi làm đến Tể Tướng. Năm mươi năm phú quý vinh hoa, thật ít có trong đời. Con cháu đầy nhà, thường sung sướng không tai ương gì. Sau vì một chuyện chẳng hợp ý bề trên bèn tự thoái quan. Lúc tỉnh giấc ra, chủ quán trọ còn đang nấu nồi cháo kê vàng!

Trong mộng thấy ra vào làm tể tướng, bao nhiêu là chuyện lớn, thời gian lâu cả năm mươi năm, tỉnh giấc, nồi cháo kê vàng vẫn chưa nhừ. Đấy chẳng qua là cảnh do tiên nhân biến hiện, mà còn có thể trong một niệm biến hiện những sự nghiệp, cảnh giới của cả năm mươi năm; huống hồ là cảnh giới của Phật là vị trời trong trời, là thánh của các thánh, của các vị đại Bồ Tát đã chứng Pháp Thân? Vì thế, ngài Thiện Tài vào trong lầu gác của đức Di Lặc, vào trong một lỗ chân lông của đức Phổ Hiền, đều ở trong mười phương thế giới hành lục độ vạn hạnh trải Phật sát vi trần số kiếp. Xem đoạn văn ấy, ông còn có thể suy lường được chăng?

Phải biết rằng ba đời không thật thể, còn là phận phàm phu thì chỉ thấy được cảnh giới của phàm phu, chẳng được vin vào cảnh giới phàm phu thấy được đó mà bảo cảnh giới của Phật, Bồ Tát cũng giống như thế, chẳng có gì khác! Nay tôi dùng ví dụ để giảng rõ: Như gương soi tỏ mấy mươi tầng núi sông, lầu gác, thật chẳng có gần xa, nhưng gần xa rành rành! Sắc pháp thế gian còn như thế, huống là bậc đã chứng tâm pháp duy tâm tự tánh ư? Bởi thế mới nói: "*Ư nhất hào đoan, hiện bảo vương sát, tọa vi trần lý, chuyển đại pháp luân"* (trên đầu sợi lông, hiện cõi bảo vương, ngồi trong vi trần chuyển đại pháp luân).

Mười đời xưa nay, trước sau chẳng lìa đương niệm, vô biên cõi nước chẳng xa cách [một khoảng nhỏ bằng] đầu sợi lông! Phàm những gì thuộc về cảnh

giới chẳng thể nghĩ bàn thì hãy nên ngửa tin lời Phật, đừng suy lường xằng. Nếu như khẩn thiết đến cùng cực, sẽ tự hiểu rõ hết, cũng chẳng cần phải hỏi ai khác cả. Nếu chẳng khẩn thiết, chí thành, dù ra sức lễ bái, trì tụng, nhưng cứ suốt ngày đem những cảnh giới mà phàm phu chẳng thể suy lường được để cuồng vọng suy lường thì có khác gì đi theo vết xe đổ của huyễn nhân pháp sư, dù có muốn chẳng vướng lấy tội báo báng Phật, báng Pháp, báng Tăng cũng chẳng thể được!

* Biết lệnh nghiêm[54] có rất nhiều điều linh cảm, tôi khôn ngăn bội phục. Như ước về lúc thọ pháp, nếu Đại Sĩ cùng thiên long bát bộ cùng hiện thì Mật Tông vẫn có cấm giới chẳng cho tuyên truyền diệu cảnh. Đấy phải chăng là vì lòng sùng phụng trong sạch, bền chắc mà ngài thuận lòng thị hiện chăng? Nếu hiểu như vậy, nhất định [người được thấy diệu cảnh đó] phải có sở chứng. Nếu [người ấy] không có sở chứng, nhất định thánh chẳng tùy tiện ứng hiện xuông!

Còn như việc "thấy ứng thân" như luận Khởi Tín đã nói thì đó là tình cảnh người niệm Phật lúc lâm chung, vì chưa phá được vô minh nên ứng thân, báo thân, pháp thân [người ấy] được thấy đó đều chẳng phải là do thiện căn của người ấy mà được thấy. Bồ Tát ứng hiện ở Phạm Âm động tại Phổ Đà cũng là phương tiện quyền biến để tăng trưởng tín tâm cho chúng sanh, tuy người người được thấy nhưng chẳng thể lấy đó làm chứng cứ. Nếu cứ vin vào đó, ắt sẽ khiến hết thảy mọi người đều dựa dẫm vào đó mà đồn thổi. Người xưa được thấy Bồ Tát Văn Thù ở Ngũ Đài rất nhiều, nhưng đều là những vị có đại nhân duyên hoặc là công phu tu tập sâu dày, hễ ai gặp Ngài đều có điểm chứng ngộ giải nhập.

Năm Quang Tự thứ mười hai, Quang tôi triều bái Ngũ Đài, trước hết ngụ tại xưởng chế tạo lưu ly ở Bắc Kinh, tìm tác phẩm Thanh Lương Sơn Chí khắp nơi nhưng chỉ tìm được một bộ, thường xem hằng ngày. Do trời lạnh, đến tháng Ba mới đến được núi. Ở trên núi hơn bốn mươi ngày, thấy những người lên núi triều bái, đa số nói được thấy Bồ Tát Văn Thù, nhưng người thật sự hành trì rất ít. Thế mới biết là những người lên núi triều bái nói được thấy Bồ Tát đều chỉ nói dựa theo những tích chuyện của cổ nhân để khoe khoang đó thôi. Nếu ai thật sự được thấy ắt sẽ giấu kín. Vàng thau khác biệt! Nếu không, ngài Văn Thù chẳng tự trọng, khinh thị hiện thân, còn ra thế nào nữa?

"Lý tức Phật" hết thảy chúng sanh đều có, chứ chẳng phải chỉ riêng người nghịch trần hiệp giác. Nếu là hạng nghịch trần hiệp giác thì đã thuộc về "danh tự tức Phật". Ông X. nọ [khoe] khi nhập định giống hệt như Tỳ Lô Giá Na, khi xuất định lại vẫn là phàm phu, nhưng chẳng biết hổ thẹn, còn lớn tiếng khinh người. Nếu thật sự giống hệt như Tỳ Lô Giá Na, quyết chẳng đến nỗi vẫn là phàm phu! Ông ta toan dùng Mật tông để lòe người, chẳng

biết rằng Quang tôi dù chẳng biết Mật tông đi nữa, lẽ nào chẳng biết đúng sai, dễ hồ lung lạc được ư?

---o0o---

16. Luận Về Thần Thông

* Đạo Tế thiền sư là bậc thánh nhân đại thần thông. Ngài muốn khiến cho hết thảy mọi người sanh tín tâm nên thường hiển hiện những sự chẳng thể nghĩ bàn. Ngài ăn thịt uống rượu để giấu kín cái đức của bậc thánh nhân, là vì muốn cho những kẻ ngu tưởng ngài là kẻ điên rồ, không pháp tắc; nhân đó, chẳng tin tưởng ngài. Nếu không làm thế, ngài sẽ chẳng thể trụ trong thế gian.

Phật, Bồ Tát hiện thân, nếu thị hiện giống như phàm phu thì các ngài chỉ dùng đạo đức để giáo hóa người, tuyệt đối chẳng hiển hiện thần thông. Nếu hiển hiện thần thông sẽ chẳng trụ trong thế gian được; còn nếu hiện làm kẻ điên rồ, dù có hiển thị thần thông cũng chẳng trở ngại gì. Chớ bảo người tu hành ai nấy đều nên uống rượu, ăn thịt! Người lành thế gian còn chẳng uống rượu, ăn thịt, huống hồ là đệ tử Phật! Muốn giáo hóa chúng sanh mà chính mình chẳng y giáo phụng hành thì chẳng những làm cho người khác chẳng tin, mà còn khiến họ thoái thất tín tâm nữa. Vì thế chẳng được học đòi uống rượu, ăn thịt.

Ngài (Đạo Tế) ăn những con vật chết, ói ra những con vật sống. Ông ăn con vật chết vào, còn chưa ói ra thịt còn nguyên hình dạng được nổi, làm sao học đòi ngài ăn thịt cho được? Ngài uống rượu vào bèn nhả ra vàng để thếp tượng Phật, khiến cho vô số cây gỗ lớn từ trong giếng trồi lên. Ông uống rượu vào, muốn cho nước từ dưới giếng trào lên còn không được, làm sao học đòi ngài [uống rượu] cho được?

Truyện về Tế Công có đến mấy loại, nhưng chuyện Túy Bồ Đề hay nhất. Gần đây có đến tám bản khác nhau lưu thông, đa phần là những bản do người đời sau thêm thắt vào. Chuyện Túy Bồ Đề cả văn lẫn nghĩa đều hay, những chuyện được kể trong ấy đều là những sự thực khi ấy. Thế nhân chẳng biết nguyên do, không bắt chước bừa theo thì cũng hủy báng xằng bậy. Học bừa theo đó sẽ quyết định phải đọa địa ngục. Hủy báng xằng bậy tức là dùng tri kiến phàm phu để suy lường thần thông của thánh nhân, cũng mắc lỗi, nhưng so với kẻ học bừa theo, tội còn nhẹ nhiều hơn lắm. Thấy những điều chẳng thể nghĩ bàn của ngài phải nên sanh lòng kính tin, thấy ngài uống rượu, ăn thịt, chẳng chịu bắt chước làm theo thì sẽ được lợi ích, chẳng bị tổn hại vậy.

* Người có thể hoằng đạo, chứ đạo chẳng thể hoằng người. Thế gian loạn lạc là do ác nghiệp của đồng phận chúng sanh cảm thành, các thuyết tà vạy

cũng thế (cũng do cùng nguyên do ấy). Phong tục thế gian biến đổi, lúc thoạt đầu đều là do một hai kẻ phát khởi. Yên bình, loạn lạc, tà, chánh không gì đều chẳng như thế cả; sao chẳng xét đến sức người để chuyển biến, lại cứ quy vào sức thần thông của Phật, Bồ Tát để hòng chuyển biến vậy? Chẳng phải là Phật, Bồ Tát chẳng thể hiển thị thần thông biến hiện, khổ nỗi chúng sanh nghiệp nặng, nên [dù có biến hiện] cũng vẫn như không.
Ví như mây dầy, sương đậm, mờ mịt chẳng thấy được mặt trời giữa ban ngày, bèn bảo là chẳng có mặt trời ư? Con người cùng trời, đất gọi là Tam Tài; Tăng và Phật, Pháp gọi là Tam Bảo. Gọi như vậy là do căn cứ vào ý nghĩa hỗ trợ, tán dương công sanh trưởng [của trời đất], hoằng dương đạo pháp mà đặt tên. Ông cứ muốn bỏ nhân lực, bám vào sức của Phật, Bồ Tát, trời đất, có còn đáng bảo là biết đạo chăng?
Đời đại loạn, đại bi Bồ Tát thị hiện cứu hộ cũng chỉ cứu được kẻ hữu duyên; vì loạn lạc chính là đồng nghiệp, còn túc nhân, hiện duyên (duyên hiện tại) là biệt nghiệp. Có biệt nghiệp cảm được Bồ Tát thì sẽ được Bồ Tát gia bị, cứu hộ, há nên ngông nghênh bàn bạc ư? Những việc phương tiện thuận nghịch cứu hộ chúng sanh của Bồ Tát chẳng phải là chuyện kẻ hiểu biết lầm lạc, hẹp hòi có thể thấu hiểu được đâu!
Nay tôi vì ông nói một thí dụ để từ đó mà suy rồi đừng nói Bồ Tát thật là oan gia, cũng như để tạo thành nền tảng tốt đẹp hòng nhập đạo thành Phật. Chư Phật lấy tám khổ làm thầy để thành đạo Vô Thượng. Như vậy, Khổ là cái gốc để thành Phật. Thêm nữa, Phật dạy đệ tử lúc ban đầu phải tu Bất Tịnh Quán. Quán lâu ngày ắt có thể đoạn Hoặc, chứng Chân, thành A La Hán. Như vậy Bất Tịnh lại là cội gốc của Thanh Tịnh.
Người ở Bắc Câu Lô Châu hoàn toàn chẳng khổ, nên chẳng thể nhập đạo. Châu Nam Diêm Phù Đề sự khổ rất nhiều nên người nhập Phật đạo để liễu sanh tử không thể tính nổi số. Giả sử thế gian tuyệt chẳng có các khổ: sanh, lão, bệnh, tử, đao binh, thủy, hỏa v.v... thì ai nấy đều sống say chết ngủ trong lạc thú phóng dật, có ai chịu phát tâm xuất thế để liễu sanh tử đâu? Ngay cả kẻ thống lãnh quân mạnh, giữ địa vị cao, gây bao việc khổ não chúng sanh biết đâu là bậc đại bi thị hiện đó chăng? Nghĩa này chỉ có thể nói cùng người thông suốt, đừng nói với kẻ vô tri, vô thức. Nếu là người thông suốt, dù thật sự là ác ma, cũng có thể được lợi ích; còn người vô tri vô thức nếu biết đến nghĩa này ắt sẽ chẳng biết phát tâm tu hành, trái lại còn hủy báng Phật pháp.
Ví như dùng thuốc, trẻ nhỏ chẳng thể uống thuốc, bèn bôi thuốc lên vú thì nó dù không uống cũng thành uống. Ông toan làm bậc thông suốt, nhưng triển khai rộng lớn nghĩa này thì hại người rất nhiều, lợi người rất ít. Xin hãy thầm tâm niệm, đừng bàn nói ẩu. Cảnh giới của Phật, Bồ Tát, phàm phu chẳng thể suy lường được đâu!

---o0o---

17. Luận Về Bí Truyền

* Nay các ngoại đạo, không đạo nào chẳng dùng cách bí truyền để dẫn dụ, khêu gợi kẻ vô tri theo đạo họ. Lúc nguyện gia nhập, ắt phải phát thệ: Từ rày về sau, nếu phản lại đạo ắt sẽ mắc ác báo như thế này, như thế nọ. Thật sự ra, đa phần là những pháp dối người. Do trót phát thệ, dù có biết những sai trái trong đạo cũng chẳng dám trái nghịch hoặc phơi bày ra. Cách phát thệ bí truyền của ngoại đạo ràng buộc, làm con người lầm lạc quá đáng vậy.

Đức Phật ta chẳng có pháp bí truyền; đối với một người Ngài cũng nói thế, với vạn người Phật cũng dạy như thế. Cửa đóng, then cài, bên ngoài đặt người tuần hành canh gác, chỉ cho một người vào, thì thầm chẳng cho người ngoài nghe được, những đạo như thế chẳng có chuyện quang minh, chánh đại gì đâu! Mong các vị hiểu được tệ nạn ấy nên tôi mới lược thuật vậy!

* Nếu có bí quyết mầu nhiệm chỉ khẩu truyền ở chỗ kín đáo thì chính là tà ma ngoại đạo, chẳng phải là Phật pháp.

---o0o---

18. Luận Về Cầu Cơ

* Những lời giáng cơ trong đàn cầu cơ đa phần là do những linh hồn dựa dẫm vào tri thức của người xoay cơ mà nói ra. Nếu nói về đạo lý thế gian còn đúng được nhiều, chứ nói đến Phật pháp thì do chính mình chẳng biết, bèn bịa ra các lời nhảm nhí.

* Cầu cơ đa phần là các linh hồn giả mạo Phật, tiên, thần, thánh. Những hồn kém cỏi chẳng có sức thần thông, những hồn khá hơn sẽ biết được tâm người nên dựa dẫm vào sự thông minh và tri thức của người [phò cơ] để nói này nói nọ.

Ông Kỷ Văn Đạt nói: *"Cầu cơ đa phần là linh hồn giả danh giáng cơ. Tôi cùng người anh tên là Thản Nhiên cùng phò cơ. Tôi biết làm thơ, nhưng chữ viết không ra gì. Tôi phò cơ thì thi từ mẫn tiệp, nhưng chữ viết nguệch ngoạc, xiên xẹo. Thản Nhiên phò cơ thì thi từ tầm thường, chữ viết sắc sảo. Với những hồn giả mạo cổ nhân, nếu chú tâm hỏi vào những điểm bí nhiệm, quan yếu, bèn nại cớ năm tháng cách xa, chẳng còn nhớ gì nữa, nên biết hồn ấy chẳng phải thật"*.

Như vậy, cái linh ứng của những hồn ấy chỉ là chúng có thể dựa vào những điều đã biết trong tâm của người hiện tại để mượn dùng. Với những điều tuy có trong thức điền, nhưng trong cái thấy biết hiện tại của đương nhân không có, hoặc người ấy chẳng biết đến nghĩa đó thì hồn chẳng thể dạy gì về điều ấy được. Sánh với tha tâm thông của bậc nghiệp tận tình không khác nhau

một trời, một vực, nhưng xét về khí phần thì có vẻ tương tự mà thôi. Tôi lại chỉ sợ quý vị bị mê hoặc bởi những lời giáng cơ, nên chẳng thể không dẫn chứng để phân trần vậy.
* Gần đây, các đàn cơ ở Thượng Hải rất thịnh hành. Những lời khai thị sửa lỗi, hướng thiện, tiểu luân hồi, tiểu nhân quả [của các đàn cơ ấy] đều rất có ích đối với thế đạo nhân tâm, nhưng những lời giảng về cõi trời, về Phật pháp toàn là những lời lẽ quàng xiên. Chúng ta là đệ tử Phật chẳng thể bài xích pháp ấy vì sẽ mắc lỗi ngăn trở người khác hướng thiện, nhưng cũng chẳng thể phụ họa, tán dương pháp ấy bởi những lời giáng cơ về Phật pháp toàn là ức đoán, chỉ e gây thành cái họa hoại loạn Phật pháp, lầm lạc chúng sanh.

---o0o---

19. Luận Về Luyện Đan

* Phật pháp chỉ dạy người dứt ác tu thiện, minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử. Toàn bộ Đại Tạng kinh trọn chẳng có lấy một chữ dạy người vận khí luyện đan, cầu thành tiên bay lên trời, trường sanh bất lão chi cả.
Thời kỳ đầu Dân Quốc, gã dân ma Liễu Hoa Dương soạn Huệ Mạng kinh, tận dụng kinh Phật, lời Tổ để chứng minh cho pháp luyện đan, xoay chánh thành tà, dùng pháp báng pháp. Người chưa mở mắt thấy tà thuyết đó ngỡ là chân thật, đánh mất chánh kiến mãi mãi. Lời lẽ, sự tu hành của họ đều là phá hoại Phật pháp, nhưng vẫn hiu hiu tự đắc, cho mình may mắn gặp được chân thừa, được nghe chánh pháp, đúng là nhận giặc làm con, nấu cát thành cơm, một gã lòa dẫn lũ mù kéo nhau sa hầm lửa, chẳng đáng buồn ư!
Phàm một pháp luyện đan chẳng phải là không lợi ích, nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ, cao nhất là thành tiên bay lên trời, pháp ấy còn chưa phải là chân truyền của Lão Tử, huống hồ là chánh đạo của Phật pháp ư? Khổng Tử nói: *"Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ!"* (sáng nghe đạo, tối chết cũng đành)". Lão Tử nói: *"Ngô hữu đại hoạn vi ngô hữu thân"* (ta có mối lo lớn là ta có thân). Nếu lãnh hội được những lời ấy sẽ chẳng bị bọn luyện đan kia mê hoặc. Hãy đọc kỹ các sách An Sĩ Toàn Thư, Cư Sĩ Truyện, Bình Tâm Luận, Kê Cổ Lược.... thì gương sáng đặt trên đài, tốt xấu tự phân, lò nung thử vàng, thật giả rạch ròi.
* Trộm nghĩ nguồn gốc của Thích và Đạo chẳng hai, nhưng nhánh nhóc, chi phái khác xa nhau một trời một vực. Phật giáo dạy người trước hết tu Tứ Niệm Xứ Quán: quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Đã biết thân, thọ, tâm, pháp đều thuộc huyễn vọng, khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh thì Chân Như diệu tánh sẽ tự hiển hiện.

Nếu ước theo nguyên sơ chánh truyền thì Đạo giáo cũng chẳng lấy việc vận khí luyện đan chỉ cầu trường sanh làm trọng; đời sau tu hành theo Đạo Giáo, không một ai là chẳng coi pháp ấy là chánh tông! Phật giáo không điều lớn lao nào chẳng bao gồm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng đề cập đến, chẳng những phát huy đạo lý thân tâm tánh mạng đến hết sạch không còn sót, mà ngay cả những điều nhỏ nhặt như hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ... của Thế Đế, mảy may điều thiện nào cũng chẳng bỏ sót. Chỉ riêng đối với việc luyện đan vận khí không có lấy một chữ nhắc đến, nhưng [đệ tử Phật] phải kiêng dè sâu xa [đừng luyện đan], bởi một đằng dạy người biết thân tâm là huyễn vọng, một đằng lại dạy người chấp chặt thân tâm là chân thật.
Cái tâm vừa nói đó chỉ là tâm tùy duyên sanh diệt, chẳng phải là chân tâm sẵn có. Một pháp luyện đan chẳng phải là không có lợi ích, nhưng chỉ kéo dài được tuổi thọ, cao nhất là thành tiên bay lên trời, nếu bảo là pháp để liễu sanh thoát tử thì chỉ là lời nói mớ mà thôi!

---o0o---

20. Luận Về Tu Hành, Xử Sự Phải Phù Hợp, Thích Nghi

* Đối với pháp niệm Phật phải tùy theo sức lực của mỗi người; tùy tiện niệm ra tiếng, niệm thầm, niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, không cách nào là chẳng được, lẽ nào cứ một mực niệm lớn tiếng đến nỗi tổn hơi thành bệnh vậy? Căn bệnh nặng của ông do khí bị thương tổn mà ra nhưng thật sự là do nghiệp lực từ vô lượng kiếp biến hiện.
Do ông tinh tấn niệm Phật nên chuyển hậu báo thành hiện báo, chuyển báo nặng thành báo nhẹ. Chẳng biết là do căn bệnh này sẽ tiêu được tội tam đồ ác đạo trong bao nhiêu kiếp số. Phật lực khó nghĩ lường, Phật ân khó báo, hãy nên sanh lòng vui mừng, nghĩ mình may mắn lớn lao, sanh lòng tin trong sạch lớn lao, dùng một pháp Tịnh Độ tự hành, dạy người, mong sao quyến thuộc trong nhà cùng hết thảy những ai hữu duyên cùng sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ căn bệnh này, mới khỏi phụ ân Phật vì mình hiện thân vậy!

* Học Phật phải chuyên lấy việc tự liễu ngộ làm chánh, nhưng cũng phải tùy phần, tùy sức làm các công đức. Phải là người có sức lớn lao mới hòng triệt để buông xuống, triệt để đề khởi được. Người căn cơ trung hạ nếu không làm gì hết sẽ liền thành biếng nhác, trây lười, đã chẳng hiểu đúng tự lợi mà đối với việc lợi người cũng gác bỏ hết, trở thành cái tệ như Dương Tử "dù nhổ một cái lông làm lợi cho người khác cũng chẳng chịu làm"[55]. Vì thế phải hành cả hai pháp hỗ trợ cho nhau, nhưng chú trọng vào mặt tự lợi.
Cũng đừng hiểu lầm lời cư sĩ Nhị Lâm (Bành Tế Thanh). Hiểu lầm thì đắc tội với ông Nhị Lâm chẳng nhỏ. Ý của Bành Nhị Lâm là chuyên chú tự lợi,

chứ chẳng phải là phế sạch việc tùy phần, tùy sức dạy người tu theo pháp môn Tịnh Độ đâu! Việc lợi người chỉ có hàng Bồ Tát mới gánh vác nổi; ngoài ra, ai dám nói những lời lẽ lớn lao ấy! Người căn cơ trung hạ tùy phần, tùy sức làm việc lợi người mới phù hợp với đạo lý tu hành tự lợi, bởi lẽ pháp môn tu hành có lục độ vạn hạnh. Tự mình chưa độ thoát thì việc lợi người vẫn thuộc về tự lợi, nhưng chẳng thể chuyên chú vào hình thức bề ngoài mà làm.

* Người tu hành thật sự thì dính vào chuyện khác làm chi? Chỉ vì do chưa thể buông cả toàn thân xuống, cắt đứt vạn duyên được thì chẳng ngại gì đeo đẳng trong lòng để vớt vát lấy một nửa mà thôi.

* Niệm Phật tuy trọng chí thành, thanh khiết, nhưng nếu bệnh nhân không đủ sức thì cứ giữ lòng chí thành thầm niệm, hoặc niệm ra tiếng, công đức vẫn giống hệt như vậy. Bởi lẽ, Phật từ rộng lớn, như cha mẹ lúc thấy con cái bệnh khổ, ắt chẳng nệ vào những nghi thức lúc bình thường để trách móc gì, lại còn đến vỗ về, xoa nắn thân thể con, rửa sạch những dơ bẩn. Nếu con bệnh đã lành mà vẫn đối xử với cha mẹ hệt như lúc còn đang bệnh thì sẽ bị sét đánh vậy!

* Lập thân, xử thế, gìn lòng thì dù là ngu hay hiền đều phải cung kính, chẳng sanh lòng ngạo mạn. Hành sự thì thân hiền, xa ngu, giữ ưu, bỏ kém. Như thế sẽ tránh khỏi cái tệ lây phải tính xấu, cũng như giữ cho mình khỏi bị lầm lạc. Chuyện thiên hạ có cái lý nhất định, nhưng không có pháp nhất định. Nếu chẳng dựa vào sự tình để định đoạt, như chấp chết vào toa thuốc để trị biến chứng thì người sống sẽ ít, kẻ chết lại nhiều. Phải tình hợp với lý, pháp phù hợp sự thì mới nên!

* Thiên hạ vạn sự có cái lý nhất định, nhưng khi gặp chuyện phải vận dụng cái lý nhất định để hành xử sao cho thích nghi, lý phù hợp cùng quyền, pháp tương ứng với đạo thì mới nên!

* Phật pháp phải tùy theo căn tánh mỗi người mà thực hiện, chẳng thể chấp chặt vào quy cách truyền bá thông thường. Nếu trái nghịch căn cơ sẽ khiến người ấy bị mất lợi ích liễu sanh thoát tử thù thắng; cốt sao người ấy phải tự lượng được căn tánh để tu trì [sao cho thích hợp].

* Vào thời Phật pháp hưng thạnh dưới các triều Đường, Tống, người tại gia phần nhiều dùng cách hỏa táng; nhưng [nay] nên thuận theo thói tục chôn cất, vì sợ kẻ câu nệ luận bàn quàng xiên, chứ thật ra thiêu thì gọn gàng hơn. Qua bốn mươi chín ngày hãy thiêu là ổn thỏa. Còn chôn thì qua nhiều năm, rất có thể hài cốt bị phơi bày. Cái lệ ba năm tang chế chẳng dùng đến lễ nhạc cố nhiên phải tuân thủ.

Trước đời Thanh, quan văn có thể xin nghỉ cư tang, quan võ chẳng được phép nghỉ cư tang bởi việc quân chẳng thể xao nhãng được nên chẳng để tang. Bây giờ thạnh hành quan niệm "bỏ thói thường là bất hiếu", dù giữ

đúng thời gian tang chế vẫn còn bị chê trách nữa là. Chúng ta nên theo đúng cổ lễ, nhưng phải châm chước mà làm theo, tuy chẳng thể biến cải ngay, nhưng đừng có quá câu nệ là được!
* Liên xã mới mở phải có quy chế nhất định, nữ nhân tuyệt đối chẳng được tham dự liên xã, đừng bắt chước nơi khác buông tuồng chẳng thúc liễm đến nỗi một pháp chẳng lập, trăm mối tệ chen chúc nảy sanh. Rất quan trọng, rất quan yếu đấy!
* Trộm nghĩ thế đạo nhân tâm hiện thời suy sụp đến cùng cực. Lại còn phung phí quốc khố, so với trước kia thuế má nặng hơn gấp mấy lần, mọi thứ đắt đỏ, dân không lẽ sống. Tai trời vạ người giáng xuống liên tiếp. Gặp phải thời buổi này, muốn hoằng dương đạo pháp chỉ còn cách khuyên những người tìm đến học hãy học lấy yếu nghĩa nhà Phật.
Với cha nói Từ, với con nói Hiếu, anh nhường em kính, chồng xướng vợ theo, ai nấy trọn hết bổn phận để làm nền tảng [cho việc học đạo]. Ngoài ra, còn phải giữ lòng thành, chuyên chú lòng kính, khắc kỷ, giữ lễ, hiểu nhân rõ quả, mong thoát khỏi luân hồi, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Dù thiên tư cao đến cách mấy cũng phải y theo đây mà hành.
Ngoài ra, những khi có thời gian, có sức thì nghiên cứu hết thảy kinh luận cũng chẳng trở ngại gì. Cốt sao tùy phận tu trì trong chính gia đình mình thì chẳng cần gì phải cất dựng phòng ốc cho nhiều, lại phải sắp đặt nhiều nhân viên, đây kia qua lại càng phí thời gian. Đấy chính là cách tương kế tựu kế để hoằng pháp bậc nhất trong hiện tại vậy.
* Muốn cầu vãng sanh hãy nên buông bỏ thế gian này cũng như buông bỏ cái tâm cuồng vọng quá phận mong độ thoát chúng sanh giống như Bồ Tát. Tu cho chính mình chính là điều Bồ Tát phải làm đầu tiên. Nếu chính mình còn là phàm phu, lại toan đảm nhiệm việc ấy thì chẳng những chẳng thể độ người mà còn chẳng thể tự độ nữa! Không ít thiện tri thức thế gian mắc phải bệnh này, nhưng cứ cho là mình có tâm Bồ Tát. Phải biết rằng: [nếu có] tâm ấy, phải cầu vãng sanh trước đã thì mới có lợi ích. Nếu mình là Bồ Tát thì chẳng cầu vãng sanh còn được, chứ nếu không thì tai hại chẳng nhẹ. Tâm cuồng vọng quá phận chính là chướng ngại lớn nhất đối với việc tu hành. Chẳng thể chẳng biết điều này.
* Trong lúc kiếp trược thời loạn này, lẽ tất nhiên phải đề xướng nhân quả báo ứng và pháp môn Tịnh Độ mới hòng có lợi ích thật sự. Những kẻ ham cao chuộng trội kia chỉ sợ những pháp ấy mà được đề xướng thì tiếng tăm, giá trị của họ sẽ bị hủy hoại, nên thà để người khác chẳng hiểu, chứ chẳng chịu xuôi theo môn phong của chúng ta.
Hãy thử hỏi họ: Đối với những vật bên ngoài dùng để điều dưỡng sanh mạng, có thể nào cứ cố chấp vào một pháp chẳng chịu biến đổi cho thông

suốt hay chăng? Mùa Hạ dùng sắn dây, mùa Đông khoác áo cừu, đói thì ăn, khát thì uống. Mỗi ngày còn phải chọn lấy những điều thích nghi; thế mà đối với việc hoằng dương đạo pháp thì lại bất trí chẳng hợp lẽ như việc dưỡng sanh, vẫn còn bảo là thật sự muốn làm cho người khác được lợi lạc nữa ư?
* Sáng lập liên xã ắt phải thanh tịnh, thơm sạch, chủ nhân ắt phải cung kính chí thành, chẳng thể là hạng người ngạo mạn, mà cũng chẳng thể là người thiếu khí tượng, đức độ. Đối với mọi người đến tham dự đều phải đối đãi ôn hòa, cung kính, khiêm tốn. Lúc chưa niệm Phật cũng như lúc niệm Phật xong, đều chẳng được bàn chuyện nhà, có những yếu nghĩa nào đáng bàn luận, trình bày thì hãy bàn. Nếu không ai nấy trở về chỗ mình. Những ai quá nhỏ tuổi hãy nên tự niệm ở nhà. Nếu thường đến liên xã, ở gần thì còn tạm được, chứ nếu đường xa, chỉ e nảy ý ham vui bên ngoài, chẳng thể không cẩn thận. Lập liên xã bất quá chỉ là đề xướng trong địa phương mà thôi, phải lấy việc niệm Phật tại gia là chính.
* Người học Phật trước hết phải biết nhân quả, dè dặt, cẩn trọng mà xử sự. Nếu đã có thể dè dặt, cẩn trọng thì tà niệm sẽ tự tiêu, chẳng đến nỗi làm điều chẳng đúng pháp. Nếu trót làm, phải cực lực đoạn diệt thì mới là tu hành chân thật. Nếu không, học một đường làm một nẻo, tri kiến càng cao, hành vi càng tệ. Đây chính là căn bệnh đã lậm vào xương tủy của những kẻ học Phật tự xưng là bậc thông gia ngày nay. Nếu có thể luôn lấy việc tránh lỗi lầm làm điều mong mỏi thì cứ học một phần sẽ được một phần lợi ích thật sự.

---o0o---

21. Luận Về Phú Cường

* Trung Quốc nghèo hèn là vì chẳng tuân theo lễ nghĩa nên mới nghèo hèn đến thế đó. Thử hỏi nguyên nhân gây nên sự nghèo hèn, có nguyên nhân nào ngoài chuyện tham ăn của đút lót, nhận của hối lộ khiến ngoại nhân hưởng lợi hay không? Ông chưa thấy rõ gốc bệnh nên mới bảo là thuốc chẳng hiệu nghiệm, có đáng gọi là trí chăng? Nước ngoài cường thịnh, nhưng nước họ nhỏ, nếu họ chẳng đồng tâm hiệp lực há có thể tự lập được ư? Trung Quốc mỗi người mỗi ý. Dù có đồng tâm đi nữa, nhưng ngoại nhân đem lợi ra nhử liền bị của đút lót xoay chuyển, chẳng những chẳng đoái hoài gì đến đất nước và nhân dân, ngay cả thân mình cũng chẳng thèm đếm xỉa đến nữa. Chẳng phải là việc phụng hành lễ nghĩa đã bị đánh mất đó sao?
Xưa Lâm Văn Trung Công đánh đuổi quân Di đủ chứng thực điều ấy. Từ đấy, bất cứ việc lớn việc nhỏ gì, không việc nào lại chẳng vì Trung Quốc chu toàn cho thành tựu chăng? Người Trung Quốc đa phần quên mất tám chữ (hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ) cho nên nước ngoài mới hùng

mạnh như thế, Trung Quốc mới yếu hèn đến thế. Nếu như ai nấy đều giữ gìn lễ nghĩa thì các hàng hóa vô ích của ngoại quốc không cách nào tiêu thụ được, mỗi năm Trung Quốc sẽ tiết kiệm được cả mấy ngàn vạn vạn lạng vàng vậy. Người Trung Quốc mà bệ rạc thì phải nói thành thật là bệ rạc đến tột cùng...

Ông tuy đọc sách hiểu đời nhưng chưa lãnh hội cái đạo đọc sách hiểu đời nên mới hỏi như vậy. Với tình thế hiện tại thì đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, và cải ác tu thiện, tín nguyện vãng sanh là cách vãn hồi kiếp vận, cứu quốc, cứu dân bậc nhất; đàm huyền thuyết diệu [so ra] vẫn kém hơn. Muốn cứu đời nhưng chính mình chẳng tận lực thực hành thì sẽ chẳng có hiệu quả thật sự. Từ chính mình lan ra cả nhà, từ một nhà lan đến cả ấp, từ mỗi ấp lan ra cả nước, một khi đã tạo thành nề nếp thì sẽ có hiệu quả chẳng lường được. Nếu không thì dù có mơ cũng vẫn khó thấy được!

* Gần đây những người làm chuyện lớn phần nhiều là trẻ tuổi, đa phần là lập dị, vọng ngoại, coi Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng chẳng ra gì. Kẻ chưa đắc chí bèn cuồng vọng lung lạc người. Kẻ đã đắc chí liền thành phường hại nước mọt dân. Vì thế thiên tai nhân họa xảy ra liên tiếp, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Học Phật cốt là để đối trị tập khí, cải ác hướng thiện. Nếu vô sự bèn miệt mài học Phật, nhưng hữu sự bèn gạt phăng việc học Phật sang một bên thì chỉ mang cái tiếng xuông, trọn chẳng có mảy may lợi ích thật sự gì!

---o0o---

22. Luận Về Cách Dự Phòng Tai Họa

* Với tình thế hiện tại, chỉ nên tận tâm, còn chuyện họa phước cát hung trong tương lai chẳng thể dự đoán được. Nếu có thể chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát ắt sẽ có sự chuyển biến âm thầm, chẳng đến nỗi vướng phải mối nguy hiểm lớn. Nếu chẳng dốc sức vào đây, dù vận dụng hết cơ mưu cũng vẫn khó đạt hiệu quả tốt đẹp bởi thế cục biến huyễn, khó thể dự liệu nổi! Những kẻ vinh hoa, phú quý hiển hách kia trong chốc lát còn bị tiêu tan sạch cả, huống hồ gì bọn ta? Khổng Tử nói: *"Kẻ chẳng biết mạng thì chẳng thể coi là quân tử được"* ; nhưng phải cực lực tu trì thì mới đáng gọi là Mạng được. Nếu biếng nhác trây lười, tánh tình buông xuôi, dù đạt được hay mất đi cái gì thì cũng chẳng thể gọi là Mạng được!

* Tình thế hiện nay là tình thế hoạn nạn. Dù bảo là niệm Phật diệt được túc nghiệp, nhưng phải sanh lòng hổ thẹn lớn lao, chuyển đổi cái tâm tổn người lợi mình, hành hạnh Bồ Tát lợi khắp chúng sanh thì dù túc nghiệp hiện ra, cũng sẽ đều nhờ Phật hiệu quang minh trong Bồ Đề tâm để tiêu diệt hết sạch. Nếu trong đời trước hoặc trong xưa kia đã từng tạo nghiệp lớn, nay dù

không làm ác, nhưng chỉ niệm Phật qua quýt, ơ hờ thì công chẳng thắng nổi tội, rất có thể mắc phải ác báo.
Chẳng phải là niệm Phật vô ích, nhưng vì chưa phát Bồ Đề tâm, mà ác nghiệp lại rộng lớn nên công niệm Phật chẳng áp đảo được ác nghiệp. Nếu có thể phát đại Bồ Đề tâm thì như vầng mặt trời rạng rỡ giữa hư không, sương móc tiêu lập tức. Người đời phần nhiều nửa đời tạo ác, sau mới sám hối đôi chút, do bởi chưa thể hoàn toàn không gặp phải ác báo, bèn nói Phật pháp chẳng thiêng, tu trì vô ích! Cư sĩ chẳng coi Quang tôi là người ngoài, cố nhiên Quang chẳng thể không cùng cư sĩ trình bày sơ lược nguyên do ngõ hầu cư sĩ thoát khỏi đường mê, vượt lên bến giác vậy!

Hết phần 5

---o0o---

Phần 6

IX. KHUYÊN NHỦ CÁC THIỆN TÍN TẠI GIA

1. Dạy Về Luân Thường Đại Giáo

* Phải tận tánh học Phật mới có thể tận hết luân thường học Khổng. Phải tận hết luân thường học Khổng mới có thể tận tánh học Phật. Thử coi những bậc đại trung, đại hiếu và những vị phát huy tâm pháp của thánh hiền trong Nho Giáo xưa nay không vị nào là chẳng nghiên cứu kinh Phật sâu xa, ngầm tu thầm chứng. Hợp hai đạo Phật và Nho lại thì cả hai cùng tốt đẹp, tách ra thì cả hai cùng bị tổn thương; bởi lẽ, người trong cõi đời không ai chẳng thuộc trong vòng luân thường, mà cũng không ai ra khỏi tâm tánh được. Để trọn vẹn luân thường tâm tánh ấy thì dùng "chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện" của nhà Phật để khắc kỷ, giữ lễ, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, dùng "cha hiền, con hiếu, anh nhường, em kính" để hỗ trợ. Do vậy, cha con, anh em v.v... dắt dìu nhau cùng trọn vẹn luân thường, tâm tánh, trừ khử phiền hoặc huyễn vọng để khôi phục Phật tánh sẵn có. Chẳng những về thể là một, mà về dụng cũng chẳng có hai!

* Phải biết rằng Phật pháp là pháp chung của cả chín pháp giới, không một ai là chẳng nên tu mà cũng không ai là chẳng thể tu nổi. Những kẻ nói Phật giáo vứt bỏ nhân luân, làm hại thánh đạo đều là những kẻ mù chẳng thấy hình sắc cứ luận càn. Vì sao nói như thế? Đức Phật đối với cha dạy lòng từ, với con dạy lòng hiếu, với vua dạy lòng nhân, với bầy tôi dạy lòng trung, chồng xướng vợ theo, anh nhường, em kính.

Với những lời lẽ hay đẹp, những hành vi tốt đẹp, không điều nào kinh Phật lại chẳng thuật rõ túc nhân hậu quả, tiền nhân hậu quả. Những điều Phật dạy về lòng từ, lòng hiếu... giống với Nho Giáo, nhưng những điều đạo Phật dạy về nhân quả ba đời thì Nho giáo còn chưa bao giờ được nghe đến, huống hồ là "đoạn Hoặc chứng chân" và "viên mãn Bồ Đề, quy về pháp vô sở đắc"! Tiếc là những kẻ ấy chưa được biết đến, chứ nếu đọc kỹ, nghĩ chín, ắt sẽ khóc lóc, đau đớn, tiếng rền cả đại thiên thế giới, buồn thương vì tội lỗi báng Phật vậy!

* Muốn học Phật, Tổ, trước hết phải giữ pháp Thánh Hiền. Nếu như thiếu sót bổn phận, trái nghịch luân thường thì đã là kẻ tội nhân danh giáo, còn làm đệ tử Phật sao được? Phật giáo tuy vượt ngoài thế pháp, nhưng gặp vua nói Nhân, gặp bầy tôi nói Trung, gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu, từ cạn mà lần đến sâu, hạ học thượng đạt (học từ những điều căn bản, thấp kém, nhưng đạt được những điều cao quý). Hãy đọc kỹ An Sĩ Toàn Thư, ắt sẽ biết được đại khái vậy!

* Muốn làm Phật tử chân thật, phải bắt đầu làm chân Nho trước đã. Nếu đối với những sự như chí tâm thành ý, khắc kỷ, giữ lễ, giữ lòng kính, trọng lòng thành, hiếu đễ, vui vẻ, cung kính... mà chẳng thể tu tập, đôn đốc thì nền tảng chẳng kiên cố, học Phật sao được? Chọn lấy tôi trung trong đám con hiếu; kẻ tánh hạnh trái nghịch Nho phong lẽ nào gánh vác được gia nghiệp của Như Lai, trên nối tiếp huệ mạng, dưới hóa độ chúng sanh cơ chứ?

Phật pháp không sự gì to lớn chẳng bao hàm, không điều gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên. Dù là pháp thế gian hay xuất thế gian, không một pháp nào lại chẳng thuộc phạm vi của Phật pháp. Những kẻ câu nệ, hủ bại trong thế gian thường cứ bảo "xuất gia là trái nghịch luân lý", họ đều là hạng chưa suy xét thấu đáo đã vội hủy báng, sợ mắc nghẹn nên bỏ ăn, tự chôn vùi tánh mạng, thật là đáng thương!

Nếu có mở rộng được tầm mắt thì mới biết Phật pháp lưu truyền rộng rãi khắp trong ngoài Trung Hoa, đạo pháp thạnh hành cả hai ngàn năm qua, được rất nhiều vua thánh, tôi hiền, hào kiệt, vĩ nhân hộ trì, truyền bá. Lẽ đương nhiên đạo ấy phải là chân đạo mà phàm tình chẳng thể suy lường được nổi! Dù có bị một hai gã nho sĩ câu nệ, hủ bại bài xích, hay những tên vua bạo ác hủy phá, rốt cuộc hai tay vẫn không che nổi mặt trời, ngửa mặt nhổ lên trời, chỉ càng tự phô bày cái thấy biết kém cỏi, ít ỏi của mình mà thôi, tự lầm lạc gây tạo tội lỗi, chứ rốt cuộc Phật pháp có bị tổn hại gì đâu?

Lại có kẻ bề ngoài làm ra vẻ chê bai Phật pháp, chứ bề trong lại thực sự tu chứng. Từ đời Tống đến nay, những bậc danh nho không có ai là chẳng như vậy cả! Cho nên Quang tôi nói "thành ý chánh tâm do vậy hãy còn khiếm khuyết" thật đúng là lời bàn quyết định vậy!

* Đối với việc học Phật, vốn phải trọn vẹn nhân đạo mới hòng hướng đến được. Nếu chẳng thật sự thực hành hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, dù có suốt ngày thờ Phật, Phật cũng chẳng gia hộ! Ấy là vì Phật giáo bao gồm hết thảy các pháp thế gian, xuất thế gian. Vì thế với cha nói Từ, với con nói Hiếu, khiến ai nấy đều tận hết bổn phận làm người, sau đấy mới tu pháp xuất thế. Ví như muốn dựng lầu cao vạn trượng, ắt trước hết phải đắp nền móng kiên cố, khai thông đường nước thì lầu cao vạn trượng mới có thể xây lên được, mới vĩnh cửu chẳng hư hoại. Nếu như nền móng chẳng vững, ắt chưa xây xong đã sụp.

Sách Luận Ngữ nói: *"Tuyển trung thần ư hiếu tử chi môn"* (chọn tôi trung từ nơi con hiếu); học Phật cũng giống như vậy. Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi Ô Sào Thiền Sư: "Thế nào là đại ý Phật pháp?" Sư dạy: "Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành". Muốn học Phật pháp, phải khắc kỷ, dè dặt, việc gì cũng đều phải phát xuất từ cái tâm chân thật mà làm. Người như vậy mới đáng gọi là chân Phật tử. Nếu tấm lòng gian ác, lại toan mượn Phật pháp để tránh tội nghiệp, có khác gì trước đã uống thuốc độc, sau lại uống thuốc bổ, muốn cho thân thể khỏe mạnh, nhẹ nhàng, kéo dài tuổi thọ, phỏng có được chăng?

* Đại trượng phu muốn văn chương thiên hạ, công nghiệp vang dội vũ trụ, nhưng chẳng thể đoạn Hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử thì chỉ là chấp vào cái bên ngoài, bỏ sót cái bên trong, chấp cái Có tuy nó chỉ là đằng ngọn, bỏ đi cái Không dù nó chính là đằng gốc. Người đời ai có thể vẹn toàn được mọi việc, chúng ta chỉ nên gắng sức giữ vẹn luân thường, tận lực tu Tịnh nghiệp là được, cần gì phải bận tâm đến điều gì khác nữa!

* Trộm nghĩ Nho lễ coi trọng cúng tế Xuân Thu, Thích giáo đặt nặng việc quanh năm truy tiến. Nghĩ đến cái ân nguồn nước, cội cây mà thực hành cẩn thận, chu đáo việc truy tiến thì thế gian, xuất thế gian nào có gián đoạn chi?

---o0o---

2. Luận Về Giáo Dục Gia Đình

* Gia đình muốn hưng thạnh, phải bắt đầu từ gia quy nghiêm chỉnh. Gia đình gần như tan nát là do từ đầu đã bỏ phế gia quy. Muốn con em thành người, phải bắt đầu từ hành vi, việc làm của mình sao cho đúng phép tắc hòng làm gương cho con em. Lý nhất định phải như thế! Như nay muốn bắt đầu [giáo dục con em] ít tốn công sức nhất, trước hết hãy nói về nhân quả báo ứng khiến chúng tập thành tánh, mới hòng mai sau chúng chẳng đến nỗi làm càn quá đáng. Đây thật đúng là diệu pháp bậc nhất để tề gia, dạy con, khiến đời yên, dân hiền vậy.

* Con em có nên người hay chăng chỉ là do giáo dục trong gia đình. Phàm đối với con cái, ngay từ nhỏ phải dạy chúng hiếu, đễ, trung, tín, cần kiệm, ôn hòa, cung kính, để khi chúng lớn lên đi học đọc sách mới có nền tảng để hưởng được lợi ích. Nếu như từ nhỏ đã dung túng thành thói, hãy khoan kể đến những đứa không thiên tư, không được học hành đàng hoàng; ngay cả những đứa có thiên tư, có học hành đàng hoàng cũng chỉ thành thợ gọt giũa chữ nghĩa, thành kẻ bại hoại trong cửa Nho mà thôi!

Đời có kẻ tài ngang Bắc Đẩu, học rộng năm xe, nhưng hành vi, việc làm toàn là ỷ mình thông minh, độc hại sanh linh, hủy diệt đạo nghĩa. Những hạng ấy vốn là do từ thuở đầu đã thiếu sự giáo dục trong gia đình mà nên nỗi. Văn Vương nghiêm khắc kể từ vợ góa cho đến anh em để giữ gìn gia đình, đất nước; cũng như sách Đại Học nói muốn trị thiên hạ, quốc gia phải bắt đầu từ *"cách vật trí tri, thành ý chánh tâm"* đều vì cùng một mục đích. Đấy chính là bí quyết vô thượng để dạy con người trở thành thánh, thành Hiền của đạo Nho. Bỏ điều này, cầu lấy điều khác thì đều toàn là tìm tòi nơi cái ngọn vậy!

* Với tình hình hiện tại, ngay khi con cái biết nói, nhận biết sự vật, trong nhà hãy dạy con nhận biết mặt chữ trước. Mỗi tờ giấy chỉ viết một chữ, đừng viết cả hai mặt. Hạn định mỗi ngày mấy chữ, mỗi ngày học thuộc mặt những chữ đó xong lại bắt con nhận mặt toàn bộ các chữ đã học một hai lượt nữa. Chưa hơn một năm, con sẽ biết được nhiều chữ. Sau này lúc con đọc sách, phàm đọc qua chữ nào đều nhận biết được cả, chẳng đến nỗi có cái tệ miệng chỉ đọc làu làu [nhưng vẫn không biết chữ].

Tùy theo năng lực của con, sai con làm những việc lặt vặt để tập tánh siêng năng. Đừng cho con ăn uống, mặc quần áo quá sang trọng. Phàm những khi con phí phạm ngũ cốc và làm hư hỏng vật gì, chẳng cần biết vật ấy quý giá hay tầm thường thế nào, phải bảo cho con biết những vật ấy chế tạo chẳng dễ, cũng như nói đến những nghĩa lý bị tổn phước, giảm thọ v.v... Nếu con vẫn vậy, nhất định phải trách phạt, quyết chẳng bỏ qua. Có như thế, con sẽ tự kiệm ước, trọn chẳng đến nỗi xa xỉ, phung phí.

Khi con đọc được sách, bảo con hãy đọc kỹ các sách Âm Chất Văn, Cảm Ứng v.v... thuận theo từng mặt chữ mà giảng giải. Hễ hành vi hằng ngày của con là tốt lành, bèn chỉ cho con thấy điều thiện trong hai sách ấy để khen ngợi. Nếu hành vi nào không tốt, bèn lấy những điều bất thiện trong hai sách ấy để quở trách. Như vàng đổ khuôn, như nước có đê ngăn, lẽ nào chẳng thành vật dụng, vẫn cứ chảy lung tung như cũ ư? Con người có đúng là người hay không là do từ nền tảng ấy. Chẳng giảng đến điều ấy, lại muốn trở thành con người vẹn toàn thì họa chăng thiên tư phải hơn cả Mạnh Tử!

Đến tuổi đi học, đừng cho con vào học ngay những trường hiện thời đang mở, hãy nên cho con học ở nhà vài năm trước đã. Mời một vị thầy học vấn,

đức hạnh đều tốt đẹp, tin sâu nhân quả để dạy con học Tứ Thư, Ngũ Kinh. Đợi đến khi con học được mấy phần, văn tự lẫn đạo lý chẳng bị lầm lạc bởi những tà thuyết, tục luận, mới cho con vào học những trường hiện thời để mở rộng tầm mắt, biết suy xét việc, chẳng đến nỗi hành động trái thời, không cách gì tiến lên được!

Làm được như thế, đứa con nào có thiên tư sẽ tự thành đạt, đứa không thiên tư cũng thành người lương thiện. Thật sự ra, những điều lão tăng hay nói chẳng ngoài những chuyện "riêng mình thiện, khiến người khác cũng thiện, tự lợi, lợi người"!

* Dạy con cái phải bắt đầu từ căn bản. Cái căn bản vừa nói đó chính là hiếu với cha mẹ, giúp đỡ mọi người, nhẫn nhục, chuyên gắng, dùng chính thân mình dạy dỗ người khác, nêu gương đạo đức. Như vàng hay đồng đã nung chảy, nghiêng rót vào khuôn, khuôn ngay sẽ ra hình ngay, khuôn méo thành hình méo. Chưa đổ vào khuôn đã biết trước là sẽ lớn, nhỏ, dày, mỏng, huống hồ là khi đúc xong.

Gần đây, nhân tình phần nhiều chẳng biết đến điều ấy, thế nên những con em có thiên tư đa phần ngông cuồng, bồng bột, kẻ không thiên tư lại ương bướng, hèn kém. Đó là vì lúc nhỏ chẳng uốn vào khuôn phép, như nước đồng sôi đổ vào khuôn hỏng ắt phải thành đồ hư. Kim loại vốn chỉ một, nhưng đồ đúc ra sai khác nhau một trời một vực, tiếc thay!

Phật lấy Vô Ngã làm giáo. Hiện tại, những kẻ có chút tri kiến thường nhìn lên tận trời, cứ tưởng chỉ có nghĩa lý văn tự mới là Phật pháp, chẳng biết tu thân, tịnh tâm, diệt trừ ngã tướng, tận lực tu Định - Huệ ngõ hầu đoạn Hoặc chứng Chân là Phật pháp!

* Trộm nghĩ: cha mẹ yêu con không gì chẳng quan tâm đến, chỉ trừ khi bị bệnh tật, hoạn nạn mới bớt quan tâm. Con trẻ vừa biết nói liền dạy nó niệm danh hiệu nam mô A Di Đà Phật và nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát, khiến cho những điều kém xấu đã vun bồi trong đời trước của nó nay nhờ thiện lực này ắt tai họa sẽ tiêu ngay khi chưa nảy mầm, được phước nhưng chẳng biết, không còn phải lo gì đến các hiểm nạn tai ương, bệnh tật, khổ sở v.v...

Khi con vừa hiểu biết đôi chút, liền dạy con trung thứ, nhân từ, kiêng giết, phóng sanh và những sự tích nhân quả ba đời rành rành ngõ hầu tập thành tánh, ngay từ lúc còn thơ đã chẳng dám giết hại tàn nhẫn các loài trùng kiến nhỏ nhoi, lớn lên quyết chẳng đến nỗi làm điều gian ác, khiến cha mẹ, tổ tiên mang nhục lây!

* Con em có tài năng, nếu được khéo giáo hóa sẽ dễ trở thành người chánh trực; không khéo giáo hóa đa phần sẽ thành hạng bại hoại. Ngày nay dân không lẽ sống, nước nhà lắm nỗi gian nan, mấy phen chao đảo đều là do những kẻ có tài năng nhưng không được khéo dạy khiến mầm họa được ươm

từ từ. Người không có tài, đương nhiên phải dạy họ thành thực; với người có tài càng phải nên dạy họ thành thực.
Thế nhưng thành thực vẫn có thể là giả vờ. Thoạt đầu, hãy thường nên dạy dỗ về nhân quả báo ứng và lẽ "con người khởi tâm động niệm gì, mỗi mỗi điều thiên địa quỷ thần đều biết đều hay cả", khuyên con phải đọc kỹ các sách Âm Chất Văn, Thái Thượng Cảm Ứng, đừng cho rằng chúng không phải là sách Phật rồi xem thường. Ấy là vì phàm phu tâm lượng thiển cận, nếu dùng những lý xa xôi lớn lao để giảng nói sẽ khó thể lãnh hội được. Những sách ấy dù già hay trẻ nghe đến đều được lợi ích cả, huống hồ là những người lấy việc chú trọng điều thiện làm thầy ư?
Với tử thi, phân nhơ, rắn độc mà đức Phật còn dạy người quán để chứng A La Hán, số đó nhiều hơn hằng hà sa; huống hồ là những lời lẽ thiết thực, tồn dưỡng, cảnh tỉnh này [há nên xem thường] ư?

* Còn thuộc địa vị phàm phu chẳng thể không bệnh được, nhưng cũng chẳng nên bỏ mặc chẳng trị. Cách trị bệnh tốn ít sức nhất lại được lợi ích nhiều nhất là lấy bệnh làm thuốc. Lấy bệnh làm thuốc nghĩa là chẳng để bệnh lụy mình. Chẳng hạn như cái bệnh yêu mến con cái quyết chẳng thể đoạn được thì chẳng ngại gì dùng ngay sự yêu mến đó làm cái gốc khiến cho con cái khi sống làm người chân chánh, chết đi sanh về Tịnh Độ. Yêu con như vậy là biến phàm tình thế gian thành thánh quả xuất thế gian. Nếu chẳng khéo sử dụng lòng Ái, mặc lòng nuông chiều con thì còn hơn giết chết con cả trăm ngàn vạn ức vô lượng vô biên lần! Nước nhà diệt vong, nhân dân đồ thán đều là do những kẻ cha mẹ chẳng hiểu rõ sự tình un đúc nên, chẳng đáng buồn ư?

* Muốn cho con cháu chẳng hướng theo nẻo bại hoại, cùng nhau noi theo chánh đạo thì nên lấy các sách Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Âm Chất Văn Quảng Nghĩa làm kim chỉ nam. Dù những làn sóng thế tục xấu ác có bủa ngập trời, mây đen phủ kín mặt nhật, cũng chẳng đến nỗi chẳng biết hướng về đâu, chìm đắm mất cả.
Nếu không, dù gió lặng, sóng yên, mặt trời soi tỏ cũng khó bảo đảm không có nước xoáy ngầm, vào đó liền bị đắm chìm, huống hồ trọn chẳng có chuyện gió yên, sóng lặng, mặt trời soi thấy tỏ thế đạo nhân tâm! Phải biết nội dung hai chữ Âm Đức rất rộng. Thành tựu con em người ta, khiến chúng thành thánh thành hiền, cố nhiên thuộc về Âm Đức. Thành tựu con em mình khiến chúng thành thánh, thành hiền cũng là âm đức. Ngược lại, khiến con em người ta bị lầm lạc đương nhiên là tổn âm đức; khiến con em mình lầm lạc cũng tổn âm đức. Nếu vừa đủ khả năng lẫn đủ sức thì may mắn nào hơn!
Nếu không, đối với những hành vi, ngôn ngữ hằng ngày trong gia đình, phải lấy việc thành thánh, thành hiền làm đầu, đấy chính là dùng Tục để tu Chân. Nay cư sĩ dùng thân mình thuyết pháp, xin hãy đem ý này thiết tha bảo cùng

bè bạn và hết thảy người quen biết thì cũng là một cách để tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha vậy!

* Nhà Châu mở nước là do ba bà Thái tạo lập nền tảng, Văn Vương thành thánh là nhờ thai giáo. Do vậy biết rằng: thế gian không có bậc thánh, bậc hiền là do đời thiếu những người mẹ thánh hiền mà nên nỗi! Nếu như bà mẹ nào cũng giống như ba bà Thái, dù con họ chẳng thành Vương Quý, Văn Vương, Châu Công, cũng hiếm đứa làm bậy, gian ngoa. Thế nhưng người đời chỉ biết yêu thương con cái, mặc tình nuông chiều thành thói, chẳng biết làm gương cho con. Đây chính là một điều đại bất hạnh của nước ta.

Con người lúc còn nhỏ thường gần bên mẹ, nên chịu ảnh hưởng của mẹ rất sâu. Con gái ngày hôm nay sẽ là mẹ người khác trong mai sau. Muốn vun đắp quốc gia, phải lấy việc dạy dỗ con gái làm nhiệm vụ cấp bách. Đừng bảo: "Con gái là con người ta, cần gì phải mất công lo lắng?" Phải biết rằng: Vì trời đất mà tài bồi một kẻ lương dân biết giữ phận, không công đức nào lớn hơn. Huống hồ nếu một cô gái đức hạnh vẹn toàn, con cái cô ta ắt sẽ noi theo nề nếp tốt đẹp đó, còn gì vẻ vang hơn?

Vả nữa, con dâu, cháu dâu mình chẳng phải là con gái nhà người đó sao? Muốn cho đất nước quật cường, không có hiền mẫu thì không có cách nào hỗ trợ được cả. Đời không mẹ hiền thì chẳng những nước không dân lành, nhà không con ngoan, mà ngay cả những gã thầy chùa bại hoại sống bám vào Phật trong Phật pháp thảy đều do những bà mẹ bất hảo sanh ra. Nếu mẹ thật sự hiền, con sẽ trọn chẳng đến nỗi đớn hèn như thế. Tiếc thay!

* Gia quyến của ông rất đông, khi các cô em dâu, em gái, con gái v.v... của ông đi học về, hãy đem những sự những nhân quả báo ứng và lợi ích của việc niệm Phật bàn luận cùng họ, ngõ hầu ai nấy đều biết "trong tâm mình đã tự biết thì tâm sẽ tương thông thiên địa quỷ thần cũng như sẽ tương thông với từ phụ Di Đà". Do vậy, họ sẽ đoạn trừ ác niệm, tăng trưởng chánh tín, ngõ hầu hiện tại đáng làm vợ hiền, tương lai xứng làm hiền mẫu khiến cho [nết tốt] đó truyền lan trong làng xóm, đấy cũng là pháp luân căn bản để bình trị thiên hạ quốc gia.

Bồ Tát thuận theo thế tục lợi sanh, chẳng bày vẽ phong cách riêng, đối bệnh cấp thuốc khiến cho ai nấy đều đúng đường về nhà mới thôi. Hiện tại, các phụ nữ trong chốn học đường đa phần lầm lạc sanh dị tâm, toan nắm lấy chánh quyền, chẳng biết tự giữ bổn phận giúp chồng dạy con chính là căn bản khiến thiên hạ thái bình. Bởi lẽ vương nghiệp nhà Chu bắt nguồn từ ba bà Thái. Ba bà Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự là những bậc thánh trong hàng nữ nhân, họ chỉ chú trọng vào việc dạy con ngay từ lúc còn trong thai để ngầm giúp chồng. Người đời nay chẳng học theo gương đấy, những điều họ toan tính đều là những mưu mô tai ác khiến thiên hạ loạn lạc biết là chừng nào!

* Người sanh trong thế gian phải có thiện ác phụ trợ mới hòng thành tựu được. Dù là bậc thánh trời sanh, vẫn cần phải có hiền mẫu, hiền thê phụ trợ đạo đức, huống hồ là những kẻ kém cỏi hơn ư? Do bà Thái Nhậm dạy con từ thuở trong thai nên Văn Vương sanh ra đã có thánh đức. Vì thế kinh Thi khen ngợi chuyện ngài nghiêm khắc từ vợ góa cho đến anh em để giữ yên gia đình, đất nước. Đấy chỉ là nói riêng về Văn Vương, chứ nếu luận về bà Thái Tự, cố nhiên đức hạnh của bà cũng bổ trợ cho đường lối đạo đức của Văn Vương, như hai ngọn đèn cùng chiếu càng thấy sáng rỡ, hai tay cùng rửa mới được sạch sẽ. Cứ xem những lời ông Tư Trai khen ngợi tiếng thơm của các bà Thái Nhậm, Thái Tự ắt sẽ thấy rõ.

Vì thế mới nói: đời ít người hiền là do đời thiếu mẹ hiền và vợ hiền vậy! Đó là vì vợ hiền sẽ ngầm giúp chồng, mẹ hiền dạy con cái ngay từ lúc còn trong thai. Huống hồ mấy năm đầu tiên, luôn ở bên mẹ, được uốn nắn theo khuôn mẫu tốt đẹp, thường được răn dạy, tánh tình sẽ ngầm chuyển biến, chẳng mong đợi mà được vậy.

Tôi thường bảo: "Dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc", lại cũng thường nói: "Quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân đã nắm giữ quá nửa!" chính là ý này. Bởi lẽ, kẻ có thiên tư cao được mẹ hiền un đúc, được vợ hiền giúp đỡ, ắt sẽ trở nên ý thành, tâm chánh, rạng đức sáng, chuyên chí nơi việc lành, lúc cùng thì riêng mình thiện, lúc đạt thì khiến thiên hạ cùng thiện. Dù là kẻ thiên tư bình thường cũng vẫn có thể tuân thủ quy củ, một bề giữ phận lương dân, trọn chẳng đến nỗi vượt lý trái phận, làm điều sai quấy, gian dối, khiến cha mẹ nhục nhã, gây hại cho đời.

Tiếc cho người đời mơ màng chẳng dạy con gái tận hết luân thường, giữ bổn phận, hằng ngày chỉ lo trau chuốt, chẳng màng đến chuyện gì khác. Mai kia làm vợ người ta, làm mẹ người ta, chẳng những chẳng thể giúp chồng dạy con trở thành thiện sĩ, trái lại còn dạy con hóa thành kẻ ác. Bởi vậy mới nói: Đối với con gái, phải dạy họ chú tâm đến việc dạy dỗ con cái [mai sau]. Những câu tôi đã nói như "dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc" và "quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân chiếm quá nửa" chính là lời chân thật.

Gần đây, học vấn phát triển mạnh mẽ, phụ nữ đi học đa phần bị những giáo viên chẳng biết dạy từ cội gốc làm cho lầm lạc. Do đó, họ chẳng coi trọng việc tận hết luân thường, giữ bổn phận, yên cửa yên nhà, giúp chồng dạy con. Ai nấy đều muốn nắm lấy chánh quyền, làm trưởng quan, toan tính quá phận, tập thói cuồng vọng, thật đáng than vậy! Nếu như có kẻ làm đầu cực lực đề xướng việc vun bồi trong gia đình khiến cho việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ tự nhiên được hữu hiệu thì may mắn thay!

* Phận làm con cố nhiên phải tỏ bày đức hạnh của cha mẹ. Để tỏ bày đức ấy phải chú trọng đến việc thân mình tự hành, bản thân phải khắc kỷ giữ lễ,

ngăn tà, giữ lòng thành, biết sai liền sửa, thấy điều nghĩa bèn làm, hiểu nhân rõ quả, kiêng giết, phóng sanh, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, sanh Tín, phát nguyện trì danh hiệu Phật, tự hành, dạy người cùng sanh Tịnh Độ.

Làm được như vậy, dù người ta chẳng biết đến đức hạnh của cha mẹ, nhưng do ngưỡng mộ đức hạnh của người ấy cũng sẽ ngưỡng mộ lây cả đức hạnh của cha mẹ, tổ tiên kẻ đó; cho rằng ông bà cha mẹ phải ngầm tu đức hạnh đã lâu nên mới có được con cháu nối tiếp như thế. Nếu không, dù cha mẹ, tổ tông có đức tốt ai nấy đều biết, nhưng con cái không ra gì, người ta ắt sẽ đâm ngờ cha mẹ, tổ tông tuy có đức tốt, biết đâu lại có những điều ác ẩn giấu. Nếu không, sao từ cửa đức hạnh tốt đẹp lại nẩy sanh hạng con cháu tệ hại đến thế?

Vì thế, phải biết rằng: lập thân hành đạo chính là biểu dương đức hạnh của cha mẹ, tổ tông. Làm con phải chú trọng lòng kính, cẩn thận, dè dặt, tận lực thực hành như thế mới mong khỏi làm nhục lây bậc sanh ra mình!

* Đời có hiền mẫu mới có hiền nhân. Các thánh mẫu đời xưa chú trọng thai giáo để un đúc bẩm chất con cái ngay từ thuở đầu, những mong tập quen thành tánh. Thế gian gọi nữ nhân là Thái Thái là vì ba vị thánh nữ Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự bà nào cũng giúp chồng dạy con, mở mang vương nghiệp tám trăm năm. Cho nên mới dùng chữ Thái Thái để gọi nữ nhân. Quang tôi thường nói: “Quyền bình trị thiên hạ, nữ nhân nắm hơn quá nửa”. Tôi còn thường nói: “Dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc” hàm ý: tận hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con.

Chẳng như nữ lưu ngày nay, đa phần chẳng giữ bổn phận, vọng động muốn nắm lấy chánh quyền, làm đại sự, chẳng biết vun bồi ngay từ trong gia đình. Đấy đúng là: gom sắt cả chín châu vạn quốc cũng chẳng thể đúc nổi lỗi lầm lớn ấy. Bởi vậy, thế đạo nhân tâm ngày càng suy đồi, tai trời vạ người thấy xảy ra liên miên. Tuy những tai vạ ấy do ác nghiệp đồng phận của chúng sanh cảm thành, nhưng thật ra cũng là do đánh mất sự giáo dục trong gia đình mà nên nỗi.

Vì thế, kẻ có thiên tư quen thói cuồng vọng, người không thiên tư thành ra bướng bỉnh, sàm sỡ. Nếu như ai nấy đều được mẹ hiền uốn nắn thì người người đều thành thiện sĩ, cùng thì riêng mình thiện, đạt thì khiến người khác cùng thiện; sao đến nỗi trên không đạo để noi, dưới không pháp để giữ, thói tệ nảy sanh trăm mối, dân không lẽ sống vậy!

* Chỉ cầu sao chẳng đói, chẳng rét, mơ chi phát tài cự vạn. Để vàng ròng đầy ắp lại cho con, chẳng bằng dạy con một quyển kinh. Tổ đức bị sứt mẻ mới đáng chết thẹn, chứ tổ nghiệp bị sứt mẻ nào có thương tổn chi!

* Con em nhà phú quý đa phần chẳng thành người, nguyên do là thương con nhưng chẳng hiểu đạo: hoặc chỉ chú trọng đến tiền tài, hoặc chỉ lo cho

con ăn mặc sang trọng. Tiền xài mặc sức ắt sẽ đến nỗi ăn bậy thành bệnh. Nếu cho đứa này giữ tiền để sanh lợi thì những đứa kia chẳng được giữ sẽ oán hờn cha mẹ, sanh lòng đố kỵ với anh, em, chị em nào được giữ tiền. Đấy đều chẳng phải là cách để dạy con hiếu đễ. Nếu con gái có tiền, khi xuất giá ắt sẽ cậy tiền tự kiêu, hoặc khinh thường chồng, hoặc chẳng hiểu rõ sự việc, đem tiền giúp chồng làm việc quấy.
Muốn cho con cái thành hiền nhân thì hãy nên bồi phước, chớ nên tích cóp tiền tài. Của cải là gốc họa. Các vị từng thấy không ít người tay trắng làm nên đều là do không tiền tự mình siêng gắng mà được, nhưng nhà đại phú gia chẳng mấy chốc gia sản trống rỗng. Vì thế cổ nhân nói: *"Để cho con một rương đầy vàng, chẳng bằng để cho con một quyển sách"*. Đọc sách được thì đọc, không đọc được thì làm nghề nông, hoặc buôn bán, ai có nghề nấy để làm cái vốn lập thân nuôi gia đình. Con gái nếu có tiền lại hiểu đạo lý, lẽ cố nhiên tiền sẽ thành cái vốn để trợ đạo. Nếu chẳng hiểu đạo lý, tiền sẽ hại cô đó, hại luôn chàng rể, hại lây cả đến cháu trai, cháu gái!

* Con người một đời thành bại đều là do sự tài bồi, tập tành dần dần lúc nhỏ mà ra. Ngươi đã thành thiếu niên phải biết tốt xấu, vạn phần chẳng được học theo thói đời, hãy nên học hiếu, học đễ, học trung hậu, thành thực. Đang lúc tuổi trẻ mạnh mẽ, cường tráng, hãy nỗ lực đọc sách. Phàm đọc qua sách nào, phải nghĩ xem những điều nào sách dạy là trọng yếu đối với con người thì thực hành theo đó; chứ nếu không chỉ là cố ngốn sách cho nhiều.
Nếu những điều dạy trong các sách nói trên chẳng dễ lãnh hội thì những điều nói trong các sách như Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên v.v... đều là nói trực tiếp, dễ lãnh hội; hãy nên thường đọc, thường nghiền ngẫm, sửa lỗi hướng thiện. Lúc nhàn hạ, rất nên niệm A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát để mong tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ, đừng nghĩ là khổ sở. Cổ nhân nói: "*Thiếu tráng bất nỗ lực, lão nhân đồ thương bi"* (Trẻ mạnh chẳng nỗ lực, già cả luống sầu thương!) Lúc này bỏ phí quang âm, về sau dù có nỗ lực cũng khó thành tựu! Bởi lẽ, tuổi trẻ đã qua, trí nhớ cùn quá nửa, học cái gì cũng phải dùng sức nhiều nhưng hiệu quả lại ít.
Thứ nhất là phải làm người tốt, thấy người hiền mong được bằng, thấy kẻ chẳng hiền trong lòng tự cảnh tỉnh,

Thứ hai là phải biết nhân quả báo ứng, nhất cử nhất động đừng mặc tình khoái ý, mà phải nghĩ việc này có lợi ích đối với ta, với người thân, người ngoài hay chăng. Chẳng những làm việc gì cũng như thế mà khi khởi tâm động niệm cũng phải thường như thế. Khởi tâm lành ắt có công đức, khởi tâm xấu ắt mắc tội lỗi. Muốn được báo tốt thì phải giữ tâm tốt. Nói lời lành, làm việc lành, lợi người lẫn vật, chẳng làm hại mình lẫn người thì mới nên. Nếu chẳng vậy, sao hưởng được báo tốt?

Ví như đem hình xấu đặt trước gương sáng, quyết định chẳng thể hiện bóng đẹp đẽ được. Ảnh được hiện so với hình xấu, trọn chẳng khác gì. Nếu ngươi quả thật hiểu sâu nghĩa này, tương lai nhất định thành một bậc chánh nhân quân tử, khiến hết thảy mọi người đều tôn trọng, yêu kính. Mong hãy suy nghĩ cẩn thận, nghĩ ngợi chín chắn thì thật là may mắn lắm!

---o0o---

3. Khuyên Nên Tại Gia Hoằng Pháp

* Như Lai thuyết pháp hằng thuận chúng sanh. Gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu, ngoài tận hết luân thường, trong tiêu trừ tình lự. Nếu như khôi phục được chân tâm vốn có thì gọi là Phật đệ tử, chứ nào có phải vì đầu tóc mà luận đâu!

Huống nữa, quý hương (làng) tuốt trong núi sâu, người biết pháp ít ỏi. Kẻ cao minh vì chẳng thông ngôn ngữ nên đều chẳng đến đấy. Hãy cậy vào lòng thành ấy, kiệt lực học đạo, tu hiếu đễ, ngõ hầu cảm hóa xóm giềng. Trai giới thành lập, giết trộm dâm liền tiêu.

Nghiên cứu kinh luận Tịnh Độ ắt hiểu yếu đạo xuất thế. Thọ trì An Sĩ Toàn Thư sẽ hiểu khuôn mẫu tốt lành khiến cuộc đời thuần dịu. Dùng pháp môn Tịnh Độ khuyên dụ cha mẹ, dùng pháp môn Tịnh Độ dạy con và người thân bè bạn, chính là vì sanh tử đại sự đau đáu lo cho thân sau.

Chẳng cần phải chọn riêng một nơi mà gia đình liền thành đạo tràng, cha mẹ, anh em, vợ con, bằng hữu, thân thích, người quen biết đều thành pháp quyến. Tự hành, dạy người, miệng khuyên, thân siêng gắng khiến cho mọi người cùng quy hướng Tịnh Độ, đều thoát khổ luân, đáng gọi là bậc cao tăng còn để tóc, là đệ tử Phật tại gia vậy!

* Hai vị lệnh thân hiện còn sống thì hãy nên dùng những cảm ứng, sự tích của pháp môn Tịnh Độ để thường giảng nói khiến họ phát tâm hoan hỷ, tin nhận phụng hành. Nếu chẳng coi đấy là hiếu, dù có tận sức làm hết những điều thế gian coi là hiếu, rốt cuộc có ích lợi gì cho cha mẹ đâu?

Vua Đại Vũ là đại thánh nhân, vẫn chẳng cứu được hồn [cha là] Cổn hóa thành Hoàng Nai (chữ Năng đọc thành Nai, có nghĩa là con ba ba có ba chân) sống trong Vũ Uyên. Thấy vậy chẳng nên kinh sợ, tỉnh ngộ mong dẫn dắt thần thức cha mẹ cao dự hải hội, thân cận Di Đà hòng chứng được vô lượng quang thọ vốn có sẵn trong tâm ư?

Cư sĩ Chí Liên dù giỏi khổ hạnh, nhưng chỉ e với tông chỉ Tịnh Độ vẫn còn có điều chẳng biết, hoặc có tâm cầu chuyển nữ thân hoặc mong sanh vào chốn an vui trong đường trời người nên chẳng thể buông xuống triệt để được, đến nỗi vô biên lợi ích bị mất cả vào điều vui thế gian nhỏ nhặt. Phải nên thường giảng nói khiến cho bà ấy chí hướng quyết định. Khuyên một

chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ chính là thành tựu cho một chúng sanh thành Phật. Thành Phật rồi ắt độ vô lượng chúng sanh, công ấy bắt đầu từ ta, công đức lợi ích ấy há nghĩ bàn nổi chăng?

Tự mình đã tu Tịnh Độ, lại còn phải đem pháp môn này bảo khắp với mọi người: anh em, thê thiếp, con cái, bảo họ [các người] lẽ nào chẳng chịu phát tâm, đành bỏ mất lợi ích lớn lao này ư? Nếu thiên tánh của họ gần với pháp môn này thì còn gì tốt hơn! Nếu tánh họ hơi xa, giồi mài mãi[56] cũng sẽ nhiễm từ từ, dù xa cũng thành gần. Đấy đáng gọi là lòng yêu mến sâu xa, đáng gọi là lòng từ rộng lớn. Bỏ tấm lòng từ ái này chỉ đáng gọi là hữu danh vô thật!

* Thái phu nhân niên kỷ đã tám mươi ba, phải thường khuyến dụ bà tín nguyện niệm Phật. Nếu bảo bà suốt ngày niệm Phật chỉ e bà làm không nổi. Trước đây đã toan lập cách trợ niệm ngay khi còn sống, nhưng nghĩ chưa ra. [Đến khi] Trấn Thủ Sứ Vương Duyệt Sơn đưa mẹ lên thăm núi, [tôi thấy] quyến thuộc của ông ta rất đông bèn tìm ra một cách trợ niệm rất tuyệt diệu, đã trình bày sơ lược với ông ta, nay sẽ thưa cùng các hạ. Dù các hạ chẳng thực hành được cũng chẳng đến nỗi coi thường bỏ qua, đó cũng là đạo tự lợi lợi tha vậy.

Trong quyến thuộc của các hạ, các ông con trai ai nấy đều có chức nghiệp, cố nhiên khó thể luôn luôn làm được. Nhưng các bà con dâu thì vô sự thanh nhàn, những kẻ hầu gái như các bà vú v.v... ắt chẳng có việc gì quan trọng, ông nên bảo họ căn theo đồng hồ suốt ngày ở quanh thái phu nhân lớn tiếng niệm Phật chừng nửa giờ. Hết lượt bèn đổi phiên, cả ngày chẳng dứt tiếng niệm Phật.

Thái phu nhân nếu niệm theo được thì càng tốt; bằng không thì chỉ nhiếp tâm lắng nghe suốt ngày, thường chẳng lìa Phật. Các người khác cũng chẳng mất sức, bởi lẽ cả ngày bất quá chỉ phải niệm một lượt hay hai lượt, nhưng thời gian cách khoảng giữa hai lượt cũng khá dài. Bọn họ không có chuyện gì quan trọng, bèn nhờ đấy mà dốc tận lòng hiếu, gieo thiện căn; ngay đến bọn hầu gái cũng nhờ vào nhân này, gieo duyên xuất ly sanh tử.

Từ nay trở đi, lấy cách này làm lệ thường; dù thái phu nhân tuổi thọ quá cao cũng chẳng được nửa chừng bỏ dở. Pháp này lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Phàm ai có tín tâm muốn thành tựu đạo nghiệp vãng sanh cho cha mẹ thì hãy nên khuyên họ làm theo cách này.

* Mẹ ông tuổi cao nhưng với pháp môn Tịnh Độ chưa thể hiểu đúng, tu trì, hãy thường nói với mẹ về nỗi khổ luân hồi trong sáu đường, sự vui trong thế giới Cực Lạc. Người sanh trong thế gian siêu thăng cực khó, đọa lạc cực dễ. Nếu chẳng vãng sanh Tây Phương, đừng nói là nhân đạo chẳng đáng nương cậy, dù sanh lên trời phước thọ thật lâu, một khi phước lực đã tận vẫn phải đọa lạc trong nhân gian như cũ và phải thọ khổ trong tam đồ ác đạo.

Nếu chẳng biết Phật pháp thì chẳng biết làm sao được; còn như nay đã hiểu đại lược Phật pháp, há đành nhường mối đại lợi ích này cho người khác, tự mình cam tâm luân hồi trong lục đạo, thoạt ra thoạt vào, vĩnh viễn không có ngày giải thoát ư? Cứ nói như vậy, may ra mẹ sẽ phát khởi được túc thế thiện căn, tin nhận phụng hành.
Bồ Tát độ sanh tùy thuận cơ nghi, trước hết dùng dục để nhử, sau mới khiến cho nhập vào Phật trí. Ông cực lực tu hạnh hiếu đễ, lại đem pháp môn Tịnh Độ khuyên lơn, hướng dẫn quyến thuộc của mình và hết thảy những ai hữu duyên cùng làm người trong hội Liên Trì thì công đức rất lớn.

* Con hiếu thờ cha mẹ thì phải đặt cái gốc lên trước, đặt cái ngọn ra sau, nuôi thân cha mẹ, khai đạo tinh thần. Nếu chỉ biết báo bổ công lao, phụng dưỡng cho cha mẹ an nhàn, lập thân hành đạo để cha mẹ được vẻ vang, chẳng biết đem đạo thường trụ vô sanh, pháp niệm Phật vãng sanh để khuyên dụ cha mẹ tu trì, khiến cho cha mẹ lúc sống niệm Phật hiệu, chết đi sanh về cõi Phật, giã biệt nỗi khổ sanh tử hư huyễn, hưởng thường trụ chân lạc, phụng sự Di Đà, chen vai cùng hải chúng nghe viên âm, tam Hoặc trừ sạch, thấy diệu cảnh, viên minh tứ trí, chẳng lìa An Dưỡng, vào khắp mười phương thượng cầu hạ hóa, rộng làm Phật sự, triệt chứng Phật tánh vốn sẵn có trong tâm, làm thuyền từ độ khắp mọi người trong biển khổ.
Nếu vậy thì đúng là thấy nhỏ quên lớn, được gần bỏ xa, chính là kiến giải hạn hẹp của kẻ hèn, chẳng phải là tầm nhìn rộng lớn của bậc thông đạt. Nếu như ông có thể làm cho mẹ hiền cũng giống như mình, cũng như quyến thuộc cùng thoát Sa Bà, đồng sanh An Dưỡng, đồng chứng vô lượng quang thọ, đồng hưởng pháp lạc tịch quang, đồng làm pháp vương tử của Phật A Di Đà, đồng làm đại đạo sư của trời người thì mới là trọn hết tấm lòng hiếu tử, mới xứng với công cha mẹ nuôi dạy. Đấy mới đúng là hiếu từ nuôi dạy, chứ chẳng phải như thế gian nói hiếu từ nuôi dạy đâu!

* Hành đạo hiếu thì không còn gì lớn hơn được nữa, hết thảy các điều lành không gì chẳng thâu tóm, nhưng đạo hiếu có thế gian, xuất thế gian, lớn, nhỏ, bổn, tích sai khác.

Đạo hiếu thế gian là chăm nom, phụng dưỡng cho cha mẹ được yên ổn, đón trước ý khiến cha mẹ vui vẻ, cho đến lập thân hành đạo để dương danh hậu thế. Dù lớn nhỏ khác nhau nhưng đều là chuyện thuộc về mặt sắc thân; dẫu cho đại hiếu ngút trời, rốt cuộc chẳng ích lợi gì cho tâm tánh, sanh tử của cha mẹ cả! Đúng là chỉ uổng công đuổi theo cái ngọn, chẳng xét đến cái gốc. Huống hồ là sát sanh để dâng lên cha mẹ hay để cúng tế khiến cho cha mẹ càng bị oán thù kết chặt, mãi mãi phải đền trả chẳng ngơi ư?

Đạo hiếu xuất thế gian, xét về mặt Tích cũng giống như thế gian chăm nom, phụng dưỡng... cho đến lập thân dương danh, nhưng cái gốc là khiến cho cha mẹ huân tu đại pháp của Như Lai. Cha mẹ còn sống thì khéo léo

khuyên dụ sao cho cha mẹ ăn chay niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ăn chay ắt chẳng tạo sát nghiệp, vừa diệt được túc ương. Niệm Phật thì ngầm thông Phật trí, thầm hợp diệu đạo. Nếu quả thật tin sâu, nguyện thiết cầu sanh Tây Phương, ắt đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, gởi thân nơi chín phẩm sen. Từ đấy siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, mãi mãi xa lìa các khổ trong chốn Sa Bà, thường hưởng các sự vui trong chốn Cực Lạc.
Cha mẹ đã khuất bèn thay cha mẹ dốc sức tu Tịnh nghiệp, chí thành hồi hướng cho cha mẹ. Nếu tâm thật sự chân thiết, cha mẹ sẽ được lợi ích; nếu chưa vãng sanh liền được vãng sanh. Nếu đã vãng sanh, phẩm sen sẽ cao thêm. Đã phát tâm được như thế thì sẽ tương ứng với bốn hoằng thệ nguyện, khế hợp Bồ Đề giác đạo; há đâu chỉ riêng cha mẹ được lợi ích mà công đức thiện căn, phẩm vị đài sen của chính mình cũng sẽ cao siêu thù thắng!
Huống lại dùng chính thân mình thuyết pháp khiến cho khắp mọi đồng luân cùng phát lòng hiếu thuận. Đạo hiếu ấy mới là thật nghĩa rốt ráo, chẳng phải như thế gian chỉ mong lợi lạc cho sắc thân và đời này, bỏ qua tâm tánh và đời sau chẳng buồn bàn tới! Vì thế biết rằng đạo Phật lấy hiếu làm gốc. Do đó, kinh Phạm Võng dạy: *"Hiếu thuận với cha mẹ, sư tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận là pháp chí đạo. Hiếu gọi là Giới"'*.
Lại như trong các giới Giết - Trộm - Dâm - Dối, kinh đều nói phải sanh tâm từ bi, tâm hiếu thuận. Trong giới "Chẳng thực hành phóng sanh, cứu mạng", kinh Phạm Võng dạy: *"Hết thảy người nam là cha ta, hết thảy người nữ là mẹ ta, đời đời chẳng lúc nào ta chẳng sanh ra từ họ. Vì thế lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta, giết chúng sanh để ăn thịt chính là giết cha mẹ mình"*. Bởi thế mới nói đạo Hiếu của Phật giáo gồm khắp tứ sanh lục đạo từ vô thỉ trước đến tận vị lai sau, chẳng thể đem chuyện chỉ biết một đời một thân ra so sánh được. Biết vậy rồi mà chẳng kiêng giết phóng sanh, ăn chay niệm Phật thì làm sao trọn hết được đạo hiếu chí cực không chi hơn được nữa đây?

* Tự mình đã tu trì Tịnh nghiệp thì cũng phải nên dạy hết mọi người quen biết cùng tu Tịnh nghiệp. Nên dựa theo phần Phổ Khuyến Môn trong sách Long Thư Tịnh Độ khiến cho ai nấy tùy phần tùy sức gieo thiện căn chẳng thể nghĩ bàn này. Đã muốn đem pháp này dạy người thì nên dạy từ thân đến sơ, nỡ nào để thê thiếp, con cái chẳng được hưởng lợi ích này ư? Văn Vương nghiêm nhặt với vợ góa cho đến huynh đệ để giữ yên nhà cửa đất nước. Đạo tự hành, dạy người thế gian, xuất thế gian không pháp nào chẳng vậy!

* Tự mình cải ác tu thiện, nhất tâm niệm Phật; phàm hết thảy người thân đều là kẻ hữu duyên, cũng nên dạy họ pháp này. Với những người phản đối, hãy khởi tâm thương xót, đừng bắt buộc họ phải làm. Cứ đè đầu bò bắt gặm cỏ thì vạn vạn phần chẳng làm được! Nếu bảo: "Tôi nhất tâm niệm

Phật, các sự chẳng bận tâm đến nữa" thì chẳng những là bị trở ngại nơi pháp thế gian, mà cũng chẳng hợp với Phật pháp. Làm đúng với địa vị thì mới nên.

Khuyên người niệm Phật tu hành dĩ nhiên là công đức bậc nhất, nhưng dưới đến vợ con, trên lên cha mẹ, ông bà đều phải nên khuyên nhủ. Nếu chẳng thể khéo léo dùng phương tiện khuyên nhủ gia đình, khiến cho quyến thuộc mình cùng được hưởng lợi ích chẳng thể nghĩ bàn liễu thoát sanh tử ngay trong đời này thì chính là bỏ gốc theo ngọn, chỉ biết lợi người ngoài mà chẳng biết làm lợi cho người thân, có nên chăng?

* Với những người trong nhà, vào những khi nhàn hạ vô sự, hãy dùng lời lẽ khúc chiết, uyển chuyển tỏ bày tận lý khiến tâm người nghe biết được lẽ phải trái, nên, không nên; vô hình trung ắt sẽ khiến cho tâm thức người nghe được mài giũa giần, nhiễm dần mà chuyển biến.

Còn như khi cái tánh ngu bướng, ngạo nghễ của người ấy trỗi dậy, nếu thấy đối trị được thì hãy dùng những danh ngôn chí lý để ôn hòa bình tĩnh đối trị. Nếu không được thì cứ mặc kệ, đừng động đến kẻ ấy nữa, đợi khi kẻ ấy hết nóng, lại ôn hòa, bình tĩnh cùng kẻ ấy bàn luận khúc nhôi, lâu dần kẻ ấy cũng bị cảm hóa. Trọn chẳng nên dùng đến những phương cách bắt buộc, mạnh mẽ, dữ dội...

* Nay là lúc pháp nhược ma cường, muốn hộ trì Phật pháp thì ở ngoài đời dễ hơn, làm Tăng sẽ khó. Nếu các hạ nghiêm trì năm giới, chuyên niệm Di Đà, khắc kỷ, giữ lễ, lời nói tương xứng hành vi, sau đấy lại rộng khuyến hóa, chỉ dạy nhằm lợi khắp quần sanh, đừng cậy mình làm thầy mà tự cao, chẳng được nhận tiền tài để hưởng thọ. Ở nhà thì dạy cho cả nhà, ra đại chúng bèn vì đại chúng trình bày rõ khiến ai nấy đều ngưỡng mộ đức mà tin theo lời mình. Đấy gọi là thân đã chánh thì chẳng ra lệnh mà người hành theo, lấy thân mình làm gương, hễ gió thổi qua là cỏ phải rạp xuống.

* Tôi hay viết câu liễn như sau:

Xả Tây Phương tiệp kính, cửu giới chúng sanh thượng hà dĩ viên thành Phật đạo?

Ly Tịnh Độ pháp môn, thập phương chư Phật bất năng phổ lợi quần manh.

(Bỏ đường tắt Tây Phương, cửu giới chúng sanh dùng chi viên thành Phật đạo?

Rời pháp môn Tịnh Độ, mười phương chẳng thể lợi khắp quần manh)

Các hạ hãy khởi phát đại dũng mãnh, phát đại tinh tấn gánh vác pháp này. Dùng những ngôn luận hoằng dương Tịnh Độ xứng với căn cơ của cổ nhân để bảo ban làng xóm, sống trong trần lao chẳng nhiễm, tu Chân ngay trong cõi Tục thì mới hợp với ý nghĩa "viên dung, vượt thoát khỏi danh và mạng" vậy.

---o0o---

4. Khuyên Nên Sống Trong Cõi Trần Học Đạo

* Niệm Phật dĩ nhiên quý tại chuyên nhất; nhưng cư sĩ trên có cha mẹ, dưới có vợ con, ngoài lo toan tính mong cầu giàu sướng, thật chẳng thích hợp [để xuất gia]. Đối với những việc bên trong cần nên làm thì hãy gắng sức làm, bất tất phải bỏ sạch hết thảy mới là tu hành. Nếu bỏ sạch hết thảy nhưng vẫn nuôi dưỡng cha mẹ, vợ con chẳng thiếu sót thì cũng được. Nếu không là trái với đạo hiếu, tuy bảo là tu hành nhưng lại trái nghịch với Phật pháp. Điều này chẳng thể chẳng biết.

Lại phải nên dùng những lợi ích của pháp môn Tịnh Độ để khuyên lơn cha mẹ, khiến họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu họ tin nhận phụng hành, lúc lâm chung nhất định được vãng sanh. Một phen được vãng sanh bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, cao dự hải hội, thân cận Di Đà thẳng cho đến khi thành Phật mới thôi. Đạo hiếu thế gian sao sánh bằng được!

Nếu lại còn có thể đem điều ấy bảo ban cho khắp mọi người biết khiến cho cha mẹ người nào cũng đều được vãng sanh thì công đức giáo hóa quy về mình, khiến cho phẩm vị liên đài của cha mẹ và của mình đều được tăng cao. Kinh Thi chép: *"Hiếu tử bất quỹ, vĩnh tứ nhĩ loại"* (con hiếu chẳng thiếu thốn, [trời] luôn ban thưởng cho các ngươi). Muốn hiếu với cha mẹ, hãy nên suy nghĩ sâu xa rồi tận lực thực hành.

* Hoàn cảnh của mỗi người vạn phần chẳng giống nhau; xét đến hoàn cảnh của ông, thật sự là ở tại gia có lợi ích lớn hơn, nếu xuất gia chỉ được lợi ích nhỏ. Ông nhờ tổ nghiệp tạm sanh sống được, trên còn mẹ già để thờ, giữa có anh em để nhờ cậy, trong nhà có vợ hiền, dưới gối chưa có con cái gì. Bác cả nhà ông hơi tin Phật pháp, chú ba, chú tư cũng chẳng chống đối đạo pháp chi lắm, ông ở nhà dốc sức tu tịnh nghiệp cũng có thể hướng dẫn bà cụ phát lòng tin niệm Phật, cầu được liễu thoát, lại cũng có thể giúp anh em ở ngoài lo liệu việc nhà, cũng như xướng xuất vợ con, em dâu v.v... cùng tu Tịnh nghiệp để làm kế sách cùng thoát luân hồi.

Ngoài ra còn tùy duyên khai thị, hướng dẫn xóm giềng, thân thích. Vậy thì nhà mình biến thành đạo tràng, mọi người: thân mẫu, anh, em, vợ, con, cháu, xóm giềng, bằng hữu đều thành pháp quyến; tùy sức tùy phần, thân làm, miệng khuyên, khiến cho cả miền Vĩnh Gia, những kẻ lạc đường, những người thuộc tà kiến chủng tánh đều được nạp vào lò luyện pháp môn Tịnh Độ viên đốn chí cực lớn lao, luyện thành pháp khí, cùng tu tịnh nghiệp, tương lai cùng ngự Liên Bang, cùng chứng Bồ Đề. [Lợi ích như thế] vẫn

thua việc ông xuất gia làm tăng, bỏ mẹ đi xa, khiến người nhà hờn oán thiếu người nương dựa, mẹ ôm lòng phiền con hay sao?
Vả nữa, tất cả những kẻ chẳng hiểu đạo lý đến nơi đến chốn ắt sẽ trở mặt chê Phật pháp trái nghịch thế đạo, lầm lạc hủy báng, khiến cho bọn họ tạo khẩu nghiệp phải đọa ác đạo, chưa thấy ích gì mà trước đã tạo nên sự tổn hại lớn lao vậy. Huống chi mẹ ông đã chẳng bằng lòng, há chẳng nên tuân theo ý mẹ, vẫn cứ ôm ấp tấm lòng đó ư? Nếu mẹ ông chẳng chấp thuận cho ông tu hành thì xuất gia còn chấp nhận được, nay mẹ ông hoan hỷ cho ông tu hành, sao lại muốn bỏ mẹ để tu hành?
Trong Phật pháp, lục độ vạn hạnh, các thứ công nghiệp đều vì lợi ích chúng sanh. Ông không xuất gia ắt sẽ lợi ích rất lớn cho mẹ. Chỉ riêng một lẽ đó đã rất nên thuận theo lòng mẹ, cứ ở nhà học đạo khiến mẹ quen thấy, chẳng mong mẹ tin tưởng mà tự nhiên mẹ tin tưởng, không công đức nào lớn hơn; huống hồ nào phải chỉ lợi ích riêng cho một mình mẹ ông thôi đâu!

Thêm nữa, mẹ không bằng lòng cho xuất gia thì đừng nghĩ tới chuyện ấy nữa. Bởi lẽ trong giới luật nhà Phật, cha mẹ chẳng cho phép xuất gia, cứ tự ý mình đi xuất gia, nhà chùa sẽ chẳng cho phép xuống tóc và thọ giới v.v... Không vậy, cả thầy lẫn trò đều mắc tội!

* Hiện tại mọi ngăn cấm đều rỡ bỏ cả, người tại gia nghiên cứu, tu tập nhiều như rừng, người được lợi ích sanh Tây Phương cũng thường thấy, cần gì phải xuất gia bỏ cha mẹ? Chuyện ấy Quang tôi tuyệt đối chẳng tán thành. Căn cứ trên thực tế mà nói, trong hiện tại tu tại gia tốt hơn. Vì sao vậy? Vì đối với hết thảy đều vô ngại. So với người tại gia, người xuất gia bị chướng ngại nhiều hơn; bởi thế, nếu không phải là người phát tâm chân thật, ắt sẽ thành phường hạ lưu, vô ích đối với Phật pháp, nhục lây đến Phật.

* Nếu muốn xuất thế thì chẳng cần gì phải tách ra ở riêng, chỉ y theo ngôn giáo của Phật, đối trị phiền não tập khí sao cho hết sạch mới thôi. Tuy thân trong cảnh tục, chẳng ngại gì đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử tiến đến Phật Quả. Như cư sĩ Duy Ma bên Tây Thiên và các vị Phó Đại Sĩ, Lý Trưởng Giả, Bàng Cư Sĩ v.v... trong cõi này. Nếu tự lực chẳng đủ, đã có pháp cậy nhờ Phật từ lực vãng sanh Tây Phương để nương tựa. Há phải đâu ai nấy đều phải bỏ tục xuất gia mới đúng là đệ tử Phật ư?

* Cư trần học đạo, tu chân ngay trong cõi tục thì bậc đạt nhân danh sĩ hay kẻ ngu phu, ngu phụ đều làm được cả. Gắng sức tu trì, với những thứ hệ lụy của đời tại gia hãy tưởng như bóng gậy, tiếng hét[57] phải đương đầu, hằng sanh tâm nhàm lìa, luôn sanh chí vui thích[58], lấy bệnh làm thuốc, biến tắc thành thông, trên chẳng khiến cao đường[59] buồn bã, dưới là vợ con chẳng mất nơi nhờ cậy, lại còn khiến cho hết thảy những ai thấy biết nhờ đó sẽ tăng trưởng lòng tin trong sạch, còn gì vui hơn!

* Người sống trong thế gian chẳng thể không làm gì cả, chỉ nên trọn hết bổn phận, chẳng dòm dõi chi đến chuyện ngoài bổn phận. Sĩ, nông, công, thương, ai nấy chăm lo nghề mình làm cái gốc để nuôi thân, nuôi gia đình, tùy phận, tùy lực, quyết chí cầu sanh Tây Phương. Nếu có sức thì với việc lành sẽ bỏ của, hoặc giúp lời nói để tán trợ. Nếu không, phát tâm tùy hỷ cũng thành công đức, dùng đấy để vun bồi ruộng phước làm trợ hạnh vãng sanh. Như thuận nước căng buồm, lại thêm chèo lái đến được bến bờ, chẳng sướng lắm ư?

* Nếu là bậc đại thông gia thì Thiền - Tịnh song tu, nhưng phải lấy Tịnh Độ làm chủ. Nếu là người căn cơ trung bình thì cũng chẳng cần phải xem khắp kinh sâu luận rộng, chỉ cốt sao chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương là được. Người ấy chẳng buông bỏ gia nghiệp mà vẫn kiêm tu pháp xuất thế.

Tuy tựa hồ là cách tu tầm thường không gì lạ lùng cả, nhưng lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Bởi lẽ, ngu phu, ngu phụ cắm cúi niệm Phật là đã ngầm thông Phật trí, thầm hợp diệu đạo. So ra, lợi ích nhiều hơn hẳn bậc đại thông gia suy lường, phỏng đoán, cứ suốt ngày vắt óc phân biệt. Bởi thế, ngu phu, ngu phụ niệm Phật dễ được lợi ích, bậc đại thông gia nếu toàn thân buông xuống được hết sẽ dễ được lợi ích, chứ nếu cứ suy dò nghĩa lý sẽ chẳng được lợi ích; trái lại còn thành bệnh, chưa đắc bảo là đắc, có kẻ trở thành cuồng dại nữa.

Một pháp tham thiền, con người hiện tại chẳng nên học; dù có học cũng chỉ thành văn tự tri kiến[60] , quyết chẳng thể đốn minh tự tâm, tự thấy tự tánh. Vì sao vậy? Một là thiếu thiện tri thức chỉ dạy, quyết trạch; hai là người học chẳng hiểu căn cội của Thiền. Mang tiếng tham thiền nhưng thật ra là hiểu lầm.

* Đối với việc thọ giới, nếu thiện nam tử xuất gia làm tăng thì phải vào chùa tập tành oai nghi mới biết quy củ chốn tùng lâm. Giữ đúng oai nghi của Tăng thì du phương hành cước[61] trọn chẳng trở ngại gì. Nếu không, mười phương tùng lâm không trụ nơi nào được cả.

Nếu người nữ tại gia, cửa nhà khá giả, thân có thể tự làm chủ, đến chùa thọ giới cũng chẳng phải là không được. Còn nếu như gia cảnh cùng quẫn, cần gì phải làm vậy. Chỉ cần đối trước Phật, khẩn thiết chí thành sám hối tội nghiệp trong vòng bảy ngày, tự thệ thọ giới. Đến ngày thứ bảy, đối trước Phật xướng rằng: "Đệ tử con tên là... thề thọ năm giới, làm mãn phần ưu-bà-di (ưu-bà-di Hán dịch là Cận Sự Nữ, hàm nghĩa đã thọ năm giới, kham phụng sự Phật. Mãn Phần nghĩa là thọ trì trọn vẹn năm giới). Đến hết cuộc đời chẳng sát sanh, đến hết cuộc đời chẳng trộm cắp, đến hết cuộc đời chẳng dâm dục (nếu là gái có chồng thì nói "chẳng tà dâm"), đến hết cuộc đời

chẳng nói dối, đến hết cuộc đời chẳng uống rượu". Nói như vậy ba lần liền được đắc giới.
Nếu chí tâm thọ trì thì công đức chẳng hơn kém, đừng bảo tự thệ thọ trì là chẳng đúng pháp. Đấy là thánh huấn của đức Như Lai đã dạy trong kinh Phạm Võng.

* Tam Quy - Ngũ Giới là cửa ngõ ban đầu để vào Phật pháp; tu các pháp môn khác đều nương theo đây mà vào, huống hồ là pháp môn Tịnh Độ liễu sanh thoát tử giản dị nhất, chí viên, chí đốn chẳng thể nghĩ bàn ư? Chẳng cảnh tỉnh tam nghiệp, chẳng trì năm giới, còn chẳng có phần lại được thân người, huống chi là muốn được liên hoa hóa sanh, thân đầy đủ quang minh tướng hảo ư?

* Vì hàng tại gia đệ tử lược giảng ý nghĩa của Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện:

Thương thay, từ vô thỉ đến nay chúng sanh luân hồi sáu nẻo, không được cứu, không chỗ về nương, không nơi gởi gắm, như con côi mất cha, dường kẻ cùng quẫn nhà tan cửa nát, toàn là do phiền não ác nghiệp cảm thành quả khổ sanh tử ấy, mù lòa không huệ nhật, chẳng thể tự thoát khỏi. Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, vì chúng sanh thuyết pháp, dạy họ thọ Tam Quy để làm cái gốc bỏ tà về chánh, dạy họ trì Ngũ Giới hòng làm cái gốc đoạn ác tu thiện, dạy họ hành Thập Thiện để làm gốc rễ thanh tịnh ba nghiệp thân - khẩu - ý.
Từ đấy, chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Tam nghiệp đã được tịnh rồi mới hòng tuân tu đạo phẩm, ngõ hầu trái giác hợp trần, chuyển phàm thành thánh, đoạn gốc tham - sân - si, thành đại đạo Bồ Đề giới - định - huệ. Bởi thế, đức Phật giảng Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ, ba mươi bảy phẩm trợ đạo v.v... vô lượng pháp môn. Lại muốn cho chúng sanh mau thoát sanh tử, chóng thành Phật đạo, đức Phật bèn dạy pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, khiến họ chẳng phí nhiều sức, hoàn tất được ngay trong đời này. Ôi! Ơn đức Thế Tôn thật là cùng cực, dù là cha mẹ hay trời đất cũng chẳng thể sánh ví được.
Bất Huệ (Tổ Ấn Quang tự xưng) thọ ân thật sâu, nhưng không cách nào báo được ân sâu. Nay các vị lầm nghe lời người, chẳng ngại xa xôi ngàn dặm đến đây, toan bái tôi làm thầy, nhưng tôi tự xét mình vô đức, ba bốn lượt khước từ, quý vị vẫn chẳng chịu nghe. Nay bất đắc dĩ, đem ý xuất thế thuyết pháp độ sanh của đức Như Lai bàn đại khái cùng quý vị, cũng như giải thích sơ lược về ý nghĩa của Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện và pháp môn Tịnh Độ ngõ hầu tất cả quý vị lãnh hội được, tất cả quý vị tuân thủ được, còn như từ Tứ Đế cho đến Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo v.v... chẳng phải là những điều quý vị có thể hiểu thấu nên tôi lược đi không nhắc đến. Nếu quý vị y

giáo phụng hành, chính là thờ Phật làm thầy, sá gì Bất Huệ! Nếu chẳng y giáo phụng hành là đã phụ ân Bất Huệ, huống chi là Phật ân!
Tam Quy là:
- Một là quy y Phật.
- Hai là quy y Pháp.
- Ba là quy y Tăng.
Quy là quay theo, Y là nương tựa. Như người rớt xuống biển, chợt có thuyền đi đến, liền hướng về đó. Đấy là ý nghĩa "quay theo"; ngồi yên ổn trên thuyền là ý nghĩa "nương tựa". Sanh tử là biển, Tam Bảo là thuyền; chúng sanh quy y liền lên bờ kia.
Đã quy y Phật bèn thờ Phật làm thầy, từ nay trở đi cho đến khi mạng chung, chẳng được quy y thiên ma, ngoại đạo, tà quỷ, tà thần. Đã quy Pháp bèn thờ Pháp làm thầy, từ nay trở đi cho đến khi mạng chung, chẳng được quy y kinh sách ngoại đạo. Đã quy y Tăng bèn thờ Tăng làm thầy, từ nay trở đi cho đến khi mạng chung, chẳng được quy y đồ chúng ngoại đạo.
Ngũ Giới:
- Một là chẳng sát sanh.
- Hai là chẳng trộm cắp.
- Ba là chẳng tà dâm.
- Bốn là chẳng nói dối.
- Năm là chẳng uống rượu.

1) Sát sanh:

Loài vật cũng giống như ta, ham sống sợ chết. Ta đã ưa sống, há vật lại muốn chết! Do đó hãy nghĩ: Có nên giết hại loài vật chăng? Hết thảy chúng sanh luân hồi sáu nẻo, tùy nghiệp thiện - ác, thăng - giáng, siêu - trầm, ta cùng bọn chúng trong nhiều kiếp lần lượt làm cha mẹ nhau, lần lượt làm con cái nhau, phải nghĩ cách cứu vớt, nỡ nào giết hại? Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, trong đời tương lai sẽ đều thành Phật. Nếu ta đọa lạc còn mong được cứu vớt.
Thêm nữa, ta đã tạo sát nghiệp, ắt phải đọa ác đạo đền bồi nợ cũ, xoay vần giết hại lẫn nhau chẳng khi nào xong. Suy nghĩ như thế nào còn dám giết? Nhưng nguyên nhân sát sanh là do ăn thịt. Nếu biết được những nhân duyên như trên vừa nói sẽ tự chẳng dám ăn thịt nữa. Kẻ ngu lại cho thịt là ngon, chẳng biết thịt vốn do tinh huyết tạo thành; trong chứa phân tiểu, ngoài lẫn bẩn thỉu, tanh tưởi, hôi thối, ngon lành chỗ nào? Thường quán bất tịnh, ắt ăn vào sẽ ói ra.
Thêm nữa, sanh vật là người, cầm thú, giòi, bọ, cá, tép, muỗi, mòng, rận, rệp, tất cả những loài có sanh mạng; đừng bảo con vật lớn chẳng được giết, con vật nhỏ thì giết được! Trong kinh Phật có rộng nói công đức kiêng giết,

phóng sanh. Tục nhân chẳng thể đọc đến thì hãy xem sách Vạn Thiện Tiên Tư của An Sĩ tiên sinh ắt sẽ biết được đại khái!

2) Chẳng trộm cắp:

Thấy nghĩ được cái gì, chẳng cho bèn chẳng lấy. Người biết liêm sỉ chẳng phạm lỗi này, nhưng nếu luận tỉ mỉ thì chẳng phải là bậc đại thánh đại hiền sẽ rất khó chẳng phạm. Vì sao? Lấy công giúp tư, tổn người lợi mình, cậy thế lấy của, dùng mưu kế đoạt vật, ghen ghét vì người khác phú quý, mong họ bần tiện; làm lành để phô trương; đối với các việc lành tâm chẳng hiểu đúng, chẳng hạn như lập trường miễn phí, chẳng chọn thầy nghiêm, khiến con em người khác bị lầm lạc; thí thuốc chữa bệnh chẳng phân biệt thật giả khiến người dùng bị nguy tánh mạng; thấy người bị tai nạn gấp vẫn xem thường chẳng cứu, lề mề hờ hững đến nỗi lỡ việc; làm tắc trách cho xong việc, mặc kệ tiền tài người khác bị lãng phí, trong lòng không coi đó là chuyện khẩn yếu. Những điều như thế đều gọi là trộm cắp. Vì các vị đều ở chốn tốt lành nên tôi chỉ chọn ra những điều tệ hại nhất để nói đại lược mà thôi!

3) Chẳng tà dâm:

Tục nhân nam nữ lập gia đình sanh con đẻ cái, trên là liên quan đến phong hóa, dưới là liên quan đến việc cúng giỗ. Dù vợ chồng ăn nằm với nhau chẳng bị cấm, nhưng phải kính nhau như khách, cốt để [có con cháu] giỗ quải tổ tiên, chẳng được lấy đó làm điều khoái lạc, ham dục đến nỗi mất mạng. Dù là vợ mình, tham vui quá cũng là phạm tội, nhưng tội ấy còn nhỏ nhặt. Nếu chẳng phải là vợ mình mà ăn nằm bừa bãi thì gọi là "tà dâm", tội ấy cực nặng!

Hành tà dâm là đem thân người làm chuyện súc sanh, khi báo hết mạng tận trước là đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, sau là đọa trong đường súc sanh ngàn vạn ức kiếp chẳng thể thoát khỏi. Hết thảy chúng sanh từ dâm dục sanh nên giới này khó giữ, dễ phạm. Dẫu là bậc hiền đạt, cũng có lúc còn vi phạm, huống chi kẻ ngu?

Nếu lập chí tu trì thì trước hết phải biết rõ lợi - hại (lợi là chẳng phạm giới này sẽ được lợi lạc gì; hại là những họa hại do phạm giới này) cũng như phương pháp đối trị thời sẽ như thấy rắn độc, như gặp oán tặc, kinh sợ, hoảng hốt, dục tâm sẽ tự dứt. Cách đối trị chép rộng trong kinh Phật. Tục nhân không duyên xem đến hãy đọc sách Dục Hải Hồi Cuồng của An Sĩ tiên sinh sẽ biết được đại khái.

4) Chẳng vọng ngữ:

Lời nói đáng tin, chẳng thốt lời hư dối. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy, lấy hư làm thật, biến có thành không, phàm điều gì tâm chẳng xứng với miệng, toan khinh dối người khác đều là vọng ngữ cả. Lại nếu như chưa đoạn Hoặc bảo là đã đoạn Hoặc, chưa đắc đạo bảo là đắc đạo thì gọi là đại

vọng ngữ. Tội ấy rất nặng, sau khi mạng chung nhất định đọa thẳng vào A Tỳ địa ngục, vĩnh viễn không có lúc thoát ra. Nay người tu hành chẳng biết giáo lý Phật pháp, đa phần như thế cả, cho nên phải đau đáu răn đe. Điều này thật thiết yếu.

Bốn điều trên chẳng luận là xuất gia hay tại gia, thọ giới hay không thọ giới hễ phạm liền vướng tội lỗi, bởi thể tánh của chúng là ác. Nhưng người chưa thọ giới thì mắc tội một tầng; người đã thọ giới mắc tội gấp đôi bởi ngoài chuyện làm điều ác ra, còn thêm cái tội phạm giới. Nếu giữ được chẳng phạm thì công đức vô biên; hết thảy phải nên gắng sức.

5) Chẳng uống rượu:

Rượu làm cho tâm người mê loạn, hoại giống trí huệ. Uống vào sẽ bị điên đảo, hôn cuồng, làm chuyện càn quấy, nên Phật chế định người tu hành trọn chẳng được uống rượu. Lại như hành, hẹ, kiệu, tỏi, nén, năm thứ thực vật nồng gắt, mùi vị hôi hám, bản chất chẳng thanh khiết, ăn chín sanh dâm, ăn sống tăng lòng nóng giận, người tu hành đều chẳng được ăn. Với giới này, người chưa thọ giới ăn uống chúng chẳng bị tội gì; người thọ giới mà dùng hay ăn chúng liền phạm một tầng giới của Phật. Phật đã cấm chế, các vị vẫn phạm nên mắc tội vậy.

Thập Thiện là:

- Một là chẳng sát sanh,
- Hai là chẳng trộm cắp.
- Ba là chẳng tà dâm.
- Bốn là chẳng nói dối.
- Năm là chẳng nói thêu dệt.
- Sáu là chẳng nói đôi chiều.
- Bảy là chẳng ác khẩu.
- Tám là chẳng tham.
- Chín là chẳng sân.
- Mười là chẳng si.

Ba điều đầu gọi là thân nghiệp, bốn điều giữa là khẩu nghiệp, ba điều cuối là ý nghiệp. Nghiệp nghĩa là "sự". Nếu trì chẳng phạm thì gọi là Thập Thiện, nếu phạm chẳng trì thì gọi là Thập Ác. Thập Ác chia làm thượng, trung, hạ, cảm ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thập Thiện chia thành thượng, trung, hạ cảm ba thiện đạo trời, người, a-tu-la. Nhân lành cảm quả lành, nhân ác cảm quả ác, quyết định chẳng nghi, chẳng sai mảy may. Trong phần nói về Ngũ Giới đã giảng giết - trộm - dâm - dối rồi.

Ỷ ngữ (nói thêu dệt) là những lời lẽ phù phiếm, vô ích, chải chuốt, bóng bảy bàn nói chuyện dâm dục khiến người khác nghĩ bậy.

Lưỡng thiệt (nói đôi chiều) là đến người này nói người kia, đến người kia nói người này, đâm thọc thị phi, đòn xóc hai đầu v.v...

Ác khẩu là ngôn ngữ thô ác như dao, như kiếm, vạch trần lỗi kín của người, chẳng kiêng dè. Nếu lại còn khiến cho cha mẹ người bị xấu lây, thì gọi là "đại ác khẩu", tương lai mắc phải quả báo súc sanh. Đã thọ giới nhà Phật, chớ nên phạm giới này.
Tham keo là tiền tài của mình chẳng chịu thí cho người thì gọi là "keo", chỉ mong vơ của cải của người về mình thì gọi là "tham".
Sân khuể là giận dữ, thấy người được gì bèn sầu lo, phẫn nộ, thấy người bị mất gì bèn mừng rỡ, sung sướng, lại còn cậy thế, cậy oai khinh người rẻ vật.
Tà kiến là chẳng tin làm lành được phước, làm ác mắc tội, nói không nhân quả, chẳng có đời sau, khinh chê thánh ngôn, hủy báng kinh giáo của Phật...
Mười điều thiện này bao hàm hết thảy. Nếu có thể tuân hành thì không điều ác nào chẳng đoạn, không điều thiện nào chẳng tu. Chỉ sợ quý vị chẳng thể lãnh hội nên tôi nay chỉ nêu đại lược một hai việc: hiếu thuận cha mẹ, chẳng trái, chẳng nghịch, khúc nhôi uyển chuyển khuyên cha mẹ nhập đạo, dứt mặn ăn chay, trì giới niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Nếu cha mẹ tin theo thì chẳng còn gì tốt hơn.
Với anh em liền tận sức nhường nhịn, với vợ chồng thời hết sức kính trọng, với con cái thời tận sức giáo huấn khiến chúng trở thành người tốt, người hiền, chớ để chúng mặc tình quen thói kiêu căng, đến nỗi thành hạng người chẳng ra gì. Với xóm giềng làng nước, phải hòa mục, nhường nhịn, giảng cho họ nghe nhân quả thiện ác, khiến họ sửa lỗi hướng thiện. Với bằng hữu tận lực giữ chữ tín. Với tôi tớ phải từ ái. Với việc công bèn tận tâm kiệt lực như khi làm chuyện tư.
Hễ gặp người quen biết, họ hàng, gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu. Còn như kinh doanh cố nhiên là để kiếm lời, nhưng chẳng được bán hàng giả, lừa dối người khác. Nếu như đem phong tục này giáo hóa cho cả một ấp, một làng thì sẽ khiến cho họa loạn chưa nảy mầm đã tiêu, các hình phạt trở thành vô dụng; có thể nói là ra ngoài tận trung, trong nhà tận chính vậy!

---o0o---

5. Các Sách Vở Nên Đọc

* Thuật rộng nguyện luân, giảng sâu xa duyên khởi thì chỉ có mình kinh Vô Lượng Thọ. Chuyên giảng về pháp quán cũng như dạy rõ các nhân vãng sanh thì chỉ có mình Thập Lục Quán Kinh (kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật). Hai kinh trên đây pháp môn rộng lớn, đế lý tinh vi, kẻ độn căn đời mạt thật khó thể được lợi ích.
Tìm lấy một bản kinh câu văn giản dị nhưng nghĩa lại giàu, dùng ít chữ nhưng nghĩa lý phong phú, độ khắp ba căn, hạ thủ dễ nhưng thành công cao, dùng sức ít mà đạt hiệu quả nhanh chóng, chuyên ròng tu một hạnh lại viên

thành vạn đức, khiến cho nhân tâm mau chóng khế hợp quả giác thì chỉ có mình kinh Phật Thuyết A Di Đà mà thôi!
Ấy là vì một phen nghe đến y báo, chánh báo trang nghiêm, thượng thiện nhân cùng nhóm họp, ắt sẽ sanh lòng tin chân thành, phát nguyện khẩn thiết, quyết có cái thế [mạnh mẽ] như sông ngòi tuôn chảy không sao ngăn được. Từ đấy giữ chặt khư khư, chấp trì vạn đức hồng danh, niệm đâu chú tâm vào đó mãi cho đến khi nhất tâm bất loạn. Làm được như vậy thì ngay trong đời này đã dự vào dòng thánh, lâm chung theo Phật vãng sanh, khai Phật tri kiến, cùng thọ dụng như Phật.
Bởi thế biết rằng một pháp Trì Danh bao gồm vạn hạnh, toàn sự tức lý, toàn vọng tức chân, nhân tột biển quả, quả thấu nguồn nhân. Thật đúng là đường tắt để quay về gốc, là cửa ngõ trọng yếu để nhập đạo.

* Kinh A Di Đà có bản Yếu Giải do đại sư Ngẫu Ích trước tác, lý - sự đều đạt tới mức cùng cực, là bản chú giải bậc nhất kể từ khi đức Phật nói ra kinh này, diệu cực xác thực, dù cổ Phật tái hiện trong thế gian chú giải lại kinh này cũng chẳng thể hay hơn được! Chớ nên xem thường, hãy tin nhận chắc chắn.

Kinh Vô Lượng Thọ có bản sớ giải của pháp sư Huệ Viễn đời Tùy, giải văn thích nghĩa thật là trong sáng, gãy gọn. Kinh Quán Vô Lượng Thọ có bản [chú giải] Tứ Thiếp Sớ của hòa thượng Thiện Đạo. Ngài chỉ muốn khiến cho ba căn cùng được lợi ích nên đa phần phát huy về mặt sự tướng. Sau phần nói về Thượng Phẩm Thượng Sanh, Ngài phát huy sự hơn kém của hai cách Chuyên Tu và Tạp Tu, khiến người đọc sanh lòng tin chân thành kiên cố. Dù đức Thích Ca Mâu Ni Phật và chư Phật hiện thân bảo bỏ pháp môn Tịnh Độ này để tu các pháp môn khác cũng chẳng thay đổi ý nguyện chút nào; có thể nói sách ấy là kim chỉ nam cho hành giả Tịnh nghiệp.
Còn như cuốn Quán Kinh Diệu Tông Sao của tông Thiên Thai thì do đế lý cực viên dung nên trung hạ căn chẳng được lợi ích, chẳng bằng sách Tứ Thiếp Sớ lợi khắp ba căn, lợi căn hay độn căn đều được lợi ích cả!
* Cổ nhân muốn cả thế gian cùng tu nên lấy kinh A Di Đà làm nhật khóa, bởi lẽ kinh này ngôn từ ngắn gọn, nghĩa lý phong phú, hạnh giản dị, hiệu quả nhanh chóng. Bậc đại sĩ hoằng pháp chú sớ, ngợi khen kinh này từ cổ đến nay chẳng đếm được hết. Trong số đó, tìm lấy bản rộng lớn, tinh vi thì không bản nào bằng được tác phẩm Sớ Sao của ngài Liên Trì; còn thẳng chóng, yếu diệu thì không chi bằng tác phẩm Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích. U Khê đại sư dùng pháp ấn Đế - Quán bất nhị của tông Thiên Thai để soạn Lược Giải Viên Dung Trung Đạo Sao lý cao thâm nhưng sơ cơ vẫn lãnh hội được, văn giảng minh bạch nhưng người tu lâu [đọc đến] vẫn khâm phục.

* Về Tịnh Độ thì chọn lấy sách như Di Đà Sớ Sao, ngôn từ giản dị nhưng tinh vi, lý sâu xa nhưng dễ nhận, thật là cuốn sách trọng yếu trong Tịnh Độ, là người hướng dẫn tốt cho kẻ sơ cơ.

* Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm dùng mười đại nguyện vương để dẫn dắt quy hướng Tịnh Độ. Đọc phẩm này sẽ biết rằng pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là chỗ quy kết sau cùng để thành Phật trong một đời của kinh Hoa Nghiêm, thật là phương tiện tối thắng để tự lợi khi tu nhân, là phương tiện tối thắng để lợi tha khi đắc quả của mười phương chư Phật.

* Phẩm Hạnh Nguyện nghĩa lý bao la, văn tự vi diệu. Tụng đến khiến cho chấp trước ta - người - chúng sanh của con người biến mất nào còn có nữa, thiện căn vãng sanh Tịnh Độ ngày càng thấy tăng trưởng, ắt sẽ tự hành dạy người; nhưng chẳng được nghĩ rằng "chưa trì kinh này, dù có tu Tịnh Độ cũng là bạc phước, thiên lệch!"

Các vị Liên Trì, Ngẫu Ích v.v... cũng đều cực lực tán dương [kinh Di Đà]. Trong Di Đà Yếu Giải có câu: *"Trong giáo pháp cả một đời của đức Như Lai, chỉ mình kinh Hoa Nghiêm nói về một đời viên mãn, nhưng cái nhân để viên mãn chỉ trong một đời là ở phần cuối kinh: ngài Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương dẫn dắt hướng về Cực Lạc để khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Nghiêm hải chúng.*

Ôi! Điều kinh Hoa Nghiêm đã dạy lại nằm trọn trong kinh này, nhưng thiên hạ xưa nay tin thì ít, nghi lại nhiều, nói càng nhiều nghĩa càng hao, tôi chỉ còn có cách mổ tim vẩy máu mà thôi!"

Vì thế, ngài Vô Ấn nói: *"Hoa Nghiêm là quảng bản Di Đà* (bản kinh Di Đà nói rộng), *kinh Di Đà là lược bản Hoa Nghiêm* (bản kinh Hoa Nghiêm nói giản lược)". Xem lời của hai vị đại sư ắt biết rằng xem kinh mà thiếu con mắt viên đốn chính là cô phụ ân Phật nhiều lắm!

* Cuối quyển 5 kinh Lăng Nghiêm là chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông, đấy chính là lời khai thị tối thượng của Tịnh tông. Chỉ riêng mình chương này đã có thể sánh cùng bốn kinh tạo thành Tịnh Độ ngũ kinh!

* Sách Tịnh Độ Thập Yếu do đại sư Ngẫu Ích dùng mắt kim cang xem khắp các sách xiển dương Tịnh Độ mà soạn thành một tác phẩm khế lý, khế cơ, chí cực không thể thêm gì được nữa. [Trong sách ấy, cuốn] thứ nhất là Di Đà Yếu Giải do đại sư tự soạn, văn uyên thâm nhưng dễ lãnh hội, lý viên đốn nhưng duy tâm, không gì tuyệt hơn. Hãy nên thường xem, đọc, nghiền ngẫm. Chín cuốn còn lại không cuốn nào lý viên mãn, từ ngữ hay khéo, khế hợp thời cơ sâu xa bằng cuốn Yếu Giải. Dù chưa thể hiểu trọn vẹn mỗi một cuốn, nhưng một phen giở xem khác nào uống thuốc tiên, dần dà lâu ngày, phàm chất ắt thành xác tiên vậy.

* Sách Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chép tỉ mỉ các hạnh nguyện khi tu nhân và công đức khi đã đắc quả của Phật Di Đà, và các việc tự hành dạy người của các vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ... Kế đến là các sự tích vãng sanh của từ Viễn Công (tổ Huệ Viễn), Trí Giả cho đến các đại tổ sư, thiện tri thức đầu đời Thanh; rồi đến sự tích niệm Phật vãng sanh của tỳ kheo ni, vua quan, sĩ thứ, phụ nữ, ác nhân, súc sanh. Lại còn chọn chép cả những ngôn luận thiết yếu ngõ hầu người đọc có căn cứ để chọn lấy pháp, không cách nào nghi ngờ được nữa, bèn noi gương cổ nhân tận lực tu Tịnh nghiệp. So với việc tham phỏng thiện tri thức, đọc sách này lại càng thật sự quan yếu hơn.

* Sách Long Thư Tịnh Độ Văn đoạn nghi khởi tín, bao lượt phân tích, trình bày rành rẽ, chia môn định loại pháp môn tu trì, là cuốn sách hướng dẫn quý bậc nhất của người sơ cơ. Nếu muốn lợi lạc khắp hết thảy, chẳng thể không bắt đầu từ cuốn sách này.

* Sách Pháp Uyển Châu Lâm (gồm một trăm quyển) luận rõ nhân quả, lý - sự cùng nêu, sự tích báo ứng rành rẽ phân minh. Đọc đến không lạnh mà run, dù ở trong nhà kín phòng tối vẫn thường như đang đối diện Phật, trời, chẳng dám nảy sanh chút ác niệm nào. Thượng - trung - hạ căn đều được lợi ích, chẳng đến nỗi vướng mối tệ nhận lầm đường nẻo, chấp lý phế sự, ngả theo thiên tà, cuồng vọng. Như ngài Mộng Đông nói: *"Người khéo bàn tâm tánh ắt chẳng bỏ lìa nhân quả, người tin sâu nhân quả rốt cuộc sẽ hiểu thật rõ tâm tánh"*. Lẽ ấy thế đương nhiên như thế.

Câu nói này của ngài Mộng Đông quả là lời bàn luận cùng tột thiên cổ chẳng sửa đổi được, mà cũng là mũi kim đâm thẳng xuống đỉnh đầu những kẻ cuồng huệ buông tuồng vậy.

* Bộ An Sĩ Toàn Thư giác thế, dạy người tận thiện tận mỹ, bàn đạo luận đức, vượt cổ siêu kim, lời lẽ giản dị nhưng súc tích, lý sâu nhưng dễ hiểu, dẫn những sự tích có chứng cứ đích xác, phát huy tột cùng uyên nguyên những nghĩa luận, đúng là của báu để lưu truyền cho con cháu, mà cũng là bộ kỳ thư để tuyên giảng.

Mỗi lời đều là tâm pháp của Phật, của Tổ, là đạo mạch thánh hiền, là đạo trọng yếu khiến đời yên, dân hiền, là bí phương rạng rỡ, tốt lành. Nếu có thể hành đúng theo sách ấy sẽ nối chí thánh hiền, liễu sanh thoát tử giống như đưa ra giấy cầm đồ để lấy lại vật cũ, sánh với những thiện thư khác được lưu thông trong đời thì có khác nào đem quả núi sánh với đụn đất, biển cả sánh với vũng nước vậy!

An Sĩ tiên sinh họ Châu, tên Mộng Nhân, còn có tên là Tư Nhân, người Côn Sơn, tỉnh Giang Tô, thông hiểu rộng khắp kinh sách của tam giáo (Phật - Nho - Lão), tin tưởng sâu xa vào pháp môn Niệm Phật, đến tuổi nhược quan (chừng 20 tuổi) đi học bèn chán con đường khoa cử, phát Bồ Đề tâm,

soạn sách giác ngộ người đời, ngõ hầu trước là để ai nấy chẳng lầm lỗi, sau là thoát khỏi biển khổ sanh tử.
Vì thế, ông viết cuốn sách khuyên kiêng giết hại đặt tên là Vạn Thiện Tiên Tư, sách giới dâm tên Dục Hải Hồi Cuồng. Ấy là vì chúng sanh tạo nghiệp chỉ hai sự này là nhiều nhất, mà sửa lỗi thì cũng chỉ hai sự này là khẩn yếu nhất. Ông còn soạn Âm Chất Văn Quảng Nghĩa (giảng rộng nghĩa lý bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân) ngõ hầu với mỗi một pháp, ai cũng biết phân biệt đầu mối, đều biết kiêng dè. Sách phê bình, biện luận cùng tột, tinh vi, đáng gọi là bậc công thần của Đế Quân, triệt để bóc trần, phơi bày tất cả cái tâm rủ lòng giáo huấn khiến cho ngàn đời trước, ngàn đời sau cả người giáo huấn lẫn người được giáo huấn không buồn bã, tiếc nuối gì. Ấy là vì tiên sinh kỳ tài diệu ngộ, đã dùng những sự tích thế gian để phát huy những nghĩa lý áo diệu, u vi của Phật, Tổ, khiến cho người nhã, kẻ tục cùng xem, người trí, kẻ ngu cùng hiểu.

Lại vì trong các pháp môn tu hành, chỉ có pháp Tịnh Độ là thiết yếu nhất nên tiên sinh lại soạn cuốn Tây Quy Trực Chỉ để giảng rõ đại sự niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Bởi lẽ, tích đức tu thiện chỉ được phước nhân - thiên, phước hết lại phải đọa lạc. Niệm Phật vãng sanh là dự vào địa vị Bồ Tát, quyết định đạt thành Phật đạo.
Ba cuốn sách đầu tuy dạy người tu thiện nghiệp thế gian, nhưng vẫn gồm đủ pháp liễu sanh thoát tử. Cuốn sách thứ tư tuy dạy người pháp liễu sanh tử, nhưng phải tận lực hành điều thiện thế gian. Thật có thể nói là tiên sinh hiện thân cư sĩ để thuyết pháp độ sanh. Ai bảo tiên sinh chẳng phải là Bồ Tát tái lai, tôi chẳng dám tin.

* Văn bút lẫn nghĩa luận của sách Cảm Ứng Thiên Vựng Biên thảy đều siêu tuyệt, nhưng chẳng được quán thông Phật pháp như An Sĩ Toàn Thư. Ngoại trừ sách An Sĩ Toàn Thư ra, tôi cho rằng cuốn này là hay nhất.

* Sách Cảm Ứng Thiên giảng thẳng [vào vấn đề], là sách do bậc đại thông gia soạn, lời chú giải thuần dùng văn bạch thoại, chỉ đọc qua một lượt, sẽ tự hiểu rõ ý nghĩa. Lúc con cái còn nhỏ, rất nên bảo chúng đọc sách này để nhờ sách này răn dạy con cái mình, tương lai chúng ắt sẽ được thọ dụng chân thật hòng gỡ bỏ mối lo cho mình.

* Sách Cư Sĩ Truyện do tiến sĩ Bành Thiệu Thăng ở Tô Châu soạn vào thời Càn Long. Ông xem khắp các sách vở, chọn lấy những gương đại trung, đại hiếu, thanh cao, chánh trực, liêm khiết, hữu công danh giáo, hiểu sâu Phật pháp từ đời Hán đến nay, ghi chép những sự nhập đạo, tu chứng của họ, và chép cả những câu văn phát huy Phật pháp. Số người được chép lên đến mấy trăm người, chép thành sáu quyển.

* Tam Giáo Bình Tâm Luận do học sĩ Lưu Mật đời Nguyên soạn. Trước hết, sách chỉ rõ tam giáo đều khuyên người dứt ác tu lành, chẳng nên phế

một giáo nào. Tiếp đó, sách luận rõ công dụng cùng cực của từng giáo sâu cạn bất đồng. Cuối cùng sách đả phá sạch những thuyết của Hàn Dũ, Âu Dương, Trình, Chu.

* Thích Thị Kê Cổ Lược chép theo năm tháng các đời, ghi sự tích của Thích Nho thành từng mục. Từ Phục Hy cho đến cuối đời Minh, quốc gia thái bình hay loạn lạc, Phật pháp hưng thịnh hay suy vong, tội do hủy báng, phước do tin tưởng, lợi ích do tu trì, pháp ngữ của tổ sư, hạnh chân thật của chư Tăng, và những kẻ trung thứ lỗi lạc, kẻ gian ác cùng cực đều chép tỉ mỉ cả khiến cho ai nấy giở xem liền biết pháp giới, ngồi ngay ngắn xem khắp cổ kim, há phải đâu chỉ có ích cho riêng người tu đạo, mà còn là của báu kỳ lạ trong tay áo của những ai đọc sách để luận cổ suy kim nữa!

* Nếu đã có tín tâm, hãy nên đọc các sách Tịnh Độ. Nếu chẳng thể đọc nhiều thì chọn lấy cuốn sách dễ hiểu, nghĩa lý rộng rãi nhất như cuốn Kính Trung Kính Hựu Kính (trong các con đường tắt nhất, lại là con đường tắt hơn nữa). Cuốn sách này thâu thập yếu nghĩa của các nhà, phân môn chia loại, khiến người xem đến chẳng phí sức nghiên cứu, tìm đọc mà ngộ thẳng vào chỗ yếu diệu, cốt tủy của Tịnh Độ. Đối với kẻ sơ cơ, sách này có lợi ích rất lớn.

* Cao Tăng Truyện quyển 1, 2, 3, 4; Cư Sĩ Truyện, Tỳ Kheo Ni Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều ghi chép lời lẽ tốt lành, hành vi cao đẹp của chư cổ đức. Xem đến ắt sẽ nảy lòng vui mừng ngưỡng mộ, trọn chẳng đến nỗi mắc lỗi được chút ít đã cho là đủ, cam phận kém hèn.

Hoằng Minh Tập, Quảng Hoằng Minh Tập, Đàm Tân Văn Tập, Chiết Nghi Luận, Hộ Pháp Luận, Tam Giáo Bình Tâm Luận, Tục Nguyên Giáo Luận, Nhất Thừa Quyết Nghi Luận đều là những sách hộ trì giáo pháp. Đọc đến chẳng những không bị tà ma, ngoại đạo mê hoặc, lại còn phá tan được thành lũy tà kiến của chúng nữa. Các sách này đọc đến sẽ khiến cho chánh kiến kiên cố, chúng có thể dùng để chứng tỏ, soi sáng kinh giáo. Chớ bảo là "cứ nhất tâm đọc kinh, chẳng thèm dòm dõi gì đến những sách ấy". Cái tri kiến sai biệt ấy nếu không đả thông được, khi gặp địch rất có thể bị chuốc lấy nhục vậy!

* Sách Mộng Đông Ngữ Lục do cư sĩ Tiền Y Am trích tuyển những câu nói chuyên dạy về Tịnh Độ trong Mộng Đông Di Tập soạn thành, lưu truyền ở phương Nam ngõ hầu đáp ứng nỗi hận đã lâu của những người vô duyên hội ngộ. Toàn tập thì có ở Bắc kinh, nhưng ở phương Nam chỉ có lược bản này. Sách này văn từ, nghĩa lý tinh diệu, là trước tác đáng xếp hạng nhất sau sách của các vị Ngẫu Ích, Tỉnh Am.

* Ngài Mộng Đông nói: *"Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật"*. Mười sáu chữ này là đại cương tông của pháp môn

Niệm Phật. Một đoạn khai thị này tinh vi, thiết thực đến cùng cực, hãy nên đọc kỹ.
Toàn bộ sách Mộng Đông Ngữ Lục văn từ, nghĩa lý chu đáo, đích thật là kim chỉ nam trong Tịnh tông. Nếu còn muốn đọc thêm nữa thì cuốn Di Đà Yếu Giải của Ngẫu Ích lão nhân, đúng là một tác phẩm hướng dẫn tốt ngàn đời chỉ có một.
Nếu có thể một lòng hành theo hai cuốn sách này sẽ chẳng cần phải nghiên cứu hết thảy kinh luận nào nữa. Nếu thường xem ba kinh Tịnh Độ và các sách như Tịnh Độ Thập Yếu v.v... ngửa tin lời chân thành của Phật, của Tổ, phát lòng tin chân thành, phát nguyện thiết tha, dùng lòng chí thành cung kính trì danh hiệu Phật, dù ở trong nhà tối phòng kín vẫn như đang đối trước Phật, trời, khắc kỷ giữ lễ, thành thật, cẩn thận, e dè, chẳng giống như những kẻ trong đời hiện tại trọn chẳng câu thúc, phóng túng không biết e sợ gì. Quang tôi dù còn là phàm phu sanh tử, vẫn dám bảo đảm ngay trong đời này các hạ sẽ giã biệt Sa Bà, cao dự hải hội, tự làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn hiền của các vị đại sĩ.
* Có các sách Tịnh Độ, các giáo nghĩa Tịnh Độ như thế, phải nên hiểu biết trọn vẹn; dù chẳng đọc khắp các kinh cũng chẳng bị khiếm khuyết chi! Còn như chẳng biết đến pháp môn Tịnh Độ, dẫu thâm nhập nghĩa lý mọi kinh, triệt ngộ tự tâm lại toan liễu sanh thoát tử thì chẳng biết phải mất mấy đại kiếp mới mãn được nguyện ấy! Chẳng biết đến món thuốc A Già Đà (Hán dịch là Đối Trị, trị được hết thảy các bệnh) trị chung vạn bệnh này thật đáng đau buồn thay! Biết nhưng không tu, hoặc tu nhưng chẳng chuyên chí lại càng đáng đau tiếc hơn nữa!

---o0o---

PHẦN TĂNG BỔ

1.Thư Gởi Sài Dã Ngu

(Lá thư này vốn không có trong Văn Sao, nhân vì người đời thường đối với những nghĩa như mê - ngộ, chúng sanh - Phật, cuồng - thánh v.v... khởi nghi nên kèm thêm thư này để giải trừ những mối nghi ấy)

Ai cũng có thể trở thành Nghiêu, Thuấn, ai cũng có thể thành Phật. Nhưng thánh thất niệm cuồng, cuồng chế ngự được niệm ắt sẽ thành thánh. Mê thì Phật thành chúng sanh, ngộ thì chúng sanh tức là Phật. Xét lẽ ấy, mấu chốt ở tại nơi ta. Vì thế, trên phải ngưỡng mộ chư thánh, dưới phải trọng tánh linh của mình, dè dặt kinh sợ, phấn chí tu trì, đôn đốc luân thường, tận hết bổn phận, các điều ác đừng làm, vâng làm các điều thiện, sáng dậy tối

ngủ chẳng nẩy sanh điều gì đáng thẹn. Làm được như thế chính là làm thánh, làm hiền, chẳng điếm nhục, ô uế trời đất.
Lại còn sanh lòng tín nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương để mong tự chứng được Phật tánh sẵn có, viên thành vô thượng Bồ Đề mới thôi. Đại trượng phu sanh trong thế gian nếu chẳng biết đại thể, chỉ biết đắm đuối ăn uống, nam nữ, tham cầu sắc thanh, của cải, lợi lộc thì có khác gì dị loại đâu? Nỡ nào để cái tánh có khả năng làm được Nghiêu, Thuấn, có thể thành Phật bị luân hồi trong lục đạo bao kiếp dài lâu, chịu đủ mọi nỗi khổ cùng cực, chẳng đáng buồn ư?
Ngươi đã phát tâm quy y Tam Bảo thì phải lấy việc niệm niệm đối trị phiền não làm gốc, ngăn tà, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, cải ác tu thiện, trọn hết bổn phận, luân thường, chuyên tu Tịnh nghiệp, tự hành, dạy người, ngõ hầu trong là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, ngoài là thân thích, bạn bè, láng giềng chòm xóm cùng được gội ân giáo hóa của Phật, cùng thành thiện nhân mới chẳng uổng phí cái đời này, chẳng uổng duyên gặp gỡ này.
Sách Trung Dung nói: *"Ai cũng bảo mình là người trí, nhưng cứ bị xua vào, vướng vào lưới rập, hầm bẫy, chẳng ai biết tránh cả"*. Là vì chỉ biết hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, chẳng biết hồi quang phản chiếu, nên mới mắc hại như thế. Nếu có thể phản chiếu tự tâm, ngầm vận dụng trí ngõ hầu tự chiếu ắt sẽ có thể học thánh, học hiền, học Phật, học Tổ, ắt lúc sống đã dự vào cảnh giới thánh nhân, mất đi liền sanh về cõi nước Cực Lạc. Đấy là những điều Quang tôi vì ông mệnh danh là "đại ý".

Thêm nữa, chỉ vì thánh mất niệm thành cuồng, cuồng chế ngự được niệm sẽ thành thánh, mê thì Phật thành chúng sanh, ngộ thì chúng sanh chính là Phật. Nếu chẳng khéo hiểu bốn câu này rất có thể đến nỗi sanh nghi, luận bàn lầm lạc. Nay tôi sẽ giải thích sơ lược.
Thứ nhất, nói Thánh hay Phật đều là ước theo bản thể của tự tâm mà nói, chứ chẳng phải đã thành Phật hay thành thánh. Tiếp đó, "mất niệm", "chế ngự được niệm", "mê - ngộ" đều là nói người ấy nghịch hay thuận, có tu luyện, gìn giữ hay không. Cuối cùng, "thành cuồng", "thành thánh", "thành chúng sanh", "chính là Phật" là nói đến hiệu quả của việc nghịch thuận, tu trì, gìn giữ.
Nếu chẳng hiểu "thành Phật, thành thánh" là nói về bản thể, ắt sẽ lầm tưởng mình đã thành Phật, thành thánh, cũng như hiểu lầm "thành cuồng", "thành chúng sanh" sẽ có hại rất lớn. Bởi thế, tôi chẳng thể không giảng sơ lược cho ông hiểu về điểm này. Những điều khác xin đọc kỹ Văn Sao ắt sẽ tự biết.

---o0o---

2. Thư Phúc Đáp Du Huệ Úc, Trần Huệ Sưởng

Nghiệp chướng sâu nặng, bẩm chất ngu tối, may được nghe pháp môn Tịnh Độ nên được quy y dưới tòa, chỉ còn biết tận lực tuân thủ lời giáo huấn già giặn chắc thật của thầy tôi để mong chóng liễu sanh tử, chẳng phụ tấm lòng đau đáu của thầy. Đã là Phật tử, ắt phải phát tâm tự độ độ người. Nay các đệ tử chưa tự độ được mình, còn nói gì độ người, nhưng khi gặp thân hữu phải phương tiện khuyên họ tin tưởng, đấy cũng là phận sự của chính mình vậy.

Thường thấy có hai hạng người kiến giải hoặc lời lẽ đều khiến mình lầm, khiến người khác lầm chẳng phải ít;

a) Một hạng cho rằng: Phật vô dục, kinh A Di Đà lại nói đến các thứ vàng, chất báu, dường như vẫn là dục vọng, chẳng bằng kinh Kim Cang "hết thảy đều không" thật cao siêu huyền diệu. Bởi thế, miệt thị pháp môn Tịnh Độ, chẳng sanh lòng tin. Hạng người này chẳng hiểu ý nghĩa hai kinh Kim Cang và Di Đà nên cứ chấp theo ý mình mà loạn đạo.

b) Hạng thứ hai cho rằng Phật dạy con người thấy rõ bản tánh của hết thảy các pháp, cớ sao chính mình lại khởi lòng tham dục? Sao chúng ta lại phải khổ sở bỏ đi cái thật sự có trước mắt để mong cầu chuyện vu vơ sau khi chết? Đây là hạng người chấp trước tà kiến, mặc tình báng Phật, báng Pháp.

Hai hạng người này tuy phẩm vị có cao thấp [khác nhau] nhưng đều tà kiến hệt như nhau, đều tự lầm, lầm người giống hệt nhau. Các đệ tử phải tận lực bảo họ các thứ cảnh giới Tây Phương đều là thật tướng trang nghiêm do công đức của Phật A Di Đà hóa hiện, là quả báo để hưởng thọ phước đức tự tại, chẳng giống với đời ngũ trược do nghiệp lực cảm thành.

Huống nữa, tất cả mọi thứ trong cõi Sa Bà đều là khổ, không, vô thường, nên phải buông bỏ chúng để cầu lấy những cái thật. Lời lẽ của kẻ ngu này (tổ Ấn Quang tự xưng) dù chẳng trái nghịch chánh lý, vẫn chẳng thể phát khởi chánh tín nổi. Nghĩ lại thầy tôi, tất cả ngôn luận của ngài đều như mặt trời rực rỡ, không tối tăm nào chẳng chiếu tỏ được; đành xin mượn mấy lời trong sách để phá mối tà kiến này.

Thư các vị gởi tới có nhắc đến hai loại tà kiến này, ấy là dùng tri kiến phàm phu để suy lường cảnh giới Như Lai, giống như Khổng Tử nói "thích thực hành trí huệ nhỏ nhoi" hay như Mạnh Tử bảo là "tự mình bỏ phí". Hạng người ấy vốn chẳng có tư cách giá trị gì để đàm luận, nhưng Phật từ rộng lớn chưa từng bỏ bất cứ loại người nào, nên chẳng ngại gì lập bày phương tiện để đánh thức cơn mơ ngủ của chúng.

Do Phật trọn chẳng có tâm tham nên mới cảm được các báu trang nghiêm. Phàm những sự hóa hiện đều là những cảnh giới trang nghiêm thù thắng chẳng cần phải tốn sức người trù tính, lo liệu, cảnh giới phàm phu của thế giới Sa Bà há sánh được ư?

Ví như người từ thiện hữu đức, tâm địa hành vi thảy đều chánh đại quang minh nên tướng mạo cũng hiện vẻ tươi sáng, hiền từ, rạng rỡ. Cố nhiên họ chẳng có tâm mong cầu dung nhan tướng mạo đẹp đẽ nhưng tự nhiên được đẹp đẽ. Người tạo nghiệp tâm địa cáu bẩn, ô uế, hung ác, nên diện mạo cũng tăm tối, dữ dằn theo. Cố nhiên họ chỉ muốn vẻ mặt mình đẹp đẽ, khiến người khác tưởng mình là thiện nhân chánh đại quang minh, nhưng vì tâm địa chẳng lành dù có muốn thế cũng chẳng được.
Đấy là ước theo con mắt của phàm phu, chứ trong mắt quỷ thần, họ sẽ thấy thiện nhân thân có quang minh. Quang minh lớn hay nhỏ tùy thuộc người ấy đức lớn hay nhỏ. Quỉ thần thấy người ác thân có các tướng hắc ám, ác bạo... tướng ấy lớn hay nhỏ cũng do kẻ đó ác nhiều hay ít mà hiện.
Kẻ [tà kiến] kia bảo kinh Kim Cang là không, chính là chẳng hiểu kinh Kim Cang chỉ phát minh lý tánh chứ chưa luận đến quả báo do chứng được lý tánh. Sự trang nghiêm nơi cõi nước Thật Báo không chướng ngại chính là quả báo rốt ráo đạt được của kinh Kim Cang. Phàm phu nghe đến ắt sẽ ngờ vực làm sao có chuyện ấy được.
Kinh Kim Cang nhằm dạy kẻ trai gái lành phát Bồ Đề tâm nhưng chẳng trụ tướng, mà lại muốn độ hết chúng sanh. Dù độ vẫn chẳng thấy mình là người độ, chúng sanh là kẻ được độ, cũng chẳng thấy có pháp Niết Bàn rốt ráo để đạt được. Đó gọi là "vô sở trụ nhi sanh tâm", đã đạt vô sở đắc mà thành Phật; há nên bảo đức Phật được thành và cõi nước ngài trụ trong kinh Kim Cang cũng chỉ giống như cảnh giới ngũ trược ác thế này ư? Cũng chỉ là rỗng tuếch chẳng có được một vật gì ư?
Cõi Phật thanh tịnh, người ta một phen được nghe đến thân tâm liền thanh tịnh, thế nhưng kẻ kia lại bảo là tham dục, thì gã đó chỉ là giòi tửa sống trong hầm xí, tự khoe mình thơm tho, sạch sẽ, chê chiên đàn là hôi thối, chẳng mong lìa khỏi hầm phân đó để ngửi được mùi thơm này!
Lũ Đạo Chích[62] tụ tập cả mấy ngàn đứa, hoành hoành trộm cắp trong thiên hạ, lại tự khoe mình là hạng có đạo đức, thống trách vua Nghiêu bất nhân, vua Thuấn bất hiếu, vua Vũ dâm dật, vua Thang, Châu Võ Vương bạo loạn, chê Khổng Tử là ngụy, là vô đạo; tri kiến của chúng có khác gì hai hạng người tà kiến ấy đâu?

Lại như gần đây, có kẻ phế kinh, phế hiếu, phế cả luân thường, trần truồng đi lại, cho đó là bẩm thọ đức tự nhiên của trời đất, chẳng nhọc lòng tạo tác. Nhưng nếu Hạ đã đua nhau lõa lồ, sao Đông về lại chẳng trần truồng nữa? Bảo là bẩm thọ tự nhiên, chẳng cần phải tạo tác, sao lại phải đào giếng, cày ruộng, dệt vải mới hòng có cái ăn cái mặc, chẳng phải là tạo tác đó ư?
Kẻ ác phá hoại, ngăn trở người khác làm lành thường như thế. Họ cứ bảo "làm lành phải vô tâm, nếu hữu tâm thì chẳng phải là làm lành thật sự"! Nhưng thánh hiền tự cổ không ai chẳng sáng lo chiều lắng, dè dặt, cẩn thận

như vào nơi vực sâu, như đi trên băng mỏng, chẳng phải là hữu tâm ư? Nói chung, hạng người ấy ý chỉ muốn coi không tu trì là cao thượng, nên mới đề ra luận thuyết mù lòa cực hạ tiện như thế, tự huyễn mình là bậc hiểu lý, mong người coi mình là bậc cao minh, là đại thông gia, là chân danh sĩ, chẳng hề biết toàn thân đang ở trong hầm phẩn. Trừ những kẻ có cùng tri kiến, nào ai chấp nhận những lý lẽ ấy đâu!

---o0o---

3. Thư Phúc Đáp Cư Sĩ Ngu Tăng

Một việc phóng sanh vốn là để cảm phát cái tâm kiêng giết, cứu vật cho đồng nhân, thực hành tâm trắc ẩn bất nhẫn đó thôi. Thế nhân phần nhiều tâm hạnh khác nhau, dù chẳng thể khiến cho mọi người đều cảm động, nhưng nếu cảm động được một người thì cả đời người ấy đã bớt giết cả mấy ngàn sanh mạng, huống hồ nào phải chỉ có mỗi một người thôi đâu!

Còn như ông bảo cá lớn nuốt cá bé, dù có thả nó xuống sông sâu cũng khó cứu nó thoát nạn lưới chài. Điều suy nghĩ ấy tựa hồ hữu lý, nhưng thật ra là trở ngại thiện niệm, hỗ trợ sát nghiệp của người khác! Người ấy may mắn làm thân người, may ra chẳng đến nỗi thân bị giết hại nên mới lý luận vô lý như thế, toan dùng cái trí của mình ngăn trở việc phóng sanh.

Nếu như họ bị vướng chài và là các sanh mạng sắp bị giết, nhất định họ sẽ chẳng khởi lên các tưởng niệm như thế, chỉ mong có ai cứu lấy mạng sống của mình, quyết chẳng có ý niệm "không mong được người khác cứu, chỉ sợ sau này lại bị con vật khác ăn mất, bị người khác bắt được, chỉ mong cam tâm bị giết để sau này khỏi bị mắc các nạn ấy nữa". Dù lúc ấy có ý niệm như thế đi nữa, vẫn chẳng đáng để bàn cãi; huống hồ trong lúc ấy vạn vạn phần chẳng thể nghĩ tưởng như thế được!

Kẻ nào nhằm lúc mình chẳng bị dính dấp đau đớn gì bèn ngăn trở thiện niệm của người khác, nói những lời khơi động sát cơ cho người khác như thế, mà nếu đời sau chẳng thọ báo thì nhật nguyệt sẽ mọc ngược, trời đất sẽ bị đảo lộn! Có nên thốt lời xằng bậy chăng?

Dĩ nhiên có chuyện cá lớn nuốt cá nhỏ, thả ra rồi lại bị bắt cũng chẳng phải là không thể có, nhưng nói cá lớn ăn sạch cá nhỏ không còn sót gì, quyết chẳng có lẽ ấy! Được thả rồi lại bị người khác bắt sạch hết cũng quyết chẳng có lẽ ấy! Cần chi phải lo quá như thế? Ví như cứu giúp người bị nạn, nếu cho một manh áo, hoặc cho một bữa ăn cũng có thể giúp cho người ấy chẳng đến nỗi phải bị chết ngay, nhưng lại cứ đối trước người ấy bảo: "Một manh áo, một bữa cơm này sao có thể khiến người ấy no ấm suốt đời được? Có

cho cũng chẳng lợi ích gì, chẳng thà mặc cho kẻ đó đói lạnh đến chết ắt kẻ ấy chẳng phải chịu đói lạnh dài lâu!"
Lại như cường đạo cướp giật người khác, kẻ có sức mạnh ra tay chống cự, ngăn trở, kẻ kia bèn bảo: "Nếu ông có thể chống cự, ngăn trở kẻ cướp cả đời mới thật là tốt, còn như chỉ chống cự, ngăn trở một lúc thì rốt cuộc có ích lợi gì đâu? Chẳng thà mặc cho nó cướp hết sạch đi, sau này mới khỏi bị cướp nữa thì tốt hơn!" Đối với con cái, cha mẹ thường chăm sóc, nuôi nấng, nhưng mẹ hiền chẳng thể chăm sóc thân đời sau của con; kẻ kia bèn bảo: "Đã chẳng thể chăm sóc, nuôi nấng thì chẳng bằng giết phứt nó đi, chẳng tốt hơn sao?"
Quân tử tu đức chẳng vì điều thiện nhỏ bèn không làm, chẳng vì điều ác nhỏ mà làm. Kẻ kia cứ muốn muôn sự chẳng sai suyển điều gì mới chịu hành phóng sanh, tức là muốn cho thế nhân suốt cả đời chẳng làm những việc phóng sanh, kiêng giết. Tương lai khi kẻ ấy sắp bị chết, cả vạn người không có lấy một ai cứu cho. Đau thay, buồn thay; chẳng đặng đừng phải dài dòng phân giải!

---o0o---

4. Thư Phúc Đáp Cư Sĩ Thiệu Huệ Viên

Hôm qua nhận được thư ông gởi đến, trong xóm ông có ông Phan Trọng Thanh ở Trương Gia Khẩu gởi thơ muốn được quy y. Người này tánh tình chân thành, chất phác, cũng có học vấn. Ông ta đã phát tâm thì Quang tôi cũng chỉ tùy duyên.
Nay tôi đặt pháp danh quy y cho ông ta là Huệ Thuần, bởi hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, tức là đều có Phật huệ; nhưng vì bị tham, sân, si v.v... xen tạp nên Phật huệ bị trở thành tri kiến chúng sanh. Nay đã biết vốn sẵn đủ Phật huệ thì đối với tất cả những điều nghĩ ngợi, móng niệm, xử sự thảy đều kiểm điểm, chẳng cho những tri kiến tham, sân, si... phát sanh.
Lại còn phải dùng lòng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, kiêng giết, phóng sanh, yêu tiếc tánh mạng loài vật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tự hành, dạy người cùng tu Tịnh nghiệp thì trí huệ ấy sẽ dần dần thuần. Nếu giữ được như vậy chẳng để mất, vãng sanh Tây Phương thì huệ ấy càng dễ thuần, đến khi phiền não hết sạch, phước huệ viên mãn là huệ đã thuần đến cực điểm bèn viên thành Phật đạo.
Thế nhân hay lầm tưởng mình có trí huệ, chẳng biết rằng trí huệ đó là vàng còn trong quặng, trọn chẳng sử dụng được, cần phải nung luyện cho tiêu sạch hết mọi tạp chất thì mới có ích. Đại ý như thế, mong hãy dốc chí!

Người học Phật tận lực thực hành nhiệm vụ. Nay thế nhân đa phần miệng lưỡi nhanh nhạy, ăn nói hay ho, bóng bảy, trong bụng thối nát, vô ích, thật đáng buồn!

---o0o---

5. Thư Gởi Cư Sĩ Vương Tâm Thiền

Mẹ ông đã có thể niệm Phật thì hãy bảo các nàng dâu giúp mẹ niệm Phật. Lại nên khuyên bà ăn chay trường để trợ thành đạo nghiệp cho mẹ mới là hiếu. Nếu cứ nghĩ niệm Phật chỉ sợ tổn hao tâm lực, ăn chay sợ chẳng đúng phép vệ sinh mới là hiếu thì lòng hiếu ấy khác gì con La Sát cái yêu người đâu.

Hiếu như vậy phá hoại đạo nghiệp của mẹ, chẳng làm cho mẹ được liễu sanh thoát tử, trái lại còn khiến mẹ ở mãi trong sanh tử. Hiếu như vậy là đã xô người xuống giếng, còn quăng thêm đá nữa, khiến cho mẹ chẳng được siêu sanh, luân lạc bao kiếp. Dù là hiếu nhưng chẳng biết hiếu đúng cách lại hóa thành ngỗ nghịch.

Ông lo việc công, về hình dáng bất tất phải làm ra vẻ tu trì, nhưng trong lòng chẳng thể thường nghĩ nhớ hay sao? Nếu ông nhớ mẹ, ai cấm trong tâm ông thường nhớ đến mẹ? Ông tự thốt lên những lời trở ngại ấy nhưng toàn là luận về mặt hình tích, nào phải là luận trên phương diện tâm địa? Hiện tại thời cuộc nguy ngập như thế, nếu trong tâm vẫn chẳng chịu thầm niệm Phật thì chuyện tương lai chẳng biết phải giải quyết như thế nào!

Ông đọc Văn Sao, Gia Ngôn Lục, nhưng những điều nói trong các sách ấy vẫn chưa đủ để xóa tan được lòng nghi nên tôi lại phải dùng một tờ giấy với vài trăm chữ để an ủi, vỗ về, đều là do ông thường ngày chẳng chịu suy xét, nghiền ngẫm mà ra cả. Ông hãy nên đem lòng hiếu đúng đắn để dạy các cô con dâu, thường mật niệm tự hành thì lợi ích rất lớn. Mong ông hãy hạ cố xét kỹ thì thật là may lắm vậy!

Liên Trì đại sư nói: *"Cha mẹ lìa được trần cấu, đạo làm con mới được thành tựu"*. Vì thế, sau khi cha mẹ đã mất, phận làm con đều phải nên chí thành niệm Phật ngõ hầu cha mẹ chưa được vãng sanh sẽ được vãng sanh, vãng sanh rồi sẽ liền cao thêm phẩm vị. Điều ấy phù hợp với ba thứ phước Tịnh nghiệp dạy trong Quán Kinh, thành tựu đạo hiếu thế gian và xuất thế gian vậy []

Ấn Quang Gia Ngôn Lục hết
(dịch xong ngày 27 tháng 03 năm 2004)

---o0o---

Hết

[1] . Nhược quan: là 20 tuổi. Thời cổ, con trai đến 20 tuổi làm lễ đội mũ (nhược quan), công nhận là một người trưởng thành. Theo Ấn Quang Niên Phổ, đại sư trốn nhà đi xuất gia năm 21 tuổi, vào năm Quang Tự thứ 7 (Tân Tỵ - 1881) tại chùa Nam Ngũ Đài Liên Hoa Động Tự ở núi Chung Nam, thờ hòa thượng Đạo Thuần làm thầy.

[2] . Khánh hạnh: mừng rỡ, nhận biết là mình may mắn mới gặp được việc gì đó.

[3] . Thượng thổ hạ tả: trên thì ói, dưới thì tiêu tiện không kiểm soát được.

[4] . Tại Đài Loan, chư Tăng không được miễn quân dịch. Toàn bộ tăng sĩ trẻ phải nhập ngũ, thi hành quân dịch một thời gian, trước khi được trở về chùa tu tiếp.

[5] . Tam luân không tịch: Bố thí mà không thấy mình đang cho, không thấy có người nhận, không thấy có vật được mình bố thí.

[6] . Trung quốc: ở chính giữa đất nước, hoặc những vùng văn minh, không sanh nơi biên cương, mọi rợ.

[7] . Lục tức thành Phật: Lục tức là xứng lý, danh tự, tương tự, phần chứng, cứu cánh, quán hạnh. Tức là thành Phật đi từ mặt lý đến thực chứng. Chẳng hạn như: Xứng lý tức thành Phật nghĩa là chúng sanh ai cũng sẵn Phật tánh, nên về mặt lý, chúng sanh đều là Phật. Khi nhận hiểu rằng ai cũng có Phật tánh, tin chắc không nghi nhưng chưa đoạn được phiền não, chưa chứng đạo quả, thì chỉ là danh tự tức thành Phật. Khi khởi công tu tập, đoạn dần phiền não thì gọi là quán hạnh tức thành Phật...

[8] . Tức là kệ tán Phật A Di Đà: A Di Đà Phật thân kim sắc....

[9] . Nguyên văn là “tân lương” (bến và cầu), nghĩa bóng là những hướng dẫn chỉ nam

[10] . Khai Tích hiển Bổn: Bổn là bản thể, Tích là hình tướng thị hiện. Ví như mặt trăng là Bổn, bóng trăng hiện trong các chỗ có nước là Tích. Khai Tích hiển Bổn là chỉ dạy về Pháp Thân, chỉ rõ Ứng Thân. Chẳng hạn trong hội Pháp Hoa, phẩm Như Lai Thọ Lượng, Đức Phật chỉ rõ thân thuyết pháp trong cõi Sa Bà, thọ tám mươi tuổi là ứng thân thị hiện để dẫn dụ chúng sanh về đạo Nhất Thừa, chứ pháp thân của Phật thường trụ bất hoại. Cũng như không riêng trong cõi Sa Bà, Phật còn thị hiện trong nhiều thế giới khác nhau, dùng nhiều danh hiệu khác nhau để hóa độ chúng sanh.

[11] . Nguyên văn là “minh linh” (một loại sâu cắn lúa). Dịch là nhện để thuận theo câu ca dao “tò vò mà nuôi con nhện...”. Thật ra, tò vò bắt các loài sâu hay nhện, tiêm nọc cho chúng mê đi, nhưng vẫn sống, rồi bỏ vào ổ có chứa

trứng tò vò con để làm mồi cho con. Ở đây, Tổ dùng ví dụ này để thuận theo cách hiểu của thế gian.

[12] . Dương diệm (mirage): ảo ảnh do sức nóng hay ánh nắng soi lên các lớp không khó lạnh và nóng khác nhau tạo thành.

[13] . Đăng Địa Bồ Tát: còn gọi là Địa Thượng Bồ Tát, bậc Bồ Tát đã chứng từ Sơ Địa trở lên.

[14] . Đầu gã Diễn Nhã: trong kinh Lăng Nghiêm có nhắc đến một người tên là Diễn Nhã, soi gương thấy mặt mình, bèn sanh vọng tưởng là đầu của ai đây, đầu của mình ở đâu, rồi đâm ra phát cuồng.

[15] . Chước: một phần trăm của thăng (ta thường dịch là thưng), đơn vị đo dung lượng rất nhỏ. Mười chước là một cáp (ta thường dịch là một "lẻ"). Một thưng gần bằng một lít (Tàu gọi litre là "công thăng"). Như vậy, có thể tạm hiểu một chước gần bằng một centilitre.

[16] . Đả thất: tham dự Phật thất cùng với đại chúng, hay tự mình kết thất để niệm Phật hay tọa thiền, trì chú v.v... Một thất là bảy ngày.

[17] . Tái lai: sanh lại trong nhân gian.

[18] . Cách vật trí tri, minh minh đức: Hiểu theo nghĩa thông thường, "cách vật trí tri" nghĩa là nghiên cứu mọi sự nhằm hiểu rõ lý lẽ (vì thế, trước đây những môn nghiên cứu khoa học tự nhiên hay gọi là Cách Trí). Nhưng tổ Ấn Quang hiểu hơi khác. Trong pháp thoại tại Tức Tai Hộ Quốc ở Thượng Hải, Tổ đã giảng như sau: "Họ (chỉ bọn Tống Nho) bảo "trí tri" là suy xét tri thức của mình đến cùng cực, "cách vật" là hiểu cùng tận cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ; nào hay "vật" chính là tư dục trong tâm mình. Do có tư dục nên tự tâm bị chướng ngăn; bởi thế, tâm vốn sẵn đủ chơn tri nhưng không cách nào hiển hiện được. "Cách trừ" (hiểu biết và trừ khử) được tư dục thì chơn tri sẵn có sẽ tự hiển hiện. Hễ chơn tri đã hiển thì tâm sẽ chánh, ý sẽ thành!"

[19] . Tạo vật: đối với người Tàu, Tạo Vật đồng nghĩa với Tạo Hóa. Không như trong thần học Công Giáo, Tạo Hóa (creator) là Chúa Trời, còn tạo vật là những vật được Chúa tạo ra (creature).

[20] . Nguyên văn: "Kiến tiên triết ư canh tường, thận độc tri khâm ảnh". Canh tường là điển tích nói về vua Ngu Thuấn do hâm mộ đức hạnh của vua Đường Nghiêu nên trong suốt ba năm ăn canh thấy bóng vua Nghiêu hiện trong bát canh, ngồi thấy bóng vua Nghiêu hiện trên tường. Đời sau thường dùng chữ "canh tường" để chỉ lòng cung kính, chí thành đến cùng cực. "Thận độc" là ở một mình, hành vi luôn dè dặt, chẳng cẩu thả. "Khâm ảnh" là bóng chiếc áo, lấy từ thành ngữ "khâm ảnh vô quý" (chẳng thẹn với bóng áo). Như vậy "thận độc khâm ảnh" ngụ ý hành vi luôn cẩn thận, nghiêm cung, không hề phải hổ thẹn với ai, dù ngay cả với bóng của chính mình.

[21] . Ngũ suy: Năm tướng suy: 1. Hoa trên đầu héo 2. Y phục nhơ nhớp 3. Đổ mồ hôi nách 4. Thân hình hôi thối 5. Không ưa ngồi trên tòa.Mỗi khi năm tướng ấy hiện là điềm báo trước vị trời ấy khi mạng chung sẽ bị đọa lạc.

[22] . Bổn địa: là ứng với Tích Hóa mà nói. Bổn là gốc, là Pháp Thân, Tích là sự hóa hiện để hóa độ chúng sanh. Bổn địa là nói đến sự chứng ngộ thật sự của Ngài.

[23] . Truy tiến: làm các công đức hồi hướng cho người đã quá vãng.

[24] . Đảnh thánh, nhãn sanh thiên... là thuyết cho rằng khi người chết, căn cứ vào chỗ nào còn giữ được hơi nóng, sẽ biết được người chết sanh về đâu, như đảnh đầu nóng sẽ sanh vào cõi thánh, nóng ở mắt sanh vào cõi trời v.v...

[25] . Phóng thí: đánh trung tiện (break wind, passing gas).

[26] . Tự bình: những bức thư họa, hoặc chữ viết trên quạt, trên giấy, trên lụa để phô diễn tài thư pháp.

[27] . Tọa hạ: tiếng tôn xưng người khác, thường dùng để gọi người có chức vụ.

[28] . Ý nói: đọc kinh không thành kính chỉ có âm điệu nhịp nhàng như thợ rèn thổi bễ, đánh các pháp khí làm lễ nhưng chẳng thành kính khác gì người giã gạo, cứ nhịp chày đều đều cho xong việc.

[29] . Liệt Quốc là thời gian kể từ khi Châu U Vương (Cơ Cung Niết) lên ngôi năm 781 trước Công Nguyên cho đến khi Tần Thủy Hoàng Đế (Doanh Chính) gồm thâu lục quốc, thống nhất Trung Nguyên vào năm 221 trước CN. Thời này, các chư hầu đánh lẫn nhau, tranh nhau xưng bá nên còn gọi là thời Xuân Thu Chiến Quốc (từ năm 781 trước CN đến năm 476 trước CN là thời Xuân Thu, từ năm 475 đời Châu Nguyên Vương trở đi, chỉ còn sáu nước lớn (Tần, Triệu, Hàn, Yên, Tề, Sở, Tấn) tranh giành lẫn nhau nên gọi là thời Chiến Quốc). Tuẫn táng là hình thức chôn sống hay giết rồi chôn những người tùy tùng, ái thiếp trong lăng mộ của các bậc đế vương, công hầu.

[30] . Chỉ hoàng đế. Vua ngồi trên ngai, quay mặt về hướng Nam, tự xưng là Trẫm. Thời cổ, Trẫm là tiếng thông dụng để tự xưng. Sau này, Tần Thủy Hoàng cấm ngặt người khác tự xưng là Trẫm. Các đời vua sau này, cũng bắt chước xưng là Trẫm.

[31] . Hiểu theo quan điểm Nho gia, những điều này có nghĩa là nghiên cứu sự vật để hiểu thấu tận cùng lý lẽ, tu dưỡng thân, giữ cho trong nhà yên vui, thuận thảo, giúp ích cho đất nước, làm cho thiên hạ thái bình, làm sáng tỏ cái đức sáng, đạt được đạo tốt lành.

[32] . Nguyên văn: “Lương thượng chi quân tử” (kẻ quân tử ở trên xà nhà) là thành ngữ chỉ kẻ trộm.

[33] . Quan, quả, cô, độc: quan là góa vợ, quả là góa chồng, cô là không cha mẹ, độc là không con cái.
[34] . Trong nhà Nho hay có câu: "Quân tử viễn trù" (quân tử nên tránh xa bếp núc). Ở đây, Tổ quở người học Nho chỉ nói suông "xa lánh bếp núc", nhưng vẫn tham ăn tục uống.
[35] . Cát Căn: củ sắn dây, thường cho là mát, có tính chất giải nhiệt, nên ta thường uống bột sắn dây trong mùa Hạ.
[36] . Tam kỳ: ba đại a-tăng-kỳ kiếp.
[37] . Xuất thai cách ấm: thân này chết đi, sanh sang đời sau.
[38] . Cơm vua (vương thiện): Vương thiện là cỗ bàn của nhà vua. Đây là điển tích lấy từ kinh Pháp Hoa, phẩm Thọ Ký: Các vị La Hán như Ca Chiên Diên, Tu Bồ Đề, Mục Kiện Liên... nghe Phật chỉ dạy đạo Nhất Thừa, bèn biết mình cũng có khả năng thành Phật, nhưng vẫn chưa đủ tự tin, bèn cầu xin Phật thọ ký, giống như kẻ đói thấy cỗ bàn của vua chẳng dám ăn, phải chờ vua cho phép. "Ăn no cơm vua" ý nói vị Tăng trong đoạn thư này đã hiểu lý Nhất Thừa, đã tự tin mình có khả năng thành Phật.
[39] . Trước khi hiểu đạo Phật, tổ Ấn Quang mê Nho nên kịch liệt bài báng đạo Phật.
[40] . Thời xưa dùng những tấm đồng tròn, đánh bóng làm gương soi mặt.
[41] . Phật sát vi trần số kiếp: Số kiếp nhiều như số vi trần trong một cõi Phật.
[42] . Bạn bè xa cách nhau gọi là "khiết khoát", nên khi viết thư, ta hay gọi người bạn ở xa là "hiền khiết" (bạn hiền)
[43] . Đắc pháp sư: lãnh hội pháp, chứng ngộ pháp nơi vị nào thì vị ấy gọi là "đắc pháp sư".
[44] . Thô trì trọng giới: Giữ các giới trọng còn ở mức giới tướng, chưa hoàn toàn giữ được giới tánh nên gọi là "thô trì".
[45] . Lệnh thân: tiếng gọi tỏ ý tôn trọng đối với mẹ của người khác
[46] . Năm tông: năm tông của nhà Thiền là Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn.
[47] . Sở dĩ gọi là chánh âm vì chú Vãng Sanh ta thường đọc chỉ là cách phiên âm theo giọng Hán, mô phỏng Phạn âm.
[48] . Thời Minh, tăng sĩ phải trúng tuyển kỳ khảo thí về nội điển mới được cấp giấy chứng nhận (độ điệp) là Tăng sĩ thực thụ.
[49] . Thẩn lâu hải thị: lầu sò chợ biển. Người cổ Trung Hoa tin ngoài biển có giống sò rất lớn gọi là Thẩn, hơi thở của chúng tạo thành những ảo ảnh nhìn xa như lầu gác, chợ búa trên mặt biển.
[50] . Ý nói: kinh điển lưu truyền như thế nào thì cứ chép đúng y như thế, đừng tự tiện sửa đổi theo ý riêng

[51] . Gọi là "thuần viên" vì chỉ giảng về pháp viên đốn, gọi là "độc diệu" vì chỉ mình kinh Pháp Hoa phô bày diệu nghĩa "hội tam quy nhất".
[52] . Năm bộ lớn là cách phán giáo chia kinh điển đức Phật đã nói ra làm năm thời kỳ: Hoa Nghiêm, A Hàm, Bát Nhã, Phương Đẳng và Pháp Hoa - Niết Bàn.
[53] . Tam luân thể không: bản thể của ba luân đều không, tức là không thấy có người thí, không thấy có người nhận, không thấy có vật được dùng để bố thí.
[54] . Lệnh nghiêm: tiếng gọi cha người khác một cách tôn kính.
[55] . Dương Tử tức là Dương Châu (Chu), tên tự là Tử Cư, người thời Chiến Quốc, chủ trương thuyết "vị ngã": dù là làm điều lợi nhỏ nhặt dù bằng cái lông cho người khác cũng chẳng chịu làm.
[56] . Ý nói khuyên nhủ, khuyến dụ dần dần.
[57] . Tông Lâm Tế dùng gậy (bổng) và tiếng hét (hát) để khai ngộ thiền cơ.
[58] . Nhàm lìa (yểm ly) cõi Sa Bà, vui thích (hân nhạo) cõi Cực Lạc.
[59] . Cao đường: tiếng dùng để tỏ vẻ tôn kính mẹ người khác.
[60] . Văn tự tri kiến: sự thấy hiểu dựa theo phân biệt, nhận định ý nghĩa của kinh văn, chứ không lãnh hội trực nhập được huyền nghĩa, yếu chỉ.
[61] . Tăng sĩ đi tham học các nơi gọi là du phương hành cước.
[62] . Đạo Chích: tên một kẻ trộm lừng danh thời cổ, thường dùng để chỉ kẻ trộm.